



# KINH PHẠM VÕNG BỒ TÁT GIỚI GIẢNG GIẢI

Hòa thượng Thích Trí Tịnh

## I. LỜI DẪN

**Nam Mô Phạm Võng Hội Thượng Phật Bồ Tát.**

Hôm nay trong chúng bắt đầu học về nghi tụng Bồ tát giới. Nghi tụng Bồ tát giới này là một phần ở trong kinh Phạm Võng. Kinh Phạm Võng thì nhiều quyển, nhiều phẩm. Trong những phẩm đó có một phẩm tên là “**Bồ tát Tâm Địa Pháp Môn**”. Nơi phẩm **Bồ Tát Tâm Địa** đó chia ra làm hai phần: phần **Thượng** với phần **Hạ**.

Phẩm **Tâm Địa Bồ Tát**, phần **Thượng** nói về địa vị của Bồ tát, còn phần **Hạ** nói về giới Bồ tát, nghĩa là những điều giới mà Bồ tát phải giữ gìn.

Do đó cho nên, hễ những vị nào phát tâm Đại thừa muốn tu hạnh Bồ tát để được lần lên địa vị Bồ tát đến thành Phật, đầu tiên cần phải giữ giới Bồ tát. Những điều giới Bồ tát chính là hạnh Bồ tát.

Từ trong bộ kinh *Phạm Võng*, chư Tổ thuở xưa đem phẩm “**BỒ TÁT TÂM ĐỊA** - phần **Dưới**” này tách riêng ra làm nghi thức tụng giới Bồ tát cho những người đã thọ giới Bồ tát muốn thực hành lấy hạnh Bồ tát, đọc học nơi đó và cũng để mỗi nửa tháng, theo luật của Phật dạy thì những hàng đệ tử phải Bồ tát, tụng giới này.

Nửa tháng Bồ tát là để kiểm điểm lại nửa tháng vừa rồi coi ở nơi người thọ giới, tự nơi mình có những điều chi sơ sót. Nếu có sơ sót thì phải sám hối, phải theo pháp để gội rửa thân tâm cho thanh tịnh. Và cũng ở nơi ngày Bồ tát đó, nghe và tụng những điều giới đã thọ, để được nhớ và giữ gìn trong 15 ngày kế tiếp cho được trọn vẹn, không có sai phạm.

Do đó cho nên Phật dạy hàng đệ tử, không luận là người đã thọ giới Đại thừa Bồ tát, hay là người thọ giới Tỳ kheo, Sa di cũng như những người đã thọ ngũ giới chẳng hạn, đều nửa tháng phải có làm phép Bồ tát.

Như đã nói, Bồ tát là để kiểm điểm lại trong nửa tháng qua và cũng để sách tấn cho nửa tháng sắp tới, ở nơi những giới mà mình đã thọ cho được thanh tịnh. Nếu có những điều chi sơ sót thì phải sám hối, phải sửa chữa cho giới đức mỗi ngày được thêm lớn lên.

Vì thế cho nên, danh từ “**Bồ tát**” là tiếng Phạn, có nghĩa là Trưởng Tịnh. “Trưởng” là lớn, nói cho đủ là trưởng dưỡng, là nuôi lớn, còn “Tịnh” là rửa sạch. Nuôi lớn cái chi? Nuôi lớn những thiện căn (trưởng dưỡng thiện căn). Còn rửa sạch cái chi? Là rửa sạch những nghiệp chướng (tịnh trừ nghiệp chướng).

Như vậy **Bồ tát** có nghĩa là nuôi lớn căn lành và rửa sạch những nghiệp chướng (trưởng dưỡng thiện căn, tịnh trừ nghiệp chướng).

Nuôi lớn căn lành là nhờ nơi đâu? Chính là nhờ nơi giữ các điều giới đã thọ cho được toàn vẹn. Nếu điều giới đã thọ

được toàn vẹn thì thiện căn mỗi ngày một thêm lớn, gọi là nuôi lớn căn lành. Nếu có những điều lỗi đã sai phạm thì phải sám hối và chữa cải cho những điều lỗi đó được tiêu trừ đi, nên gọi là tiêu trừ nghiệp chướng.

Tôi nhắc lại: Nửa tháng Bồ tát. Danh từ Bồ tát đó có nghĩa là trưởng dưỡng thiện căn và tịnh trừ nghiệp chướng. Nói tắt là trưởng tịnh, là nuôi lớn căn lành do sự trì giới và rửa sạch nghiệp chướng do nơi sự sám hối.

Vì thế cho nên trong luật Phật răn kỹ: người đệ tử của Phật, bất luận là thọ ở nơi phần giới nào, đều phải cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng phải Bồ tát, phải tụng giới. Nếu không Bồ tát, không tụng giới, thời người đó không phải là đệ tử Phật, trong Luật có nói một câu rõ như vậy. Và khi Phật còn tại thế, đến ngày Bồ tát, lúc đầu Phật chưa ra kỷ luật bắt buộc ai cũng phải Bồ tát.

Do đó cho nên có những vị vào trong núi hay vô trong rừng cho tịch tịnh để mà tọa thiền, để nhập định không về kịp giờ Bồ tát. Một hôm Ngài Xá Lợi Phất đang tọa thiền nhập định hơi xa nơi tinh xá. Sáng ngày đó là đến ngày Bồ tát. Ngài nghĩ rằng: “Tôi về Bồ tát thì cũng là thanh tịnh, mà không về Bồ tát thì cũng là thanh tịnh”. Vì Ngài là bậc đại A la hán, đâu còn có sự lỗi.

Liền đó Phật biết, Phật mới dùng thần thông Phật đến, Phật rầy. Phật nói đến ngày Bồ tát thì phải về Bồ tát. Ngài Xá Lợi Phất nghe Phật rầy như vậy, Ngài toan dùng thần thông để đi về. Phật nói không được, nếu Ông bây giờ ý mình đã chứng quả, có thần thông, rồi nương thần thông đó đi về tại chỗ mà Bồ tát. Những người khác chưa có thần thông sẽ nói rằng: *Hỏi đó, Ngài Xá Lợi Phất bị Phật rầy như vậy mà phải về, là vì Ngài có thần thông về dễ, chớ bây giờ tôi đang ở xa mà không có thần thông thì về khó khăn, mất thời giờ, mệt nhọc. Thành*

*ra về sau có những người viện lấy có đó mà không về Bồ tát. Vì thế nên Ông phải đi bộ.*

Nhắc câu chuyện đó thì thấy rằng vấn đề Bồ tát rất là quan trọng. Đến như Phật, đại Bồ tát, các bậc đại A la hán đến ngày Bồ tát còn không bỏ, là ý chi? Tất nhiên để làm gương cho những người khác. Chớ nếu mấy vị lớn mà đến ngày Bồ tát không làm phép Bồ tát, mà để cho các vị nhỏ Bồ tát thôi, thì lần lần mấy vị nhỏ cũng lơ là. Mà mấy vị nhỏ đó thì thân tâm chưa thanh tịnh, đạo quả chưa thành, lẽ tất nhiên tội lỗi không được nhờ nơi Bồ tát để nhắc nhở những điều giới đã thọ cho được thanh tịnh, thời làm sao thiện căn công đức tăng trưởng được? Làm sao tiêu trừ những tội lỗi đã có, cùng ngăn ngừa những tội lỗi chưa phát sanh.

Cho nên công việc Bồ tát mỗi nửa tháng, nửa tháng rất là quan trọng. Mà đã quan trọng thì tất nhiên phải có một lễ lối Bồ tát. Về bên người xuất gia cũng vậy, cũng có cái nghi Bồ tát của Sa di, của Tỳ kheo và của giới Bồ tát. Và người tại gia nếu đã thọ Bồ tát giới rồi cũng phải tinh tấn để Bồ tát trong mỗi nửa tháng.

Theo đúng thì phải họp chúng lại ở chung một chỗ, chọn lấy một địa điểm để Bồ tát. Vì sao? Vì có như vậy mới kiểm điểm những giới đã thọ, người đó đã được trọn vẹn hay không? Mà do vì chúng đông họp lại để Bồ tát thời mỗi người đều tự thận trọng và e ngại lấy mình. Do sự e ngại đó mà có sự sám hối, có sự cố gắng giữ gìn, không để cho mình sai phạm. Đã e ngại thì tất nhiên có tâm tầm quý. Đã có tâm tầm quý thì có thể được phần nào kèm thúc thân tâm vào khuôn khổ của giới luật. Nếu không Bồ tát, thọ giới rồi bỏ trôi luôn, sự nhớ sự biết cũng không cần gì, cũng không phải sợ ai ngó thấy mình đã có phạm, cũng không ai cử tội ai được vì thiếu Bồ tát công cộng, như thế giới luật tất khó duy trì. Do đó cho nên vấn đề Bồ tát quan trọng cho cả hai giới: tại gia và xuất gia.

Nhờ Bồ tát mà giới luật của Phật mới còn ở thế gian, giới luật còn thì chánh pháp còn. Nếu giới luật không còn thì chánh pháp cũng không nương đâu mà còn, vì giới luật là nền tảng của tòa nhà Phật pháp. Nếu thiếu nền giới luật thì lầu đài Phật pháp tất sụp đổ hết.

Đó là nói những cái đã có rồi, còn những thiện căn công đức chưa có, nếu không có cái nền thì nương nơi đâu để xây dựng lên?

Do đó cho nên giới luật là cội gốc, là cái nền của tất cả những điều lành, tất cả những công đức. Nói tất cả đó, tất nhiên là những điều lành của thế gian hay xuất thế gian, những công đức của phàm phu hay là của các bậc Thánh, cho đến tầng cao tột là Phật quả cũng phải thành tựu trên cái nền giới luật.

Thế nên về sự học giới là vấn đề quan trọng nhất của người đệ tử Phật.

Tại sao lại **quan trọng nhất**? Như vừa rồi đã nói, vì tất cả thiện căn công đức đều lấy giới làm nền để xây dựng, cho đến quả vị cao tột là Phật quả cũng phải thành tựu ở trên giới luật.

Nhờ có học, có hiểu, nên ở nơi sự trì giới, là giữ gìn mới không sai và không phạm. Chớ nếu không học, tất nhiên là không biết, không hiểu. Mà không biết, không hiểu thì lấy gì để giữ gìn.

Ngày nay, quý vị đã có duyên lành lớn trong nhiều đời và cũng đã có trồng sâu nơi chủng tử Đại thừa, gieo căn lành lớn ở nơi chánh pháp, vì thế cho nên mới được thọ lấy giới Bồ tát. Quý vị cần phải nên học, nên đọc cho hiểu, cho nhớ. Nương theo sự hiểu và nhớ đó để giữ gìn cho được thanh tịnh.

Pháp của Phật dạy răn rất lợi ích cho chúng sanh, nhất là những pháp về Đại thừa, pháp này có thể làm cho chúng sanh thành Phật. Dầu vậy, nhưng cũng phải do nơi người thiết tin,

thiệt biết, nương nơi sự tin và biết (tức là tín giải), rồi thực hành đúng theo (tức là khởi hạnh). Nếu ở nơi tin, hiểu và thực hành, ba điều đó mà đã có đủ thì nhứt định là sẽ được sự lợi ích đúng như trong kinh đã nói. Nếu trái lại, thì như Đức Phật đã từng nói, người nói ăn không no được, lấy bánh vẽ thì không dùng được và cũng như người ngồi nhà tính sổ tiền bạc của kẻ khác thì không bao giờ thoát khỏi sự nghèo thiếu.

Do đó cho nên cần phải ăn mới no, phải làm mới có tiền. Sự **ăn** và sự **làm** đó là nói phải thực hành. Đối với chánh pháp của Phật, trước khi thực hành thì cần phải tin và biết, rồi do cái biết đó mà sự tin lại càng sâu đậm và nhờ thực hành rồi mới có chỗ được là ngộ chứng. Đến khi chứng mới gọi rằng là no, là giàu, nghĩa là đắc pháp. Nếu chưa chứng thì chỉ có danh từ suông là đệ tử Phật, là đã thọ giới, là nhà tu hành v.v... mà thôi, chớ thiệt ra chưa được những sự lợi ích thiết thực của Phật pháp.

Vì thế nên Đại chúng phải cố gắng để học hỏi, rồi cố gắng nhớ, đã hiểu đó rồi tinh tấn hành trì, nếu lỡ sai phạm thì đúng theo pháp để sám hối cho được thanh tịnh, gắng giữ gìn giới luật cho kiên cố.

Thiệt ra trong các điều giới về Bồ tát này, nếu giữ gìn cho kỹ, đừng có chút gì gọi là sai phạm, thì cái nếp sống của người đó hoàn toàn là nếp sống của Bồ tát chớ không phải người thường.

\*

Đây, Tôi muốn mấy vị đều có quyền giới để dò theo và ghi lấy chỗ nên ghi, nếu không có quyền giới để dò theo thì lúc giảng dạy tất khó nhận, khó biết và không nhớ được hết. Cũng như sự Bồ tát, tôi đã cắt nghĩa cho, đã nói đi nói lại, tôi

nhớ có đến trên ba lần, giờ đây hỏi lại có lẽ ít ai thiết nhớ được đầy đủ, thế nên học phải chăm chỉ.

## II. PHẦN KHAI KINH

Trên hết bài **Tán Lư Hương** và bài **Kệ Khai Kinh**, đó là thông thường trong nghi thức tụng niệm, nghi thức nào cũng có như vậy cả. Bài Tán Lư Hương này dựa theo bài chữ Hán:

**“Lư hương sạ nhiệt**

**Pháp giới môn huân**

**Chư Phật hải hội tất diêu văn**

**Tùy xứ kiết tường vân**

**Thành ý phương ân**

**Chư Phật hiện toàn thân”.**

Dịch theo lối lục bát:

“Lư hương vừa ngún chiêm đàn

Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa

Lòng con kính ngưỡng thiết tha;

Ngửa mong chư Phật thương mà chứng minh”.

Trong lò hương mình đốt những chiêm đàn, tức là tất cả những thứ gỗ thơm như gỗ trầm hay bạch đàn chẳng hạn.

Gỗ vừa ngún lên có khói thơm. Nơi tâm tưởng của mình nghĩ rằng khói thơm đó tỏa khắp cả mười phương và đến tận chỗ của tất cả chư Phật.

Theo trong kinh có nói: “Tâm nghiệp lực bất tư nghì”. Tâm niệm của mọi người có sức mạnh vô biên. Nếu mà biết dùng thời cái năng lực của nó không thể nào bàn cho đến ngàn mé được. Vì làm sao? Vì ở nơi tâm của mọi người bao trùm tất cả pháp giới.

Do đó cho nên, khi mà mình nghĩ tưởng rằng cái đó rộng lớn tới mười phương thế giới, đến ở nơi chỗ chư Phật, thì khói thơm từ ở nơi cái lư hương mà mình xông đốt bạch đàn hay là trầm, theo nơi sức mạnh của tâm niệm đó sẽ lan rộng ra đến khắp mười phương nơi chỗ chư Phật. Mà khói thơm đã đến chỗ chư Phật rồi thì sự cúng dường của mình tất là đã dâng lên chư Phật đồng thời trong lúc đó, những tâm niệm cung kính cúng dường của mình chư Phật đều hay biết.

Do đó nên hai câu kệ mới ngưỡng vọng đến chư Phật thương và chứng minh ở nơi lòng thành kính dâng hương cúng dường của mình.

\*

Giờ đây sẽ tụng đến giới Bồ tát. Giới Bồ tát này trích ở trong kinh Phạm Võng. Kinh Phạm Võng đây đầu tiên do đức Phật Lô Xá Na thuyết ra rồi đức Phật Thích Ca mới đem truyền lại ở nơi thế giới Ta bà. Do đó nên mới niệm danh hiệu của đức Lô Xá Na trước: “Nam Mô Phạm Võng Giáo Chủ Lô Xá Na Phật”.

### KỆ KHAI KINH

Kệ đến là bài **Kệ Khai Kinh**. Nội dung của bài kệ: Thứ nhất là tán thán pháp của Phật rất rộng, rất sâu. Thứ hai là nghĩ rằng pháp của Phật rất khó gặp mà nay đã được gặp rồi, thì phải nắm lấy đó để mà giữ gìn, y theo đó để mà thực hành. Để chi? Để cho được tỏ ngộ nghĩa lý rộng sâu của Phật pháp đó:

**“Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu,  
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu,  
Nay con nghe thấy chuyên trì tụng;  
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu!”.**



Vì hiện tại Phật pháp mà có ở nơi thế gian này là do đức Phật Thích Ca Mâu Ni ứng thân để thuyết ra rồi truyền đến ngày nay, vì thế nên mới niệm hồng danh đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

### **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.**

Và đã tự hứa hẹn rằng nguyện tỏ ngộ lấy nghĩa nhiệm màu của đức Phật thuyết ra, vậy thì sự trì tụng phải thành tâm, phải tha thiết, phải chăm chỉ. Chớ nếu mà thiếu sự thành tâm, tha thiết, chăm chỉ đó thì đối với pháp của Phật, dầu cho trì tụng nhiều năm, nhiều tháng, hay là nhiều lần đi nữa cũng khó có thể thâm nhập được nghĩa lý nhiệm màu. Vì sao? Vì ở nơi pháp của Phật không phải lấy lý trí thế gian mà có thể thâm nhập được. Những nghĩa lý trong pháp của Phật, do đức Phật thuyết ra, đó chỉ là trình bày những gì mà ở nơi tự tâm bổn tánh của mọi người đã sẵn có. Đại chúng nên nhận kỹ điều này.

Đức Phật là bậc đã hoàn toàn giác ngộ như Đại chúng đã biết, sự giác ngộ ấy chỉ có Phật trí mới thấu suốt nhưng chúng ta có thể tóm lại là giác ngộ tự tâm.

Chúng sanh sở dĩ gọi là chúng sanh, gọi là mê tối là do nơi đâu? Do vì không biết được tự tánh. Mở mắt ra thì chỉ thấy cảnh sắc ngoài, vành lỗ tai lên thì chỉ nghe tiếng động ngoài. Tất cả những hành động chi đều chạy theo trần duyên ngoài. Cho đến trong tâm tưởng cũng vậy, chỉ nghĩ đến sáu trần cảnh ngoài mà thôi. Cho nên đối với tự tâm bổn tánh, dầu luôn ngày đêm sống trong đó mà không tự biết, không tự thấy. Do duyên cơ này mà gọi là chúng sanh, gọi là mê muội.

Giáo pháp của đức Phật dắt dẫn chúng sanh nhận biết được tự tâm bổn tánh mà chúng sanh hằng ngày sống trong đó, để rồi thọ dụng được những cái gì mà tự tâm bổn tánh sẵn có và chính cái đó là của chư Phật ngộ và chúng.

Muốn như vậy thì phải nương theo giáo pháp của đức Phật. Vì Phật đã ngộ và chứng nơi tự tâm bốn tánh. Phật biết nó là như thế nào và làm thế nào để mà được tới chỗ tỏ ngộ và thọ dụng đó, đức Phật mới trình bày ra thành giáo pháp.

Như vừa rồi trong Đại chúng đã nghe nói đến cái lỗi của chúng sanh là chạy theo duyên ngoài mà bỏ nơi tự tâm bốn tánh dầu hằng ngày luôn sống trong đó. Giờ đây, chánh pháp của đức Phật là trình bày những cái gì tự tâm bốn tánh sẵn có, để cho mọi người được tỏ ngộ, được chứng đắc, được thọ dụng. Do đó nên khi học hay suy nghĩ, hoặc lúc thực hành chánh pháp của đức Phật là trình bày những cái gì tự tâm bốn tánh sẵn có, để cho mọi người được tỏ ngộ, được chứng đắc, được thọ dụng. Do đó nên khi đọc hay suy nghĩ, hoặc lúc thực hành chánh pháp của Đức Phật thì điều cốt yếu nhất là phải thâm nhiếp tất cả lý trí vào trong nội tâm. Do thâm lý trí quay trở vào trong nội tâm nên lần lần mới nhận biết được tự tâm. Vì thế nên trong giáo pháp của đức Phật, chánh định cũng quan trọng không kém gì giới luật.

Khi mình trì tụng cũng như lúc mình nghe giáo pháp, tất cả duyên ngoài đều bỏ, không theo sắc trần, cũng không chấp nơi thanh trần, chỉ một niệm nhiếp tâm nhiếp ý lại. Mà nhiếp tâm, nhiếp ý để vào đâu? Để vào lời trình bày về tự tâm bốn tánh của đức Phật. Như vậy, lần lần tâm niệm mình sẽ thâm nhiếp trở lại. Mà đã thâm nhiếp trở lại, tất nhiên tự nó có một lúc nào đó, nó sẽ nhận lấy nó. Ai nấy nên nhớ kỹ: có một lúc nào đó, tự nó, tự nó là chi? Tự nó là cái tâm trí mình, nó sẽ tự nhận, tự biết lấy nó, nếu chịu khó thâm niệm về nội tâm mãi mãi.

Từ lâu, mình và chúng sanh, cũng như mọi người, chính nơi tâm trí đó mà cho nó chạy theo những cảnh duyên ngoài, những trần cảnh. Vì vậy cho nên, sự nhận, sự biết của nó là

nhận biết duyên ngoài, nhận biết trần cảnh. Bây giờ mình đã thâm nhiếp nó lại, lúc thâm nhiếp nó lại phải đặt để nó lên trên những lời, những chỗ mà đức Phật giải thích về tâm tánh, tất nhiên là giải thích nó. Vì thế cho nên có một lúc nào đó, nó sẽ tự nhận lấy nó, nghĩa là cái tâm trí đó nó sẽ tự nhận lấy cái tâm trí. Đây cũng gọi là tự ngộ, là minh tâm, kiến tánh. Do đó cho nên có chỗ gọi là rằng ngộ rồi thì đồng như chưa ngộ và có chứng được cũng vẫn là không có chi để chứng. Chính vì đâu? Vì là cái tâm trí đó, nó tự nhận lấy nó, tự chứng lấy nó, chớ không phải là có hai cái, một bên kia nhận bên này, chỗ này nhận chỗ kia.

Nếu còn một cái ở đây mà nhận cái kia, cái này để chứng cái nọ, thì đó là trong vòng năng sở hư vọng chớ không phải chứng thiệt. Đó là toàn ở nơi giả cảnh mà thôi, bởi vì còn đối tượng tất nhiên còn cảnh, mà đã còn cảnh thì là ở trong vòng giả, vòng huyền, không phải tỏ ngộ và chứng thiệt.

Tôi giảng nói như trên, đó là để giải thích hai câu trong bài kệ Khai Kinh mà thường trong Đại chúng hằng ngày đều có tụng đến, nhưng có thể ít ai để ý.

Câu:

**“Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,  
Nguyện giải Như Lai chơn thiệt nghĩa!”.**

Hay là:

*“Nay con nghe thấy chuyên trì tụng,  
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm màu!”.*

“**Thọ trì**” thì phải thọ trì làm sao? Những gì là “**chơn thiệt nghĩa**” của Phật? Như này giờ tôi giảng giải, chính là giảng giải cách thọ trì rồi đó. Và tỏ ngộ nơi chơn thiệt nghĩa của Như Lai là tỏ ngộ cái gì? Và cái gì tỏ ngộ cái gì? Những điều đó đã rõ ràng ra hết rồi.

### III. PHẦN QUY KÍNH

Đây mới bắt đầu vào trong Nghi thức tụng Bồ tát Giới.

Bài kệ kể đây là quy ngưỡng nơi Tam Bảo, vì trong đây có Phật, có Bồ tát và có Giới. Giới thuộc về Pháp, Phật là Phật, Bồ tát là Tăng, đó là Tam Bảo. Mở đầu bài kệ quy ngưỡng Tam Bảo, có câu: **“Chúng thọ Bồ tát giới lắng nghe”** đây là lời nhắc nhở trong Đại chúng, những người dự Bồ tát, nên chú ý lắng nghe. Vì đây là tụng giới trong giờ Bồ tát, thì một người tụng, còn bao nhiêu người lắng nghe. Do đó cho nên người tụng giới cần phải có lên tiếng để cho những người nghe chú ý.

**Quy mạng Lô Xá Na**

**Mười phương Kim Cương Phật.**

Đây, chính là quy y Phật. Lô Xá Na tức là đức Lô Xá Na Phật, luôn cả thập phương chư Phật.

**“Đảnh lễ đức Di Lặc**

**Sẽ hạ sanh thành Phật”.**

Đây chính là quy mạng Bồ tát Tăng vì đức Di Lặc hiện tại còn là Bồ tát. Tại sao nơi đây lại xưng hiệu đức Di Lặc Bồ tát để kính lễ? Vì đức Di Lặc được sự thọ ký của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hiện tại ngự nơi cõi trời Đâu Suất nội viện là Di Lặc Bồ tát, sau đây sẽ giáng sanh xuống Diêm Phù Đề để thành Phật độ sanh, nối tiếp chánh pháp của đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đảnh lễ đức Di Lặc là đảnh lễ tất cả chư vị đại Bồ tát, lấy đức Di Lặc làm tiêu biểu, vì Ngài có bốn phận giữ gìn chánh pháp và sau khi giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã mãn thì Ngài sẽ chuyển thân làm Phật.

Câu **“Sẽ hạ sanh thành Phật”** là chỉ rõ rằng hiện tại Ngài còn là Bồ tát.

**“Nay tụng ba tụ giới  
Bồ tát đều cùng nghe”.**

**Ba tụ giới** là nói Bồ tát giới. Ba tụ giới nói đủ là **Ba tụ tịnh giới**. **Tụ** cũng như một khối, một nhóm. Vì giới Bồ tát có nhiều quy điều và chia ra làm ba khối.

Khối thứ nhất gọi là “Nhiếp luật nghi giới”.

Khối thứ hai gọi là “Nhiếp thiện pháp giới”.

Khối thứ ba gọi là “Nhiều ích hữu tình giới”.

Không được sát sanh, không được trộm cướp, không được tà hạnh, không được nói dối, không được uống rượu, say sưa, không được bán rượu, cho đến không được tà kiến, hủy báng Tam Bảo v.v ...

Tất cả những điều như vậy, gọi là những điều răn cấm không cho làm, thâm nhiếp đúng theo luật pháp oai nghi của Phật định chế ấy hợp lại thành một khối, khối đó gọi là “Nhiếp luật nghi giới”, cũng là tụ tịnh giới thứ nhất của Bồ tát.

Ngoài những điều xấu ác cần răn cấm không cho phạm, còn có những thiện pháp phải thực hành, nếu không làm thì phạm. Như phải kính Phật trọng Tăng, phải cúng dường Tam Bảo bằng cách xây dựng tháp thờ Phật, biên soạn ấn loát kinh điển để lưu truyền, tứ sự cung cấp cho người xuất gia hành đạo, phải lễ Phật, niệm Phật. phải tọa thiền tham cứu, phải học Kinh Luật, phải nghe diễn giảng, phải tập chánh định, phải tu trí huệ, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu môn ba la mật v.v... phải siêng tu tập, nhẫn đến Thánh hạnh phải làm, Thánh đức phải theo.

Cúng dường Tam Bảo nhẫn đến chánh định, trí huệ v.v... là những thiện pháp mà người đã thọ giới Bồ tát phải thực hành. Những điều này gom lại thành một khối gọi là “Nhiếp thiện pháp giới”. Đây là tụ tịnh giới thứ hai của Bồ tát.

Trong các điều luật của Bồ tát lại còn có những điều luật bắt buộc phải làm lợi ích cho người, cho vật. Như gặp người bệnh tật thì phải lo cứu tế. Thấy người bệnh tật lẻ loi, cô độc không có cả thuốc men, không ai săn sóc, gặp rồi bỏ lảng mà đi, không tìm phương tiện giúp đỡ là phạm giới đối với người đã thọ giới Bồ tát. Nghĩa là buộc phải săn sóc người bệnh, nếu người đó thiếu sự săn sóc. Lại như thấy người đói mà mình có đồ ăn thì phải chia, phải sót, phải cho, phải bố thí, đây cũng là một điều bắt buộc phải làm. Cho đến phải cứu độ chúng sanh, phải làm cho chúng sanh hết khổ, phải làm cho chúng sanh được vui, dầu rằng có sự làm chưa được, nhưng mà trong tâm lúc nào cũng mong muốn, như nguyện cho tất cả chúng sanh được giải thoát, được thành Phật.

Những điều giới trong phạm vi phải có những việc làm, những lời nói hay là những tâm niệm đem lại sự lợi ích cho chúng sanh, để đưa chúng sanh khỏi khổ sanh tử mà đến quả giải thoát thành Phật đó, gom lại thành ra một khối, gọi là “**Nhiều ích hữu tình giới**”. Đây là tụ tịnh giới thứ ba của Bồ tát.

Những điều giới răn cấm việc ác gom lại thành một khối. Những điều giới bắt buộc phải làm những thiện pháp gom lại thành một khối và những điều giới phải đem sự lợi ích, sự giải thoát cho chúng sanh gom lại thành một khối, gọi chung là ba tụ tịnh giới của Bồ tát.

Một là “**Nhiếp luật nghi giới**” những điều ác phải răn chừa.

Hai là “**Nhiếp thiện pháp giới**” những điều lành phải làm.

Ba là “**Nhiều ích hữu tình giới**” những điều giới đem sự lợi ích cho chúng sanh.

Nay tụng về Bồ tát giới mà Bồ tát giới bao giờ cũng có đủ ba khối này cả, các vị đã thọ giới Bồ tát đều phải cùng nghe.

Đây mới nói đến công dụng của giới, công dụng của giới thì cũng như công đức của giới vậy. Giới như chi?

**“Giới như đèn sáng lớn,  
Soi sáng đêm tối tăm”.**

Nếu không giới thì không biết điều nào là lành, điều nào là dữ, những điều gì nên làm, những điều gì nên tránh. Nhờ có giới luật nên mới có biết được những điều đó. Như vậy, giới khác nào như cây đèn sáng để soi sáng đêm tối tăm cho mọi người, để biết lỗi nào nên đi, lỗi nào nên tránh.

**“Giới như gương báu sáng,  
Chiếu rõ tất cả pháp”.**

Có nhiều khi làm những việc đó mình tưởng là tốt, rồi những người khác làm việc đó, mình lại nghĩ tưởng đó là xấu. Nhưng những điều mà mình nghĩ tưởng cho là tốt và cho là xấu đó chưa ắt hẳn là tốt hay xấu, cần phải lấy cái gì để soi cho rõ coi cái đó là thiệt tốt hay là thiệt xấu. Bây giờ đem giới luật ra để mà soi. Nếu đúng như trong điều giới đó, mà trong điều giới lại nói rằng việc đó là tốt, thì nhứt định nó là tốt. Nếu trong điều giới nói như vậy là xấu, thì nhứt định nó là xấu.

Lệ như nơi sân, nơi nhà có ổ kiến lửa. Anh bảo nên lấy lửa đốt, hoặc dùng dầu hôi rưới, nếu để vậy kiến sẽ cắn người. Chị lại cho rằng không nên đốt, không nên rưới dầu hôi vì làm như vậy kiến chết tội nghiệp. Anh và chị đều có lý lẽ riêng khó phân biệt phải trái. Bây giờ đem giới luật ra so, chúng ta sẽ thấy rằng không đốt là phải. Vì trong luật có điều giới nói rõ ràng tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không được giết hại. Kiến là một loài hữu tình có mạng sống, tất không được giết hại mạng nó. Như thế thì giết hại là điều ác, còn không giết hại là điều lành. Tại sao vậy? Vì giới luật do đức Phật chế răn. Chẳng phải do suy đoán mà đức Phật chế giới.

Dùng Phật nhãn và Phật trí, đức Như Lai thấy rõ nghiệp và quả của tất cả chín giới chúng sanh: do nghiệp như vậy mà

được quả như vậy. Quả như kia là do nghiệp như kia. Nếu thấy kết thành những quả an vui tốt đẹp, giải thoát tự tại thời biết chắc đó là nghiệp như lành tốt thanh tịnh. Nếu thấy hiện lên những quả xấu xa khổ sở buộc ràng hệ lụy thời biết chắc đó là những nghiệp như xấu ác, như trước. Do thấy rõ như vậy mà Đức Phật chế giới điều: không được làm hay nói như vậy và nên làm nên nói như vậy. Vì đức Phật muốn mọi người mọi loài đều xa lìa những quả báo khổ sở xấu xa như đực, mà được những quả tốt đẹp an vui giải thoát.

**“Giới như châu Ma ni**

**Rưới của giúp kẻ nghèo”.**

A- Trong kinh Hiền Ngu Như Duyên nói: “Long Vương nơi đại hải và Thiên Đế có Như Ý Bửu Châu. Châu này có thể lượm mưa xuống những thực phẩm y phục vàng bạc châu báu v.v... ”

**“Thoát khổ mau thành Phật,**

**Chỉ giới này hơn cả.**

**Vì thế nên Bồ tát,**

**Phải tinh tấn giữ gìn”.**

Khởi sanh tử luân hồi để thành tựu quả Phật.

B- Đại khái đều do ba môn vô lậu học: Trì chánh giới, Tập chánh định và Tu chánh huệ. Trong đây tán thán chỉ giới này là hơn tất cả. Trước kia đã nói, tất cả những công đức lành cho đến quả vị Phật đều phải thành tựu ở trên nền giới luật. Nếu không giới, cũng như không có cái nền, những thiện căn công đức không thể thành tựu được. Và định với huệ cũng phải sanh phát từ nơi giới. Vì đều do nơi giới, nên giới là quan trọng nhất. Quả Phật muốn được thành tựu phải có Phật như, bởi vì quả phải từ nơi như. Cái chi để làm như cho



quả Phật? Công hạnh Bồ tát là cái nhọn để thành tựu quả Phật. Mà công hạnh Bồ tát đây lấy giới Bồ tát làm chánh.

Vì thế trong đây nói đến thành tựu quả Phật thì giới Bồ tát này là quan trọng nhất, là hơn tất cả. Do đó cho nên, hễ là Bồ tát rồi thì phải tìm cách giữ gìn nơi giới Bồ tát này.

#### IV. PHẦN XUỐNG THỜI GIAN

Trên là bài kệ quy ngưỡng nơi Tam Bảo, nói công hiệu của giới Bồ tát và kết khuyên cần phải tinh tấn giữ gìn.

Kể đây nói đến thời gian. Thời gian Bồ tát đây là ngày nào trong mùa nào? Chủ ý gì mà Phật lại bảo trước khi tụng giới cần phải nói thời gian trong lúc Bồ tát? Vì nếu người mà quên sự vô thường thì khó phát tâm tinh tấn tu hành. Do đó cho nên cần nhắc đến thời gian để cho thấy rõ rằng vừa mới đó mà đã qua nửa tháng rồi, mà nếu trực nhớ lại dường như mới Bồ tát ngày hôm qua, rồi hôm nay lại Bồ tát nữa, thời gian qua mau như vậy đó. Hôm nào mới mùa đông, bây giờ lại đến mùa xuân, mà mùa xuân lại sắp sửa hết, mùa hạ sẽ tới liền đây.

Như vậy, thời gian thấm thoát qua mau, sự vô thường nó không đợi ai. Nếu mình chần chờ không kịp thời để tu hành tạo nên công đức thì thời gian đã qua sẽ thành ra luống uổng. Và bao giờ cũng vậy. Một việc chi mà thành tựu không phải là nhứt thời mà cần phải nhiều thời gian. Nếu không tiếc thời gian để cho nó trôi qua, thì chính là thời gian qua rồi nó chưa thành, không thành. Thời gian hiện tại đây mình lầy lắt sẽ vẫn không thành. Như thế sự già, sự bệnh, sự chết nó sẽ đến và khi nó đến rồi thì lúc đó, dầu muốn tinh tấn cũng không được, dầu muốn cho thành tựu một việc gì cũng không thể làm.

Do đó cho nên, mỗi khi Bồ tát đều nhắc đến thời gian. Mà nhắc đến thời gian đó là nhắc phải nắm lấy thời gian mà tinh tấn tu hành, đừng để trôi qua luống uổng.

**“Chư Đại đức - Chư Phật tử - Chư Đại chúng”.**

Trong đây là lời của người tụng giới gọi Đại chúng. Nếu lúc Bồ tát mà toàn các vị Tỳ kheo không thì người tụng giới nên gọi rằng: **“Chư Đại đức”**. Nếu ở dưới mà toàn là người tại gia thì người tụng giới sẽ gọi: **“Chư Phật tử”**. Còn nếu có kẻ xuất gia, có tại gia lẫn lộn, thời nên gọi: **“Chư Đại chúng”**. Nên đây mới đề cả ba, tùy theo trong lúc chúng nhóm họp để nghe giới: là thuần Tỳ kheo thì kêu **“Đại đức”**, nếu thuần tại gia thì kêu **“Chư Phật tử”** còn nếu có lẫn lộn đủ cả tứ chúng, bởi vì cả tứ chúng đều có thể thọ Bồ tát giới, thời gọi **“Chư Đại chúng”**. Điều này phải chú ý lắm, bằng không thì người tụng giới không biết được là phải nói làm sao đây?

**“Phần mùa xuân bốn tháng là một mùa. Nửa tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa một đêm còn ba tháng rưỡi”.**

Quý vị phải nhớ, phải ghi mới được. Xuân, hạ, đông trong Phật pháp không giống với ngoài đời. Ngoài đời thì tháng giêng, tháng hai, tháng ba là mùa xuân. Tháng tư, tháng năm, tháng sáu là mùa hạ. Tháng bảy, tháng tám, tháng chín là mùa thu. Tháng mười, tháng mười một, tháng chạp là mùa đông.

Trong Phật pháp, bốn tháng làm một mùa, một năm có ba mùa: xuân, hạ và đông. Ngày 16 tháng chạp đó là bắt đầu mùa xuân đến rằm tháng tư là cuối mùa xuân:

Từ sáng 16 tháng chạp đến hết đêm rằm tháng giêng là tháng thứ nhất của mùa xuân.

Từ sáng 16 tháng giêng đến hết đêm rằm tháng hai là tháng thứ hai của mùa xuân.

Từ sáng 16 tháng hai đến hết đêm rằm tháng ba là tháng thứ ba của mùa xuân.

Từ sáng 16 tháng ba đến hết đêm rằm tháng tư là tháng cuối cùng của mùa xuân.

Như vậy, mùa xuân là chi? Là bắt đầu từ sáng ngày 16 tháng chạp cho đến hết ngày và đêm rằm tháng tư, đó là bốn tháng mùa xuân theo Phật pháp. Sáng ngày 16 tháng tư là bắt đầu mùa hạ của Phật pháp.

Do đó cho nên đến ngày này mỗi năm, chư Tăng nhập hạ. Theo đúng trong luật thì ngày 16 tháng tư là ngày phải vào hạ, nhưng vì theo như duyên này, sự duyên kia, nên về sau có nơi kiết hạ hoặc dời qua ngày khác. Đúng theo Phật pháp, ngày 16 tháng tư là ngày nhập hạ của chư Tăng, vì ngày đó là ngày đầu mùa hạ, tới rằm tháng năm là một tháng đầu của mùa hạ. Từ sáng 16 tháng năm đến hết đêm rằm tháng sáu là tháng thứ hai của mùa hạ. Từ sáng 16 tháng sáu đến hết đêm rằm tháng bảy là tháng thứ ba của mùa hạ. Từ sáng 16 tháng bảy cho đến hết đêm rằm tháng tám là tháng thứ tư cũng là tháng sau cùng của mùa hạ. Như vậy, mùa hạ trong Phật pháp bắt đầu từ sáng ngày 16 tháng tư cho đến hết ngày và đêm rằm tháng tám.

Trong Phật pháp không có mùa thu, chỉ có xuân, hạ và đông mà thôi. Vậy mùa đông kế tiếp mùa hạ, tức là bắt đầu từ sáng ngày 16 tháng tám đến hết đêm rằm tháng chín, là một tháng đầu của mùa đông. Từ sáng ngày 16 tháng chín đến hết đêm rằm tháng mười là tháng thứ hai của mùa đông. Từ sáng 16 tháng mười đến hết đêm rằm tháng mười một là tháng thứ ba của mùa đông. Từ sáng 16 tháng mười một đến hết đêm rằm tháng chạp là tháng thứ tư cũng là tháng cuối cùng của mùa đông trong Phật pháp.

Như vậy, bốn tháng mùa đông trong Phật pháp là bắt đầu từ sáng ngày 16 tháng tám cho đến hết ngày và đêm rằm tháng chạp. Rồi qua sáng ngày 16 tháng chạp là bắt đầu mùa xuân của Phật pháp.

Khi Bồ tát, mọi người phải nhận biết ngày đó là ngày nào? Trong tháng nào? Thuộc về mùa gì? Cứ theo ngày, mùa

trong Phật pháp mà tính. Bây giờ nếu mình Bồ tát nhằm ngày 30 tháng chạp. Tính coi 30 tháng chạp mùa gì? Tức là mùa xuân, bởi vì mùa xuân bắt đầu từ sáng ngày 16 tháng chạp, còn hiện tại mình Bồ tát trong ngày 30 tháng chạp, vậy là ở trong mùa xuân rồi. Mà mùa xuân đó đã qua mấy ngày rồi? Từ 16 tháng chạp đến bây giờ mình Bồ tát là ngày 30 tháng chạp là đã trải qua nửa tháng. Mà bốn tháng làm một mùa, nay đã trải qua nửa tháng rồi thì số ngày còn lại là ba tháng rưỡi. Cho nên dưới để còn ba tháng rưỡi. Nhưng ở đoạn giữa lại có thêm một câu: **“thiếu một đêm, thừa một đêm”**. Đây thấy rằng sự tinh tế ở trong Phật pháp. Bởi vì trong ngày 30 đang Bồ tát đó, đêm hãy còn. Đêm 30 còn mà mình nói đã qua rồi nửa tháng nhưng kỳ thiết còn thiếu một đêm nữa mới đúng nửa tháng.

Bởi vì từ sáng 16 cho đến hết đêm 30 là nửa tháng. Qua sáng ngày sau mới bắt đầu ngày thứ nhứt của nửa tháng sau. Bây giờ mình lại ở trong ngày 30 làm phép Bồ tát, mình nói đã qua nửa tháng, kỳ thiết còn thiếu một đêm nữa mới đầy nửa tháng. Mà thiếu một đêm mới đầy nửa tháng trước đã qua thì tất nhiên nửa tháng sau sắp đến đây phải thừa lại một đêm đó, nên mới gọi rằng **“thiếu một đêm, thừa một đêm, còn ba tháng rưỡi”**. Câu **“thiếu một đêm, thừa một đêm”** là nói tắt, nếu nói đủ phải nói: **“thiếu một đêm, mới đầy nửa tháng đã qua”**, nghĩa là nửa tháng qua rồi đó, nói thì nói như vậy chớ còn lại một đêm chưa qua, tức là nửa tháng đã qua đó còn thiếu lại một đêm nữa, hay nói cách khác, còn thiếu một đêm nữa mới đủ nửa tháng đã qua. Mà nửa tháng trước đã thiếu một đêm, thì cái đêm thiếu đó nó dư cho nửa tháng sau. Thành ra cái ba tháng rưỡi còn lại có dư một đêm của nửa tháng đã qua rồi. Như vậy câu **“thiếu một đêm, thừa một đêm, còn ba tháng rưỡi”** nếu nói cho đủ thì phải nói rằng: **“Nửa tháng đã qua còn thiếu một đêm, còn lại ba tháng rưỡi có thừa một đêm”**. Nhưng Bồ tát cần phải đọc gọn tắt để khỏi làm phiền Đại chúng.

Do đây, mới thấy cái tinh tế trong Phật pháp, một đêm vẫn nhắc, chớ không bỏ qua. Rồi từ nơi đó mình tính ra những kỳ Bồ tát sắp đến. Nếu Bồ tát ngày Rằm tháng giêng, thì đã qua một tháng, trừ cho bốn tháng thì chỉ còn lại ba tháng thôi. Nếu Bồ tát ngày 30 tháng giêng, như vậy là đã qua rồi một tháng rưỡi, còn lại hai tháng rưỡi. Nếu Bồ tát ngày rằm tháng hai, thì đã qua hai tháng còn lại hai tháng. Nếu Bồ tát ngày 30 tháng hai, thì đã qua hai tháng rưỡi còn lại một tháng rưỡi. Nếu Bồ tát ngày rằm tháng ba, thì đã qua ba tháng còn lại một tháng. Nếu Bồ tát ngày 30 tháng ba, thì đã qua ba tháng rưỡi còn lại nửa tháng. Nếu Bồ tát ngày rằm tháng tư, tất nhiên đã đủ bốn tháng của mùa xuân và cũng là ngày cuối xuân. Như vậy, mình nói **“Chư Đại chúng, phần mùa xuân bốn tháng làm một mùa, bốn tháng đã qua, thiếu một đêm chỉ còn thừa lại một đêm”**. Thiếu một đêm đó là đã qua bốn tháng mùa xuân rồi nhưng kỳ thiết còn lại một đêm mới mãn mùa xuân, vì sáng ngày 16 tháng tư mới bắt đầu mùa hạ, nên nói **“chỉ còn lại một đêm”**. Nếu Bồ tát ngày 30 tháng tư, thì phải nói rằng **“phần mùa hạ bốn tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn ba tháng rưỡi”**. Cứ tuần tự để tính mà trừ cho bốn tháng.

Đại chúng nên chú ý một chút, câu **“thiếu một đêm, thừa lại một đêm”**. Nếu không nhớ kỹ ý nghĩa, về sau tất khó tránh khỏi phân vân bất quyết.

Tôi xin nhắc lại **“thiếu một đêm”** đó là những ngày đã qua nhưng kỳ thiết còn một đêm này mới là đủ. Vì trong Phật pháp cứ đến sáng sớm, lúc tương sáng mặt trời hiện, tức là thấy rõ mặt đất ngoài trời, hoặc ở ngoài trời thấy rõ chỉ trong bàn tay là khởi đầu của ngày, đến sáng sớm ngày sau là trọn ngày và bắt đầu ngày kế. Lệ như sáng sớm ngày rằm là khởi đầu ngày rằm, đến sáng sớm ngày 16 là hết ngày rằm và bắt đầu ngày 16. Thế nên gọi **“một ngày một đêm”** là trọn đủ một ngày vậy.

Do đó mới gọi là “**thiếu một đêm**”. Mà thời gian trước đã qua rồi còn thiếu một đêm, thì một đêm thiếu của nửa tháng đã qua đó nó sẽ thừa lại cho phần thời gian sắp đến.

Tôi xin trình bày bảng đồ xướng ngày Bồ tát ba mùa trong năm để Đại chúng dễ nhận, dễ nhớ.

\*

## BẢNG XƯỚNG

### NGÀY BỒ TÁT TRONG BA MÙA MỖI NĂM

**NGÀY BỒ TÁT:** Nên xướng rằng

**MÙA XUÂN:** Sáng ngày 16 tháng chạp khởi đầu mùa Xuân.

- 30 tháng 12: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn ba tháng rưỡi.

- Rằm tháng giêng: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, một tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn ba tháng.

- 30 tháng giêng: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, một tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm thừa lại một đêm còn lại hai tháng rưỡi.

- Rằm tháng 2: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, hai tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn hai tháng.

- 30 tháng 2: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, hai tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng rưỡi.

- Rằm tháng 3: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, ba tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng.

- 30 tháng 3: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, ba tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn nửa tháng.

- Rằm tháng 4: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, bốn tháng đã qua, thiếu một, còn thừa lại một đêm.

**MÙA HẠ: Sáng ngày 16 tháng tư khởi đầu mùa Hạ - cũng là ngày nhập Hạ, tiền An cư.**

- 30 tháng 4: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn ba tháng rưỡi.

- Rằm tháng 5: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, một tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn ba tháng.

- 30 tháng 5: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, một tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn hai tháng rưỡi.

- Rằm tháng 6: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, hai tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn hai tháng.

- 30 tháng 6: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, hai tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng rưỡi.

- Rằm tháng 7: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, ba tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng. (Lễ Vu Lan tự tứ).

- 30 tháng 7: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, ba tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn nửa tháng.

- Rằm tháng 8: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, bốn tháng đã thiếu một đêm, thừa lại một đêm (Lễ hậu Tự tứ).

**MÙA ĐÔNG: Sáng ngày 16 tháng 8 khởi đầu mùa Đông.**

- 30 tháng 8: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 3 tháng rưỡi.

- Rằm tháng 9: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, thiếu một đêm, thừa lại một đêm, còn ba tháng.

- 30 tháng 9: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, một tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn hai tháng rưỡi.

- Rằm tháng 10: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, hai tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn hai tháng.

- 30 tháng 10: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, hai tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng rưỡi.

- Rằm tháng 11: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, ba tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng.

- 30 tháng 11: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, ba tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn nửa tháng.

- Rằm tháng 12: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, bốn tháng đã qua, thiếu một đêm còn thừa lại một đêm.

## V. PHẦN KHUYẾN TẤN

Sau khi đã nói qua thời gian như vậy, đây mới nhắc đến vấn đề vô thường để khuyên bảo ai nấy cũng đều phải tinh tấn.

**CHÁNH VĂN:** “Già chết gần kề, Phật pháp sắp diệt, chư Đại đức vì muốn đắc đạo, nên nhứt tâm cần cầu tinh tấn, chư Phật do nhứt tâm cần cầu tinh tấn nên đặng quả Vô thượng Chánh giác, huống là các pháp lành khác”.



Thời gian đã qua rồi, tất nhiên là mỗi ngày lần đến cái già, mà hễ mỗi ngày lần đến cái già thì mỗi ngày lần đến cái chết, nên gọi rằng già chết gần kề. Mà Phật pháp mỗi ngày đi vào thời gian mật, sẽ diệt lần lần. Bây giờ như lúc còn sức khỏe và chưa chết và lúc mà Phật pháp cũng còn để cho mình học, mình hiểu, nếu không nắm nơi đó để thực hành, để tu thì tức làm mình bỏ qua một dịp may mắn, đáng gọi là rất đáng tiếc, rất uổng. Mục đích của mình thọ lấy cái giáo pháp của Phật để mà chi? Tất nhiên là muốn được đắc đạo, được giải thoát.

Như vậy, nếu không tinh tấn, thì tất nhiên là mình quên, mình làm trái lại bốn nguyện của mình rồi. Vì bốn nguyện của mình khi mình thọ giới cốt để chi? Cốt để giải thoát, để đắc đạo. Mà nếu không có tinh tấn tu hành thì là mình tự bỏ, tự quên bốn nguyện của mình rồi. Chính chư Phật cũng do như thế tâm cần cầu tinh tấn nên chứng quả Vô thượng Chánh giác, huống là các pháp lành khác. Các pháp lành khác lại càng phải cần nhờ tinh tấn hơn nữa mới thành.

Tinh tấn có nghĩa là ròng rạc tiến tới. **Tinh** là ròng rạc, **tấn** là tiến tới. Tiến tới là siêng năng, ròng rạc là thuần lành thuần thiện. Nếu không phải là thuần lành, thuần thiện thì nó thuộc về tạp, chớ không gọi là tinh được. Mà tiến tới ở nơi phạm vi hoàn toàn lành là siêng năng tu hành đúng với chánh pháp. Cho nên tinh tấn có chỗ đức Phật gọi là chánh cần. Chánh là chơn chánh, thuần thiện. Cần là siêng năng.

Quả Vô thượng Chánh giác, tức là quả Phật. Đức Phật đã giác ngộ chơn chánh, sự giác ngộ chơn chánh đó không còn có cái gì trên nữa, là tốt cùng nên gọi là Vô thượng Chánh giác.

**“Nhân lúc còn mạnh khỏe, các Ngài phải gắng sức siêng tu pháp lành. Đâu nên chảnh gấp cầu đạo lại chần chờ đợi già yếu, còn mong mỗi thú vui gì?”.**

**Ngày nay đã qua,**

**Mạng sống giảm lần.**

**Như cá cạn nước,**

**Nào có vui chi?**

Đây là lời khuyên nhắc: hiện tại đây còn mạnh khỏe, ai này cũng phải gắng sức siêng tu pháp lành, phải tinh tấn, không nên chần chờ mà đợi già yếu.

Giờ đây, đã nhận thấy rằng thân này là gốc khổ, cõi này là cảnh khổ, là chỗ sanh tử luân hồi. Đã ở trong thân cảnh sanh tử luân hồi như vậy mà không tìm cầu con đường giải thoát, mãi chần chờ như vậy là còn mong mỗi những thú vui gì nữa? Hoặc là còn mong mỗi muốn ăn, muốn mặc, muốn giàu sang? Những thứ đó nó níu kéo người đời ở mãi trong vòng sanh tử luân hồi.

Do đó cho nên người tu hành theo Phật pháp phải nhận định, không nên mong mỗi tìm lạc thú thế gian mà cần phải cố làm sao thành tựu quả vui giải thoát. Quả vui giải thoát đó mới thật là vui, mới thật an lạc, còn những lạc thú ở thế gian là sự vui tạm bợ, có nhiều khi nó chính là khổ, hay hơn khổ, rồi lại mê lầm cho nó là vui.

Bốn câu kệ dưới là bốn câu kệ ở trong kinh Xuất Diệu:

**“Ngày nay đã qua,**

**Mạng sống giảm dần.**

**Như cá cạn nước,**

**Nào có vui chi?”.**

Kinh Xuất Diệu có nói: “Một hôm đức Phật cùng chư Tỳ kheo đi ngang qua một vũng nước, nhằm mùa nắng, nước trong vũng đó đã cạn bớt đi, trong đó có một bầy cá đang nhón như bơi lội. Thấy Phật có vẻ buồn, chư Tỳ kheo mới thưa với Phật hỏi duyên cớ. Đức Phật nói rằng: “Nước vũng dần cạn sắp khô mà bầy cá khờ dại mãi nhón như bơi lội không lo không sợ, làm Ta liên tưởng đến những người mê muội, mỗi ngày qua, sự già, sự chết nó lần lượt kéo đến gần,

sanh mạng giảm bớt mà họ vẫn thân nhiên mãi tìm lạc thú tạm bợ, không sợ không lo, không biết suy tầm con đường diệt khổ giải thoát”. Đức Phật liền nói kệ rằng:

**“Ngày nay đã qua,  
Mạng sống giảm dần.  
Như cá cạn nước,  
Nào có vui chi?”.**

Đọc đến bài kệ trong kinh Xuất Diệu mình nên quan niệm như thế này: Thuở xưa đức Phật đã có than thở như vậy thì tất nhiên hiện tại đây cũng vậy. Chẳng riêng gì đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà thập phương chư Phật cũng vậy, luôn luôn nhìn ngó đến mình, đến tất cả chúng sanh và luôn luôn thương xót lo lắng mong mỏi cho mọi người y theo chánh pháp của đức Phật đã dạy ra đó mà thực hành để vượt ra khỏi nơi cái ao cạn sanh tử luân hồi. Nói một cách khác, chánh pháp của đức Phật như sợi dây thòng xuống nơi cái ao sâu sắp cạn đó. Giờ đây, mình có chịu khó mà nắm sợi dây để phăng lên, để ra khỏi cái ao sâu sắp cạn đó, hầu đến chỗ mát mẻ an lành hơn hay là không đó mà thôi. Nếu mình chưa chịu nắm nơi đó để thoát ra thì chư Phật luôn luôn lúc nào cũng lo lắng xót thương và mong mỏi.

Nếu mình nghĩ đến chư Phật lúc nào cũng thương và lo lắng như vậy, tất nhiên thiện căn mình nó sẽ thúc đẩy mình tinh tấn trên con đường tu học pháp lành. Mỗi khi mình có giây phút tạm quên chạy theo những lạc thú ở thế gian, thì nên nhớ lại bài kệ này để nghĩ ngẫm lại. Vì thế cho nên trong các thời khóa tụng hằng ngày, chư Tổ đem bài kệ này để vào trong thời công phu chiều:

**“Thị nhựt dĩ quá,  
Mạng diệt tùy giảm.**

**Như thiếu thủy ngư,  
 Tư hữu hà lạc!”.  
 Đại chúng!  
 “Đương cần tinh tấn  
 Như cứu đầu nhiên  
 Đản niệm vô thường  
 Thận vật phóng dật”.**

Dịch:

**Ngày nay lại đã qua rồi,  
 Mạng căn huyết mạch lần hồi khô khan.  
 Dường như cá cạn ở ao,  
 Khổ thêm thì có chút nào vui đâu?**

Trong **Bồ tát Tâm Địa** phẩm, về phần Dưới, đức Phật Lô Xá Na đã nói giới Bồ tát, trong giới Bồ tát có 10 giới trọng và 48 giới khinh, cộng lại là 58 điều giới.

Đức Phật Thích Ca đem lời giảng ở nơi phẩm Tâm Địa của Phật Lô Xá Na để truyền lại khắp tất cả Ta bà thế giới này nghĩa là trong đại thiên thế giới, phần Dưới của phẩm Bồ Tát Tâm Địa. Thế nên những vị đã thọ Bồ tát giới đều phải y cứ nơi 58 điều giới mà thọ trì. Do đó cho nên, người thọ Bồ tát giới rồi phải học và hành những điều giới trong phẩm Bồ tát Tâm Địa, phần dưới đây Đức Phật đã dạy.

Trong đây, giới, có giới tánh và giới tướng. Giới tánh cũng gọi là giới thể, rất quan trọng. Nếu giới thể không thành, giới tướng không nương đâu mà thành tựu được, bởi vì tướng phải từ nơi thể mới có. Do đó, trong phẩm Bồ Tát Tâm Địa, đoạn đầu nói về phần giới thể hay là giới tánh, còn đoạn sau mới nói về giới tướng là 10 điều trọng và 48 điều khinh.

Giờ đây, trong Đại chúng nên dò theo cái văn trong kinh, tôi nương theo đó lần lượt để chỉ dẫn thêm cho Đại chúng được rõ.

Đề kinh là kinh Phạm Võng, đề của phẩm là Bồ tát Tâm Địa. Tôi đã lược nói qua về ý nghĩa của đề kinh và đề phẩm rồi. Đây mới nói đến các nhà phiên dịch, phần này cũng quan trọng lắm, chính đó là phần chứng tín, chắc chắn rằng quyển kinh này có xuất xứ, có lịch sử chứ không phải quyển kinh mơ hồ nơi căn bản xuất xứ. Nếu mơ hồ nơi căn bản xuất xứ thì khó biết được là phải của Phật nói ra và kiết tập truyền lại hay không?

Do đó cho nên các nhà phiên dịch là một điều chứng tín quan trọng.

Trong đây nói Ngài Cưu Ma La Thập dịch từ văn Phạn ra văn Hán hồi đời nhà Dao Tần, trong mục lục của Tạng thì đề rõ là có những vị nhuận bút, vị nào chép văn, vị nào dịch nghĩa. Như vậy, có nghĩa kinh này chắc chắn là có bản chánh bằng văn Phạn, đã kiết tập từ xưa, truyền qua Tàu, rồi ngài Cưu Ma La Thập mới dịch ra văn Hán và từ đó quyển chánh văn Hán, tôi dịch ra quyển chữ Việt đây.

Trước khi tôi dịch ra bản này thì ở Việt Nam cũng có một vài vị Thượng tọa đã dịch. Nhưng các vị trong Giáo Hội Tăng Già Nam Việt thấy rằng cần phải có một bản dịch chính đôn hơn, để cho chư Tăng cũng như các vị cư sĩ thọ Bồ tát giới có bản để tụng, để Bồ tát. Do đó cho nên, yêu cầu tôi dịch nên thành ra mới có bản này. Lúc đó ngài Hòa thượng Huệ Quang làm Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Nam Việt. Sau khi tôi dịch rồi, thì đệ lên Giáo Hội và Giáo Hội có triệu tập một ban để kiểm duyệt. Sau khi kiểm duyệt rồi, thì nhận định bản dịch của tôi có phần giá trị xứng đáng có thể lưu hành được để trong hàng Tăng giới cũng như tại gia thọ Bồ tát giới để thọ trì và tụng niệm.

Do đó cho nên mới đề chứng minh do Hòa thượng Huệ Quang Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Nam Việt.

\*

## PHẦN NGUYÊN VĂN CỦA KINH

Đầu tiên nói về Đức Phật Lô Xá Na. Danh từ Lô Xá Na Phật thường để chỉ chung cho báo thân của Phật. Chư Phật đều có ba thân: Pháp thân, Báo thân và Ứng thân.

Pháp thân gọi là Tỳ Lô Giá Na.

Báo thân gọi là Lô Xá Na.

Lô Xá Na chỉ cho phần viên mãn quả đức. Chư Phật đã nhiều kiếp tu hành ở nơi phước và trí. Sự tu hành về phước và trí đó trong nhiều đời thuộc về ở nơi nhơn địa, nhơn địa hoàn mãn thì kết thành quả địa. Nhơn địa là Bồ tát, còn quả địa là Phật.

Quả địa là cái báo mà nhơn địa Bồ tát được, cũng như mình tạo nghiệp thì có báo, tạo nghiệp người thì có báo người, tạo nghiệp trời thì có báo trời. Chư vị Bồ tát cũng vậy, tạo nghiệp Phật, cho nên thành báo Phật. Báo Phật thường gọi là thành Phật. Bây giờ đã có báo Phật, tất nhiên có thân Phật. Thân Phật đó do nơi nhơn Phật mà cảm thành thì gọi là Lô Xá Na cho nên Lô Xá Na là báo thân Phật vậy.

Thứ ba thuộc về Ứng thân Phật.

Sau khi thành Phật, chư Phật đều tùy theo cơ duyên của chúng sanh, ở mỗi một thế giới ứng hiện thân cho vừa theo căn cơ của mọi loài chúng sanh để độ, để giáo hóa. Ứng thân đó vô lượng, vì chúng sanh có vô lượng loài, vô lượng căn cơ, cho nên thân Phật ứng hiện cũng vô lượng.

Phật ứng hiện trong cõi Ta bà thế giới này, trong thời kỳ theo căn cơ của chúng sanh hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Nên biết

rằng hiệu Thích Ca Mâu Ni đó chỉ là hiệu Phật theo căn cơ chúng sanh trong một thời kỳ đó thôi. Phật vì rằng đã theo căn cơ chúng sanh, nếu ở một thế giới khác và căn cơ chúng sanh đó lại khác, ngôn từ cũng khác thì hiệu Phật cũng theo nơi đó mà có khác.

Tóm lại, Phật nào cũng có ba thân: Pháp thân chính là thể tánh Phật. Báo thân Phật là thân quả báo. Từ nơi thân thiết của Phật tùy theo cơ cảm của chúng sanh mà biến hóa nhiều thân để độ chúng sanh mà biến hóa nhiều thân để độ chúng sanh, thân đó gọi là Ứng hóa thân.

Ứng thân và Hóa thân khác nhau thế nào?

Ứng thân mỗi khi hiển hiện ra theo căn cơ chúng sanh để độ thì có từng giai đoạn, gọi là phân căn cứ về lịch sử. Cũng như đức Thích Ca Mâu Ni Phật, trước đó có: Giáng thân, thọ thai nơi vương cung Tịnh Phạn ở nước Ca Tỳ La Vệ, Thiên Trúc. Rồi sanh ra làm thái tử Tất Đạt Đa. Lớn lên xuất gia tu hành thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Sau khi thành Phật, thuyết pháp giáo hóa chúng sanh. Từ khi xuất xứ cho đến kết cuộc, cũng đúng theo căn cơ của chúng sanh, cũng phải từ nơi mẹ sanh ra, rồi lớn lên, tạo sự nghiệp, rồi cũng già chết. Đức Phật cũng vậy. Sau khi thuyết pháp xong, công việc đã hoàn tất, đức Phật nhập Niết Bàn, đó gọi là Ứng Thân Phật. Còn Hóa Thân Phật cũng tùy trường hợp, chỉ có trong tùy lúc tùy thời mà thôi.

Chúng sanh đủ duyên, cần được khỏi khổ, được vào đạo, Phật tùy theo đó mà hiện thân, để cho chúng sanh được thấy và giáo hóa họ. Không biết thân đó xuất xứ từ đâu, mà không biết đi về đâu, không có sự giáng sanh, cũng không phải có sự nhập Niết Bàn, đó gọi là Hóa Thân. Ứng Thân và Hóa Thân là những thân tùy theo cơ duyên của chúng sanh để độ. Như vậy, Ứng Thân và Hóa Thân có khác nhau. Ví như đức Quán Thế Âm Bồ tát cũng có Hóa Thân với Ứng Thân. Ứng Thân là

phần lịch sử, hoặc sanh trong nhà vua, lớn lên thế nào, rồi tu hành, rồi đắc đạo. Đó gọi là Ứng Thân của Ngài Quán Thế Âm Bồ tát.

Còn Hóa thân là tử như có người đang bị tai nạn, chí tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm, lúc đó hoặc thấy có một bà già hiện đến cứu người ra khỏi tai nạn, rồi biến mất đi đâu. Như vậy gọi là Hóa Thân. Sau khi được cứu khổ rồi mới trực nhận rằng mình niệm đức Quán Thế Âm mới gặp được bà già, biết rằng đức Quán Thế Âm hiện đến cứu khổ cho ta.

Đức Lô Xá Na Phật, là Báo Thân của Phật Thích Ca Mâu Ni, còn Thích Ca Mâu Ni là Ứng Thân của Phật Lô Xá Na vậy.

\*

## I. LÔ XÁ NA PHẬT

**“Bấy giờ Đức Phật Lô Xá Na vì trong Đại chúng lược giảng Tâm Địa như chùng đầu sợi lông trong số trăm ngàn hằng hà sa bất khả thuyết pháp môn”.**

Pháp môn của chư Phật giáo hóa chúng sanh có vô lượng vô biên. Đức Phật Lô Xá Na giảng pháp Tâm Địa này là một phần nhỏ trong pháp môn của Phật nói, nên gọi là chùng đầu sợi lông mà thôi, để nói lên một phần rất nhỏ đối với pháp môn của Phật đã dạy. Ngài kết:

**“Tâm Địa đây chính là lời của tất cả Phật thời quá khứ đã giảng, tất cả Phật thời vị lai sẽ giảng và tất cả Phật thời hiện tại đương giảng. Cũng là pháp môn mà tất cả Bồ tát đã học, sẽ học và đương học”.**

Giảng “Tâm Địa” đây là giảng cho chư vị Bồ tát theo đó mà học. Do đó tất cả Bồ tát quá khứ, hiện tại và vị lai đều đã học, đương học, sẽ học. Cho nên biết rằng chúng ta đây đã



nhiều đời trông thiện căn sâu dày, mới gặp được phẩm Tâm Địa này để học hỏi, phụng trì, chúng ta phải thận trọng pháp Tâm Địa này!

“Ta” đây là chỉ cho đức Phật Lô Xá Na, vì trong lúc đó đức Phật đang giảng:

**“Ta đã từng trăm A tăng kỳ kiếp tu tập Tâm Địa này, do đó Ta được hiệu là Lô Xá Na. Chư Phật, các Ngài đem lời giảng của Ta đây hầu mở con đường “Tâm Địa” cho hết thảy chúng sanh”.**

Tâm Địa này là đức Phật Lô Xá Na đã giảng và chứng được. Chứng được Tâm Địa đây, đức Phật nói đã từng tu trăm a tăng kỳ kiếp mới được viên mãn quả Phật. Còn chư Phật là đức Phật Lô Xá Na gọi Phật Thích Ca. Trong khi Phật Thích Ca đang ngồi nghe đức Phật Lô Xá Na nói pháp Tâm Địa, không phải một đức Phật Thích Ca mà có nhiều đức Phật Thích Ca, nên đoạn sau có nói đến số lượng.

Sở dĩ cần phải mở con đường Tâm Địa cho chúng sanh vì chúng sanh bị khổ sanh tử trong tam giới, bởi vì không biết được Tâm Địa. Chỉ biết thân cảnh, rồi bị thân cảnh chi phối. Cho nên ba nghiệp cũng bị sự chi phối thân cảnh, do đó có chấp. Do chấp sanh ra phiền não: tham, sân, si. Rồi đối cảnh thuận thì tham, cảnh trái nghịch thì sân. Ở trong đó không nhận được thiệt sự thiệt lý nên sanh ra si mê.

Do chấp thân cảnh, sanh ra phiền não tham, sân, si tất nhiên có hành động, tạo nghiệp lành, dữ, gọi là nghiệp hữu lậu, để kết thành quả sanh tử luân hồi ở trong tam giới này. Nghiệp dữ thì quả báo tam đồ khôn khổ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nghiệp lành thì hưởng quả vui như thiên, nhưng quả vui hay khổ đều ở trong vòng sanh tử luân hồi cả.

Do vì theo ở nơi thân cảnh cũng gọi rằng chạy theo trần lao nên có sanh tử. Muốn thoát khỏi sanh tử thì đừng chạy

theo thân cảnh nữa, mà phải quay trở về “Tâm Địa”. Cho nên nói mở con đường “Tâm Địa” cho hết thảy chúng sanh. Con đường “Tâm Địa” đây không phải là mới có, nó có sẵn nơi tất cả chúng sanh, cũng như chư Phật. Nhưng chư Phật đã đi vào trong đó và chúng được nơi đó. Còn chúng sanh cũng đầy đủ “Tâm Địa” mà không hay không biết, cứ chạy theo trần cảnh, do đó bị bít lấp. Bây giờ chư Phật khai phát nó ra cho chúng sanh được nghe, được biết, được thấy, để chúng sanh đi vào trong đó mà hiển phát nơi diệu dụng của “Tâm Địa”. Việc mà chư Phật làm cho chúng sanh vào trong “Tâm Địa” của chúng sanh, gọi là chư Phật ở trong “Tâm Địa” chúng sanh.

Nhưng kỳ thiệt, “Tâm Địa” không phải là con đường, đã không phải con đường thì tức nhiên đâu có nghĩa là mở hay đóng. Nhưng vì chúng sanh không nhận biết, bỏ rơi cái mình sẵn có thành ra đối với chúng sanh, thì chúng sanh không nhận biết, như là bị lấp bít. Mà chư Phật làm cho chúng sanh nhận biết được thì đó là chư Phật khai phát vậy.

Sao gọi “Tâm Địa” là con đường? Nếu chúng sanh nào nhận thấy được “Tâm Địa”, rồi cứ y theo đề tu, thì từ phàm phu trở thành bậc Thánh, từ nơi chúng sanh thành Phật. Như vậy, “Tâm Địa” có nghĩa là con đường để đưa chúng sanh từ chỗ này đến chỗ kia, từ nơi chúng sanh sanh tử mà thành Phật toàn giác giải thoát. Cho nên nói mở con đường, theo ý nghĩa và công dụng mà đặt tên những danh từ thôi, chớ thiệt không có gì gọi là mở, cũng không gì gọi là con đường riêng.

**“Liền đó, từ trên tòa Thiên quang sư tử rực rỡ nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, đức Phật Lô Xá Na phóng ra những tia sáng. Trong tia sáng ấy có tiếng nói với chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu: “Các Ngài thọ trì phẩm Tâm Địa Pháp Môn của Ta đây, rồi tuần tự đem giảng lại cho nghìn trăm ức Thích Ca cùng tất cả chúng sanh. Ai nấy đều nên thọ trì đọc tụng và nhứt tâm vâng làm”.**

Sau khi phú chúc, đức Phật Lô Xá Na liền phóng ra tia sáng nơi tòa Thiên quang sư tử, nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, là chỗ ngự của đức Phật Lô Xá Na. Những tia sáng mà đức Phật Lô Xá Na phóng ra trong tia sáng đó có tiếng nói, tiếng nói với chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu, khuyên chư Phật nên thọ trì phẩm “**Tâm Địa Pháp Môn**” của Phật Lô Xá Na, rồi tuần tự đem giảng lại cho nghìn trăm ức Thích Ca và tất cả chúng sanh. Như vậy, trên nghìn cánh sen báu, mỗi cánh sen có một đức Phật ngự.

Nếu người nào mà theo trong đây đã dự vào hàng chư Phật, vì sao? Vì pháp này chư Phật đều thọ trì, đọc tụng và nhứt tâm vâng làm. Không phải chỉ là Bồ tát mới thọ trì, đọc tụng và nhứt tâm vâng làm.

Số ngàn trăm ức Thích Ca đó, thường hiệu danh hiệu đức Phật Thích Ca là thiên bá ức, là ngàn trăm ức.

**“Sau khi lãnh thọ phẩm “Tâm Địa Pháp Môn”, chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu cùng nghìn trăm ức Thích Ca đồng đứng dậy rời khỏi tòa Sư tử. Toàn thân các Ngài chiếu ra vô số tia sáng. Trong mỗi tia sáng ấy đều hóa hiện vô lượng Đức Phật, đồng thời tung lên vô lượng hoa đẹp, xanh, vàng, đỏ, trắng để cúng dường đức Phật Lô Xá Na. Cúng dường xong chư Phật từ tạ trở về”.**

Nơi đức Phật ngự gọi là tòa sư tử. Tòa sư tử đó, không phải là tướng của sư tử, mà bất cứ nơi nào Phật ngự đều gọi là tòa sư tử cả? Vì sao? Vì đức Phật là bậc tự tại đối với tất cả mọi loài, tất cả người đều kính phục, cũng như sư tử đối trong tất cả loài muôn thú tự tại không e sợ gì cả, bởi vì sư tử là chúa tể trong các loài và khi có tiếng sư tử rống lên thì tất cả muôn thú đều khiếp sợ, nép phục, cho nên lấy sư tử để biểu hiện cho sự tự tại vô ngại ô úy của đức Phật. Vì thế nên chỗ Phật ngự gọi là tòa vô ngại vô úy, là tòa sư tử.

**“Toàn thân của chư Phật đều chiếu ra vô số tia sáng. Trong mỗi tia sáng hóa hiện vô lượng đức Phật, nghĩa là nơi thân thì chiếu ra vô số tia sáng, cứ mỗi tia sáng hóa hiện vô lượng đức Phật. Đồng thời tung lên vô lượng hoa đẹp có đủ bốn màu: xanh, vàng, đỏ, trắng để cúng dường đức Phật Lô Xá Na, cúng dường xong chư Phật từ tạ trở về”.**

Đây là thuật lại cảnh mà chư Phật cúng dường Phật Lô Xá Na trước khi từ tạ trở về thế giới của mình đương giáo hóa.

Nên biết rằng chư Phật là một ngàn đức Phật cùng trăm ức đức Thích Ca đem Đại chúng đến nghe đức Phật Lô Xá Na giảng pháp ở Liên Hoa Đài Tạng, nghe xong trước khi trở về thế giới của mình thời hiện lên sự cúng dường Phật Lô Xá Na. Cúng dường đây, chư Phật không có cái trực tiếp cúng dường.

Sau khi rời khỏi thế giới Liên Hoa Đài Tạng (chỗ đức Phật Lô Xá Na) chư Phật không trở về thế giới của mình bằng cách thường, mà nhập vào chánh định. Chánh định đó tên là “Thể tánh hư không Hoa Quang”.

Trong khi nhập chánh định “Thể tánh hư không Hoa Quang” đó là chư Phật trở về nơi chốn cũ, dưới cội Bồ đề nơi cõi Diêm Phù, là Bồ Đề Đạo Tràng.

**“Sau khi ra khỏi chánh định Thể tánh hư không Hoa Quang, Đức Phật mới ngự trên tòa Kim Cương Thiên Quang Vương và Diệu Quang Đường mà giảng về Thập Thế Giới Hải”.**

Chư Phật nhập chánh định, trong khi nhập định đó trở về nơi đạo tràng. Khi về Bồ Đề Đạo Tràng rồi, chư Phật mới xuất định nên nói rằng, đức Phật mới ngự nơi tòa Kim Cương Thiên Quang Vương, là tòa nơi cội Bồ đề, nói tắt là Kim Cang tòa.

Tòa Kim Cang này rất sâu cho đến đặng Kim Cang tế. Khi Bồ tát sắp sửa thành Phật, thì lên ngồi trên tòa Kim Cang

để nhập Kim Cang định, khi nhập Kim Cang định rồi, mới được thành Phật. Khi nhập Kim Cang định tất nhiên có sự chấn động mạnh, thì những chỗ khác không thể nào có sức chịu đựng nổi sự chấn động đó, phải sụp, phải lở, chỉ có tòa Kim Cang này chịu đựng được mà thôi, cho nên tòa Kim Cang sâu đến Kim Cang tế, chứ không phải là lưng chừng giữa, mới có thể chịu đựng được sức chấn động, khi Bồ tát nhập Kim Cang định.

Ta có thể hiểu như thế này, khi đủ duyên thì tòa Kim Cang hiện ra, khi Chư Phật ẩn đi, thì tòa Kim Cang lặn, sau khi Phật đã rời khỏi tòa Kim Cang rồi, đi thuyết pháp cho đến nhập diệt. Do đó cho nên nói dưới cội Bồ đề có tòa Kim Cang, nay chúng ta đến cội Bồ đề hiện còn bên Ấn Độ chỉ là đá.

Tòa Kim Cang Thiên Quang Vương dưới cội Bồ đề là cội của chúng ta đây, còn Diệu Quang Đường là nơi cung trời của Tứ Thiên Vương. Trên trời Tứ Thiên Vương có một tòa nhà gọi là Diệu Quang Đường. Tòa nhà đó là nơi Phật ngự, nghĩa là Phật ngự nơi Bồ Đề Đạo Tràng, Kim Cang tòa đó và nơi cung trời Tứ Thiên Vương giảng về Thập Thế Giới Hải.

**“Rồi đức Phật giảng pháp Thập Trụ nơi cung trời Đế Thích, giảng pháp Thập Hạnh nơi cung trời Diêm Ma, giảng pháp Thập Hội Hương, nơi cung trời Đâu Suất, giảng pháp Thập Thiên Định nơi cung trời Hóa Lạc, giảng pháp Thập Địa nơi cung trời Tha Hóa, giảng pháp Thập Kim Cang nơi cội Sơ Thiên, giảng pháp Thập Nhẫn nơi cội Nhị Thiên, giảng pháp Thập Nguyện nơi cội Tam Thiên và sau cùng ở Tứ Thiên nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương. Đức Phật giảng phẩm Tâm Địa Pháp Môn mà thuở trước đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng”.**

Sau khi giảng về Thập Thế Giới Hải ở cung trời Tứ Thiên Vương và Bồ Đề Đạo Tràng rồi, đức Phật ngự nơi cung trời

Đế Thích để giảng pháp Thập Trụ. Cung trời Đế Thích là cõi trời Đao Lợi mà Thiên Đế Thích Đê Hoàn Nhơn, là chúa của cõi đó.

Thích Đê Hoàn Nhơn là danh hiệu của Thiên Đế, còn gọi Thiên Vương vậy, là vua trời Đao Lợi, cõi trời thứ hai ở cõi Dục. Nơi đó đức Phật giảng pháp Thập Trụ, rồi đức Phật đến cung trời thứ ba (Diêm Ma, có chỗ gọi là Dạ Ma) giảng pháp Thập Hạnh. Sau đó đến cõi trời thứ tư (Đâu Suất) giảng pháp Thập Hồi Hương, rồi đến cõi trời thứ năm (Trời Hóa Lạc) giảng pháp Thập Thiên Định, rồi đến cõi trời thứ sáu (Trời Tha Hóa) giảng pháp Thập Địa.

Cõi Dục có sáu tầng trời, bắt dưới tính lên, thì trời Tứ Thiên Vương là kế thế giới Ta đây, trên Tứ Thiên Vương Thiên thì có Đao Lợi Thiên, rồi đến Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên, rồi đến Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Đức Phật rời cõi Dục, đến cõi Sắc. Nơi trời Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên. Sau cùng ở Tứ Thiên nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương mà giảng phẩm **Tâm Địa Pháp Môn** của đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng.

**“Tất cả nghìn trăm ức đức Thích Ca ở nơi thế giới của mình đều giảng nói như thế cả”.**

Đây là thuật lại việc thuyết pháp ở nơi các tầng trời của đức Phật Thích Ca, từ nơi Bồ Đề Đạo Tràng, đến cõi trời Tứ Thiên Vương, rồi đến cung trời Đao Lợi, lần lượt cho đến cung trời Tứ Thiên.

Một đức Thích Ca cho đến nghìn trăm ức đức Thích Ca đều hiện thân ở các cõi trời và đều giảng nói những pháp đồng như vậy cả. Không phải chỉ có một ứng thân của Phật Thích Ca mà có đến nghìn trăm ức ứng thân Thích Ca Mâu Ni.

Trong đây nói phẩm Hiền Kiếp là một phẩm trong kinh Phạm Võng này.

## II. THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Phần I trên nói về nhơn duyên của đức Lô Xá Na truyền pháp **Tâm Địa Pháp Môn**, mà đức Thích Ca Mâu Ni lãnh thọ.

**“Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từ lúc sơ khởi hiện thân nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, rồi qua phương Đông đến tại cung của Thiên Vương tuyên nói kinh Ma Thọ Hóa. Sau đó Ngài giáng sanh nơi cõi Nam Diêm Phù Đề tại nước Ca Tỳ La, vua Bạch Tịnh là thân phụ và Hoàng Hậu Ma Gia là sanh mẫu. Nhũ danh của Ngài là Tất Đạt Đa. Xuất gia bảy năm, ba mươi tuổi thành đạo hiệu Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật”.**

**PHẬT THÍCH CA.** Trước khi giáng sinh nơi cõi Diêm Phù, Ngài đã hiện thân nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, rồi qua phương Đông đến cung của Thiên Vương, như trong sử nói trước khi giáng sanh, Ngài ngự nơi Đâu Suất Thiên cung nói kinh Ma Thọ Hóa. Trong tạng không có bộ kinh này, chỉ thấy nhắc ở đây thôi. Năm ba mươi tuổi thành đạo, hiệu Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong sử nói đức Phật năm 19 tuổi xuất gia, cầu đạo năm năm, đến nơi núi tuyết tu khổ hạnh sáu năm. Rồi rời nơi khổ hạnh đến ngồi dưới cội Bồ đề 49 ngày thành Phật. Tại sao ở đây nói xuất gia bảy năm? Ý nói từ khi đức Phật tự mình tìm đạo, lúc đó mới chính thức gọi là xuất gia, còn lúc chạy theo nhóm ngoại đạo tu khổ hạnh gọi là rời cung vua mà thôi.

Khi đức Phật nhận thấy nhóm ngoại đạo không thiết thực giải thoát, nên Ngài suy nghĩ: Đạo giải thoát, mình nên tự tìm lấy mà thôi, rồi mới tự tu khổ hạnh để tự tìm đạo giải thoát.

Trong lúc đó bỏ ăn bỏ ngủ, trải qua như vậy sáu năm, đó mới gọi là chính thức xuất gia. Sáu năm khổ hạnh và 49 ngày tịnh tọa dưới cội Bồ đề, như vậy là bảy năm, nên nhớ ý nghĩa này. Khi rời khỏi chỗ tu khổ hạnh cũng phải trải một thời gian,

trong sử có nói: Nào là thọ sự cúng dường sữa, rồi đi tắm, việc này việc kia, cũng phải tốn thời gian. Nhưng thời gian trong sử không nói nhứt định bao lâu. Chỉ nói Ngài đến cội Bồ đề trải cỏ trên tòa Kim Cang ngồi kiết già. Rồi nói nếu không thành Phật nhứt định không rời nơi đây. Bởi vậy cộng lại hơn sáu năm, nên trong đây gọi là bảy năm đó vậy.

**“Từ Bửu Tòa Kim Cang Hoa Quang nơi Đạo Tràng Tịch Diệt nhĩn đến nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, trong mười nơi ấy đức Phật tuần tự ngự đến thuyết pháp”.**

Bửu Tòa Kim Cang Hoa Quang, tức là Kim Cang Tòa, ở dưới cội Bồ đề, gọi là Đạo Tràng Tịch Diệt, thì thường gọi là Bồ Đề Đạo Tràng, hay Tịch Diệt Đạo Tràng.

Nhĩn đến nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, Phật đến nơi Tứ Thiên nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương.

Từ nơi Đạo Tràng Tịch Diệt, Phật mới đến trời Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi Thiên, lần lần đến Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên. Đây chỉ nhắc lại tất cả có mười chỗ.

Như trong kinh Hoa Nghiêm nói, khi đức Phật đến cung trời Đâu Suất mà giảng về Thập Hội Hương cũng hết bốn, năm quyển vậy. Đức Phật còn ngự ở nơi cung trời Tứ Thiên chỗ của Đại Tự Tại Thiên Vương, tiếp tục nói.

**“Lúc đó, nhưn khi xem bửu tràng mảnh lưới của Đại Phạm Thiên Vương, đức Phật vì Đại chúng mà giảng kinh Phạm Võng”.**

Trong lúc đang ngự nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương Đức Phật thấy Bửu tràng mảnh lưới giảng che kết những hột Ma ni, Ngài lấy nơi mảnh lưới mà làm thí dụ, để giảng kinh Phạm Võng.

**Ngài dạy rằng: “Vô lượng thế giới dường như là lỗ lưới. Mỗi thế giới đều khác nhau cả, khác nhau đến số vô lượng. Giáo pháp của Phật cũng như vậy”.**



Nghĩa là trong khoảng hư không có vô lượng thế giới, thế giới này ở nơi đây, thế giới kia ở nơi kia. Cũng giống như hột châu Ma ni kết thành lưới báu này. Thì trong mỗi thế giới đều khác nhau cả, cũng như mỗi hột châu Ma ni, hột này không phải là hột kia, mà số nó vô lượng, sự khác nhau cũng vô lượng, cho nên thế giới nào cũng khác nhau cả, giáo pháp của Phật cũng như vậy.

Đó là lược nói Phật dùng nơi lưới báu để thí dụ. Một là lấy những hột châu Ma ni kết thành lưới để dụ cho những thế giới ở không gian này cũng có vô lượng. Rồi cái vô lượng kết thành hư không giới trong pháp giới này, cũng như vô lượng hạt châu Ma ni đó khác nhau, mà nó kết lại thành màn lưới.

Pháp môn của Phật dạy cũng nhiều vô lượng và khác nhau vô lượng như vậy. Nhưng nó cũng kết với nhau thành pháp của Phật là Phật pháp.

Đây là kinh Phạm Võng. Võng là màn lưới, Phạm là Đại Phạm Thiên Vương. Vì đức Phật đang ngự nơi cung của Đại Phạm Thiên Vương. Ngài thấy màn lưới kết thành những châu Ma ni, nhân đó đức Phật chỉ nơi đó mà nói.

Những pháp môn của Phật nhiều vô lượng chung kết lại với nhau thành ra Phật pháp. Cho nên lấy thí dụ màn lưới của Thiên Vương. Kinh này lấy dụ mà đặt tên là “PHẠM VÕNG”.

**“Đức Phật đã tám nghìn lần đến thế giới Ta bà này, ngự trên Bửu Tòa Kim Cương Hoa Quang nhĩ đến ngự nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, lược giảng “Tâm Địa Pháp Môn” cho cả thấy Đại chúng trong những pháp hội ấy”.**

Phật ngự đến tám nghìn lần, tức nhiên có tám nghìn lần Đại chúng tụ tập nơi cung trời Đại Tự Tại Thiên Vương và đã tám nghìn lần đức Phật đã lược giảng **Tâm Địa Pháp Môn** này. Rồi kiết tập thành kinh Phạm Võng phẩm **Tâm Địa Pháp**

**Môn**, là lần thứ tám nghìn. Đoạn trước có nói không phải chỉ đức Phật Lô Xá Na nói nơi đây mà thôi. Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đã nói, sẽ nói, hiện tại đang nói.

**“Sau đó từ cung của Thiên Vương, đức Phật trở xuống ngự dưới cội Bồ đề nơi cội Diêm Phù, vì tất cả chúng sanh trên quả đất này, hạng người phạm ngu tối mà giảng một giới pháp Kim Cang Quang Minh Bửu Giới. Giới này là lời thường trì tụng của Phật Lô Xá Na, khi Ngài mới phát Bồ đề tâm trong thời kỳ tu nhơn của Ngài. Giới pháp này cũng chính là bản nguyên của tất cả Phật, là bản nguyên của tất cả Bồ tát và là chủng tử của Phật tánh”.**

Sau khi mãn thời thuyết pháp nơi cung Đại Tự Tại Thiên Vương, đức Phật mới trở xuống quả đất này, nơi Bồ Đề Đạo Tràng vì tất cả chúng sanh là hạng phạm phu ngu tối mà giảng giới pháp này, là Bồ tát giới này. Còn có tên là Kim Cang Quang Minh Bửu Giới.

Giới pháp này là lời trì tụng của Phật Lô Xá Na khi Ngài mới phát Bồ đề tâm trong thời kỳ tu nhơn của Ngài. Mà do Ngài thường trì tụng. Tụng thuộc lòng, thuộc lòng ở nơi tâm rồi theo đó mà thọ trì gọi là trì tụng.

Trong giới pháp này có tên là Kim Cang Quang Minh Bửu Giới, là chỉ giới Bồ tát này. Tại sao? Vì giới Bồ tát đây có ba tụ:

Thứ nhất là Nhiếp luật nghi giới.

Thứ hai là Nhiếp thiện pháp giới.

Thứ ba là Nhiêu ích hữu tình giới.

Nhiếp luật nghi giới, là dứt tất cả điều ác, điều sai xấu, để dứt sạch phiền não vô minh mà chứng được Niết Bàn. Như vậy, Niết Bàn chứng được là do dứt trừ tất cả điều ác. Quả Đại Niết Bàn là pháp thân thanh tịnh của Phật. Thể chất

Kim Cang bền chắc, không bao giờ đổi và không lộn một thứ gì trong đó, hoàn toàn trong sạch, dụ cho quả Đại Niết Bàn. Quả Niết Bàn do Nhiếp luật nghi giới mà thành, cho nên có tên là Kim Cang.

Đức Phật khi đã dứt hết tất cả điều ác và viên mãn tất cả điều lành và pháp thứ hai trong giới Bồ tát này gọi là Nhiếp thiện pháp giới. Mà tất cả pháp lành khi đã thành tựu rồi, tức là thành tựu Trí giác. Đó là đại Bồ đề mà Phật đã chứng. Trí giác là nghĩa sáng suốt nên giới Bồ tát này tên kể là Quang Minh. Đây là tụ thứ hai là Nhiếp thiện pháp giới.

Bồ tát nương nơi Nhiếp thiện pháp giới, thực hành những điều lành để được đầy đủ trí huệ đến bậc Toàn Giác, thành tựu quả đại Bồ đề và Bồ tát phải làm lợi ích chúng sanh. Do vì làm lợi ích chúng sanh mà Bồ tát thành tựu được quả Ứng Hóa Thân. Bồ tát lấy tâm đại bi làm động cơ làm lợi ích chúng sanh. Trong ba tụ giới của Bồ tát thuộc về Nhiếp ích hữu tình giới. Do đó, giới Bồ tát có tên là Bửu. Bửu là báu, chất báu như châu ngọc vàng, bạc, tất nhiên hưởng được hạnh phúc sung sướng. Cho nên lấy Bửu để dụ cho giới Bồ tát, là năng lực làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, từ nơi đó Bồ tát thành tựu được Ứng Hóa Thân Phật.

Giới Bồ tát này có tên là Kim Cang Quang Minh Bửu. Kim Cang là chỉ cho thể chất bền chắc trong sạch. Do Nhiếp luật nghi giới Bồ tát ngăn dứt tất cả điều ác, làm tất cả điều lành, nương nơi trí huệ chứng được đại Bồ đề.

Rời giới thể, giới tánh thì khó tỏ ngộ. Còn nơi giới tướng là 58 giới sau, dù cố gắng thọ trì bất quá cũng theo thứ tự mà thôi, chứ nếu mất thể rời thì công đức trì giới tướng không bằng, tỏ ngộ được thể mới là chơn thiết thọ trì.

Nên điều này quan trọng, dầu có khó, có sâu, thực hành phải để ý lắm, rời có lúc nào đó được tỏ ngộ. Bằng không, không biết lấy duyên gì để tỏ ngộ tánh thể của giới.

**Giới Bồ tát, chính là bốn nguyên của tất cả chư Phật, là bốn nguyên của tất cả Bồ tát và là chủng tử của Phật tánh.**

Giới Bồ tát này từ Tâm Địa mà có, cho nên trong quyển này gọi là “**Tâm Địa Pháp Môn**”. Tâm Địa ở đây thường gọi là bốn tâm tự tánh của mình, chính là cái chơn tâm, từ trong chơn tâm bốn tánh có giới Bồ tát này.

Chơn tâm bốn tánh của tất cả, không luận là Phật hay chúng sanh, cho nên nói giới đây là bốn nguyên của tất cả Phật, vì tất cả Phật cũng từ tự tâm bốn tánh đó.

Nhưng tất cả Phật hiển hiện thọ dụng được nơi tự tâm bốn tánh, vì thế nên cũng là bốn nguyên của Bồ tát.

Tự tâm bốn tánh đó tất cả chúng sanh đang có, muốn thành Phật phải từ nơi đó mà thành, cho nên nó chính là Phật chủng, là chủng tử của Phật tánh.

Thọ trì, thực hành giới Bồ tát này, là ươm giống Phật tánh. Có giống rồi, tất nhiên có một ngày nào thành cây, đơm bông kết trái, thành Bồ tát rồi thành Phật.

**“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả ý thức, sắc, tâm là tình, là tâm đều vào trong phạm vi giới pháp Phật tánh. Vì chắc chắn thường có chánh như, nên chắc chắn Pháp thân thường trụ”.**

Ở trên nói giới pháp này là chủng tử của Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, nhưng phải nắm lấy chủng tử Phật tánh, mà giới Bồ tát đây là chủng tử của Phật tánh. Cho nên muốn hiển phát thọ dụng được để thành Phật, thì phải lấy giới Bồ tát này làm chủng tử.

Câu: “**Tất cả ý thức, sắc, tâm, là tình, là tâm đều vào trong phạm vi giới pháp Phật tánh**” có thể nói tất cả pháp đều ở trong phạm vi giới pháp Phật tánh này. Giới pháp này y cứ nơi tự tâm bốn tánh để thực hành, mà giới pháp đây là

chúng tử để thành Phật - chúng tử thành Phật đó, lại sẵn có nơi tất cả chúng sanh. Có Phật tánh là có chánh như thành Phật, cho nên nói “**chắc chắn thường có chánh như... chắc chắn pháp thân thường trụ**”.

Pháp thân Phật vẫn thường trụ. Từ pháp thân hiện ra diệu dụng là trí huệ thân thông, phước đức của một vị Phật. Ngược lại, chúng sanh thì quên mất bản tánh nên mãi si mê điên đảo, khổ não.

Như vậy, Phật và chúng sanh khác nhau ở chỗ: tỏ ngộ hiển phát được pháp thân thường trụ là Phật. Ngược lại là chúng sanh, chớ pháp thân thường trụ, thì Phật và chúng sanh không khác.

Như vậy, ta tin tưởng có thể thành Phật, nếu chúng ta chịu y theo giáo pháp Phật để thực hành, vì đức Phật đã từng y theo Pháp đó thực hành rồi thành Phật.

Điều quan trọng là những người chưa phát tâm để thành Phật, hoặc có phát tâm mà chưa có sự thực hành pháp của Phật dạy, nếu ta phát tâm tất nhiên có sự tin tưởng rằng ta có khả năng thì mới có sự đồng mãn... Nhờ sự tin tưởng chắc đó, nên khi thực hành pháp để thành Phật không còn nghi ngờ và trễ nãi. Cũng như người thợ vàng nhận biết được ở trong khối quặng đó có vàng, rồi nấu luyện khối quặng vàng ấy thành vàng mà người thợ đó không còn nghi ngờ gì cả. Nghĩa là trong lúc đó dù có nhọc nhằn ngày đêm, dù có mỗi mết, vẫn một mực sốt sắng làm việc, luyện khối quặng cho thành vàng. Được vậy, là do có sự tin tưởng chắc rằng khối quặng ấy có vàng thiệt vậy.

Trên đường tu hành để thành Phật cũng như vậy, phải có đủ niềm tin rằng ta có khả năng thành Phật. Nhờ tin như vậy nên ở nơi công hạnh của ta không có sự nghi ngờ. Và biết chắc rằng mình và Phật vẫn đồng pháp thân trường trụ không khác, gọi là Phật tánh.

**“Mười Ba La Đề Mộc Xoa như thế xuất hiện trong đời. Giới pháp này là chỗ kính trọng thọ trì của tất cả chúng sanh trong ba thuở”.**

Trong giới Bồ tát có mười giới trọng, cho nên đây nói mười Ba La Đề Mộc Xoa, Ba La Đề Mộc Xoa là tên của giới. Có nghĩa là bảo đảm được giải thoát, nên hành trì đúng với giới pháp này.

Tất cả chúng sanh trong đời đều có tự tâm bồn tánh, cũng đều có Phật tánh. Như vậy, giới này từ nơi tự tâm bồn tánh mà lập. Cho nên tất cả chúng sanh trong ba đời muốn thành Phật phải kính trọng thọ trì giới pháp này.

**“Giờ đây đức Phật sẽ vì trong Đại chúng mà giảng lại giới phẩm vô tận tạng, là giới phẩm của tất cả chúng sanh, bồn nguyên tự tánh thanh tịnh”.**

Trong đây nhắc lại giới phẩm của tất cả chúng sanh. Vì giới phẩm này từ nơi bồn tâm tự tánh của chúng sanh mà lập ra. Bồn nguyên tự tánh thanh tịnh đó của tất cả chúng sanh, chính là giới phẩm của tất cả chúng sanh.

Tóm tắt bồn tánh của ta không có sát sanh, cho nên trong giới mới có giới không sát sanh, vì tự tâm bồn tánh bồn lai là không sát hại, bồn lai không tham lam. Do đó, có giới không trộm cướp.

Tự tâm, bồn tánh vẫn ngay thẳng nên có giới không nói dối (vọng ngữ), nó thuận đúng theo tự tâm, bồn tánh vậy. Ta tham lam, vọng ngữ, sát hại là ta làm trái với tự tâm, bồn tánh rồi, mà đã trái, tất nhiên đi ngược lại, ta phải làm đúng với công dụng của tự tâm bồn tánh. Nhờ vậy, ta mới đi vào được trong tự tâm bồn tánh.

Tất cả giới đều trong đây, là cứ ở tự tâm bồn tánh, vì sao? Vì để chúng sanh y theo đó mà thuận với tự tâm bồn tánh, đã có thuận thì có sự nhập là chúng.

Bài kệ sau đây thuật lại đại ý đoạn trên.

**“Nay Ta là Lô Xá Na,  
Đương ngồi trên đài Liên Hoa.  
Trên nghìn cánh sen đơm vòng,  
Lại hiện ra nghìn Thích Ca.  
Mỗi cánh sen trăm ức cồi,  
Mỗi cồi một Phật Thích Ca.  
Đều ngồi dưới cội Bồ đề,  
Đồng thời thành Chánh giác đạo.  
Nghìn trăm ức Phật như vậy,  
Lô Xá Na là bản thân.  
Nghìn trăm ức Phật Thích Ca.  
Đều đem theo vi trần chúng,  
Cùng nhau đến tại chỗ Ta.  
Để nghe Ta tụng Phật giới,  
Ta liền giảng môn Cam lộ.  
Bây giờ nghìn trăm ức Phật.  
Trở về đạo tràng của mình”.**

Đây là đạo tràng của đức Phật Lô Xá Na. Ngài đang ngự trên đài Liên Hoa Tạng thế giới, vì trên đài chung quanh chỗ đức Phật ngồi có một nghìn cánh sen. Trên mỗi cánh sen đều có một Phật Thích Ca. Mỗi cồi có một Phật Thích Ca, mà đây có trăm ức cồi. Do đó, có trăm ức Thích Ca trên mỗi cánh sen, có nghìn cánh sen, nên có nghìn trăm ức Phật Thích Ca. Cho nên nói:

**“Nghìn trăm ức Phật như vậy,  
Lô Xá Na là bản thân”.**

Chỉ có một Lô Xá Na mà có nghìn trăm ức Phật Thích Ca. Mỗi Phật Thích Ca đều đem theo vi trần chúng đến chỗ Phật Lô Xá Na để nghe giới pháp. Giảng môn Cam lộ là giảng môn “**Tâm Địa Pháp Môn**” Bồ tát giới đây. Cam lộ cõi trời có thể làm cho người uống hết mọi tật bệnh, thân khỏe mạnh. Giới pháp Tâm Địa đây cũng vậy, làm cho người thọ trì dứt hết tất cả điều ác, thành tựu tất cả điều lành, được giải thoát được thành Phật.

**“Bây giờ nghìn trăm ức Phật,  
Trở về đạo tràng của mình.  
Đều ngồi nơi cội Bồ đề,  
Tụng mười trọng, bốn mươi tám (giới khinh)  
Giới của Bốn Sư Xá Na”.**

Khi nghìn trăm ức Phật Thích Ca nghe Phật Lô Xá Na giảng giới pháp, rồi chư Phật đều trở về đạo tràng của mình mỗi vị Phật giáo hóa một cõi. Trở về chỗ cũ là chỗ mình giáo hóa đó. Chư Phật đều ngồi dưới cội Bồ đề, tụng mười trọng, 48 giới khinh của Bốn Sư Xá Na đã thuyết ra.

Công dụng của giới:

**“Giới như vàng nhật nguyệt sáng,  
Cũng như chuỗi báu ngọc châu.  
Chúng Bồ tát như vi trần,  
Do giới này mà thành Phật”.**

Giới pháp đây có sự chiếu sáng như mặt trời, mặt trăng vậy, phá hết sự tối tăm ở thế gian, giới pháp làm cho người tu hành nương theo đó mà dứt phiền não, vô minh, tối tăm đem lại sự giải thoát an vui, tự tại, cũng như chuỗi ngọc châu làm cho khỏi nghèo nàn, đói rách vậy. Tất cả Bồ tát đều do giới này mà thành Phật cả, cho nên muốn thành Phật thì phải trì giới này vậy.



**“Đây là Đức Xá Na tụng**

**Ta đây cũng tụng như vậy”.**

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật nói: **Ta tụng giới pháp này, cũng như đức Lô Xá Na đã tụng trước kia, đức Lô Xá Na tụng như thế nào thì Ta đây cũng tụng như vậy.**

**“Các ông tân học Bồ tát,**

**Phải cung kính thọ trì giới.**

**Khi thọ trì giới này rồi,**

**Nên truyền lại cho chúng sanh”.**

Đức Thích Ca Mâu Ni nói với Đại chúng: “Những vị Bồ tát mới học là sơ phát tâm Bồ tát, khi thọ giới Bồ tát rồi kể là được vào trong trường học Bồ tát”.

Bồ tát là gì? Bồ tát quả vị cao, chúng được đến pháp thân, có những vị Bồ tát mới phát tâm để tu học thì gọi là tân học Bồ tát, đều phải cung kính thọ trì ở nơi giới Bồ tát. Thọ trì giới, cung kính. Do nơi sự cung kính giới mà thành giữ giới được chặt chẽ. Nếu ta không có tâm trân trọng, không có tâm quý mến thì sự giữ giới bất quá là miễn cưỡng, làm cho lấy lệ lấy có vậy thôi.

Đã có sự trân trọng, kính mến nơi giới để thọ trì mới thiết là thành tâm để trì giới, khi thọ trì giới rồi, nên truyền lại cho chúng sanh, là phải truyền trao cho nhau, cho giới pháp lan rộng, lợi ích cho tất cả chúng sanh.

**“Lắng nghe Ta đang trì tụng,**

**Pháp Ba La Đề Mộc Xoa**

**Là giới tạng trong Phật pháp”.**

Điều giới sau đây, tất nhiên giới tạng trong Phật pháp. Hãy lắng nghe:

**“Đại chúng lòng nên tin chắc,  
 Các người là Phật sẽ thành  
 Ta đây là Phật đã thành,  
 Thường có lòng tin như vậy.  
 Thời giới phẩm đã trọn vẹn,  
 Tất cả những người có tâm.  
 Đều nên nhiếp hộ Phật giới.  
 Chúng sanh nào thọ Phật giới  
 Chính là vào hàng chư Phật.  
 Đã đồng hàng bậc Đại Giác,  
 Mới thiệt là con chư Phật.  
 Đại chúng đều nên cung kính,  
 Chí tâm nghe lời Ta tụng”.**

Trong đây họ chắm câu sai nhiều lắm, mấy vị nên sửa:

**“Đại chúng lòng nên tin chắc.  
 Các người là Phật sẽ thành,  
 Ta đây là Phật đã thành,  
 Thời giới phẩm đã trọn vẹn”.**

Thế nào gọi là giới phẩm được trọn vẹn?

Không phải chỉ việc mình trì giới đúng các giới điều sau đây, thì giới phẩm mới được trọn vẹn, đây là lời của đức Phật nên chú ý. Phải tin chắc: **Ta là Phật sẽ thành, còn Phật Thích Ca Mâu Ni là Phật đã thành.** Ta cũng là Phật, nhưng Phật sẽ thành. Còn đức Thích Ca Mâu Ni Phật, là Phật đã thành. Nếu có lòng tin như thế, thì đức Phật nói đây là giới phẩm trọn vẹn.

Sự tin chắc đó không phải là nói suông. Câu nói “tin chắc...” là phải thiết hiểu biết, hiểu biết thế nào ta là Phật sẽ thành, còn thế nào Thích Ca Mâu Ni là Phật đã thành. Phải biết cho rõ thì sự tin ấy mới chắc được. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nghĩa là có công năng thành Phật mà tất cả chúng ta đều có công năng để thành Phật, tất nhiên đều là Phật tương lai, nghĩa là Phật sẽ thành. Bởi vì sẵn có công năng rồi thì một ngày kia, công năng đó mới hiển phát, tất nhiên thành Phật, cũng như là Phật Thích Ca Mâu Ni vậy. Phật cũng có Phật tánh và đã hiển phát rồi. Do đó nên đã thành Phật. Nếu sự hiểu chỉ qua văn tự mà thôi, thì dầu có tin, nhưng cái tin đó chưa thể gọi là tin thiết chắc. Bấy giờ muốn tin thiết chắc phải thế nào? Là phải nương nơi văn tự mà nói rằng mình có Phật tánh là có khả năng thành Phật. Làm sao thấy được Phật tánh của ta? Ta tu tập đến khi nào chính ta thấy được Phật tánh của ta, thì mới tin chắc là ta sẽ thành Phật. Lúc đó gọi là có sự tin chắc, hiểu chắc là ta có Phật tánh vậy.

Đã tin chắc như vậy, là đã thấy được Phật tánh của ta, mà đã thấy được Phật tánh, thì những ý niệm, lời nói, hành động đều từ nơi Phật tánh phát ra và đều đúng nơi giới điều cả. Cho nên nói “**giới phẩm mới trọn vẹn**”. Khi giữ giới, là giới tướng đã trọn vẹn, đồng thời mình thấy biết giới thể là Phật tánh và y cứ nơi giới thể để phát ra sự trì giới. Như vậy gọi là giới hạnh đã trọn vẹn.

Nói ngược lại, giới phẩm trọn vẹn là do nơi thấy Phật tánh, vì thấy Phật tánh cho nên lòng tin chắc là ta sẽ thành Phật. Vì thế cho nên đức Phật mới nói rằng: “**Nếu người nào tin chắc mình là Phật sẽ thành, thì đã được trọn vẹn giới phẩm**”.

Phật tánh có nơi gọi là minh tâm kiến tánh, là ngộ đạo. Nhưng sự thấy, sự ngộ đó chưa phải là xong, còn phải đến chỗ chứng. Chứng được Phật tánh tức thành Phật.

**“Tất cả những người có tâm,  
Đều nên nhiếp hộ Phật giới.  
Chúng sanh nào thọ Phật giới.  
Chính là vào hàng chư Phật”.**

Đức Phật khuyên bảo tất cả mọi người, đều nên nhiếp hộ Phật giới. Nghĩa là không ai là không có tâm. Mà đã có tâm thì nên nhiếp hộ Phật giới. Chúng sanh nào thọ Phật giới chính là vào hàng chư Phật - ý nói dự vào hàng của Phật.

Đã đồng hàng bậc Đại Giác, đồng hàng với chư Phật, mới thiết là con chư Phật, gọi là Phật tử, cho nên danh từ Phật tử, quan trọng lắm, hiện giờ ta dùng chữ Phật tử quá bừa bãi, chứ như trong kinh Pháp Hoa, Ngài Xá Lợi Phất chứng quả A la hán trải qua nhiều năm, không khi nào dám xưng mình là Phật tử. Khi đến Hội Pháp Hoa nghe đức Phật cắt nghĩa rõ Phật tánh như thế nào, mọi người đều có thể thành Phật, trước kia Phật nói các vị Đại đức Thanh văn chỉ chứng quả A la hán thôi, kỳ thiết chưa thành Phật. Lúc đó Ngài Xá Lợi Phất mới tỏ ngộ: Từ trước tới nay ta tu và chứng đây tưởng rằng chỉ tu hạnh Tiểu thừa, chứng quả Thanh văn. Nay nghe Phật nói mới biết rằng ta đương đi trên con đường thành Phật, sau này mới được thành Phật. Ngài nói rằng: **“Bây giờ Ngài mới dám tự nhận mình là Phật tử”**.

Cho nên danh từ Phật tử rất quan trọng. Bây giờ dùng quá bừa bãi mất giá trị rất nhiều.

Trong đây đức Phật có nhấn mạnh: “Mới thiết là con chư Phật”, tất nhiên là chơn Phật tử, nếu chưa được như vậy, thì chỉ có được danh từ Phật tử mà thôi, chứ chưa phải là thiết Phật tử. Đức Phật khuyên nhắc:

**“Đại chúng lòng nên tin chắc...  
Chí tâm nghe lời Ta tụng”.**

Pháp Đại thừa đây, dù muôn kinh ngàn quyển, chung quy cũng nói đến **tự tâm bản tánh**. Trong kinh này có ba phần:

*Thứ nhất:* Lô Xá Na Phật

*Thứ hai:* Thích Ca Mâu Ni Phật

*Thứ ba:* nói về đức Phật kiết Bồ tát giới.

\*

### III. ĐỨC PHẬT KIẾT BỒ TÁT GIỚI

Thuở ấy, đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc mới thành đạo Vô thượng Chánh giác trong khi ngồi dưới cội Bồ đề, Ngài bắt đầu kiết Bồ tát giới. Ngài dạy: “Hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận pháp chí đạo. Hiếu gọi là giới, cũng gọi là cấm ngăn”.

Đây là lời nhà kiết tập, nói rằng đức Phật Thích Ca Mâu Ni vừa thành đạo Vô thượng Chánh giác, còn ngồi dưới cội Bồ đề, Ngài đã bắt đầu kiết Bồ tát giới rồi. Cho nên có khác hơn giới Thanh văn (giới Tỳ kheo).

Lúc ban đầu thì không có kiết giới, về sau trong Giáo Hội có nhiều vị phạm những lỗi này, lỗi kia. Đức Phật mới căn cứ theo nhơn duyên phạm tội nặng hay nhẹ mà tuần tự kiết giới. Do đó mà có giới của Thanh văn (Tỳ kheo).

Bồ tát giới thì không như vậy, đức Phật nào khi thành đạo rồi đã kiết giới Bồ tát, không chờ nhơn duyên, vì Bồ tát giới nương nơi thể tánh thanh tịnh mà lập ra giới.

Lời đức Phật dạy đầu tiên là hiếu thuận. Hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, Tam Bảo. Ba điều hiếu này nên học kỹ. Hiếu thuận với cha mẹ là hiếu thuận pháp lành thế gian. Sư Tăng là chỉ cho Hòa thượng, A xà lê đã truyền giới (Giới sư). Còn

Tam Bảo là Phậ, Pháp, Tăng, Tăng trong Tam Bảo là Tăng chúng, tất cả Hiền Thánh với thập phương.

Hiếu thuận pháp lành thế gian từ nơi cha mẹ. Với xuất thế gian là ngôi Tam Bảo. Do hiếu thuận với ngôi Tam Bảo mà những điều sai quấy ngăn dứt, công đức lành phát sanh và tăng trưởng cho đến thành tựu.

Tóm lại, hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, Tam Bảo có thể ngăn tất cả pháp ác thế gian và xuất thế gian, viên mãn pháp lành thành tựu chánh quả Vô thượng.

Cho nên hiếu thuận là pháp chí đạo (đạo cùng tốt, rất ráo). Đức Phậ mới kết lại: **“Hiếu gọi là giới, cũng gọi là cấm ngăn”**. Thế nên trong pháp Đại thừa hiếu thuận rất quan trọng. Người tại gia phải hiếu thuận với cha mẹ, rồi đến Sư trưởng... Còn người xuất gia hiếu thuận với Sư trưởng làm trước, rồi đến cha mẹ. Bởi vậy, người xuất gia mà phản sư, bội sư thì mất đi nghĩa hiếu thuận và giới không còn nữa. Nếu người nào mất nghĩa hiếu thuận, thì khó toàn vẹn giới thể.

**Liên đó, từ nơi miệng, đức Phậ phóng ra vô lượng tia sáng. Bấy giờ có đến trăm vạn ức Đại chúng các Bồ tát, 18 Phạm Thiên sáu cõi trời Dục, mười sáu đại Quốc Vương đồng chí tâm chấp tay nghe đức Phậ tụng giới pháp Đại thừa của tất cả chư Phậ.**

Sau khi nói lời hiếu thuận là giới, từ miệng đức Phậ liền phóng ra vô lượng tia sáng chiếu khắp Đại chúng và thập phương thế giới. Trong Pháp Hội có đến trăm vạn ức Đại chúng (một ức mười triệu).

Chư vị Bồ tát, Thập Phát Thú Bồ tát, Thập Trưởng Dưỡng Bồ tát, Thập Kim Cang Bồ tát, Thập Địa Bồ tát hay Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương và Thập Địa Bồ tát.

Và 18 Phạm Thiên là chư Thiên cõi Sắc. Cõi Sắc có 18 tầng trời:

Sơ Thiên có ba: Phạm Chúng, Phạm Phụ, Đại Phạm Thiên.

Nhị Thiên có ba: Thiệu Quang, Vô Lượng Quang, Quan Âm Thiên.

Tam Thiên có ba: Thiệu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên.

Tứ Thiên có chín, từ dưới kể lên: Phước Sanh Thiên, Phước Ái Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Tướng Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiện Thiên, Sắc Cứu Cánh Thiên, cộng lại có 18 tầng (cõi).

Sáu cõi trời Dục: Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại

Nước Thiên Trúc thời đó chia ra nhiều nước, đại khái có 16 nước lớn (16 Đại Quốc Vương) còn nhiều nước nhỏ nữa. Đây là thành phần dự Pháp Hội đức Phật thuyết Bồ tát giới.

Ai nấy đều chấp tay chí tâm lắng nghe đức Phật tụng giới pháp Đại thừa của tất cả chư Phật. Với một số thánh chúng đồng như vậy mà lời đức Phật vang khắp trong đại hội là do đức Phật có viên âm, nên người đứng gần và xa cũng nghe như nhau. Trong thánh chúng đủ loại, mỗi loại đều nghe đức Phật nói tiếng của mình, nên đều hiểu biết được hết.

Đức Phật nói với các vị Bồ tát:

**“Nay Ta cứ mỗi nửa tháng tụng tụng giới pháp của chư Phật. Tất cả hàng Bồ tát Sơ phát tâm, nhân đến các Bồ tát Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa cũng tụng giới ấy. Vì thế nên giới quang từ miệng Ta phóng ra. Phóng quang là vì có duyên do, chớ chẳng phải vô cớ. Giới quang ấy chẳng phải màu xanh vàng, đỏ, trắng, đen; chẳng phải sắc pháp, chẳng phải tâm pháp, chẳng phải pháp hữu pháp vô, chẳng phải pháp như pháp quả. Nó chính là bốn nguyên của chư Phật, là**

**căn bản của chúng Phật tử. Vì thế, nên chúng Phật tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này”.**

Đức Phật nói với các vị Bồ tát, kỳ thiết nói với tất cả thánh chúng trong Pháp Hội. Những vị Bồ tát Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa đã vào địa vị Bồ tát. Ngoài ra còn có các vị danh tự Bồ tát nhưng đã thọ giới Bồ tát rồi cũng gọi là Bồ tát. Phật nói: “Mỗi nửa tháng tụng giới này”, cho nên sự tụng giới rất quan trọng. Giới pháp của chư Phật, chứ không phải riêng một đức Phật nào.

Bồ tát Sơ phát tâm là Bồ tát mới thọ giới chưa vào Bồ tát vị, cùng với Bồ tát vị cũng tụng giới pháp này. Cho nên có những ánh sáng từ nơi miệng của đức Phật phóng ra. Ánh sáng Phật phóng ra đó, có duyên có. Nó không phải màu xanh vàng, đỏ, trắng, đen.

Kỳ thiết trong lúc đó thấy những tia sáng nơi miệng Phật phóng ra có đủ màu hết nhưng chính thiết không phải màu nào cả. Không phải là sắc pháp, cũng không phải là tâm pháp; cho là có, không được; cho là không, không được; bất hữu, bất vô; cho là nhơn, không được; cho là quả, không được... Cho nên gọi rằng không phải pháp nhơn, không phải pháp quả. Chính nó là bản nguyên của chư Phật, là căn bản của chúng Phật tử từ nơi thể tánh bình đẳng thanh tịnh mà phát ra.

Ánh sáng đó biểu tượng của giới thể là bản tánh bình đẳng thanh tịnh. Cho nên tất cả Phật tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này. Đó là cái nguyên do mà đức Phật phóng quang. Phóng quang là lấy ánh sáng để tiêu biểu cho giới thể và cũng chính là để chứng nghiệm rằng: Ai cũng có thể tánh bình đẳng thanh tịnh cả, mà khi đã chứng ngộ phát huy được thì nhứt cử nhứt động đều phóng quang. Cũng như đức Phật vừa nói đến giới thì từ miệng đức Phật có ánh sáng phóng ra. Như vậy nếu hàng Phật tử cố công thọ trì, đọc tụng,



học kỹ giới pháp này cho được thành tựu để phát hiện thể tánh thanh tịnh nơi giới rồi cũng được như Phật.

Đức Phật nói tiếp:

**“Chúng Phật tử lắng nghe! Nếu là người thọ giới Bồ tát này, không luận là Quốc vương, Thái tử, các quan chức hay Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, không luận là chư Thiên cõi Sắc, cõi Dục, không luận là hàng thứ dân, huỳnh môn, dâm nam, dâm nữ hay hàng nô tỳ, cũng không luận là tám bộ quỷ thần, thần Kim Cang hay loài súc sanh nhứt đến kẻ biến hóa, hễ ai nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp sư, thời đều thọ đặng giới và đều gọi là thanh tịnh thứ nhứt”.**

Giới Bồ tát này tất cả loài đều được thọ. Không luận trời, người, quỷ thần cho đến súc sanh, kẻ biến hóa miễn là nghe nhận và hiểu được lời truyền giới của Pháp sư. Thọ được giới này rồi đều gọi là thanh tịnh thứ nhứt.

Giới Bồ tát này khác với giới Thanh văn (Sa di, Tỳ kheo). Giới Thanh văn chỉ có loài người mới thọ được. Người còn phải đủ điều kiện: các căn phải hoàn bị, đầy đủ tướng tốt, không đui điếc, câm ngọng v.v...

Trong đây nói rõ ràng tứ chúng như Quốc Vương, Quan chức cho đến hạng người sang, hèn, thứ dân, huỳnh môn, dâm nam, dâm nữ, hàng nô tỳ, ngoài loài người còn có chư Thiên, quỷ thần, súc sanh kẻ biến hóa. Nhưng chỉ có điều kiện là nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp sư, thì thọ đặng giới này. Khi thọ rồi thì được thanh tịnh thứ nhứt, bởi vì đã có giới thể Đại thừa Bồ tát.

Huỳnh môn là người đó không phải nam không phải nữ. Còn dâm nam, dâm nữ khi đã thọ giới này rồi phải giữ những điều giới cho thanh tịnh. Tám bộ quỷ thần còn gọi là bát bộ: Thiên, Long, Khẩn na la, Dạ xoa, A tu la, Càn thất bà, Ca lâu la, Ma hầu la già. Thần Kim Cang, vị thần cầm chày kim cang

mà ủng hộ Phật pháp, trong Phẩm “Phổ Môn” gọi là Chấp Kim Cang Thân.

Kẻ biến hóa như rồng mà biến ra làm người, thì người đó không phải thiệt, nghĩa là không dùng thân rồng mà thọ giới thì biến ra hình người thọ giới cũng được. Nếu giới Thanh văn (Tỳ kheo) thì không cho. Nếu lường gạt Giới sư để thọ giới cũng không thành thọ giới.

Thời kỳ Phật còn tại thế, cũng có rồng biến hóa ra hình người đến thọ giới Tỳ kheo, nhưng sau khi ở chung với một vị Tỳ kheo khác. Một hôm vị Tỳ kheo thiệt đi khỏi, vị Tỳ kheo do rồng biến hóa đó còn ở lại trong thất ngủ ngày. Khi vị Tỳ kheo trở về thì thấy vị kia lòi thiệt hình rồng ra, vì lúc ngủ hiện nguyên hình rồng lòi lên, mới la lên thì các vị Tỳ kheo khác chạy đến coi. Trong khi ấy, vị Tỳ kheo rồng thức dậy biến hình người trở lại... ngồi kiết già đàng hoàng. Tỳ kheo kia về hạch hỏi vị Tỳ kheo này mới thú thiệt tôi là Long Vương, vì muốn tu hành cho nên biến ra hình người đến đây để thọ giới. Các vị Tỳ kheo đến bạch Phật như duyên như vậy Phật quả Ông rồng đó.

Do giới Thanh văn là hiện tướng Tăng đầy đủ, chỉ ở trong loài người mà thôi. Còn Bồ tát giới thì chú trọng về tâm tánh. Cho nên loài nào cũng có thể thọ giới này được. Vì ai cũng có thể thành Phật cả.

\*

#### IV. MƯỜI GIỚI TRỌNG

**“Đức Phật bảo các Phật tử rằng: Có mười điều giới trọng. Nếu người thọ giới Bồ tát mà không tụng mười điều giới này, thì người ấy không phải là Bồ tát, không phải là Phật tử. Chính Ta cũng tụng như vậy. Tất cả Bồ**

**tát đã học, sẽ học và đương học. Đã lược giảng xong tướng trạng của giới Bồ tát cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì”.**

Đức Phật mới bảo tiếp trong Đại chúng Phật tử có mười điều giới trọng. Nếu những người nào đã thọ giới Bồ tát rồi mà không tụng mười điều giới này, không phải là Bồ tát, không phải là Phật tử. Tất cả Bồ tát không luận là bậc Bồ tát nào cho đến hàng sơ phát tâm, đều đã học mười điều giới trọng này. Vị lai Bồ tát sẽ học và hiện tại Bồ tát đương học. Do đó, Đại chúng đã thọ giới Bồ tát rồi phải siêng tụng, nhưt là phải tụng mười điều giới trọng này. Tụng là thuộc lòng, khác với đọc, đọc chỉ lật qua.

Mười điều giới trọng sau đây:

1. Không được sát sanh
2. Không được trộm cướp
3. Không được dâm dục (tại gia cấm tà dâm)
4. Không được vọng ngữ
5. Không được bán rượu
6. Không được nói dối tứ chúng
7. Không được khen mình, chê người
8. Không được bòn xén
9. Không được giận hờn mãi không nguôi
10. Không được tà kiến phi báng Tam Bảo

Đức Phật dạy tiếp, đã lược giảng xong tướng trạng của giới Bồ tát. Tướng trạng đó là mười giới trọng.

## **1. GIỚI SÁT SANH**

**Nếu Phật tử, tự mình giết, bảo người giết, phương tiện giết, khen tặng sự giết, thấy giết mà tùy hỷ, nhân đến dùng**

**bùa chú để giết: nơn giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết.**

**Phàm loài hữu tình có mạng sống đều không được cố ý giết. Là Phật tử, lẽ ra luôn luôn phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, lập thế cứu giúp chúng sanh, mà trái lại tự phóng tâm nỡ lòng sát sanh. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.**

Chữ “Giới” có nghĩa là cấm. Cấm sát sanh là không được sát sanh. Đại chúng phải học mỗi điều giới cho rành. Cần phải biết giới nặng, nhẹ thế nào. Thế nào là phải, thế nào không phải, hình tướng của giới đều phải biết. Nếu không biết thì làm sao giữ được. Có nhiều khi người thiệt rành nơi giới, người đứng ngoài coi in tuồng vị ấy phạm giới, kỳ thiệt vị ấy không phạm. Còn những người chưa rành giới tướng, hết sức giữ gìn mà lại không ngờ mình đương phạm, nên cần biết giới tướng cho rõ.

Nói về giới sát sanh, đầu câu nêu ba chữ “Nếu Phật tử” là nói riêng người thọ giới Bồ tát, trong phạm vi đây. **“Hoặc tự mình giết, bảo người giết, phương tiện giết** (tìm cách giết cho người khác chết), **khen tặng sự giết** (tán thán, tán thành, khen ngợi), **thấy giết mà tùy hỷ”**. Tùy hỷ đây là trong tâm có sự vui thích khi thấy người khác giết, có tính cách xúi người khác giết, làm cho người giết hăng say, vì có sự khuyến khích. Do đó phạm giới, nhần đến dùng bùa chú để giết.

Tội sát sanh thành là do bốn điều: nơn, duyên, cách thức, nghiệp. Nếu không đủ bốn điều này thì chưa kết thành tội được.

Như vậy, tất nhiên một khi mình làm hay người khác có phạm như thế này, thì mình phải xem xét coi đủ bốn điều này không? Nếu bốn điều, thiếu một thì không thành tội, nghĩa là không thiệt thành tội nhưng có chi tiết tội.

“**Nhơn giết**” là tâm niệm giết. Tâm niệm cố ý là động cơ chính cho việc sát sanh, cho nên tâm niệm cố ý giết là nhọn của sự giết hại đó. Nếu có sự giết hại bao nhiêu người bao nhiêu sanh vật mà không có tâm niệm cố ý giết thì không phạm tội sát sanh. Vì người đó vô tâm, đối với họ đâu có sát sanh. Có tâm cố ý giết là điểm chính của sự giết hại, nên gọi là nhọn giết.

“**Duyên giết**” là lấy đối tượng bị giết hại làm duyên. Giết hại hoặc loài người, loài vật. Nói cách khác, là giết hại loài hữu tình (người, vật). Loài hữu tình có cảnh duyên để có sự giết hại, chứ không có người và vật, như sự đập đá, chặt cây không thành sự giết hại. Người và vật là cảnh duyên cho sự giết hại. Cho nên tất cả loài hữu tình gọi là duyên giết.

“**Cách thức giết**”: Tất nhiên dùng phương tiện gì để giết? Hoặc đâm, hoặc chém, hoặc bắn, hoặc thuốc độc, nhận nước, đốt cháy, ếm, trù, rửa cho người ta phải chết. Như vậy đó là cách thức giết.

“**Nghiệp giết**”: Nghiệp giết cũng gọi tội sát sanh đã thành vậy. Tất nhiên người hay vật bị giết đó, giây phút nó chết đã thành nghiệp sát sanh rồi. Nếu sự giết mà chưa chết, gọi là làm cho bị thương thôi. Giết đây tất nhiên phải chết. Như vậy, người phạm tội sát sanh phải có đủ bốn điều kiện:

1. Tâm niệm cố ý giết
2. Có cảnh duyên (người hay vật)
3. Cách thức: đâm, chém, bắn, trù rửa, thuốc, đốt, nhận chìm chi đó
4. Người hay vật ấy chết thiệt

Như vậy đã phạm tội sát sanh rồi. Nếu người bị giết đó là cha mẹ hay Thánh nhọn, thì thuộc tội nghịch. Tội nghịch nặng hơn trọng. Ngoài ra, có khi giết người và vật khác cũng phạm

tội nghịch nữa. Như Long Vương thọ Bồ tát giới rồi, mà lại giết vị rồng khác, vị rồng khác đó là cha mẹ của Long Vương. Tất nhiên rồng thuộc trong sáu loài, thuộc súc sanh, nhưng đối với người giết (Long Vương) phạm tội nghịch vì đó là cha mẹ. Có người do loài khác sanh chẳng hạn, như vậy loài khác ấy là cha mẹ. Nếu giết vẫn phạm tội nghịch. Còn nếu là người, vật khác thì trong đó coi là tội trọng. Trọng là thế nào? Nếu giết những loài người hay loài mà có nghe có biết được lời truyền giới, thì phạm tội trọng, mất giới. Người đó muốn cho thanh tịnh trở lại phải **thủ tướng sám hối** (*sám hối cho thấy hảo tướng*) thì tội đó mới tiêu. Tiêu rồi phải thọ giới lại còn nếu giết những con vật như: chó, mèo v.v... con vật đó nó không có biết thì không mất giới.

Phật nói: “Phạm tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không được cố ý giết”. Đây nhấn mạnh đến việc cố ý, còn sự vô ý chắc không tránh khỏi hết được. Tránh được sự cố ý giết, đây là Phật tử, thọ giới Bồ tát thì luôn luôn có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Vì trước khi thọ Bồ tát giới, đã phát Bồ đề tâm, phát tứ hoằng thệ nguyện. Như vậy là trên cầu thành Phật, dưới cứu độ tất cả chúng sanh. Nghĩa là cứu giúp tất cả mọi loài hết khổ, hết nạn, đâu nên làm cho họ khổ nạn. Nếu trái lại, tự phóng tâm, nghĩa là cố ý sát sanh, thì Phật tử này phạm “Bồ tát Ba la di tội”.

Ba la di là tiếng Phạn, Tàu dịch là “Khí”, “Khí” là dứt bỏ. Người phạm tội này dứt bỏ khỏi Phật pháp.

## 2. GIỚI TRỘM CƯỚP

**Nếu Phật tử tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, phương tiện trộm cướp, nhân đến dùng bùa chú trộm cướp: như trộm cướp, duyên trộm cướp, cách thức, nghiệp trộm cướp. Tất cả tài vật có chủ, dầu là của quỷ thần hay của kẻ giặc cướp, nhân đến một cây kim, một**

**ngọn cỏ đều không được trộm cướp. Là Phật tử, lẽ ra luôn luôn phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận thường giúp cho mọi người được phước, được vui mà trái lại trộm cướp tài vật của người. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.**

Nghĩa là ngăn cấm sự trộm cướp. Trộm là lén lấy, cướp là giật lấy. Phật tử đã thọ giới Bồ tát rồi, tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, phương tiện trộm cướp, dùng bùa chú trộm cướp phải đủ bốn điều kiện mới thành phạm:

1. Nhơn: tâm niệm cố ý trộm cướp

2. Duyên trộm cướp (đồ vật, của cải, tiền bạc)

3. Cách thức: cách thức có rất nhiều như đào nền, khoét vách, cạy cửa v.v... hoặc lường gạt: mượn mà không trả, hoặc giả nói thiệt để bán đất tiền, cân non, vật thiếu nói đủ... Tất cả đều thuộc cách thức trộm cướp.

4. Nghiệp trộm cướp, thế nào thuộc về nghiệp trộm cướp? Khi đồ vật của người khác mà ta lấy sai chỗ cũ, đồ vật rời khỏi chỗ cũ thì thành nghiệp trộm cướp. Trộm là khi lấy vật đó mà người chủ không biết, không hay, còn cướp là khi lấy người chủ hay biết, hay là bị cướp. Do đó, nếu đã có tâm niệm trộm cướp, thì có cái duyên là tiền bạc, đồ vật v.v... và có các cách thức để lấy, khi lấy vật khỏi chỗ cũ thì thành nghiệp trộm cướp.

Ví dụ như muốn lấy một vật gì đó chẳng hạn, khi vừa cầm vật lên thì có người thấy liền đê trở lại, hoặc ăn năn trả lại, nhưng tội cũng thành rồi. Hoặc giả mượn sách hay tiền bạc rồi không trả mà tâm niệm muốn lấy luôn. Tâm niệm đây đã thành tội trộm cướp.

Tội trộm cướp đã thành, nếu tương tục thành tội dây dưa, rất nặng, nó sẽ đâm chồi nảy nhánh. Còn nếu không tương tục thì bao nhiêu tội đó cũng thành tội rồi. Lấy rồi trả lại tuy đã thành tội trộm, nhưng còn nhẹ hơn lấy luôn. Trong tội trộm

cướp cũng có nhẹ, nặng. Theo xưa, thì cứ dưới năm tiền, phạm tội nhưng không mất giới, nghĩa là đôi thú sám hối tội liền tiêu diệt. Còn từ năm tiền trở lên, thì phạm tội trọng mất giới, phải thủ tướng sám hối. Sám hối thấy hảo tướng rồi, phải thọ giới trở lại vì đã mất giới.

Tài vật của cải có chủ, chứ không phải vô chủ. Vô chủ là vật ở rừng núi, như đá, hoặc viên ngọc v.v... Nếu có chủ lấy người ta không cho, là phạm tội trộm cướp, dầu của quý thần hay của kẻ giặc cướp. Của quý thần là ở trong miếu, trong đình, có nhiều khi ở đó của quý thần người ta giữ gìn, chứ không phải là riêng của loài người thôi... Hoặc vật trong ổ chim mà lấy cũng thành tội trộm cướp của con chim rồi.

Hai bên đánh nhau, kẻ thắng lấy chiến lợi phẩm tức là lấy của kẻ giặc rồi. Hoặc rượt bắt đám ăn cướp chạy bỏ đồ vật lại, rồi lấy cũng thành tội. Cho nên, người ta đã thọ giới Bồ tát rồi phải thanh tịnh. Chẳng những không gian tham trộm cướp, lường gạt, cho đến hoạnh tài của kẻ giặc cướp, không rớ tới nữa. Nhẫn đến một cây kim, một ngọn cỏ, dầu vật rất nhỏ cũng không được trộm cướp. Dầu tiền của cha mẹ mà ta lấy cũng phạm tội trộm cướp, vì ta không hỏi mà lấy, lại có tâm nghĩ rằng cha mẹ không cho mà ta cố lén lấy, nên thành tội. Còn khi lấy ta nghĩ thế này, nếu như cha mẹ hay biết vẫn vui lòng không giận. Như vậy không thành tội trộm.

Tóm lại, đồ vật của chủ không bằng lòng mà mình lấy, do tâm tham có ý để lấy, rời khỏi chỗ cũ liền phạm tội ăn trộm.

Ví dụ, có người chủ trồng mía nghĩ rằng: Nếu có ai muốn ăn thì cứ vào đám mía mà ăn, không được đem về nhà, như vậy dù có ai vào ăn mía đó, không phạm tội trộm, vì họ đã hoan hỷ.

Đức Phật nói “là **Phật tử**”, đây chỉ cho người thọ Bồ tát giới phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, thường giúp cho



mọi người được phước được vui, nghĩa là phải bố thí mà trái lại trộm cắp tài vật của người, thì Phật tử phạm Bồ tát Ba la di tội.

### 3. GIỚI DÂM

**“Nếu Phật tử, tự mình dâm dục, bảo người dâm dục với tất cả phụ nữ, loài cái, loài mái, cho đến thiên nữ, quỷ nữ, thần nữ cùng phi đạo mà hành dâm: như dâm dục, duyên dâm dục, cách thức dâm dục, nghiệp dâm dục. Là Phật tử, đối với tất cả không được cố dâm dục. Lẽ ra phải có lòng hiếu thuận, cứu độ tất cả chúng sanh, đem pháp thanh tịnh khuyên dạy người mà trái lại không có tâm từ bi, làm cho mọi người sanh việc dâm dục, không lựa súc sanh, cho đến hành dâm với mẹ con, chị em trong lục thân. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.**

*(Tại gia cấm tà dâm, xuất gia cấm dâm dục)*

Tự mình dâm dục hay bảo xúi người cũng phạm tội. Dâm dục đây là nói đến loài nam đối với loài nữ hay ngược lại. Còn loài cái, loài mái, đó là nói đến loài thú, loài chim, cho đến thiên nữ, quỷ nữ, thần nữ cùng phi đạo mà hành dâm. Phi đạo là sự hành dâm không phải nơi nam căn, nữ căn, hoặc nơi miệng chẳng hạn.

Giới này cũng có bốn điều kiện mới thành tội phạm.

1. Như: là tâm cố ý. Còn như ngủ mê, hay chiêm bao v.v... thì không phải là cố ý.
2. Duyên: người nữ, loài cái, loài mái là duyên của bên nam. Người nam, loài đực, loài trống là duyên của bên nữ.
3. Cách thức: tìm cách thức sao đó để dâm dục
4. Nghiệp: bên nam, bên nữ đã giao xúc với nhau thì giây phút đó là phạm.

**“Phải có lòng hiếu thuận cứu độ tất cả chúng sanh, đem pháp thanh tịnh chuyên dạy người”.**

Cứu độ là sao? Vì biết rằng dâm dục là nhơn sanh tử luân hồi, là sự khổ của chúng sanh. Nếu không dâm dục thì chúng sanh sẽ được giải thoát. Lẽ ra phải đem pháp thanh tịnh làm cho chúng sanh rời sự dâm dục để thoát khỏi sanh tử luân hồi. Câu “không lựa súc sanh” nghĩa là chẳng những đối với người mà đối với súc sanh cũng phạm, mà người trong lục thân cũng phạm Ba la di tội.

Các điều giới này phải học cho rành. Như giới sát sanh, trộm cướp còn dễ nhận, vì làm cho chúng sanh đau khổ. Còn giới dâm dục vì hai bên đồng ý nên có sự vui, tại sao lại phạm giới trọng? Vì dâm dục là nguồn chánh của sự sanh tử luân hồi, là nhơn của quả khổ, cho nên phạm tội trọng.

#### **4. GIỚI VỌNG NGŨ**

**Nếu Phật tử, tự mình nói vọng ngữ, bảo người vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ: nhơn vọng ngữ, duyên vọng ngữ, cách thức vọng ngữ, nghiệp vọng ngữ. Nhấn đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, hoặc thân vọng ngữ, tâm vọng ngữ. Là Phật tử, lẽ ra phải luôn luôn chánh ngữ, chánh kiến và cũng phải làm cho chúng sanh có chánh ngữ chánh kiến, mà trái lại làm cho mọi người tà kiến, tà ngữ, tà nghiệp, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.**

Vọng ngữ hay xúi người khác vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ, cũng có bốn điều kiện nói thành tội vọng ngữ.

1. Nhơn: tâm niệm cố ý nói dối
2. Duyên: người đối diện để nghe lời nói dối
3. Cách thức: nói ra tiếng, hoặc viết chữ, hay ra dấu

4. Nghiệp: khi người nghe, thấy sự vọng ngữ đó mà nhận hiểu, tất nhiên thành nghiệp. Hoặc đối với người đó, ta ra dấu, lắc đầu, khoát tay để nói dối người kia. Nếu ta muốn người hiểu là không, thì lắc đầu khoát tay, nhưng kỳ thiệt việc đó là có khi người kia thấy và hiểu. Lúc đó đã thành nghiệp.

Nên biết: Cũng như nói dối mà người kia không biết tiếng Việt, dấu có nói bao nhiêu cũng không thành tội, bởi vì nghiệp không thành, người đó không hiểu, hoặc người đó điếc, hoặc mình viết giấy nói dối nhưng không ai đọc được, cũng không thành vọng ngữ, không thành tội. Hoặc mình ra dấu mà người kia không hiểu, tất nhiên không thành vọng ngữ và cũng không thành nghiệp.

Vậy nghiệp là người nghe, thấy sự vọng ngữ mà họ nhận hiểu được, thì mới gọi là nghiệp vọng ngữ, phạm tội. Nhấn đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, thì vọng ngữ đã thành tội rồi.

Không thấy nói thấy, thuộc về khẩu vọng (*tất cả chuyện nói ra lời*). Thân vọng ngữ như ra dấu, gật đầu, khoát tay có tính cách dối thì thuộc thân vọng ngữ.

Theo lệ trong nhà Phật, hễ việc gì mình bằng lòng và nhận là phải thì làm thình khi nhóm chúng có người hỏi, nếu không bằng lòng và không nhận như vậy thì lên tiếng để đính chánh lại hay là cãi lại. Như trong chúng câu hội lại để Bồ tát vị thay mặt trong Đại chúng để tụng giới hỏi rằng: “Trong Đại chúng đây được thanh tịnh không? Nếu thanh tịnh thì làm thình, hễ có phạm tội thì nói ra lời, khai tội ra, còn làm thình đó tức là nhận mình là thanh tịnh, không có tội”. Bây giờ, có tội mà rồi vẫn ngồi làm thình, cái tướng, cái thân làm thình đó, nghĩa là không mở miệng ra, không đứng dậy, không quỳ lên, mọi người chung quanh nghĩ rằng người đó thanh tịnh, không có tội nhưng chính người đó là có tội. Như vậy tất nhiên là thân vọng ngữ rồi. Lại trong cái thân vọng ngữ đó kèm thêm

cái tâm vọng ngữ. Tâm vọng ngữ là chi? Là trong lúc đó, tâm mình biết rằng mình có tội mà vẫn lặng thinh, đó thuộc về ở nơi tâm vọng ngữ.

Tâm niệm nói dối là cái nhờn, chứ không có cách thức vọng ngữ, không nói ra lời nói dối, chớ thiệt ra không có tội gì hết.

Đây nói đã có tâm niệm vọng ngữ thì thành tội. Chính ta có tội, người khác hỏi ta mà làm thinh, để người xung quanh làm mình là người thanh tịnh, là có tội. Còn như thấy mà người khác hỏi làm thinh không nói, tất nhiên người đó không biết gì, chừng nào thấy có mà nói không, mới phạm tội. Giả sử người hỏi mà mình nói họ không hiểu, thì cũng không có tội.

Như vậy hoặc tâm, hoặc thân, hoặc miệng nói ra những lời dối hay là ra dấu hay nơi tâm có sự dối, mà người xung quanh nhận hiểu, như vậy thành tội.

Giới này cũng đủ bốn điều kiện mới thành phạm. Bốn điều kiện ấy là: NHON, DUYÊN, CÁCH THỨC, NGHIỆP. Nghiệp là người khác nhận hiểu được sự nói dối của ta biểu hiện qua những hình thức, hoặc từ nơi miệng nói ra, hoặc thân ra dấu, hay chỉ ở nơi tâm niệm.

**“Là Phật tử phải luôn luôn có chánh ngữ, chánh kiến”** nghĩa là luôn luôn chánh trực ngay thẳng, chơn chánh; mà trái lại làm cho mọi người tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

Vì trong sự hư vọng đó có nhiều cách, hoặc lời nói hư vọng, hành vi hư vọng, đời sống việc làm hư vọng cho nên gọi là tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp. Do sự hư vọng của mình làm cho người khác hiểu lầm, biết sai, như vậy người khác sanh ra tà kiến, hành vi dối trá... Nghề nghiệp dối trá thuộc về tà nghiệp và cũng để xúi bẩy hay làm gương dạy người nói lời dối trá, thuộc về tà ngữ. Sự dối trá ấy, là duyên cho những người khác

cũng thành dôi trá. Do đó hại mình, hại người, trái với từ bi, hiếu thuận của Phật tử thọ Bồ tát giới, vì thế nên phạm Bồ tát Ba la di tội.

Nhưng đây có hai phần: phần phạm trọng mất giới, với phạm trọng không mất giới.

Phạm trọng không mất giới là nói dối thường, vì không mất giới cho nên sám hối được tiêu tội. Còn trọng mất giới là như dối rằng mình đã chứng bậc Thánh hay là niệm Phật chưa được nhứt tâm bất loạn, mà xưng rằng tôi niệm Phật được nhứt tâm bất loạn hoặc nói dối rằng tôi niệm Phật hay nằm ngủ chi đó, thấy Phật đến xoa đầu tôi. Hoặc nói tôi tu đã được niệm lực tương tục, được niệm Phật Tam Muội, hay là được chứng những pháp gì đó. Như vậy, gọi là phạm tội nặng mất giới.

Người phạm tội trọng mất giới, nếu muốn có giới lại phải sám hối cho đến khi thấy được hảo tướng, rồi mới thọ giới lại. Còn ngoài những nói dối kể trên thì phạm tội trọng không mất giới và thiệt tâm sám hối tội sẽ tiêu và trở lại thanh tịnh như cũ.

## 5. GIỚI BÁN RƯỢU

**“Nếu Phật tử, tự mình bán rượu, bảo người bán rượu: nhưn bán rượu, duyên bán rượu, cách thức bán rượu, nghiệp bán rượu. Tất cả rượu không được bán. Rượu là nhưn duyên sanh tội lỗi. Là Phật tử, lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh có trí huệ sáng suốt, mà trái lại đem sự mê say điên đảo cho chúng sanh, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.**

Bồ tát lấy hạnh lợi tha, giác tha làm chánh, mà bán rượu là cố ý làm cho người khác say sưa, mất sự khôn ngoan, trí huệ, làm hại người khác thành ra hại tha.

Hạnh nguyện của Bồ tát là lợi tha, mà làm hại tha nên phạm tội trọng. Còn mình tự uống rượu thuộc tội khinh, vì chỉ hại mình mà thôi.

Sự bán rượu thành tội cũng có bốn điều kiện:

1. Nhon: tâm niệm cố ý bán
2. Duyên: người đến mua
3. Cách thức bán: đong rượu, cân rượu, vô chai
4. Nghiệp: người mua đã mua xong

Tất cả tội lỗi chi, đều có thể phạm hết, nên nói rượu là nhon duyên sanh tội lỗi.

**“Là Phật tử, lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh có trí huệ sáng suốt”**. Bồ tát phải làm cho chúng sanh hết sự si mê, có trí huệ sáng suốt. Bây giờ đem rượu bán cho chúng sanh uống say sưa, điên đảo, như vậy phạm tội trọng.

Bán rượu phạm tội trọng mà không mất giới, nghĩa là sau khi phạm rồi ăn năn, thành tâm sám hối, thì tội được tiêu, trở lại thanh tịnh. Từ giới thứ năm đến giới thứ mười đều phạm giới trọng mà không mất giới. Nhưng nếu phạm rồi không ăn năn, cứ tiếp tục phạm là mất giới.

Cho đến rượu thuốc cũng không được bán vì rượu thuốc uống nhiều cũng say. Nếu người thọ ngũ giới không được uống rượu, nhưng bán rượu không phạm. Người thọ Bồ tát giới tất cả rượu không được bán, dù là rượu bồ, rượu thuốc vì tất cả đều làm cho người say sưa cả.

Nói về giới thể, giới tánh, thì đều có nói trong giới Bồ tát đây nương nơi tự tâm bản tánh bình đẳng thanh tịnh của tất cả mọi người, cũng như của tất cả Bồ tát. Như vậy, không sát sanh, không trộm cướp v.v... Thế nào nương nơi tự tánh bình đẳng thanh tịnh mà lập? Vì tự tánh bình đẳng thanh tịnh đó... bản lai không có sự sát hại, mà bây giờ nếu sát hại (sát sanh)

thì trái với nơi tự tánh bình đẳng thanh tịnh. Mà đã trái là hành động cũng trái thì không thể nào được vào nơi tự tánh bình đẳng thanh tịnh, chỉ thuận mới được vào, mà thuận là không có sự sát hại, sát sanh.

Và nơi thể tánh thanh tịnh đó, bản lai không gian tham, vậy nếu trộm cướp, tất trái với tự tánh thanh tịnh. Bây giờ không trộm cướp không gian tham, thì thuận với tự tánh thanh tịnh. Còn dâm dục cũng như vậy, nếu dâm dục là uế trược. Vì thế nên phải dứt sự dâm dục để thuận với tự tánh thanh tịnh. Đã thuận rồi thì có thể ngộ chứng. Cũng như bản lai tự tánh không dối trá, nếu dối trá, vọng ngữ, thì trái với tự tánh thanh tịnh, vì thế muốn thuận với tự tánh thanh tịnh thì đừng dối trá vọng ngữ.

Tự tánh thanh tịnh bản lai là sáng suốt, mà bây giờ say sưa thì thêm sự điên đảo mê muội. Như vậy trái với tánh bản lai sáng suốt của tự tánh thanh tịnh. Vì thế nên không bán rượu, nghĩa là tránh biểu tượng mê lầm điên đảo, tất nhiên thuận với cái sáng suốt của tự tánh thanh tịnh. Mà có thuận với tự tánh thanh tịnh mới có thể ngộ nhập, phát hiện được ở nơi tự tánh thanh tịnh.

Tóm lại, tự tánh thanh tịnh bản lai không có sự sát hại, không gian tham, không ô trược, không hư vọng, cũng như không có sự mê lầm điên đảo. Bây giờ, nếu sát sanh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ hay là bán rượu, đó là trái với tự tánh thanh tịnh.

Mà muốn bỏ trái làm theo thuận, đức Phật mới chế điều giới: không được sát sanh, không được trộm cướp, không được dâm dục, không được vọng ngữ, không được bán rượu.

## 6. GIỚI RAO LỖI CỦA TỨ CHÚNG

**“Nếu Phật tử, tự miệng rao nói những tội lỗi của Bồ tát xuất gia, Bồ tát tại gia, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc bảo**

**người rao nói những tội lỗi ấy: nhưn rao nói tội lỗi, duyên rao nói tội lỗi, cách thức rao nói tội lỗi, nghiệp rao nói tội lỗi. Là Phật tử, khi nghe những kẻ ác, ngoại đạo cùng người Nhị thừa nói những điều phi pháp, trái luật trong Phật pháp thì phải luôn luôn có lòng từ bi giáo hóa những kẻ ác ấy cho họ sanh tín tâm lành đối với Đại thừa, mà trái lại Phật tử lại tự mình rao nói những tội lỗi trong Phật pháp. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.**

Nghĩa là không được nói lỗi của Tứ chúng. Lỗi này rất nặng. Lại tự miệng rao nói tội lỗi của Bồ tát xuất gia. Bồ tát tại gia, của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc bảo người rao nói những tội lỗi ấy. Tội lỗi của người mình mắt được thấy, tai được nghe, nhưng miệng không được nói. Trừ trường hợp người phạm tội không hay biết, thì mình khuyên cho biết để vị đó chừa bỏ ăn năn sám hối cho tiêu tội. Hoặc người phạm tội không chịu sám hối, không chịu chừa bỏ thì mình có bốn phận thừa các bậc trên răn nhắc (nên trình riêng với người có trách nhiệm) để ngăn ngừa tội lỗi hay bảo người ấy sám hối. Như vậy là việc tốt. Còn nếu đem thuật lại cho người này người kia nghe bàn bạc tới lui đều là tội rao nói cả. Do đó, cho nên hằng ngày phải cẩn thận. Việc tội lỗi của người tai nghe mắt thấy nhưng miệng không được rao nói.

Đức Phật dạy: “Thấy người có những điều trái luật trong Phật pháp, thì phải khuyên, phải giáo hóa cho họ sanh tín tâm lành đối với pháp Đại thừa”. Mà những người đi rao nói việc đó Phật gọi là những kẻ ác.

Bởi vì những người đó làm mất uy tín của chánh pháp. Họ trọng chánh pháp, trọng Phật, họ luôn nhìn vào hàng đệ tử Phật. Nếu hàng đệ tử Phật thực hành đúng theo chánh pháp, thì người ta kính mến, rồi kính pháp, trọng Phật... Nếu họ khinh khi hàng đệ tử Phật thì giáo pháp của Phật, họ không dám gần, cũng không trọng Phật nữa.



Do đó, trong giới tu hành với nhau, nếu có lỗi thì mình tìm cách ngăn ngừa cho nhau, khuyên lơn nhau sám hối cho tiêu tội, được thanh tịnh. Còn bằng không thì mình cũng không nên đem rao nói tội lỗi ra. Bởi vì đem rao nói người nghe họ sẽ khinh khi chung cả. Một khi người ta đã khinh rồi, thì giáo pháp của Phật khó làm cho người ta tin tưởng được vậy.

Giới này cũng đủ bốn điều kiện mới thành phạm:

1. Nhơn: rao nói tội lỗi là tâm cố ý rao nói những lỗi của người khác.

2. Duyên: nghĩa là cũng có người đối diện với mình để nghe cái lỗi của mình thuật, hay nói những điều lỗi đó.

3. Cách thức: hoặc nói ra lời, hoặc viết thơ, viết giấy hay đăng quảng cáo hay làm cách gì đó cho người khác được biết việc đó, rồi người nghe nhận hiểu được lời nói rao tội lỗi.

4. Nghiệp: khi nhận hiểu được đó thì thành nghiệp

Nếu rao nói tội lỗi của tứ chúng thuộc về giới trọng, hoặc nói người đó ăn trộm, tà dâm, hay phạm dâm, vọng ngữ v.v... đó là những tội lỗi về giới trọng của người đó đã phạm mà đem rao nói. *Người đem rao nói đó là phạm trọng.*

Còn đem rao nói những tội giới khinh ở phía sau, thuộc giới thứ sáu. Nhưng ở trong giới trọng thuộc nơi phần vì rao nói những lỗi khinh nên phạm lỗi khinh trong giới trọng? Nếu rao nói những tội lỗi thuộc giới trọng thì phạm lỗi trọng trong giới trọng. Còn rao nói những lỗi khinh thì phạm về tội khinh trong giới trọng. Trong giới này phân ra trọng và khinh, dù trọng dù khinh cũng quy về giới trọng này hay là lỗi trọng trong giới trọng vậy.

Do đó, phải cẩn thận, nếu không hằng ngày phạm lỗi này không ít. Mình gặp nhau nói chuyện nên nói chuyện lợi ích, điều tốt, điều hay, khuyên nhau tu hành, hay bàn việc gì có lợi trong đạo, thêm uy tín, công đức cho Phật, Pháp, Tăng, chứ

không nên gặp nhau đem chuyện người này, chuyện người kia để nói bàn. Cái bịnh thông thường của người là hay tìm kiếm những cái dở của người để bàn nói với nhau, nhưng không biết nói như vậy là phạm tội.

Đây là nói đem ra những lỗi có thiệt của người khác mà còn phạm tội nặng, huống chi là việc vu khống, vu oan nữa thì tội lỗi càng nặng hơn.

## 7. GIỚI TỰ KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI

**“Nếu Phật tử, tự khen mình chê người, cũng bảo người khác khen mình chê người: nhưn chê người, duyên chê người, cách thức chê người, nghiệp chê người. Là Phật tử lẽ ra phải thay thế chịu những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sanh, mình nhận lấy việc xấu, nhường cho người việc tốt. Nếu Phật tử tự phô dương tài đức của mình mà đim che điều hay tốt của người, làm cho người bị khinh chê, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.**

### LƯỢC GIẢI

Những điều hay tốt của mình thì phải tự mình khiêm tốn và phải nêu cao khen tặng điều hay tốt của người khác, chớ không được khoe khoang những điều hay tốt của mình mà đim che điều hay tốt của người và vạch kẻ những điều dở của người để chê.

Đây là nói việc hay dở của người để chê, nếu đem tội lỗi của người đó để bàn, để chê thì gồm cả hai tội. Chê phạm tội ở giới thứ Bảy, còn đem tội lỗi của người đó để bàn, nói thì phạm tội ở giới thứ Sáu.

Trong đây cũng có bốn điều kiện:

1. Nhưn: cố tâm khen mình chê người
2. Duyên: người mà mình đối diện để nói

3. Cách thức: hoặc ra dấu, lời nói hay viết chữ

4. Nghiệp: người kia nghe hiểu được lời nói đó thì đã thành nghiệp

Đức Phật dạy cặn kẽ: bốn phạm người Phật tử thì phải chịu thay thế những sự khinh chê khổ nhục cho mọi người, cho tất cả chúng sanh, những việc gì hay tốt nhường cho người, những việc xấu thì mình gánh lấy.

Bốn phạm người Phật tử có tâm Bồ tát thì phải như vậy. Mà bây giờ ngược lại, đem tài đức của mình phô dương ra, rồi những điều hay tốt của người khác thì dìm che để cho người bị khinh chê, như vậy phạm tội trọng thứ bảy này.

Nếu mình dìm che điều hay tốt của người là trái với hạnh tùy hỷ công đức. Trong phẩm Phổ Hiền có nói: “Dù chúng sanh có một việc lành việc tốt nhỏ như hạt bụi đi nữa, cũng phải ca tụng ngợi khen, tán thán để cho tất cả chúng sanh nương nơi sự tán dương đó mà phấn khởi làm lành”.

Người Phật tử chỉ được khen tặng điều hay, điều tốt, điều lành của người khác, chớ không được dìm che điều hay tốt của người. Nếu dìm che điều hay tốt của người, làm cho người mất sự phấn khởi để làm lành. Vì người ta làm tốt, làm lành mà không được ai khen ngợi, nâng đỡ, khuyến khích, tất nhiên việc ấy người ta làm một cách rụt rè, rồi thối lui. Như vậy trái với tâm Bồ tát. Bồ tát là phải làm cho chúng sanh tăng trưởng thiện căn mà người ta chưa có, phải làm sao cho người ta có, đã có rồi phải làm sao cho được tăng trưởng. Mà cách làm cho tăng trưởng căn lành của họ, không gì bằng sự khen tặng điều lành tốt để khuyến khích.

Bây giờ họ có dịp làm lành, làm tốt lại đi dìm che, tìm những cách này, kia để cho họ thôi tâm làm lành, làm tốt. Do đó, trái với bốn nguyện mà cũng mất hạnh Bồ tát cho nên phạm tội.

## 8. GIỚI BỎN SẼN THÊM MẮNG ĐUỐI

“Nếu Phật tử, tự mình bỏn sẻn, bảo người bỏn sẻn: nơn bỏn sẻn, duyên bỏn sẻn, cách thức bỏn sẻn, nghiệp bỏn sẻn. Phật tử khi thấy những người bạn cùng đến cầu xin, thời phải cấp cho theo chỗ cần dùng của họ. Mà Phật tử lại đem lòng giận ghét, cho đến không cho một mảy, có người đến cầu học giáo pháp, cũng chẳng nói một kệ một câu, lại còn xua đuổi quở mắng, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.

### LƯỢC GIẢI

Bỏn sẻn là hà tiện, có mà không chịu xả, chịu thí. Chẳng những không chịu thí xả mà lại còn mắng đuổi người đến xin nữa, cho nên phạm tội.

Giới này cũng có bốn điều kiện:

1. Nơn: tâm niệm bỏn sẻn
2. Duyên: tiền hay pháp do người đến cầu xin (xin tài vật hay xin pháp đó vậy)
3. Cách thức: có tiền có vật lại đem dấu đi, hoặc làm cách tỏ vẻ thiếu thốn, hoặc nói tôi không có chẳng hạn
4. Nghiệp bỏn sẻn: nghĩa là khi xua đuổi người đến xin, làm họ thất vọng hoàn toàn, khi họ bước lui đi thì thành nghiệp.

Đức Phật nói bốn phạm người thọ giới Bồ tát: “Phật tử khi thấy những người bạn cùng đến cầu xin phải cấp cho theo chỗ cần dùng của họ”.

Thực hành Bồ tát hạnh, khi thấy những người bạn cùng đến cầu xin thì coi họ như là đại ân nhân, đại tri thức của mình, chẳng những mừng rỡ mà còn trọng người đến xin nữa. Bởi vì nghĩ rằng: người đó đến xin, ta mới có dịp thực hành hạnh bố thí, ta mới thành tựu công đức bố thí Ba la mật. Nếu

không có người đến xin thì dù cho có muốn bố thí cũng không biết làm sao bố thí được, muốn thành tựu công đức Đản ba la mật không thể nào mà thành tựu được!

Do đó, đối với người đến cầu xin, coi họ là ân nhân rất lớn, vui vẻ sẵn sàng để cung cấp theo sức của mình đối với sự cần dùng của họ. Nếu họ cần tiền thì cho tiền, cần gạo cho gạo, cần quần áo cho quần áo; cho đến họ cần pháp thì bố thí pháp. Còn nếu không được như vậy thì hạnh Bồ tát đã không có rồi, mà trái lại còn phạm tội trọng.

**“Dem lòng giận ghét cho đến không cho một mảy”**, đó là nói vật chất. Còn người đến cầu học giáo pháp cũng chẳng nói một kệ một câu để cho người ta hiểu biết, lại còn xua đuổi quở mắng nữa.

Nếu người đến xin thất vọng, lúc họ thất vọng quay đi, tất nhiên người bỏn sẻn xua đuổi đây phạm tội trọng.

## 9. GIỚI GIẬN HỒN KHÔNG NGUÔI

**Nếu Phật tử, tự mình giận, bảo người giận, nơn giận, duyên giận, cách thức giận, nghiệp giận. Người Phật tử lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh được những căn lành không gây gỗ, thường có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Mà trái lại đối với trong tất cả chúng sanh, cho đến trong loài phi chúng sanh đem lời ác mạ nhục, còn thêm dùng tay chân, dao gậy để đánh đập mà vẫn chưa hả dạ, cho đến nạn nhân kia lấy lời nhỏ nhẹ xin lỗi, cầu sám hối, tạ tội, nhưng vẫn còn không hết giận. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.**

## LƯỢC GIẢI

Phạm người đã thọ giới Bồ tát rồi phải luôn luôn có lòng từ bi, thương người, thương vật, đã không thương hại còn

giận, nếu có giận thì sau phải hỷ xả, không nên chứa chấp trong tâm, hờn mãi, như vậy thì phạm tội.

Bảo người giận là xúi người giận như nói rằng: người đó làm việc đó đáng giận lắm! Giới này cũng có bốn điều kiện:

1. Nhơn: tâm giận
2. Duyên: người làm trái ý đó
3. Cách thức: hoặc nói ra lời, dùng tay chân để hất, đánh đập, trợn mắt, đỏ mặt v.v...
4. Nghiệp: không chịu hỷ xả tức nhiên thành nghiệp. Thực ra, chưa ai tránh khỏi sân hận khi cảnh đến, nhưng giận rồi phải hỷ xả. Còn nếu ôm lòng sân hận mãi không thôi thì phạm tội trọng.

Bốn phận người thọ Bồ tát giới, thì phải làm cho tất cả chúng sanh tăng trưởng thiện căn, vô tránh, nghĩa là không giận nhau, không hờn nhau, không gây gổ tranh đấu nhau, mà phải luôn luôn có lòng cung kính thương xót, nên gọi là thường phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Đây đã không được như vậy mà còn đi giận chúng sanh, dùng những lời ác mắng nhiếc để mạ nhục còn dùng tay, chân, dao, gậy đánh đập. Nhưng cũng chưa thôi, chưa chịu hết giận, cho đến nạn nhân kia dùng lời nhỏ nhẹ để tạ tội, van xin, cũng vẫn không hết giận, không chịu hỷ xả, không thương xót cứ giận mãi.

**“Loài phi chúng sanh”** là những loài vô tình như: cây, đá v.v... Nhiều khi giận trời, giận đất, giận gió, giận mưa. Như vậy đối với trời đất, cây cỏ mà sanh ra sân giận. Đây chính là đối với loài phi chúng sanh mà sân giận. Như có người giận trời đến nỗi lấy cây sào đứng giữa sân mà thọt lên trên không. Có khi người ta vác rựa, vác búa ra mà chặt cả cây cối, như vậy gọi là sân với loài phi chúng sanh. Có người giận chén, ly, tách đập bể hết, bàn ghế cũng xô ngã lăn.

Nếu như giận mà không chịu xả thì mất tâm từ bi, muốn cho chúng sanh chịu khổ vì cơn giận của mình. Cho nên trái với tâm từ bi, mất hạnh Bồ tát, tất nhiên phạm tội trọng.

## 10. GIỚI HỦY BÁNG TAM BẢO

**Nếu Phật tử, tự mình hủy báng Tam Bảo, xúi người hủy báng Tam Bảo: nhưn hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng. Phật tử khi nghe một lời hủy báng Tam Bảo của ngoại đạo và kẻ ác, còn đau lòng như ba trăm cây nhọn đâm vào tim mình, hướng là tự miệng mình hủy báng. Không có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam Bảo, lại còn giúp sức cho những kẻ ác tà kiến hủy báng nữa, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.**

### LƯỢC GIẢI

Tam Bảo phải kính trọng, lúc nào cũng phải làm cho giá trị uy tín của Tam Bảo được nêu cao, để cho chúng sanh ngưỡng mộ, hướng về Tam Bảo để hết khổ, bớt khổ... mà bây giờ lại đi phỉ báng làm mất giá trị uy tín của Tam Bảo, do đó nên phạm tội. Có muôn ngàn hình thức hủy báng. Nghĩa là nếu làm hành động gì, lời nói gì mà có tổn thương đến giá trị, uy tín của Tam Bảo đều gọi là hủy báng Tam Bảo cả.

Giới thứ Tám thuộc về tham, giới thứ Chín thuộc về sân, giới thứ Mười thuộc về si. Giới thứ Tám do tham lấy bòn sên làm chánh. Giới thứ Chín do sân lấy cắn hờn làm chánh. Giới thứ Mười do si lấy tà kiến làm chánh. Hễ hủy báng Tam Bảo tức nhiên là tà kiến. Kính tin Tam Bảo là chánh kiến.

Do hủy báng Tam Bảo, cho nên không có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam Bảo, không kính ngưỡng Tam Bảo, tin tưởng sùng trọng Tam Bảo. Nếu kính tin, ngưỡng mộ ngôi Tam Bảo, thì vào được trong nhà Tam Bảo để theo chánh pháp của Phật tu hành, được giải thoát khỏi khổ. Giờ đây ta

hủy báng Tam Bảo, làm cho mất giá trị, mất uy tín, như vậy chúng sanh sẽ không dám gần Tam Bảo, cho nên mất sự lợi ích không được giải thoát, tức nhiên làm cho chúng sanh mất điểm tựa để thoát khổ được giải thoát, vì thế mất lợi lớn của chúng sanh, cho nên phạm tội.

Nếu phanh phui hủy báng ngôi Tam Bảo bằng hành động, lời nói bất luận, ở nơi hình thức nào, làm tổn thương đến uy tín giá trị của Tam Bảo, đều là hủy báng cả. Còn nếu xúi người khác hủy báng, thì tội càng nặng hơn, thường thì hay phạm tội này, vì ban đầu một mình, rồi kéo dặt người khác hủy báng nữa.

Trong mười giới trọng này, ban đầu từ giới sát sanh đến giới vọng. Bốn giới này thuộc về Tánh giới. Nếu phạm thì mất giới (nếu phạm phần Tánh, phần nặng).

Như giới sát sanh, giết người trở lên, phạm trọng mất giới, còn giết những loài nhỏ phạm trọng không mất giới. Còn trộm cướp từ năm tiền trở lên thì phạm trọng, mất giới, còn dưới số đó, phạm trọng không mất giới.

Vọng ngữ, nếu là đại vọng ngữ xưng mình là chứng Thánh được pháp siêu phàm, đó là vọng ngữ thuộc về tội trọng mất giới, còn vọng ngữ thường, phạm trọng không mất giới.

Giới dâm, nếu mà phạm thì mất giới, không có phạm trọng mà không mất giới, chỉ có phạm trọng mất giới mà thôi. Phạm trọng không mất giới nghĩa là phương tiện để hành dâm chưa thành dâm, hoặc do nhân duyên gì đó mà chặn lại được.

Như vậy không có phương tiện hoạt động, nhưng nó chưa thành nghiệp, nên phạm trọng không mất giới.

Như vậy, giới sát sanh, trộm cướp, vọng ngữ có phân ra phạm trọng mất giới và phạm trọng không mất giới. Nếu phạm trọng mất giới, phải sám hối rồi thọ giới lại. Còn phạm trọng không mất giới, thì sám hối rồi được thanh tịnh trở lại.



Còn giới dâm hay tà dâm, nếu đã phạm thì thành nghiệp phạm trọng thì mất giới.

Còn sáu giới sau: là giới bán rượu cho đến giới hủy báng Tam Bảo là phạm trọng không mất giới. Nhưng nếu không chịu ăn năn sám hối, chưa bỏ thì dần dần lâu ngày sẽ trở thành tội trọng mất giới.

Tóm lại, trong mười giới trọng phân ra làm ba:

- Những giới phạm trọng mất giới (sát sanh, trộm cướp, vọng ngữ) và cũng vừa phạm trọng không mất giới

- Những giới chỉ riêng phạm trọng mất giới (giới dâm, tà dâm).

- Những giới phạm trọng không mất giới (sáu giới sau)

Trong mười giới trọng, cứ theo hành tướng của nó thuộc Tánh giới hay là Giá giới để phân ra có ba loại giới khác nhau.

Bốn Tánh giới: sát sanh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ cần phải giữ gìn cho kỹ.

Còn sáu giới sau, thì cũng rất đáng sợ! Như giới rao lời của Tứ chúng, tự khen mình chê người, hai giới này thường hay phạm lắm vì khi tiếp chuyện hằng ngày với nhau, chuyện vãng lai vô tình đem chuyện người này nói chuyện người kia, phải thận trọng nếu không sẽ phạm tội, làm cho thiện căn, công đức khó tăng trưởng.

Còn những giới kia rất rõ ràng như giới: bán rượu, bán sên, giận hờn, hủy báng Tam Bảo.

Giới rao nói lời tứ chúng, nói đúng lỗi còn phạm, nếu bịa đặt vu khống phạm tội phao vu còn nặng hơn!

Do đó cho nên đức Phật nhắc người thọ Bồ tát giới phải thuộc, phải tụng mười điều giới này. Nếu không thuộc, không tụng thì người ấy không phải là Phật tử, không phải là Bồ tát. Nghĩa là người đó không xứng đáng là người đã thọ giới Bồ

tát. Vì thế nên Đại chúng nếu không thuộc hết quyển giới này thì cố gắng thuộc mười giới trọng để hằng ngày kiểm điểm hành vi cử chỉ, lời nói của mình, nhờ đó mới tránh được tội và công đức lành được phát sanh.

\*

## V. ĐỨC PHẬT KẾT RĂN

**“Này các Phật tử: trên đây là mười giới trọng Bồ tát các Phật tử cần nên học!**

Trong mười giới đó, không nên trái phạm một giới nào cả, dầu một mảy nhỏ như vi trần, huông chi phạm đủ cả mười giới ư! Nếu có người nào trái phạm thì người ấy hiện đời không được phát Bồ đề tâm, rồi cũng mất ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, ngôi Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cũng mất những quả Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa, tất cả diệu quả Phật tánh thường trụ đều mất, đọa trong ba ác đạo, trong hai kiếp, ba kiếp chẳng được nghe danh tự của cha mẹ và Tam Bảo. Vì thế nên không được phạm một giới nào cả. Tất cả Bồ tát các Ngài đã học, sẽ học và hiện nay học. Mười giới như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì”.

## LƯỢC GIẢI

Đức Phật răn nhắc, cần phải học, nghĩa là phải hiểu cho rành. Phần đọc tụng ghi nhớ đã đành mà cần phải học, học có nghĩa là phải nghiền ngẫm, phải suy nghĩ, tư duy.

Dầu một mảy nhỏ như vi trần cũng không được phạm. Vì nhiều khi không thiệt thành tội, nhưng không giữ kỹ, thì có nhiều điều sơ sót, nhiều lần phạm lỗi nhỏ trở thành lớn.

Như giới sát sanh chẳng hạn, không hẳn là thiệt giết như phải kiến, đập muỗi, chà rệp v.v... mà làm lỡ tay cho nó chết, tuy không cố ý, song cũng phạm tội, vì cũng có một phần nào tâm niệm sân.

Nếu những lỗi nhỏ mình không ngăn ngừa, thì lâu ngày gây nên tội nặng cho nên bài tựa nói “**Không nên coi thường những lỗi nhỏ**”, nghĩa là dù lỗi nhỏ sẽ trở thành những lỗi lớn. Giọt nước coi nó nhỏ, nhưng nhỏ giọt hoài, tất nhiên cũng đầy cả lu lớn, nghĩa là dù lỗi nhỏ mà cứ khinh suất để cho phạm hoài, lỗi nhỏ đó dần dần thành lỗi lớn.

Nếu có người nào trái phạm, thì người ấy hiện đời không phát Bồ đề tâm. Tâm Bồ đề mất rồi, thì công đức lành không thể sanh được, cho nên mất luôn những quả lành. Rồi cũng mất luôn ngôi Quốc vương, ngôi Chuyển Luân Vương, ngôi Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cũng mất những quả Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa, tất cả diệu quả Phật tánh đều mất.

Nếu phạm những điều trọng này, tất nhiên hơn lành không có thì quả lành làm sao có được? Những quả lành thế gian, xuất thế gian, Quốc vương, Chuyển Luân Vương là quả lành về thế gian, còn như Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa là quả lành xuất thế gian. Rồi cho đến quả vị Phật tánh thường trú cũng mất. Tất cả những quả lành thế gian và xuất thế gian đều mất, do vì không có hơn lành. Bởi do phạm mười điều giới trọng này, tất nhiên thành nghiệp ác. Do vì nghiệp ác, nên đọa trong ba ác đạo, trong hai kiếp, ba kiếp, chẳng được nghe danh tự của cha mẹ và Tam Bảo.

Đọa trong ba ác đạo là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, ở đây đức Phật lại nói trong hai ba kiếp không được nghe danh tự của cha mẹ và Tam Bảo, đúng thiệt như vậy.

Bây giờ ta thử hỏi con chó, nó làm sao biết được danh tự cha mẹ hay là Phậ, Phá, Tăng. Loài chó, trâu bò nó hơn các loài khác còn như vậy, huống chi các loài như kiến, ruồi, muỗi mòng, con dế, con sâu làm gì mà biết được? Vì sự hại lớn như vậy, cho nên đức Phậ mới nói: “Vì thế nên không được phạm một giới nào cả”. Phải giữ gìn mười điều giới này cho cẩn thận đừng để phạm.

Vì đức Phậ đương giảng với các vị Bồ tát, nên đức Phậ mới nói tất cả Bồ tát hiện tại đây là đương học, nếu các vị Bồ tát quá khứ thì đã học, các vị Bồ tát vị lai cũng sẽ học. Nghĩa là đã Bồ tát thì đều phải học giới này cả.

Mười giới như trên, ai nấy cần nên học và kính trọng phụng trì. Học rồi phải hết sức kính trọng, kính trọng phải giữ gìn.

Đây ghi thêm về sự giảng rộng mười điều giới trên, trong “Bát vạn oai nghi”, bởi vì bộ kinh Phạm Võng có nhiều phẩm.

\*

## VI. BỐN MƯƠI TÁM ĐIỀU GIỚI KHINH

Trong 48 điều giới khinh đây, thiệt ra có nhiều giới cũng hệ trọng lắm, nhưng nói “khinh”, bởi vì đối với mười giới trọng ở trước, gọi là khinh. Những điều giới khinh sau đây, nếu lỡ sai phạm thì thiệt tâm sám hối tội sẽ tiêu và trở lại thanh tịnh.

Đức Phậ bảo các vị Bồ tát rằng: **“Đã lược giảng mười giới trọng rồi, sau đây Ta sẽ nói về 48 điều giới khinh”**.

### 1. GIỚI KHÔNG KÍNH THẦY BẠN

**“Nếu Phậ tử, lúc sắp lãnh ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, hay sắp lãnh chức quan, trước nên**

**thọ giới Bồ tát. Như thế, tất cả quý thần cứu hộ thân vua và thân các quan, chư Phật đều hoan hỷ”.**

### LƯỢC GIẢI

Lời đầu tiên của Phật khuyên mọi người nên thọ giới Bồ tát. Cho đến những vị sắp sửa sẽ có bốn phận để cai trị muôn dân, có bốn phận lãnh đạo dân chúng lại cần thọ giới Bồ tát, vì sao? Vì những người đó có bốn phận làm lợi ích cho nhơn dân thì nên thọ giới Bồ tát, thực hành giới Bồ tát đem sự lợi ích cho nhơn dân. Nếu thực hành giới này mà trị nước, trị dân chẳng những chư Phật đều hoan hỷ mà tất cả quý thần đều theo phò hộ vua và các quan.

**“Đã đắc giới rồi, Phật tử nên có lòng hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bậc Thượng tọa, A Xà Lê, những bậc Đại Đức, đồng học đồng kiến, đồng hạnh đến nhà, phải đứng dậy tiếp rước lạy chào, hỏi thăm. Mọi sự đều đúng như pháp mà cúng dường, hoặc tự bán thân cho đến quốc thành con cái cùng bảy báu trăm vật để cung cấp các bậc ấy. Nếu Phật tử lại sanh lòng kiêu mạn sân hận ngu si, không chịu tiếp rước lạy chào, cho đến không chịu y theo pháp mà cúng dường, Phật tử phạm Khinh cấu tội.**

### LƯỢC GIẢI

Giới thứ nhứt đây, phần lớn nói về tại gia, phải có sự kính trọng của bậc Thượng tọa, hoặc A xà lê, những bậc Đại đức đồng học, đồng kiến, đồng hạnh về Đại thừa Bồ tát giới, nghĩa là đồng hạnh Đại thừa thì phải cung kính, cúng dường. Nếu kiêu mạn, sân hận, ngu si mà không chịu cung kính, cúng dường đó, tức nhiên phạm giới, vì bốn phận của người Phật tử thì phải làm sao cho giá trị Đại thừa tăng lên.

Một là lợi ích cho mình, có sự cung kính cúng dường mới có phước lợi lớn. Hai là mọi người cùng cung kính để hướng

về Đại thừa, làm cho mọi người cũng được sự lợi ích nơi chánh pháp Đại thừa của Phật.

Trái lại đem tâm kiêu mạn, mà không chịu cung kính cúng dường thì phạm giới thứ nhứt này.

## 2. GIỚI UỐNG RƯỢU

**“Nếu Phật tử cố uống rượu, mà rượu là thứ làm cho người uống sanh ra vô lượng tội lỗi. Nếu tự tay trao cho người uống, sẽ mang ác báo 500 đời không tay, huống là tự uống. Cũng chẳng được bảo người và tất cả chúng sanh uống rượu, huống là tự mình uống. Tất cả các thứ rượu, Phật tử không được uống. Nếu mình cố uống và bảo người uống, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.**

### LƯỢC GIẢI

Phạm người đã thọ Bồ tát giới rồi thì không được uống rượu vì rượu làm cho người uống sanh ra vô lượng tội lỗi. Chẳng những mình không được uống cũng chẳng được bảo người khác uống, hoặc trao chén rượu cho người uống. Nếu tự tay trao chén rượu cho người uống sẽ mang ác báo 500 đời không tay. Tức là đọa vào loài không tay, do cái nhơn trao rượu cho người uống, làm cho người ta bị hại, cho nên bị quả báo không tay trong nhiều đời. Thí dụ đọa làm thân chó thì cũng không tay rồi, còn bao nhiêu loài không tay như chim, bò, trâu v.v... nữa đến có loài không cả tay chân như rắn, trùng v.v...

Như vậy bị đọa vào loài súc sanh không tay, tự mình uống còn nặng hơn nữa, vì trao chén rượu cho người uống còn phải chịu ác báo 500 đời không tay, còn mình tự uống không biết đọa bao nhiêu kiếp?

Nếu người bệnh, Phật khai cho, nhưng phải cho một người nào thọ giới như mình biết. Phải nói trước rồi mới uống, để

tránh sự hiềm nghi của kẻ khác. Trước khi uống ta phải phân minh rằng, tôi có bệnh như vậy, cần uống rượu như vậy để trị bệnh, sau khi lành rồi thì tuyên bố ra là dứt hẳn không uống nữa, để khỏi có sự hiềm nghi, xung quanh người ta nghĩ rằng đã có phạm giới. Có người thắc mắc rằng: “Tại sao ở giới bán rượu, Phật không cho bán rượu thuốc, còn ở giới này lại khai cho uống rượu khi bệnh?”. Vì có bệnh cần có rượu thuốc mới lành, cho nên Phật khai cho uống. Còn giới bán rượu ở trên, dù là rượu thuốc, nhưng cái đó thuộc về sanh lợi, không bán thì không có lợi, chứ không có hại gì, không đến nỗi tổn thương đến tánh mạng. Còn đây nếu không uống thứ rượu thuốc để trị bệnh thì không hết bệnh, do đó nên cho uống.

### 3. GIỚI ẪN THỊT

**“Nếu Phật tử cố ăn thịt. Tất cả thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn. Luận về người ăn thịt thì mất lòng đại từ bi, dứt giống Phật tánh, tất cả chúng sanh thấy đều tránh xa. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi. Vì thế nên tất cả Phật tử không được ăn thịt của tất cả mọi loài chúng sanh. Nếu cố ăn thịt, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

#### LƯỢC GIẢI

Đại chúng nên biết, nếu muốn có thịt để ăn thì phải sát sanh. Không tự giết thì cũng bảo người giết, cho nên ăn thịt là nguyên nhân cho sự sát hại sanh mạng của các loài vật. Tất cả các thứ thịt, không luận là thịt gì, từ thịt heo, bò cho đến tôm, ốc v.v... thuộc về loài thịt của chúng sanh đều không được ăn.

Có đạo cho rằng loài ốc, tôm không có máu như vậy ăn được. Còn có đạo nói trứng chưa lộn, nó không biết đau đớn nên ăn được.

Nhưng theo lời Phật dạy, xét kỹ nó thuộc về loài thịt đều không được ăn cả, bởi vì dù con tôm, con ốc thiệt sự nó không

có máu đi nữa, nhưng nó cũng ham sống sợ chết. Như con ốc biết khép mai khi nghe tiếng động, con tôm, con tép biết nhảy ngược khi mình đụng vào nó. Như vậy là nó có cảm giác biết đau, biết ham sống sợ chết, mới có những tác động như thế. Còn như các trứng, nếu ta ăn trứng mà chưa có tượng hình, nghĩa là chưa lộn, gọi rằng không có tội mà được ăn, như vậy những người có thai, hoặc một, hai tháng, hay bao nhiêu đó mà uống thuốc phá thai thì không có tội, bởi vì thai lúc đó nó cũng chưa thành hình gì. Mà nếu phá thai có tội, thì ăn trứng cũng có tội, bởi vì trong trứng nếu đủ duyên nó sẽ thành con gà hay con gì đó.

Như vậy nói tóm lại, mình y theo lời Phật dạy thì tất cả thuộc về tánh chất thịt đều không được ăn. Tuy thế, đức Phật cũng theo thời cơ của người đời. Do đó trong giới Tiểu thừa, lúc ban sơ Phật có cấm ăn thịt, nhưng cho ăn ba thứ thịt: không nghe bị giết, không thấy bị giết, không nghi người ta giết vì mình. Ngoài ra còn được ăn thêm các thứ thịt: con vật nó tự chết, hoặc con thú khác bắt ăn rồi còn dư.

Nhưng tìm cho được các thứ thịt đó mà ăn cũng khó lắm. Nếu mình chịu khó suy xét kỹ thì trong khi ăn cá hoặc thịt, mình có thể nghĩ rằng: vì sự ăn thịt của mình đây làm duyên cho người giết, xúi người ta giết.

Những người giết nếu không có người mua thì họ giết để làm gì? Có người nghĩ rằng, nếu mình không ăn thì cũng có người bán thịt, họ cũng giết như thường. Nhưng suy nghĩ kỹ: nếu một người không ăn thì sẽ bớt sự giết một phần, thì sự giết hại cũng ít đi.

Tại sao không được ăn thịt?

Đức Phật nói: “Người ăn thịt thì mất lòng đại từ bi, dút giống Phật tánh...”.



Phật tánh được phát triển là do tâm đại từ bi, Phật tánh ai cũng có, nhưng mà Phật tánh thành giống để thành Phật, là một việc khác, cho nên gọi là giống Phật tánh.

Bây giờ muốn cho nó thành giống để thành Phật, do nơi tâm từ bi mới phát được cái giống đó. Trái lại ăn thịt thì tất nhiên tâm từ bi làm gì cũng có được?

Tâm từ bi là lòng muốn cho chúng sanh khỏi khổ thường vui, mà bây giờ nỡ lấy cái khổ nhứt của chúng sanh để nuôi cái thân mình, ngon cái miệng mình, như vậy thì lòng từ bi làm gì có nữa?

Do đó, các loài cũng ham sống sợ chết, cho nên cá thấy người cá lặn, chim thấy người chim bay.

Có xứ họ không bắt chim thì chim nó vô trong nhà, nó thấy người không sợ sệt gì. Có những xứ không bắt cá thì cá nó lội nhờn nhờn trên mặt nước, thấy người không lặn. Mà bây giờ nó thấy nó tránh xa thì biết rằng do duyên giết hại, ăn thịt nó mà ra.

“**Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi...**”. Nghĩa là không phải một hay hai tội lỗi, mà đây Phật nói vô lượng tội lỗi vì nghiệp sát rất nặng.

**Vì thế, nên tất cả Phật tử, không được ăn tất cả thịt của mọi loài chúng sanh... Nếu cố ăn thịt, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

Do đó người đã thọ giới Bồ tát phải trường chay, không phải ăn chay kỳ, nếu lỡ ăn thịt thì phạm Khinh cấu tội, phải sám hối chừa bỏ thì được thanh tịnh.

#### 4. GIỚI ĂN NGŨ TÂN

“**Nếu Phật tử, chẳng được ăn loại “ngũ tân”: loại hành, hẹ, tỏi, nén và hưng cừ. Loại ngũ tân này gia vào**

**trong tất cả thứ thực phẩm đều không được ăn. Nếu cố ăn, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

## LƯỢC GIẢI

Hành, hẹ, tỏi, nén và hưng cừ.

Hưng cừ trong bốn tập bên này không có, không biết loại đó là loại gì ở thời kỳ của Phật. Bên này không có giống đó cho nên không biết hưng cừ là thứ gì? Ta đây có hành, hẹ, tỏi, nén, poirot họ kêu là tỏi Tây. Tỏi Tây, tỏi Tàu, tỏi Việt cũng không được ăn. Cũng như hành thì hành ta, hành Tàu, hành gì cũng không được ăn. Không có các món này thì cũng không đến nỗi chết, cho nên gắng giữ cho thanh tịnh.

Tại sao không được ăn ngũ tân? Trong kinh Lăng Nghiêm có cắt nghĩa những loại đó thuộc loài thảo mộc không có tội lỗi gì, nhưng vì chất của nó làm cho người ăn có hại, nhưt là đối với người tu hành vì nó thuộc về tánh nóng. Nếu ăn vào thêm nóng nẩy, làm cho người thêm nóng giận (sân hận). Còn nấu chín rồi thì nó lại thêm dâm dục. Đó là hại cho người tu hành. Còn mùi tanh của nó, ăn hôi cả miệng, hơi ra lỗ chân lông cũng hôi tanh nữa. Trong kinh nói, bởi vì do mắt Phật thấy, chư Thiên hay Thiện Thần sợ mùi đó lắm, tránh xa hết, còn các loài quỷ lại thích. Do đó trong kinh nói: Những người ăn các loại này, quỷ nó ưa đến liếm môi người đó. Mà khi liếm môi người đó cũng không hay, chỉ có mắt Phật mới thấy được.

Trong kinh Lăng Nghiêm nói: Người ăn các loại đó thì tụng kinh cũng không có phước, trì chú không linh nghiệm, ngồi thiền tập định gì cũng không thành. Do Phật nhãn xem thấy tai hại của nó như thế. Nếu ăn sống thì thêm sân, ăn chín thì thêm dâm, lại mùi tanh của nó làm cho thiện Thần, chư Thiên tránh xa, tất nhiên người lành cũng tránh rồi, còn ác quỷ nó lại thích, thường đến gần nó, nó liếm môi của người

đó. Cái hại của nó như tụng kinh thì không có phước, trì chú thì không linh nghiệm, thêm sân, thêm dâm, làm sao mà tu thiền luyện định được? Vì thế nên Phật răn cấm không được ăn, cho đến gia vị cũng không được ăn. Nếu ăn thì phạm Khinh cầu tội.

## 5. GIỚI KHÔNG DẠY NGƯỜI SÁM HỐI

**Nếu Phật tử, khi thấy người phạm Ngũ giới, Bát giới, Thập giới, phá giới hay phạm thất nghịch, bát nạn tất cả tội phạm giới v.v... phải khuyên bảo người ấy sám hối. Nếu Phật tử chẳng khuyên bảo người phạm tội sám hối, lại cùng ở chung, đồng sống chung, đồng chúng Bồ tát, đồng thuyết giới, mà không cử tội người ấy, không nhắc người ấy sám hối, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.**

### LƯỢC GIẢI

Thấy người khác thọ Ngũ giới có điều sai phạm, hoặc thọ Bát giới là Bát quan trai, hay là Thập giới. Phá giới tất nhiên là phạm nặng, đã phá hủy giới hạnh, đến phạm thất nghịch, thường ta chỉ biết ngũ nghịch: giết cha, giết mẹ, giết Thánh non, phá Tăng và ác tâm làm thân Phật chảy máu, thêm giết Hòa thượng, giết A xà lê thành ra thất nghịch.

Bát nạn là những nạn không thể lãnh thọ được chánh pháp như đọa tam đồ (sinh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Như làm người mà đui, điếc, câm, ngọng thì cũng không thể nào học được chánh pháp của Phật. Như sanh về Bắc Câu Lô Châu dầu hưởng phước, mà nơi đó không có Phật pháp. Hoặc sanh lên Vô Tướng Thiên, bao giờ cũng ở trong Vô tướng định, không thể nào lãnh thọ được giáo pháp của Phật. Nếu thấy người từ phạm giới, hay là phạm tội nghịch cho đến tạo nghiệp gì mà cảm quả báo nơi bát nạn này, nó làm chướng việc tu hành trong chánh pháp thì phải khuyên bảo người ấy

ăn năn, để họ quay trở về con đường chánh, cũng như họ biết điều tội lỗi đúng như pháp mà sám hối cho tiêu tội, được thanh tịnh.

Đó là lòng từ bi thương xót, muốn cho mọi người được phước, được vui, đều được khỏi tội. Đã là Phật tử thọ Bồ tát giới mà không thể khuyên bảo người phạm tội sám hối, rồi lại cùng ở chung, cùng sống chung, đồng chúng Bồ tát, đồng thuyết giới mà không cử tội, không nhắc người ấy sám hối, Phật tử này phạm Kinh câu tội.

Cùng ở chung, đồng sống chung, đồng chúng Bồ tát, đồng thuyết giới, mà không cử tội, không nhắc nhở người ấy sám hối, tất nhiên ý nói tán thành tội lỗi của người, khuyến khích người phạm tội, mới tùy hỷ cho sống chung, ở chung, đồng Bồ tát, đồng thuyết giới, không chịu nhắc nhở người đó nhận tội sám hối... Còn cử tội thì người đó không chịu nhận tội, không chịu sám hối, nên phải đem tội người đó ra thưa giữa chúng.

Nhắc nhở rồi mà người đó không chịu nhận lỗi, sám hối nên phải thưa giữa chúng để trong chúng xét xử. Như vậy thì được, còn nếu đi rao nói, bàn tán, đó gọi là rao nói tội lỗi phạm giới trọng ở trên.

## 6. GIỚI KHÔNG CÚNG DƯỜNG THỈNH PHÁP

**Nếu Phật tử, thấy có vị Pháp sư Đại thừa, hay những bậc đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại thừa từ trăm dặm, nghìn dặm đến nơi Tăng phòng, nhà cửa thành ấp, thời liền đứng dậy rước chào, đưa đi, lễ bái cúng dường. Mỗi ngày ba thời cúng dường, trăm thức uống ăn, giường ghế, thuốc men tất cả đồ cần dùng giá đáng ba lượng vàng đều phải cấp hộ cho Pháp sư. Mỗi ngày sáng, trưa và chiều, thường thỉnh Pháp sư thuyết pháp và đánh lễ. Không hề có lòng sân hận buồn rầu. Luôn thỉnh pháp**

**không mỗi nhàm, chỉ trọng pháp chứ không kể thân. Nếu Phật tử không như thế thì phạm Khinh cấu tội.**

## LƯỢC GIẢI

Phật tử gặp được vị Pháp sư Đại thừa thì mừng rỡ cung kính, tiếp rước mời vào nhà rồi cúng dường, thỉnh vị đó dạy chánh pháp cho mình để hiểu biết đường lối tu hành, cho đến thừa thỉnh pháp không nhàm mỗi, chỉ trọng pháp chứ không kể thân. Cúng kính cúng dường đây, không những đối với vị Pháp sư, giảng sư đó, mà chính là trọng pháp nên thỉnh vị ấy truyền dạy cho.

Cúng kính cúng dường những thức uống ăn, giường ghế, thuốc men đó là tứ sự cúng dường, dù vị ấy mỗi ngày tốn hao đến ba lượng vàng cũng phải cấp hộ. Cúng dường dù có tốn hao nhiều cũng chỉ vì trọng pháp cho đến thân mạng còn không tiếc, huống là những vật chất đó?

Tiền thân của Phật, có khi vì một bài kệ mà phải bỏ thân mạng để cầu. Có đời đức Phật chỉ vì một pháp mà bỏ cả ngôi vua để hầu hạ ông Pháp sư. Cũng như trong kinh Pháp Hoa phẩm Đề Bà Đạt Đa, tiền thân của Phật vì cầu kinh pháp Đại thừa bỏ ngôi vua, nhường ngôi cho người khác, theo vị Pháp sư ấy lên núi, hầu hạ cung cấp cho đến lấy thân làm chỗ ngồi chỗ nằm cho ông Pháp sư, trải qua ngàn năm như vậy vẫn không thối thất tâm cầu pháp. Đức Phật là gương sáng nhắc nhở việc quên thân, trọng pháp, cầu pháp đó vậy. Còn chúng ta nếu đối với chánh pháp mà không trọng, thì khó thành tựu Thánh quả. Muốn trọng pháp thì phải trọng người biết pháp rồi mới lãnh thọ được pháp.

Nếu Phật tử thọ Bồ tát giới mà không có sự cung kính, cúng dường để thỉnh pháp đối với các vị Pháp sư đó thì phạm lỗi này.

## 7. GIỚI KHÔNG ĐI NGHE PHÁP

**Nếu Phật tử, hàng tân học Bồ tát, phạm nơi nào chốn nào có giảng kinh luật, phải mang kinh Luật đến chỗ Pháp sư để nghe giảng và thưa hỏi, hoặc nơi núi rừng, trong vườn cây, chùa nhà v.v... tất cả chỗ thuyết pháp đều đến nghe học. Nếu Phật tử không đến nơi ấy để nghe pháp cùng thưa hỏi, thì phạm Khinh cấu tội.**

### LƯỢC GIẢI

Đây là tội biếng trễ. Phạm người thọ Bồ tát giới rồi thì phải cầu mong cho được quả Đại thừa, mà muốn thành tựu quả Đại thừa thì phải có sự tu hành. Muốn có sự tu hành phải có sự hiểu biết giáo pháp Đại thừa, hoặc Kinh, hoặc Luật. Muốn hiểu biết như vậy, phải siêng học. Mà siêng học thì có chỗ nào thuyết pháp, giảng kinh, giảng luật phải chịu khó đến nghe học. Hoặc nơi núi rừng, chùa, nhà, vườn cây v.v... thì phải chịu khó đến nghe học. Nếu chỗ giảng Kinh, giảng Luật Đại thừa như vậy mà bỏ qua thì là sự biếng nhác đối với chánh pháp. Do đó cho nên phạm tội.

## 8. GIỚI CỐ TÂM TRÁI BỎ ĐẠI THỪA

**Nếu Phật tử, có quan niệm trái bỏ Kinh Luật Đại thừa thường trụ, cho rằng không phải của Phật nói mà đi thọ trì Kinh Luật tà kiến và tất cả các giới của Thanh Văn Nhị thừa cùng ngoại đạo ác kiến, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

### LƯỢC GIẢI

Người thọ Bồ tát giới rồi thì tất nhiên phải trọng pháp Đại thừa, bởi vì thọ giới Bồ tát là thọ giới Đại thừa. Vậy họ phải đọc, phải học Kinh Luật Đại thừa, phải kính trọng tôn sùng

pháp Đại thừa, mà bây giờ có quan niệm bỏ đi, rồi đi thọ trì những pháp của Thanh Văn ngoại đạo.

Đây nói Kinh Luật tà kiến xét kỹ nói rộng ra, ngoài Kinh Luật của Phật thì tất cả Kinh Luật khác đều gọi là của ngoại đạo tà kiến. Mà ở trong Kinh Luật của Phật lại có phân ra Đại thừa Bồ tát với Thanh Văn Nhị thừa.

Nếu ngoài các kinh, luật, luận của Phật ra mà đi học, đi tham cứu những sách vở khác, thì gọi là theo Kinh Luật tà kiến. Ngay chánh pháp của Đức Phật là Kinh, Luật, Luận. Nếu bỏ Kinh, Luật, Luận Đại thừa mà đi học, đi tham cứu hay là thọ trì của Nhị thừa Thanh văn thì cũng có tội. Còn nếu đồng thời thọ trì Kinh, Luật Đại thừa mà cũng kèm theo ở nơi cấm giới Kinh, Luật của Thanh Văn Nhị thừa thì không có hại, không có tội, bởi vì không bỏ Đại thừa chỉ thêm Thanh văn Nhị thừa để giúp cho pháp Đại thừa được hoàn chỉnh hơn. Nếu bỏ Đại thừa để giữ Thanh văn Nhị thừa thì có tội. Thọ giới Bồ tát rồi mà Kinh, Luật Đại thừa Bồ tát không chịu tham học, thọ trì, mà chỉ lo việc học hỏi Kinh, Luật của Thanh văn Nhị thừa hay là thọ trì. Như vậy là phạm tội. Còn nếu đã thọ trì học hỏi nơi Đại thừa mà gồm thêm Thanh văn Nhị thừa thì không có tội.

Cũng như người mà trí lực hữu dư, Kinh, Luật, Luận đã thông về Đại thừa, bây giờ cũng hiểu biết sách vở của đạo khác cũng như sách vở văn hóa thế gian để dùng làm phương tiện độ người thì không có lỗi. Nếu theo sách vở ngoài đời theo văn hóa mà bỏ bê Kinh, Luật Đại thừa, không chịu siêng học đó là phạm tội.

## 9. GIỚI KHÔNG KHÁN BỊNH

**Nếu Phật tử, thấy tất cả người tật bệnh phải tận tâm cúng dường như cúng dường Phật. Trong tám phước điền, khán bệnh là phước điền thứ nhất. Nếu như cha mẹ, sư**

**Tăng có bệnh, có tật, trăm thứ bệnh đau khổ, đều nên săn sóc cho được lành mạnh, Phật tử lại vì lòng hờn giận không chăm nuôi nhần đến thấy trong Tăng phường, thành ấp, nơi núi rừng đồng nội, đường sá có người tật bệnh mà không lo cứu tế, Phật tử này phạm Kinh cầu tội.**

### **LƯỢC GIẢI**

Tất cả người tật bệnh, tận tâm cúng dường như cúng dường Phật, đây là nói tâm bình đẳng cúng dường, có công đức rất lớn.

Trên cúng dường Phật, Phật thuộc nơi tích điền. Còn dưới người tật bệnh thuộc về bi điền. Nếu tâm bình đẳng đối với người tật bệnh mà tận tâm săn sóc lo lắng thì công đức đó cũng như công đức cúng dường nơi đức Phật vậy. Vì thế, trong kinh Duy Ma Cật ông Trưởng giả bố thí (lập hội bố thí) ngài Duy Ma Cật thấy cần phải khuyên nhắc cho có tâm bình đẳng để được Bồ thí ba la mật, công đức rất lớn.

Nếu bố thí cho một người hèn hạ, nghèo nàn nhứt mà tâm cũng như tâm kính trọng cúng dường nơi Phật thì công đức đó ngang nhau và rộng lớn vô lượng vô biên. Nếu sự bố thí đó lại thấy đức Phật thì đáng tôn kính hơn, còn người hèn hạ kia lại kém sự cung kính bố thí, như vậy thì phước đức không bình đẳng tất nhiên rất nhỏ bé.

Do đó, ngài Duy Ma Cật mới lãnh lấy một xâu chuỗi, đồng thời phân làm hai: trên thì dâng cúng cho Phật, dưới thì bố thí cho một người hèn hạ nhứt ở trong thành. Tâm đã bình đẳng như vậy, mà sự bình đẳng hết sức cung kính cúng dường cả hai, thì công đức rất lớn. Bình đẳng là đem tâm cung kính tôn trọng để cúng dường đức Phật, cũng như lúc bố thí cho người nghèo. Đức Phật có nói: “Đối với người tật bệnh thì phải thiết tâm cúng dường, phải làm sao như là một sự hoan hỷ cúng dường đức Phật”. Đức Phật lại nói trong tám phước



điền, khán bệnh là phước điền thứ nhất. Vì sao? Bởi vì dù Phật, Pháp, Tăng cho đến cha mẹ đó là phước điền rồi. Nhưng nó không cần kíp như người đang bệnh. Người đang bệnh là người đang chịu khổ, nếu sẵn sóc cho được lành, cứu vớt người đó khỏi bệnh khổ. Như vậy phước đức rất lớn. Khi gặp người tật bệnh mà thiếu sự sẵn sóc thì mất phước điền. Khi gặp người tật bệnh phải nghĩ như vậy: đó là nhơn duyên cho ta gây tạo phước vô lượng vô biên, vì đức Phật nói trong tám phước điền, từ nơi Phật, Thánh nhơn cho đến cha mẹ đều là phước điền mà trong đó người bệnh là phước điền thứ nhất ở trong tám phước điền.

Tám phước điền là: 1- Phật, 2- Thánh nhơn (Thánh nhơn là vị đã chứng quả rồi, từ nơi bậc A la hán, các vị Bồ tát cho đến các vị Bích Chi Phật, đều là Thánh nhơn), 3- Chư Tăng, 4- Hòa thượng, 5- A xà lê (là người truyền giới cho mình), 6- Cha, 7- Mẹ, 8- Người bệnh.

Đó là tám phước điền để cho người gieo trồng công đức. Cúng dường chư Phật thì có công đức, cho đến cúng dường cha mẹ, cùng sẵn sóc người bệnh cũng có công đức. Mà đức Phật nói người bệnh là phước điền thứ nhất vì người bệnh là người đương khổ, tất nhiên cần sự bố thí sẵn sóc cúng dường hơn. Do đó, người bệnh là phước điền thứ nhất. Huống nữa là chư Phật Thánh nhơn? Mong mỏi của chư Phật, Thánh nhơn là muốn cho người khỏi khổ. Mà bây giờ sẵn sóc cho người bệnh thì chư Phật, Thánh nhơn cũng đều hoan hỷ.

Như vậy sẵn sóc cho người bệnh chính là cúng dường chư Phật, Thánh nhơn rồi.

Đoạn kết nói: gần như cha mẹ, sư Tăng, hàng đệ tử, nói chung là hàng con em, chi hết đó là người thân gần, lân cho đến người xa, nếu có bệnh tật thì tất cả sự bình đẳng đau khổ phải sẵn sóc cho được lành mạnh. Bây giờ trái lại, vì lòng hờn giận không chăm nuôi, nhẫn đến thấy trong Tăng phường

thành ấp, nơi núi rừng đồng nội, đường xá có người bệnh tật mà không có nơi nương tựa, thấy như vậy mà bỏ đi, không lo cứu tế, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

Còn những người có bệnh mà có chỗ nơi, có người lo nuôi, có thuốc men rồi, đó là bổn phận của người khác lo rồi.

Đây là nói những người bệnh bơ vơ không ai săn sóc, khi gặp đáng lẽ nên giúp đỡ mà không giúp đỡ, bỏ lơ đi thì phạm tội. Còn như người thân quyến, cha, mẹ, anh, em, những người đồng sống chung trong một nhà, một chùa khi bệnh mà không lo săn sóc thì phạm tội.

## 10. GIỚI CHỨA KHÍ CỤ SÁT SANH

**Nếu là Phật tử, không được cất chứa những binh khí như: dao, gậy, cung tên, búa, giáo v.v... cùng những đồ sát sanh như chài, lưới, rập, bẫy v.v... Là Phật tử dù cho đến cha mẹ bị người giết, còn không báo thù, hướng lại đi giết tất cả chúng sanh! Không được cất chứa những khí cụ sát sanh. Nếu cất chứa, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.**

**“Mười giới như thế cần nên học và hết lòng kính trọng phụng trì”.**

### LƯỢC GIẢI

Xưa không có súng, nên chỉ nói cung tên, bây giờ thì các loại súng đạn cũng không được cất chứa. Chài lưới rập bẫy là những đồ giết hại chúng sanh cũng không được cất chứa. Nếu cất chứa thì phạm Khinh cầu tội.

**“Là Phật tử dù cho đến cha mẹ bị người giết còn không báo thù, hướng lại đi giết hại chúng sanh”** là cố ý nhắc Phật tử tuyệt đối không được sát sanh. Lúc cha mẹ đang bị người ta giết, nếu có cách gì để cứu thì được. Nếu người ta đã giết rồi thì không được đi báo thù.

Việc sát sanh phải tránh hẳn, do đó những khí giới hay những đồ chi để sát sanh không được cất chứa. Nếu cất chứa thì tất nhiên có thể tạo nên duyên để có dịp sát sanh. Vì để ngăn chặn duyên đó, nên Phật răn không được cất chứa.

Cần phải nên học kỹ để hiểu biết, nhớ mà giữ gìn. Trong mười giới này quan trọng đối với chánh pháp thì phải tôn sùng cung kính, tín ngưỡng. Do đó đức Phật dạy phải cung kính đối với những bậc Thầy bạn hiểu rành chánh pháp Đại thừa. Có cung kính mới gần gũi để nghe giáo pháp, cũng như phải cúng dường các vị Pháp sư để thỉnh pháp không được trái bỏ pháp Đại thừa mà theo pháp thế gian tà kiến hay Nhị thừa. Phải siêng năng đi nghe pháp ở chỗ nào có giảng Kinh Luật. Còn đối với những người đồng hạnh, đồng học với mình thì phải giữ gìn cho nhau cho được thanh tịnh. Thấy người khác có lỗi, thì phải khuyên nhắc để cho họ chừa lỗi và sám hối.

Giữ nơi tự thân cho khỏi tội, để được tăng trưởng phước đức lành thì không được uống rượu, vì rượu là nhưn duyên sanh tội lỗi. Trong luật có ghi: Có vị Ưu bà tắc vì uống rượu mà sanh nhiều tội lỗi. Sách có ghi: Một người vào rừng gặp một vị hung thần. Vị hung thần bắt người ấy phải theo một trong hai điều kiện, mà nếu không theo vị thần ấy sẽ giết. Điều thứ nhất là phải về giết mẹ. Điều thứ hai là phải uống rượu của hung thần đưa.

Người ấy suy nghĩ, mẹ mà làm sao mình giết được, thôi thà lãnh bầu rượu. Anh liền nhận bầu rượu, uống say rồi về nhà chẳng những mẹ mà vợ con anh ta cũng giết hết.

Điều ấy cho ta thấy rằng uống rượu say có thể tạo ra nhiều tội lỗi, còn nặng hơn tội giết mẹ nữa!

Như vậy, muốn tránh duyên tạo tội, Phật răn cấm không được uống rượu, cũng như không được ăn thịt của chúng sanh vì ăn thịt mất lòng từ bi, phạm giới sát gây nghiệp oan trái đối

với chúng sanh. Như trong kinh Lăng Nghiêm: **Người ăn thịt đời đời vay trả nhau, không có lúc nào thoát khỏi sanh tử luân hồi. Trong đó, có nói người giết dê để ăn thịt, thì dê nó sẽ làm người rồi vay trả giết xoay dần lẫn nhau, không thể thoát khỏi. Vì thế nên Phật mới kết rằng: Ăn thịt thì mắc vô lượng tội lỗi, tất cả các thứ thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn.**

Không được ăn loại ngũ tân: hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ. Các thứ đó làm đồ gia vị trong các thứ thực phẩm cũng không được ăn. Đến như không được cất chứa khí cụ sát sanh. Nếu trong nhà có sẵn thì phải bỏ đi không nên đem cho người và cũng không được bán. Nếu bán là mình xúi người ta sát hại chúng sanh. Vì thế cho nên không được cho hoặc bán, phải hủy bỏ đi.

## 11. GIỚI ĐI SỨ

**Nếu là Phật tử chẳng được vì quyền lợi và ác tâm mà đi thông sứ mạng cho hai nước hiệp hội quân trận, đem binh đánh nhau làm cho vô lượng chúng sanh bị giết hại. Là Phật tử, còn không được vào cùng qua lại trong quân trận, hướng lại cố làm môi giới chiến tranh! Nếu cố làm, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

## LƯỢC GIẢI

Đi sứ là lãnh trách nhiệm đem thơ từ hay những lời ủy thác của người này, đi truyền cho một người khác, hoặc qua một nước khác. Vấn đề đi sứ có hai phần: phần lớn là lãnh sứ mạng ở một nước. Phần nhỏ: lãnh sứ mạng riêng với cá nhân một người nào, như đưa thơ chẳng hạn. Đây là cấm những việc đi sứ có tính cách ác, bất thiện.

Việc quan trọng nhứt, là lãnh sứ mạng để đi khai chiến cho hai nước. Các nhà du thuyết ngày xưa và bây giờ, các nhà

ngoại giao có thể làm cho hai nước gây hấn nhau để có việc chiến tranh thì vô lượng chúng sanh bị giết hại. Do đó, nên Phật tử mà còn làm việc đó thì phạm nơi giới này.

Theo như trong các bộ giải thích thì đây chỉ là thay thế mà thôi, còn nếu thiệt sự đi sứ mà do nơi mình làm cho có sự chiến tranh, chính tự ý mình làm cho sự bất hòa giữa hai nước để có chiến tranh thì phạm tội sát sanh, bởi vì gây chiến tranh thì hai bên phải giết hại nhau. Nếu chỉ thay thế lãnh một tờ hiệp ước hay là một sứ mạng thay thế đi truyền lời thôi thì chỉ phạm giới khinh. Đây nói đến việc lớn, còn việc nhỏ như đem thơ cho hai nhà thù hận nhau để sanh ra những sự bất hòa, có những sự chém giết lẫn nhau thì cũng phạm ở điều giới này.

## 12. GIỚI BUÔN BÁN PHI PHÁP

**Nếu là Phật tử cố bán người lành, tội trai tứ gái, lục súc, buôn bán quan tài, ván cây, đồ đựng thây chết, còn không được tự mình buôn bán các thứ ấy, hưởng lại bảo người? Nếu cố tự buôn bán hay bảo người buôn bán các thứ ấy, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

### LƯỢC GIẢI

Người xuất gia, nếu buôn bán, bất luận buôn bán thứ gì cũng là phi pháp. Người xuất gia không được buôn bán. Còn người tại gia thì không cấm, bởi vì cũng là nghề nghiệp sanh nhai, nhưng cấm buôn bán phi pháp.

Buôn bán người lành, tội trai, tứ gái như xưa kia có sự buôn mọi, nghĩa là bán những người để làm tội tứ cho người khác, đi bán nô lệ, buôn mọi nô lệ. Đây cũng là nghề làm ăn của người đời. Nếu là Phật tử thì Phật cấm không được buôn bán như vậy. Cho đến buôn bán lục súc (sáu loại thú nuôi): trâu, bò, chó, ngựa, heo, dê. Đức Phật cấm không được bán

sáu loại đó bởi vì trâu, bò, ngựa nó phải lấy sức lực ra để làm việc cực nhọc, nó làm lưng theo người đòi sai khiến. Nếu đi buôn bán, tất nhiên đem nó vào chỗ cực khổ. Còn các loài khác, hoặc giả để người ăn thịt, hay là để làm thú săn, hay vật sát sanh như mèo, làm thịt để ăn như heo, dê... nếu buôn bán thì làm cho chúng sanh phải khổ.

Như chó, mèo là loại sát sanh, chính nó cũng khổ mà nó làm cho những con vật khác phải khổ. Chính nó cũng khổ như tạo nghiệp ác. Còn heo, dê là con vật người ta ăn thịt, còn những con thú khác như trâu, bò, ngựa thì người ta lại đày ải nó vào công việc nhọc nhằn khổ sở. Do đó người Phật tử phải lấy lòng từ bi làm trọng, không được đồng ý vào việc khổ nhọc của các loài, cho nên Phật cấm buôn bán lục súc.

Thiệt ra, nếu không có những tiệm bán quan tài, hòm đó thì những nhà có người chết không biết lấy chi để chôn cất. Những người bán quan tài thì thường có ác niệm trông mong cho người đến mua nhiều, đồng thời với sự mong mỏi đó thì có quan niệm mong cho nhiều người chết. Như vậy muốn cho Phật tử tránh khỏi duyên khởi nghiệp ác, cho nên cấm sự buôn bán quan tài.

Những người trại hòm nhiều khi bán ế quá, phải ban đêm bỏ tóc xả vô nằm trong hòm. Cách đó cũng như trù ếm cho có người chết để đến mua hòm đó là ác ý, cho nên Phật cấm. Phật độ người, lẽ nào không hiểu rõ hậu quả của chúng sanh, Phật đã thấy rõ như vậy.

Trái lại, bố thí quan tài thì phước đức vô lượng. Vì sao? Vì người bố thí hòm đó, không khi nào mong muốn cho người chết nhiều để người ta đến xin hòm, chỉ nghĩ là để giúp cho những người nghèo thiếu vậy thôi. Do đó lúc nào cũng muốn người ta mạnh giỏi, người ta ít chết. Tâm niệm đã bố thí rồi, lại muốn cho người ta ít chết, mạnh khỏe, có quan niệm tốt, cho nên được phước đức nhiều. Đức Phật chẳng

những cấm không được buôn bán quan tài, cho đến ván cây, đồ đựng thây chết.

Những đồ đựng thây chết, đến như vải để tẩm liệm hay là các vật khác cũng không được buôn bán. Chẳng những tự mình không được buôn bán, cũng chẳng được bảo người khác làm tiệm đó, buôn bán các thứ đó. Nếu tự buôn bán hay bảo người buôn bán hoặc là hùn vốn đều phạm tội này vậy.

### 13. GIỚI HỦY BÁNG

**Nếu Phật tử vì ác tâm noi người tốt, người lành, Pháp sư, sư Tăng, hoặc Quốc vương và hàng quý nhơn, vốn vô sự mà hủy báng là phạm bảy tội nghịch, mười giới trọng. Với cha mẹ, anh em trong lục thân phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, mà trở lại vu khống cho là phạm tội nghịch, đọa nơi ác đạo. Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

### LƯỢC GIẢI

Hủy báng, tất nhiên nói hủy báng những người tu hành hoặc là vu khống cho là phạm tội này, tội kia. Đến trong thân thuộc: cha mẹ, anh em cũng phải luôn luôn nêu đức tốt, hạnh lành, không nên bày vẽ để hủy báng.

Pháp sư là vị thuyết pháp, giảng kinh. Sư Tăng là các vị Hòa thượng, A xà lê. Quốc vương bây giờ là vị nguyên thủ trong quốc gia, Quốc trưởng, Thủ tướng chẳng hạn. Hàng quý nhơn là quan quyền.

Người ta không có lỗi mà lại vu khống cho họ phạm lỗi này lỗi kia. Các vị quan chức không ăn hối lộ, mà lại vu khống cho là hối lộ, có khi vu khống cho người ta là phạm giới trọng như: trộm cắp, nói dối v.v...

Với hàng thân thuộc như: cha mẹ, anh chị, lục thân bà con thân quyến, không được vu khống. Khi nào thiệt có tội lỗi thì

chỉ ngay cho người ta ăn năn sửa lỗi, sám hối chữa bỏ. Còn đây không có lại đi nói cho thành có vì muốn người đọa ác đạo, cho nên phạm tội đọa nơi ác đạo. Những tội nghịch hay tội trọng đều đọa nơi ác đạo. Chỉ một niệm muốn người đọa ác đạo thì phạm Khinh cầu tội.

## 14. GIỚI PHÓNG HỎA

**Nếu Phật tử, vì ác tâm, phóng hỏa đốt núi rừng đồng nội. Từ tháng Tư cho đến tháng Chín phóng hỏa. Hoặc cháy lan đến nhà cửa, thành ấp, Tăng phường, ruộng cây của người và cung điện tài vật của quý thân. Tất cả chỗ có sanh vật, không được cố thiêu đốt. Nếu cố thiêu đốt, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.**

### LƯỢC GIẢI

Đốt lửa mà đốt phi pháp thì tức nhiên theo luật thế gian phải đền. Còn đây nói phóng hỏa hợp pháp theo thế gian, cũng như trong vườn, nơi ruộng rẫy, làm cỏ rồi vun đồng lại để đốt, hay cỏ khô châm lửa cho cháy. Trong đây cấm từ tháng Tư đến tháng Chín không được đốt, bởi vì tháng đó là tháng mùa mưa, những sanh vật nhỏ ở trong cỏ, ở dưới đất nhiều, những trùng, những kiến, nếu đốt thì các loại ấy bị hại. Cho nên cấm từ tháng Tư cho đến tháng Chín không được phóng hỏa. Phóng hỏa đây là nói đốt một vùng rộng lớn, đốt cả một cánh đồng hay một cụm rừng, một ngọn đồi v.v...

Cháy lan đến nhà cửa, thành ấp, Tăng phường, ruộng cây của người, theo luật thế gian phải đền bồi. Còn trong Phật pháp phạm tội Khinh cầu.

“**Cung điện tài vật của quý thân**” tức là đền, miếu, đình, chỗ thờ các vị quý thân.

“**Tất cả chỗ có sanh vật không được cố thiêu đốt**”. Do đó không luận là mùa nào hay chỗ nào rộng hay hẹp cũng



không được cố thiêu đốt, hoặc một khúc cây mà trong đó có kiến, có mối cũng không được đem đốt. Cho nên nói **“tất cả chỗ có sanh vật vậy đều không được cố thiêu đốt”**. Chữ **“cố”** là cố tâm thiêu đốt. Nếu cố ý thiêu đốt thì phạm Khinh cấu tội.

Vì không có tâm niệm hộ sanh, cứ đốt đại mà không coi trong đó có sanh vật không? Đây là tâm ác, phạm tội nặng.

Phóng hỏa từ tháng Tư cho đến tháng Chín trong mùa mưa thì phạm tội không luận có sanh vật hay không. Phóng hỏa làm cháy lan đến nhà cửa người khác, cho đến ruộng cây của người, đình, miếu, cung điện của quý thân. Ngoài việc đền bù cho sở hữu chủ, còn phải mắc tội đây vậy. Không luận chỗ đốt đó nhỏ hay lớn, cũng không luận là thời gian nào, nếu có sanh vật, dù là một que củi, cố đốt thì vẫn phải phạm tội.

## 15. GIỚI DẠY GIÁO LÝ NGOÀI ĐẠI THỪA

**Nếu là Phật tử, từ đệ tử Phật, lục thân, tất cả thiện tri thức đến ngoại đạo ác nhưn, đều phải khuyên bảo thọ trì Kinh Luật Đại thừa. Nên giảng cho hiểu nghĩa lý, khiến phát Bồ đề tâm, Thập Phát Thú tâm, Thập Trưởng Dưỡng tâm, Thập Kim Cang tâm, trong ba mươi tâm ấy, giảng cho họ hiểu pháp dụng tuần thứ của mỗi món, mà Phật tử lại vì ác tâm, sân tâm đem Kinh Luật của Thanh Văn Nhị thừa cùng các bộ luận của ngoại đạo tà kiến để dạy ngang cho người, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

## LƯỢC GIẢI

Những Phật tử thọ giới Bồ tát rồi, tự mình phải học giáo lý Đại thừa, bởi vì đã thọ giới Đại thừa, rồi tu tập giáo lý Đại thừa và đem giáo lý Đại thừa đó để dạy cho người khác, hoặc ít hoặc nhiều theo sự hiểu biết của mình, để gây giống lành

manh, thiện căn về Đại thừa để thành Phật. Mà giáo lý Đại thừa không đem dạy cho người, lại đem những giáo lý khác để dạy, việc đó là mất tâm từ bi, cho nên thiếu bốn phạm Phật tử thọ Bồ tát giới.

Đây nói bốn phạm người Phật tử thọ Bồ tát giới. Trong kinh nói “Phật đệ tử” là chỉ cho hàng Thanh Văn Nhị thừa.

Đối với các bậc đó, cho đến lục thân quyến thuộc, tất cả thiện tri thức, các người quen biết bạn bè, đến những người ngoại đạo, những kẻ ác (những người hung ác ngoài đời, kẻ trộm cướp, du côn, du đảng) tất cả phải có tâm bình đẳng mà khuyên bảo họ thọ trì Kinh Luật Đại thừa. Nếu có duyên đến thì đem Kinh Luật Luận Đại thừa để giảng giải cho họ hiểu. Đây không phải giảng giải cho hiểu tất cả, dù đó là một câu kinh, hay một bài kệ, một đoạn ngắn hay chỉ là một pháp thoại, nếu thuộc về Đại thừa đều là giáo pháp Đại thừa cả. Nên giảng dạy cho họ hiểu nghĩa lý để họ phát Bồ đề tâm, tăng trưởng lần lần để được những Thập Phát Thú tâm, Thập Trưởng Dưỡng tâm, Thập Kim Cang tâm, nghĩa là tạo sự lý từng bậc tu tập, đến địa vị Bồ tát.

Thập Phát Thú là Thập Trụ Bồ tát, Thập Trưởng Dưỡng là Thập Hạnh, Thập Kim Cang là Thập Hồi Hương. Trong ba mươi tâm ấy phải giảng giải cho họ hiểu pháp dụng tuần thứ của mỗi món.

Đây nói các bậc Đại thừa Bồ tát, Pháp sư có đủ năng lực cần phải đem công hạnh, những sự lý nơi các bậc Bồ tát để giảng giải cho những người mới phát tâm Bồ đề, cho họ ham mộ quy hướng nơi đó, tinh tấn tu hành.

Giờ đây Phật tử lại vì ác tâm, sân tâm không muốn cho họ thành Phật, muốn cho họ sa vào hàng Thanh văn hay lạc vào ngoại đạo tà kiến, mà đem Kinh Luật Thanh văn để dạy cho người hoặc các bộ luận tà kiến để dạy.

Họ thích học kinh điển Đại thừa, nhưng mà đem giáo thuyết Nhị thừa hay của ngoại đạo tà kiến để dạy cho họ. Do đó phạm tội Khinh cầu, tội thứ 15 này.

Nếu không có ác tâm, sân tâm, chỉ vì muốn dẫn dắt những người căn cơ còn thấp, không thể lãnh thọ được giáo pháp Đại thừa, mà đem pháp Tiểu thừa để dạy cho người, như vậy không có tội. Nhiều khi những người thích ngoại đạo, giảng cho họ thấy trong đó có chỗ chưa hoàn bị rồi sẽ đem pháp hoàn bị hơn, để họ hướng về pháp của Phật, như vậy là tâm tốt. Mục đích diu dắt theo căn cơ người đó, cho nên dạy sách luận của ngoại đạo. Như vậy là không có tội.

Ngoại đạo là gì? Đạo ở ngoài Phật pháp.

## 16. GIỚI VÌ LỢI MÀ GIẢNG PHÁP LỘN LẠO

Nếu là Phật tử phải tận tâm học Kinh Luật, oai nghi Đại thừa, thông hiểu nghĩa lý, khi thấy có hàng tân học Bồ tát từ xa trăm dặm, nghìn dặm đến cầu học Kinh Luật Đại thừa, nên đứng như pháp giảng dạy tất cả khổ hạnh, hoặc tự đốt thân, đốt cánh tay, đốt ngón tay.

Nếu không đốt thân hay cánh tay, ngón tay cúng dường chư Phật thời không phải là hàng Bồ tát xuất gia. Nhẫn đến xả thịt nơi thân mình cùng tay chân mà bố thí cho tất cả những cạp, sói, sư tử đói, cùng tất cả các loài quỷ đói. Rồi sau mới tuân tự theo căn cơ của mỗi người mà giảng chánh pháp cho hàng tân học ấy được mở thông tâm ý.

Nếu Phật tử vì quyền lợi, đáng dạy mà không dạy, lại giảng Kinh Luật một cách điên đảo, vẫn tự lộn xộn, không có thứ lớp trước sau, thuyết pháp có tính cách hủy báng Tam Bảo, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

## LƯỢC GIẢI

**Lộn lạo** là không có thứ tự, làm cho người học không thể nhận được, bởi vì đã lộn lạo tất nhiên sự hiểu biết sai lầm, mặc dù cũng nói về chánh pháp, nhưng nói quả lộn với nhơn, trước sau lộn lạo. Phạm lộn với Thánh, Thánh lộn với Phạm, làm cho người học hiểu biết sai lầm.

Vị nào đã thọ giới Bồ tát, phải tận tâm học Kinh Luật oai nghi Đại thừa. Học Luật để đầy đủ oai nghi, học Kinh để thông hiểu nghĩa lý. Sau khi thông hiểu rồi, khi thấy có hàng tân học (mới hướng vào Đại thừa). Những vị đó sự hiểu biết còn kém, hay là chưa biết, từ xa đến cầu học Kinh Luật Đại thừa, phải đúng như pháp giảng dạy, nghĩa là giảng dạy đúng như pháp, đúng như lời Phật dạy không sai.

Trong Bồ tát hạnh thì trọng khổ hạnh, nên đã lấy việc khổ hạnh cho tất cả hạnh của Bồ tát. Mà trong việc khổ hạnh có việc đốt thân là việc lớn hệ trọng, nên lấy đó làm lẽ cho các khổ hạnh khác.

Tại gia không bắt buộc khổ hạnh là đốt thân, còn hàng xuất gia thì phải đốt như thế. Cho nên nếu không đốt thân, cánh tay, ngón tay cúng dường chư Phật, thì không phải là hàng Bồ tát xuất gia.

Không đốt được hết thân thì phải đốt một phần nơi thân như cánh tay, ngón tay. Nếu không đốt được phần tay chân thì đốt một phần nào ít trên thân. Cổ Đức ngày xưa thấy sự khó khăn đó, nên mới có đốt liều để cho hợp với pháp đây, khỏi trái lời Phật dạy. Đốt liều thì cũng đốt trên thân. Do đó đốt liều có nghĩa là đốt thân để cúng dường Phật, chứ không phải để đánh dấu thứ bậc tam đàn hay là nhị đàn. Không thể đốt cánh tay, ngón tay hay toàn thân cúng dường chư Phật, cho nên đốt chút ít trên da như vậy để tỏ lòng cung kính nên mới đốt liều trên đầu. Về sau này, những vị thọ Bồ tát giới tại gia

phát tâm đốt nơi thân để cúng dường Phật. Vì nếu đốt trên đầu thì sợ làm với người xuất gia. Người tại gia có đốt cúng dường thì đốt nơi cánh tay.

Đây là chỉ một phần ít cho hợp lời Phật dạy, do đó mà có đốt hương, đốt liều cúng dường Phật khi đã thọ giới Bồ tát.

Sự khổ hạnh để mà bố thí là đối với chư Phật. Còn đối với chúng sanh thì hạnh khó làm đây (là khổ hạnh), là xả thân để bố thí chúng sanh. Nói xả thân bố thí chúng sanh là nói những vật ngoài thân như nhà cửa, tiền bạc, châu báu, đó là việc dễ nhẫn đến xả thịt nơi thân mình, như tay chân mà bố thí cho tất cả cọp, sói, sư tử đói, cùng tất cả loài quý đói...

Thú đói nếu không có thịt của ta thì nó sẽ chết. Nếu thiếu những hạnh bố thí này khó thành Phật. Nếu đủ nhẫn lực để thực hành hạnh bố thí cả thịt nơi thân mình hay là đốt cả thân hay ngón tay, cánh tay, như vậy mới có công đức.

Còn nếu làm cho lấy lệ, lấy có hay là để cầu danh cầu tướng, rồi trong lúc đó phiền não lại khởi lên, lấy làm đau khổ, bứt rứt bực bội, thì vi tế sân phát khởi, bởi vì không chịu đựng được những sự khổ đó. Phải có đủ nhẫn lực, khi thực hành hạnh bố thí đó, trong tâm thơ thối, mát mẻ sung sướng như uống nước cam lộ. Như vậy mới thành tựu được đức lành. Được sự nhẫn lực như vậy là chúng được sanh Không hay pháp Không. Chớ đừng thấy trong đây tán thán hoặc giả là những người khác tán thán rồi cứ làm đại, không đúng pháp thì không có công đức.

**“...Rồi sau mới tuân tự theo căn cơ của mỗi người mà giảng chánh pháp cho hàng tân học được mở thông tâm ý...”**

Ở đây giảng chánh pháp, những hàng tân học Bồ tát đến để cầu pháp. Còn nếu bố thí thân để cho cọp, sói, sư tử đói ăn, thì vị Bồ tát đó phải chết, thì còn ai để giảng chánh pháp. Nên hiểu như thế này:

Đại thừa Bồ tát không lấy thời gian, hạn cuộc nơi một thân. Nếu ở đời đó có chết đi, tức là làm nhơn duyên cho đời sau để độ.

Thuở xưa, đức Phật đã kết nhơn duyên đem thịt nơi thân để bố thí cho mấy người đói, nên khi thành Phật rồi nhờ nhơn duyên đó mới độ được họ đắc pháp.

Người Phật tử thọ Bồ tát giới rồi, phải khổ hạnh, phải đốt thân, cánh tay, ngón tay để cúng dường chư Phật nếu là Bồ tát xuất gia. Còn đối với chúng sanh, ở dưới thì phải làm tất cả điều lợi ích. Cho đến việc lớn là dù xả thân mình để cho nó khỏi chết đói, vẫn phải cố gắng thực hiện, để đem nhơn duyên đó phát khởi thiện căn cho chúng sanh được kết duyên lành, rồi nó có thể lãnh hội nơi chánh pháp.

**“Nếu Phật tử, vì quyền lợi đáng dạy mà không dạy...”**. Đáng lẽ đem chánh pháp Đại thừa để dạy cho hàng tân học Bồ tát mà bây giờ vì quyền lợi cho nên không dạy.

**“Giảng Kinh Luật một cách điên đảo, vãn tự lộn xộn, không có thứ lớp trước sau...”**. Như vậy làm mất giá trị chánh pháp của Phật, cho nên trong đây nói thuyết pháp có tính cách hủy báng Tam Bảo, bởi vì pháp của Phật đâu phải là lộn xộn, không thứ lớp. Bây giờ mà đem pháp của Phật mà giảng một cách điên đảo, lộn xộn làm mất giá trị chánh pháp của Phật. Mà chánh pháp đã mất giá trị thì tất nhiên, Phật, Tăng cũng giảm giá trị. Cho nên thuyết pháp như vậy là hủy báng Tam Bảo. Việc thuyết pháp rất hệ trọng, chứ không phải muốn nói gì thì nói. Nếu nói rằng thuyết pháp thì phải giảng nói chánh pháp của Phật, phải đúng như pháp để thuyết. Còn thuyết pháp mà không đúng như pháp thì tất nhiên có lỗi. Đã có lỗi thì không có công đức.

## 17. GIỚI CẬY THỂ LỰC QUYÊN TỎI

**Nếu Phật tử, tự mình vì việc ăn uống tiền của, lợi dưỡng danh dự mà thân cận Quốc vương, Hoàng tử cùng**

các quan, nương quyền cậy thế bức người để lấy tiền của, lại bảo người khác cũng cầu lợi như vậy. Tất cả sự cầu lợi ấy, gọi là ác cầu, đa cầu, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

## LƯỢC GIẢI

Quyên tởi là lạc quyên, quyên tiền để cất chùa hay làm việc khác. Mà đây nói cậy thế lược, cậy thế lược của chính quyền, cậy thế lược của quan, của vua để đi quyên tiền bạc. Đây là dựa quyền của vua chúa, các quan để đi quyên tiền.

Danh từ **ác cầu, đa cầu** là gì? **Ác cầu** là cầu không đúng pháp, dùng quyền lực để thúc người ta. Người ta không phát tâm cúng dường nhưng bị quyền lực bắt phải cúng dường, còn **đa cầu** là cầu quá đáng.

Người được chính quyền ủng hộ, nương thế lực để áp bức người. Nếu làm tất nhiên phạm. Còn như người ta phát tâm thì không phạm.

Nếu đem số tiền đi quyên phi pháp ấy cất chùa, đúc tượng v.v... cũng phạm tội. Không có phước đức gì cả.

## 18. GIỚI KHÔNG THÔNG HIỂU MÀ LÀM THẦY TRUYỀN GIỚI

Nếu là Phật tử, phải học 12 phần kinh, thường tụng giới mỗi ngày sáu thời, nghiêm trì Bồ tát giới, hiểu rõ nghĩa lý tánh Phật tánh của giới.

Nếu Phật tử không hiểu một kệ một câu cùng hơn duyên của giới luật, mà dối rằng thông hiểu, đó chính dối gạt mình và cũng là dối gạt người khác. Không hiểu một pháp, không biết một luật mà lại đi làm Thầy truyền giới cho người, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

## LƯỢC GIẢI

Nếu Phật tử đã thọ giới Bồ tát rồi, thì phải cố gắng học mười hai phần kinh. Mười hai phần kinh đó là:

- **Trường Hàng** là văn xuôi.

- **Trùng Tụng**, là những bài kệ nói lại ý nghĩa của văn Trường Hàng, như trong kinh Phổ Môn, bài kệ ở sau nói lại nghĩa của phần văn ở trước.

- **Cô Khởi**, là bài kệ riêng ra, không phải thuật lại ý nghĩa của Trường Hàng, như bài kệ trong kinh Kim Cang.

- **Bổn sanh, Bổn sự** của Phật, nói những nhơn duyên.

- **Nhơn duyên**, là nói về nhơn duyên gặp Phật, nghe pháp.

- **Luận nghị**, là lời hỏi, lời đáp trong kinh, như trong kinh Duy Ma Cật.

- **Thí Dụ**, đem ví dụ để nói rõ nghĩa của pháp, như kinh Pháp Hoa. Phương Đẳng - tức là Pháp Đại thừa.

- **Tự thuyết**, không ai thưa hỏi mà Phật tự nói như kinh Phật thuyết A Di Đà.

- **Vị Tăng Hữu**, là pháp trước kia chưa từng có.

- **Thọ ký**, như thọ ký cho Bồ tát sẽ thành Phật.

“**Thường tụng giới**”: có nhớ thuộc mới thực hành. Mỗi ngày sáu thời: ngày ba thời, đêm ba thời. Ngày ba thời: sáng, trưa, chiều. Đêm ba thời: đầu hôm, giữa đêm, cuối đêm. Như vậy cả ngày đêm nghiêm trì giới Bồ tát, không có lúc nào hờ trông.

“**Hiểu rõ nghĩa lý tánh, Phật tánh của giới**”: Tánh của giới chính là chủng tử Phật tánh, bốn nguyên của chư Phật, cũng là căn bản của hàng Bồ tát.

Pháp ta học đây thuộc về giới tướng (tướng của giới). Nếu không hiểu một kệ một câu, nhơn duyên của giới luật mà



đôi là thông hiểu để làm Thầy, tức là tự gạt mình, mà cũng chính là gạt người khác. Nếu đi làm thầy truyền giới cho người, thì phạm Khinh cấu tội... Như vậy, những người chưa thông hiểu giới pháp Đại thừa, không được đi làm thầy truyền giới cho người.

## 19. GIỚI LƯƠNG THIỆT

**Nếu Phật tử, vì ác tâm thấy thầy Tỳ kheo trì giới, tay bung lư hương tu hạnh Bồ tát, tự đi đâm thọc hai đầu, cho sanh sự bất hòa, khinh khi người hiền, tạo nhiều tội ác, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

### LƯỢC GIẢI

Lương thiết là nói hai lưỡi, là nói lưỡi đôi chiều đòn xóc hai đầu: đến người này nói người kia, đến người kia nói người này, để cho hai bên hờn giận nhau, thù ghét nhau, làm mất niềm hòa khí.

Đáng lẽ, Phật tử thấy những vị tu Bồ tát hạnh, thì phải tùy hỷ tán dương, khuyến khích khen ngợi, đây lại ghét, có ác tâm tất nhiên không thích. Những vị tu hạnh Bồ tát chỉ bung lư hương vì trong hạnh Bồ tát lấy việc cúng dường Phật làm trọng.

Do đó trong các kinh Đại thừa, trước khi nói pháp đều thuật lại sự cúng dường. Như trong kinh Pháp Hoa, phẩm “Hóa Thành Dụ”, lúc ngài Đại Thông Trí Thắng Phật ngồi đạo tràng các chư Thiên mười phương đến để cầu pháp. Trước khi cầu pháp đều đem hương hoa cho đến cung điện để dâng cúng dường. Sau cúng dường rồi mới thỉnh pháp, thì thấy rằng, việc cúng dường làm trọng trong giáo pháp Đại thừa.

Khi thấy vị Tỳ kheo giữ giới thanh tịnh phải kính trọng, khen ngợi, khuyến khích, giúp đỡ, mà trái lại vì ác tâm, đem

tâm ganh ghét, rồi kiếm chuyện này chuyện nọ để đi nói với người này người kia, cho người ta khinh khi các vị tinh tấn tu hành đó. Như vậy các vị tu hành cũng mất sự ủng hộ và những người chung quanh cũng bị chướng ngại nơi lòng tín kính đối với bậc tu hành. Do đó tạo nhiều tội ác. Trong đời thường có như vậy, người nào phát tâm tu hành thì cũng có người đi nói xấu.

Làm cho chung quanh người ta có ác ý đối với vị tu hành tinh tấn đó, vậy mình đã mất lợi lớn còn sanh ra điều hại, sanh ra nhiều sự chướng, tội lỗi.

## 20. GIỚI KHÔNG PHÓNG SANH

**Nếu Phật tử vì tâm từ bi mà làm việc phóng sanh, tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nơn là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sanh nơi đó. Vì lẽ ấy, nên chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta.**

**Nếu giết chúng để ăn thịt thì chính là giết cha mẹ ta, mà cũng là giết thân cũ của ta. Tất cả chất tứ đại đều là bản thân bản thể của ta, cho nên phải thường làm việc phóng sanh và khuyên bảo người làm. Nếu lúc thấy người đời sát sanh nên tìm cách cứu vớt cho chúng được thoát khỏi nạn khổ! Thường đem giới Bồ tát để giảng dạy để cứu độ chúng sanh.**

**Nếu ngày cha mẹ hay anh em chết, nên thỉnh Pháp sư giảng kinh Luật Bồ tát giới. Người chết nhờ phước đức ấy, hoặc được vãng sanh Tịnh Độ ra mắt chư Phật, hay thác sanh trong cõi trời, cõi người. Nếu không làm các điều trên đây, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.**

**Mười giới như thế cần nên học tập kính trọng phụng trì.**

Nếu sát sanh thì phạm điều trọng thứ nhất, trong mười giới trọng ở trước. Thấy chúng sanh sắp chết, nếu có duyên,

có sức mà không cố gắng tìm cách giải thoát cho nó, cứ nhẫn tâm để cho nó chết, bị giết như thế, tất nhiên phạm tội không phóng sanh.

Là Phật tử thọ giới Bồ tát rồi, thì phải có tâm từ bi, tất nhiên phải phóng sanh, do tâm từ thương xót cứu vớt khi thấy nó sắp bị giết nên mua nó để thả, tâm từ bi thể hiện như vậy đã đành, nhưng phải hiểu sâu một chút nữa. Phật nói: **“Tất cả nam tử, nam tử đây không chỉ một loài người cho đến loài thú, loài chim, những con trổng, con mái nó là cha mẹ ta cả”**.

Vì nhiều đời, ta đều thác sanh nơi đó. Từ vô lượng đời xoay vần trong vòng lục đạo này. Có lúc làm trời, có lúc làm người, có lúc làm súc sanh, có lúc làm quỷ, địa ngục v.v... Như vậy, nếu không nhiều thì cũng có một đời nào đó, có duyên làm mẹ cha với con vật, con chim, chưa nói đến làm người. Cho nên Phật nói: **“Chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta, mà cũng là thân cũ của ta”**.

Ta có thân này là do tứ đại hòa hợp mà thành. Sau khi chết rồi thân tan rã trở về tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong thì chất tứ đại đó sẽ kết hợp lại thành thân của những con vật khác. Do đó, những con vật sắp sửa bị giết, bị hại tất nhiên thân của nó cũng là thân cũ của ta.

Phật nói: **“Tất cả chất tứ đại đều là bản thân bản thể của ta”**. Nghĩa là tất cả loài vật cho đến loài người, đều dùng chất tứ đại để kết thành thân cả. Vì vậy, nên nghĩ rằng tất cả chúng sanh đều là cha mẹ ta, đều là thân cũ của ta, nên phải thường làm việc phóng sanh và khuyên bảo người làm.

Nếu nghĩ được như vậy thì lòng thương của ta tăng lên. Bởi vì thấy con vật đó như cha mẹ của ta. Và thấy những thân con vật đó như thân của ta nên sanh tâm mến tiếc.

Đức Phật lại bảo: **“Nếu thấy người đời sát sanh, nên tìm cách cứu hộ cho chúng được thoát khỏi nạn khổ”**. Tìm cách hoặc mua chuộc, hoặc khuyên lơn, năn nỉ.

Nếu thiệt sự mình không đủ sức thì nên chú nguyện cho nó, hoặc niệm Phật, để nhờ duyên đó sau khi chết rồi, nhờ niệm Phật, trì chú, tụng kinh nó được sanh về cõi lành, được thêm thiện căn trong tương lai không bị khổ nữa. Chẳng những thương xót con vật bị giết mà còn thương xót cả người giết nữa. Vì người đó đang tạo nghiệp khổ, sẽ bị quả báo khổ...! Nhưng như vậy cũng chưa rốt ráo hết khổ cho đôi bên, vì còn người sát và còn kẻ bị giết. Muốn chấm dứt cái nhơn sát, nhơn của khổ ấy, không gì bằng đem giới Bồ tát giảng dạy. Nếu giảng dạy mà họ chịu tin và thực hành thì những việc sát sanh, việc khổ chấm dứt. Cho nên Phật bảo, phải thường xuyên đem giới Bồ tát để giảng dạy cứu độ chúng sanh, tất nhiên cứu cái nhơn, còn phóng sanh, mua chuộc để phóng sanh là cứu cái quả.

Bây giờ muốn cho chấm dứt thì phải cứu cái nhơn, khiến cho mọi người phát tâm từ bi. Mà tâm từ bi có rồi thì sát sanh không còn nữa, chúng sanh khỏi khổ. Do đó, việc phóng sanh ở trên, gọi rằng cứu cho chúng được thoát khỏi nạn khổ. Còn đem giới Bồ tát giảng dạy đó là cứu độ. Điều này quan trọng. Cứu khổ chỉ tạm thời thôi, còn cứu độ mới thiệt là rốt ráo.

Chẳng những độ sanh mà còn độ tử. Thế cho nên nói: như cha mẹ anh em những người thân thuộc đã chết thì phải thỉnh Pháp sư giảng kinh Luật Bồ tát giới, nhờ phước đức đó được sanh về Tịnh Độ, gặp Phật, hoặc sanh trong cõi trời, cõi người, khỏi bị sa đọa trong tam đồ.

Do đó, giới phóng sanh này có hai: cứu khổ và cứu độ những chúng sanh sống và cũng là siêu độ cho những người quá vãng. Mười giới như thế cần nên học tập, hết lòng kính trọng phụng trì.

Tiền thân của Phật, có những đời Phật cũng làm đến con chí, con rận, con chim. Có những đời làm con nai, những đời

làm người, những đời tu hành làm Tiên nơn. Chúng ta đây cũng vậy.

Tiền thân đức Phật còn sanh trong các loài như thế, huống chi chúng ta đây những đời quá khứ e cũng lẫn lộn trong các loài, có đủ các thân... Nên nói tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nơn là mẹ ta. Chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta. Mình dùng chất tứ đại làm thân, các loài cũng dùng tứ đại làm thân. Do đó nên tất cả chất tứ đại đều là bản thân bản thể của ta. Nếu giết các loài là giết cha mẹ của ta, cũng là giết thân cũ của ta. Nghĩ như vậy thì tình thương nồng hậu tha thiết, việc phóng sanh, việc cứu độ được mạnh mẽ.

## 21. GIỚI ĐEM SÂN BÁO SÂN, ĐEM ĐÁNH TRẢ ĐÁNH

**Nếu là Phật tử không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh. Nếu cha mẹ, anh em hay lục thân bị người giết, cũng chẳng được báo thù, hoặc quốc chủ bị người thí chết, cũng không được báo thù. Giết sanh mạng để báo thù sanh mạng đó là việc không thuận với hiếu đạo. Hãy còn không được chứa nuôi tội tở, rồi đánh đập mắng nhiếc chúng, mỗi ngày tam nghiệp tạo vô lượng tội, nhứt là khẩu nghiệp. Huống lại cố đi làm tội thất nghịch.**

**Nếu xuất gia Bồ tát không có lòng từ bi, cố báo thù cho đến cố báo thù trong hàng lục thân, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

Là đệ tử Phật thì không được sân trở lại, khi người khác sân với mình; không được đánh trở lại, khi người khác đánh mình.

Tiền thân đức Phật có đời làm tu hành nhẫn nhục, bị vua Ca Lợi lắc tai, xẻo mũi, chặt cả chân tay. Trong kinh Kim Cang có nói tiền thân đức Phật, từ nhiều đời Phật đã không đem giận trả giận, lại còn tăng trưởng lòng thương. Có một

đời đức Phật là một vị tu hạnh nhẫn nhục trong cụm rừng. Nước đó vua Ca Lợi đang trị vì. Một hôm nhà vua dắt cung phi mỹ nữ, các quan đi săn bắn vui chơi trong khu rừng, khi vua mệt mỏi ngồi lại nghỉ, các cung phi, mỹ nữ theo hầu, lúc đó tản ra đi kiếm bông, kiếm hoa rừng để hái. Gặp vị tu hành, các cung phi, mỹ nữ đem bông cúng dường và cầu nghe pháp. Vua Ca Lợi chờ một lát lâu không thấy cung phi mỹ nữ mới đi tìm. Đi tới đó thấy cung phi mỹ nữ đang quỳ kính trọng đối với nhà tu hành, vua bèn sanh lòng ghen tức rút gươm ra hỏi: Ngài là người thế nào mà lại quyến rũ cung phi mỹ nữ của ta? Vị tu hành nói: Tôi chỉ đem giáo pháp để chỉ dạy cho các người đó bởi vì họ yêu cầu chứ không có ý gì khác. Vua nói: Nếu mà ông không có ý gì đối với các người nữ, các nữ sắc thì phải là người đến trình độ ngũ uẩn giai không mới được. Ông đã ngũ uẩn giai không chưa?

Vị tu khổ hạnh trả lời: “Chưa”

Nhà vua nói: Nếu ông chưa phải là ngũ uẩn giai không thì ông phải được cái thiên định ly dục, như là chứng Sơ thiên hay là Nhị thiên. Bây giờ ông đã chứng được thiên định ly dục chưa?

Ông đáp: “Chưa”

Vua nói: Như vậy tất nhiên là ông vẫn còn cái tâm tham dục, tại sao dám nói là ông không có ý nghĩ gì với các sắc đẹp đó? Như vậy là nói dối. Vậy ông ngồi đây để làm gì?

Ông đáp: Tôi ngồi đây để tu hành nhẫn nhục.

Nhà vua nói: Ủ? Để coi ông nhẫn nhục hay không nhẫn nhục cho biết. Nhà vua cắt hai lỗ tai của ông và hỏi: Giận chưa?

Ông đáp: Không!

Lát luôn lỗ mũi. Hỏi giận chưa?

“... Không!”

Chặt luôn hai chơn nữa. Hỏi giận chưa?

“... Không!”

Chặt luôn hai cánh tay. Hỏi có giận chưa?

“... Không!” (mà sắc mặt không đổi)

Lúc đó ông vua run sợ đến rớt gươm, các vị Thần trong rừng giận vua nên nổi sấm sét. Người tu khổ hạnh ngược mặt lên. Ngài nói: Các vị Thần nếu có thương các người tu hành thì không nên làm như vậy, sấm sét liền dứt.

Ông vua mới nói rằng: Ngài nói là không giận thì có cái gì để chứng minh hay không? Chớ tôi thấy thì máu mủ nó chảy ra thân của Ngài tôi cũng run lên!

Ngài nói: Bây giờ tôi chỉ còn cách lập lại lời nguyện để chứng minh mà thôi. Nếu tôi có một niệm nhỏ hờn nhà vua thì những vết thương này nó sẽ hành tôi cho chết, còn nếu không có niệm gì để hờn nhà vua, nghĩa là không có một chút gì sân, thì xin cho thân thể tôi hoàn phục lại như cũ, để chứng minh điều đó! Ngài vừa phát nguyện xong thì có luồng gió mát từ bốn phương thổi tới, làm cho thân thể của nhà tu hành đó (tiền thân đức Phật) đều hoàn phục lại như cũ. Vua thất kinh đánh lễ sám hối.

Như vậy chúng ta là đệ tử Phật phải cố gắng! Tiền thân của Phật trong khi tu hành, còn là phạm phu trong cõi dục nhưng vẫn không đem giận để trả giận của người khác, nghĩa là không đem niệm ác để trả lại việc ác của người khác mà họ gieo đến. Vậy chúng ta là đệ tử Phật phải có ảnh hưởng nào một đôi chút. Còn nếu không được, tất nhiên không đáng là đệ tử của Phật. Điều tệ nhất, là người ta sân ít, mình sân nhiều, người ta đánh ít mình đánh nhiều, người ta mắng ít mình mắng nhiều. Nếu có gặp Phật mà nói tôi có phải là đệ tử Phật

không, thì chắc Phật sẽ lắc đầu! Điều này rất quan trọng cho việc tu hành hằng ngày.

Đầu tiên Phật răn dạy Phật tử không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh, nghĩa là người ta có giận mình thì mình cũng phải thương trở lại. Người ta có đánh, chửi mắng nhiếc mình; mình cũng không được đánh chửi, mắng nhiếc trở lại, nghĩa là phải nhẫn, mà nhẫn với lòng hoan hỷ chứ không phải nhẫn mà bực tức rồi đè nén trong tâm, nghĩa là nhẫn với lòng hoan hỷ tha thứ.

Báo oán tức là trả thù, nếu cha mẹ, anh em hay lục thân bị người giết thì theo ở đời phải báo thù. Người ta giết cha mẹ mình thì phải báo thù. Người ta giết chúa mình phải báo thù. Mà đây trong Phật pháp không phải vậy. Phật răn dạy không được báo thù. Phật nói giết sanh mạng để báo thù sanh mạng đó là việc không thuận với hiếu đạo. Ở đời họ nói, nếu không báo thù cho cha mẹ, không báo thù cho chúa, như vậy là bất hiếu, bất trung. Nhưng trong Phật pháp chính cái báo thù ấy là không thuận với hiếu đạo. Tại làm sao? Bởi vì người đời chỉ thấy cái hiện tại mà thôi, chứ không biết đến quá khứ, cũng như không biết đến tương lai, tức là tam thế hơn quá.

Trong Phật pháp lại thấy tam thế hơn quá. Nếu việc cha mẹ hay vua chúa bị giết đó, biết đâu là do báo đời trước mà bây giờ phải trả, nghĩa là có vay và có trả. Đời trước có vay nghĩa là cha mẹ, hay vua chúa của chúng ta trước có giết người đó, cho nên đời này mới bị giết trở lại. Như vậy, sự vay trả ấy đã xong rồi thì đời mấy vị ấy được nhẹ nhàng.

Bây giờ chúng ta lại vì cha mẹ hay là vì vua chúa mà đi giết người kia, như vậy đáng lẽ cha mẹ hay vua chúa trả được nợ rồi, nhưng vì mình đi báo thù, giết người khác, nên cha mẹ hay vua chúa cũng bị ảnh hưởng, mà cái nợ còn dây dưa chưa dứt khoát. Cốt ý là mình báo thù để trả hiếu hay là trọn trung,



nhưng thiệt ra còn làm khổ cho cha mẹ hay vua chúa đã bị giết, bởi nợ còn dây dưa, tất nhiên hiếu đạo không trọn vậy. Còn người mà đi giết để trả thù đó biết đâu chính người đó đòi trước hay nhiều đòi cũng là cha mẹ ta. Mà cha mẹ hiện đời bị giết đó là cha mẹ hiện tại của ta, còn người giết đó biết đâu là cha mẹ quá khứ của ta? Vì trả thù cho cha mẹ hiện tại mà ta đi giết cha mẹ quá khứ. Như vậy không thuận với nghĩa hiếu đạo. Cho nên việc giết người để báo thù đối với cha mẹ bị giết cũng không thuận với hiếu đạo, bởi vì thêm cái khổ cho cha mẹ. Còn đối với người giết đó cũng không thuận với hiếu đạo, bởi vì người đó cũng là cha mẹ quá khứ của ta.

**Còn việc không được chứa nuôi tội tử rồi đánh đập mắng nhiếc chúng, mỗi ngày tam nghiệp tạo vô lượng tội, nhứt là khẩu nghiệp.**

Phật nhấn mạnh là khẩu nghiệp. Do đó Phật không cho nuôi tội tử. Nếu mướn người ta làm công phải trả công cho đầy đủ, chớ không nên coi họ là tội tử mà đầy ải. Việc nhỏ đối với tội tử mà Phật còn cấm, huống nữa là cố làm tội thất nghịch?

Cố làm tội thất nghịch là gì? Là giết người để báo thù mà những người đó ở quá khứ là phụ mẫu. Nếu nhìn theo con mắt giải thoát thì hai bên đã từng làm cha mẹ lẫn nhau.

Người đòi nhiều khi vì luật lệ thế gian hay phong tục, cho nên cũng khó cấm được. Cũng như việc nuôi tội tử. Cho nên Phật mới hạn định riêng cho người xuất gia mà thôi. Do đó mới có câu “tại gia không kết tội, bởi người tại gia còn phải sống theo luật thế gian, theo phong tục, còn người xuất gia mà làm thì phạm...”

**Nếu xuất gia Bồ tát không có lòng từ bi, cố báo thù nhĩn đến cố báo thù trong hàng lục thân, Phật tử này phạm Kinh cầu tội.**

Nếu là Phật tử tại gia mà báo thù cho cha mẹ, thì kết tội sát sanh, nếu là giết chết, thì phạm tội trọng thứ nhứt. Còn nếu xuất gia Bồ tát cả hai điều: cố báo thù mà giết người kia chết thì sát non, tất nhiên phạm tội trọng thứ nhứt, rồi thêm một tội cố báo thù, là cả hai tội.

Nếu giết người thì phạm tội sát sanh, còn việc cố báo thù thì phạm giới kinh 21 này, còn tại gia chỉ trái lời Phật dạy răn chớ không kết tội.

## 22. GIỚI KIÊU MẠN KHÔNG THỈNH PHÁP

**Nếu Phật tử mới xuất gia chưa thông hiểu kinh Luật mà tự ý mình là trí thức thông minh, hoặc ý mình là cao quý, lớn tuổi, hoặc ý mình là dòng sang con nhà quyền quý, hoặc ý mình học rộng, phước to, giàu lớn v.v... rồi sanh lòng kiêu mạn mà không chịu học hỏi Kinh Luật với các vị Pháp sư học đạo trước mình. Vị Pháp sư ấy hoặc dòng hèn, con nhà hạ tiện, tuổi trẻ, nghèo nàn, hèn hạ hay có tật nguyên nhưng thiết lại có đức hạnh cùng thông hiểu nhiều Kinh Luật. Hàng tân học Bồ tát không được nhìn vào dòng giống vị Pháp sư ấy mà không chịu đến học đạo lý Đại thừa với vị ấy, Phật tử nếu như vậy thì phạm Khinh cầu tội.**

Đây là nói ý mình học giỏi, đại học hay là cử nhân, tiến sĩ hay bác sĩ v.v... hoặc giàu lớn, hay con nhà quan lớn. Do ý vậy mà không chịu hạ tâm học hỏi chánh giáo đối với những vị thông chánh giáo trước mình, khởi tâm kiêu mạn không thỉnh pháp.

Đây chỉ trong pháp mà nói, nếu vị ấy có pháp hơn mình thì cần đến để thưa thỉnh học hỏi. Không nên nhìn người đó thế nào, chỉ nghĩ đến chánh pháp nếu vị đó hơn mình, biết trước mình thì cần phải hạ mình đến để cầu học. Nếu mình kiêu mạn ý thị thì đối với chánh pháp luôn luôn nghèo nàn,

bởi vì không chịu cầu học thì làm sao thuộc được chánh pháp? Nếu người Phật tử đã xuất gia rồi cũng như trăm sông đã vào đến biển, tức nhiên thuận một vị nước mà thôi, chớ không có phân hai, ba. Không nên nói rằng tôi là nước sông lớn, còn người kia là nước sông cái, lạch nhỏ. Nếu có quan niệm sang hèn, phân biệt, tất nhiên mất tâm bình đẳng, mà tâm bình đẳng đã mất thì lòng đại bi khó phát. Cho nên bình đẳng đại bi hai điều phải nương nhau, chính do bình đẳng đại bi mới thành.

Mà do đại bi mới giúp cho bình đẳng hoàn bị. Như giới phóng sanh trên, nếu bình đẳng nhận thấy rằng tất cả mọi loài ở trong lục đạo làm cha mẹ lẫn nhau, ta đây cũng là cha mẹ các loài, tất cả loài cũng là cha mẹ của ta. Cũng như thân của ta đây là thân của các loài. Còn thân của các loài chính là thân của ta, nếu có quan niệm bình đẳng như thế, tất nhiên đại bi sẽ được tăng trưởng.

Chỉ nghĩ đến việc sang hèn, quý trọng để phân tích thì mất tâm bình đẳng đừng nói đến việc đồng thân, đồng thể hay là đồng cha, đồng mẹ. Do vì ý thị mình sang giàu rồi lại kiêu mạn nên không chịu hạ thấp mình để học hỏi chánh pháp, như vậy mất lợi ích lớn.

Đức Phật có thí dụ: Người vào trong chánh pháp của Phật cầu học hỏi tu hành cũng như người đi trong rừng giữa đêm tối cầu lấy ánh sáng để ra khỏi cụm rừng tối tăm đó. Như có một người cầm ngọn đuốc sáng soi đường thì ta chỉ chú trọng nơi ánh sáng của ngọn đuốc nương theo đó, để ra khỏi cụm rừng tối tăm, chớ không nên ngó người cầm đuốc ấy là người sang giàu tôn quý mới theo, hay thấy người ấy hèn hạ rách rưới, tật nguyên, rồi không chịu theo. Như vậy là mất lợi lớn, không hưởng được ánh sáng của ngọn đuốc.

Do đó Phật mới răn không nên kiêu mạn, không chịu học hỏi sẽ mất sự lợi ích trong việc tu hành.

### 23. GIỚI KHINH NGẠO KHÔNG TẬN TÂM DẠY

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt, lúc có tâm tốt muốn thọ giới Bồ tát thì đối trước tượng Bồ tát tự nguyện thọ giới.

Nên ở trước tượng Phật và tượng Bồ tát sám hối trong bảy ngày để được thấy hảo tướng là đắc giới. Như chưa thấy hảo tướng thì phải sám hối 14 ngày, 21 ngày hay đến cả năm cầu thấy được hảo tướng; khi được thấy hảo tướng rồi thì được đối trước tượng Phật và Bồ tát mà thọ giới. Như chưa thấy hảo tướng thì dầu có đối trước tượng Phật, thọ giới vẫn không được gọi là đắc giới.

Nếu đối trước vị Pháp sư đã thọ giới Bồ tát mà thọ giới thì không cần thấy hảo tướng, để đối trước vị Pháp sư ấy thọ giới liền đắc giới, do vì hết lòng kính trọng nên đắc giới.

Nếu ở trong vòng nghìn dặm tìm không được vị Pháp sư truyền giới, thì Phật tử được phép đối trước tượng Phật và Bồ tát mà tự nguyện thọ giới Bồ tát nhưng cần phải thấy hảo tướng.

Nếu các vị Pháp sư ỷ mình thông Kinh Luật cùng giới pháp Đại thừa, kết giao với các nhà quyền quý, khi có hàng tân học Bồ tát đến cầu học Kinh Luật, lại giận ghét hay khinh ngạo, không chịu tận tâm chỉ bảo, vị này phạm Khinh cấu tội.

Bổn phận học trò đối với Thầy phải trọng pháp và không nên ngó đến sự sang hèn của Thầy, cũng như không ỷ sự cao sang thông minh lanh lợi của mình.

Còn Thầy đối với học trò phải tận tâm chỉ dạy, còn nếu khinh ngạo không tận tâm chỉ dạy thì Thầy có lỗi.

Đối trước tượng Phật và tượng Bồ tát mà tự nguyện thọ giới Bồ tát, ở đây không có Giới sư truyền giới, nhưng có điều

kiện là phải thấy hảo tướng. Như vậy là thiện căn phát, tội chướng tiêu, tâm được thanh tịnh. Muốn thấy được hảo tướng thì tội chướng tiêu, cảnh tốt lành (Thánh cảnh) mới hiện được. Do đó phải có cách làm cho tội chướng tiêu, ấy là phương pháp sám hối. Trong đây nói sám hối, hoặc trong bảy ngày thấy hảo tướng, rồi đối trước tượng Phật, Bồ tát thọ giới thì đắc giới. Còn sám hối trong bảy ngày mà chưa thấy hảo tướng thì phải sám hối đến 14 ngày, 21 ngày hay đến cả năm. Cứ lấy từ bảy ngày đó, cho đến chừng nào thấy được hảo tướng. Khi thấy hảo tướng mới được phép đối trước tượng Phật, tượng Bồ tát thọ giới. Nếu chưa thấy hảo tướng mà cứ đối trước tượng Phật thọ giới thì không gọi là đắc giới được. Hảo tướng đó là thấy quang minh, thấy hoa báu, thấy Phật, Bồ tát các cảnh tượng lạ.

Sự thấy hảo tướng có hai: hoặc trong lúc sám hối, tọa thiền thấy, hoặc trong lúc ngủ chiêm bao thấy. Khi thấy rồi mà thân tâm thư thái, nhẹ nhàng đó gọi là tốt.

**Nếu đối trước vị Pháp sư... hết lòng kính trọng nên đắc giới.**

Đối trước tượng Phật, Bồ tát thọ giới nên cần phải sám hối để thấy hảo tướng. Còn nếu đối trước vị Pháp sư đã thọ Bồ tát để cầu giới thì không cần phải thấy hảo tướng.

Tại sao vậy? Vì những vị trước truyền giới cho vị sau - vị sau truyền cho vị sau nữa, đem giới mà truyền cho nhau. Cho nên các Giới tử đối với vị Giới sư mà thọ giới thì trong lúc đó lòng kính trọng cho nên giới của vị Giới sư truyền qua Giới tử thành đắc giới. Nếu ở trong vùng nghìn dặm mà tìm không được vị Pháp sư truyền giới thì được phép đối trước tượng Phật để tự nguyện thọ giới Bồ tát, nhưng cần phải sám hối, thấy hảo tướng.

Bây giờ, trong vùng mình đang ở cách xa nghìn dặm cũng vẫn không tìm được vị Pháp sư để cầu truyền giới. Dặm đây là

dặm Tàu có thể là 400 đến 500 thước là một dặm. Nếu tính ra cây số bây giờ nghĩa là trong vòng 400 đến 500 cây số mà không có được một vị Pháp sư để truyền giới thì được phép đối trước tượng Phật và Bồ tát để tự nguyện thọ giới Bồ tát. Nhưng cần sám hối thấy hảo tướng, nếu không sám hối thấy hảo tướng thì không thể đắc giới được. Đó là nói theo thuở xưa, không thể đi bộ, cỡi ngựa mà đi quá xa được, còn bây giờ phương tiện đi máy bay thì 400, 500 cây số chỉ đi một vài tiếng đồng hồ thôi. Cho nên người thọ giới cần phải đến cầu giới nơi các vị Pháp sư (Giới sư), nếu không cầu giới nơi vị Pháp sư, mắc tội khinh mạn, xem thường giới pháp, rất khó đắc giới.

Bây giờ ở các nước thuộc về Đại thừa Phật giáo thì Giới tử phải thọ giới với các vị Pháp sư, không được đối trước tượng Phật mà thọ, vì đã có sẵn Giới sư mà không cầu giới là khinh mạn, không làm sao đắc giới được. Trừ ra nước đó không phải nước Đại thừa Phật giáo. Trong các Tiểu thừa có người tự phát tâm tu giới Bồ tát Đại thừa, mà chung quanh toàn là chư sư Tiểu thừa thì làm sao có vị truyền giới Bồ tát được? Mà đi xuất ngoại qua bên nước Đại thừa để cầu giới là điều rất khó. Cho nên họ có thể đối trước tượng Phật, Bồ tát để tự nguyện thọ giới Bồ tát, nhưng phải sám hối cho thấy hảo tướng trước tiên, nếu không, thì không đắc giới. Còn đối với Giới sư mà thọ giới, không cần thấy hảo tướng, bởi vì giới pháp đó, chư Giới sư vị trước truyền cho vị sau, truyền nối nhau nên cầu giới nơi đó được truyền thì đắc giới.

Thọ giới Bồ tát có hai trường hợp: Đối trước tượng Phật mà thọ giới (cần phải thấy hảo tướng). Còn đối với Pháp sư đã thọ giới Bồ tát mà thọ thì không cần thấy hảo tướng.

**“Nếu các vị Pháp sư... không chịu tận tâm chỉ bảo, vị này phạm Khinh cấu tội”**. Giới khinh ngạo không chịu tận tâm chỉ bảo. Các vị tân học Bồ tát đến cầu học thì phải thương

xót, mau mắn đem những nghĩa trong Kinh Luật Đại thừa để chỉ dạy, bởi vì bốn phận của các vị Pháp sư Đại thừa Bồ tát đây là đem giáo pháp Đại thừa để hóa độ chúng sanh. Khi có duyên mà bỏ qua hoặc vì sự giận ghét không chịu tận tâm chỉ bảo thì phạm tội.

## 24. GIỚI KHÔNG TẬP HỌC ĐẠI THỪA

**Nếu Phật tử có Kinh Luật Đại thừa chánh pháp, chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân của Phật, mà không chịu siêng học siêng tu, lại bỏ bầy của báu trở học những sách luận tà kiến của Nhị thừa, ngoại đạo, thế tục, đó là làm mất giống Phật, là hơn duyên chướng đạo, chẳng phải thực hành đạo Bồ tát. Nếu cố làm như vậy, Phật tử này phạm Kinh cấu tội.**

Người Phật tử đã thọ giới Bồ tát thì vào trong nhà Đại thừa của Phật, phải học tập giáo pháp Đại thừa, không học phạm tội.

Đã sẵn có Kinh Luật Đại thừa pháp, chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân của Phật, tức nhiên nói những Kinh Luật Đại thừa, thì trong đó chứa đủ chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân của Phật.

Chánh kiến là những sự lý nơi Đại thừa pháp.

Chánh tánh: toàn lý tánh, Phật tánh.

Chánh pháp thân của Phật: y theo đó mà thực hành mà tu thì sẽ hiển hiện được pháp thân của Phật, có thể chứng ngộ lấy pháp thân.

Không chịu siêng học siêng tu những Kinh Luật Đại thừa, lại bỏ tiền bỏ của ra, đây gọi rằng bỏ bầy của báu: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ v.v... Chịu phí bỏ tiền của để đi học sách luận tà giáo (tà kiến), Nhị thừa, ngoại đạo, thế tục. Hãy thấy bốn phận chính của ta trước tiên là phải học Kinh Luật Đại thừa, rồi tu

hành, thực hành theo đó. Nếu chưa toàn vẹn những điều như vậy, mà trở lại học những ngoại đạo thế tục (thuyết ngoài hoặc triết lý chẳng hạn) cho đến những sách luận tà kiến của Nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) ở trong Phật pháp còn cấm, hướng chi học ngoại đạo thế tục?

Bởi vì học sách luận của Nhị thừa hay ngoại đạo thế tục, là mất giống Phật, là nhờn duyên chương đạo Đại thừa, giống Phật sẽ không tăng trưởng được.

Như vậy nên Phật nói: Chẳng phải thực hành đạo Bồ tát, nếu cố làm như vậy, Phật tử này phạm Kinh cầu tội, trừ ra khi học hỏi kinh Đại thừa đã rành, trí lực hữu dư muốn tham cứu để làm phương tiện độ sanh thì được. Còn ngược lại thì phạm tội.

## 25. GIỚI TRI CHÚNG VỤNG VỀ

**Nếu Phật tử sau khi Phật nhập diệt làm Pháp sư, Giảng sư, Luật sư, Thiền sư, Thủ tọa, Tri sự, Tri khách phải có lòng từ bi khéo hòa giải trong chúng, khéo giữ gìn tài vật của Tam Bảo, chớ dùng vô độ như của riêng mình mà trở lại khuấy chúng gây hấn kinh chống, lung lòng xài của Tam Bảo, Phật tử này phạm Kinh cầu tội.**

Khi Phật tử còn tại thế, lúc đó Phật là Giáo chủ. Sau khi Phật nhập diệt rồi thì những vị đệ tử thay thế Phật để duy trì chánh pháp. Các vị Pháp sư, Giảng sư, Luật sư, Thiền sư, Thủ tọa, Tri sự, Tri khách, những người có bổn phận (chức sự trong ngôi Tam Bảo, trong Giáo hội) thì phải có lòng từ bi khéo hòa giải trong chúng, nghĩa là lúc nào cũng có lòng thương xót, làm cho trong chúng hòa thuận trên dưới đều một lòng vui vẻ trong việc tu hành. Đó là tinh thần, còn vật chất phải khéo giữ gìn tài vật của Tam Bảo; của Tăng như giường ghế, phòng nhà chẳng hạn; của Pháp là kinh sách, tử rương để đựng kinh sách, hay những tòa nhà, những tháp thờ kinh sách



hay đựng kinh sách; của Phật là điện thờ Phật, tượng Phật hay những lư hương cúng dường Phật, chân đèn, chuông, trống, phải khéo giữ gìn nguyên vẹn khỏi hư hao.

Phật có dạy **“Chớ dùng vô độ như của riêng mình”**. Như vậy những người có phận sự và những người ở trong chúng cũng phải giữ gìn cẩn thận, mà trái lại khuấy chúng gây gổ, nghĩa là chọc đầu này đầu kia, cho có sự bất hòa, lung lòng xài của Tam Bảo, nghĩa là xài phí của Tam Bảo. Hoặc giả, cất tiền của Tam Bảo như các vị thủ bản, coi tiền đó như của mình, muốn xài chi đó thì xài, nên gọi là “lung lòng xài”. Việc đó tội lắm, nghĩa là của Phật là của Phật, của Pháp là của Pháp, của Tăng là của Tăng, không nên coi đó là của riêng mình. Nếu không khéo biết việc này thì phạm tội. Thường những vị trụ trì trong chùa được toàn quyền để tiêu dùng, mà không ngờ đó là tiền của Tam Bảo.

Tiền hay tài vật của Phật Bảo thì chỉ được xài trong phạm vi Phật Bảo mà thôi, không được đem in kinh sách, hay mua đồ cho chúng Tăng và ngược lại của Pháp và của Tăng cũng vậy. Lúc chư Tăng họp lại, hoặc bốn, năm người trở lên toàn chúng đồng ý như vậy thì được, còn riêng mình ỷ trụ trì rồi xài riêng, đó gọi là lạm, phạm tội.

Trong Sa Di Luật giải: Có vị trụ trì sau khi chết rồi, vị tân trụ trì, một hôm đi vào trong xóm, lúc trở về gặp trời tối, đi qua cánh đồng thấy một nhà giam hành hạ những người tội trong đó, có ông cố trụ trì đương bị hành hạ, mới hỏi thăm tại sao mà bị tội như thế này? (cái chỗ hành như vậy, trong kinh gọi là biên địa ngục, không phải địa ngục chánh). Vị trụ trì nói rằng: Thí chủ cúng một số tiền sắm món ăn cho chúng Tăng, mà tôi lại nghĩ như thế này: ở trong chúng thì mỗi bữa có phần ăn nhứt định rồi (có tiền chợ mỗi ngày). Bây giờ thêm tiền này thì dư, cho nên mái nhà chúng Tăng bị dột, đem tiền đó mua ngói, mua cây để sửa, do đó mới có tội này. Ông về chùa dỡ

cây, dỡ ngôi chỗ đó, đem bán đi lấy tiền mua đồ ăn để cúng dường Tăng chúng, để cho tôi được tiêu tội.

Lung lòng là buông lung theo ý mình, xài của Tam Bảo. Nếu vị trụ trì họp chúng, người ta bằng lòng hiến phần đồ ăn đó thì được để tu bổ. Số tiền thí chủ cúng việc này, làm việc khác trong ngôi Tam Bảo còn không được, huống chi đem xài riêng cho mình thì tội biết chừng nào! Nếu xài riêng cho mình thì phạm tội ăn trộm.

Người tại gia cũng vậy, nếu trong gia đình có công quỹ tất nhiên phải có ý kiến chung, không nên y quyền cha mẹ để lấy xài riêng của mình, thì cũng có lỗi, bởi vì tất cả người trong gia đình đều có phần hưởng trong đó, quỹ công mà mình xài riêng thì có lỗi với mọi người trong gia đình.

Nếu mình muốn xài riêng phải lên tiếng cho tất cả biết, họ nói “ba cứ xài”, hoặc “má cứ xài” thì xài không sao vì đã có sự đồng ý của mọi người trong gia đình.

## 26. GIỚI RIÊNG THỌ LỢI DƯỠNG

Nếu Phật tử ở trước trong Tăng phường, lúc sau thấy có khách Tỳ kheo Bồ tát đến, hoặc nơi thành ấp nhà cửa của Tăng hay của vua, nhả đến chỗ kiết hạ an cư cùng trong đại hội. Chư Tăng ở trước phải rước đến đưa đi, cung cấp cho những đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà, phòng, giường, ghế v.v... Nếu tự mình không có thì phải bán thân, bán con cái, lóc thịt thân mình mà bán, để sắm đồ cung cấp cho những khách Tăng ấy.

Nếu có thí chủ đến thỉnh chúng Tăng thọ trai, khách Tăng có dự phần, vị Tri sự phải theo thứ tự mà phái khách Tăng đi thọ trai. Nếu chư Tăng ở trước riêng đi thọ trai mà không phải khách Tăng đi thì vị Tri sự mắc vô lượng tội, không đáng là hàng Sa môn, không phải hàng

## **Thích tử, nào khác gì loài súc sanh, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.**

Lợi dưỡng tức là những vật tứ sự cúng dường. Sự cúng dường đó có hai cách: một là người ta mời đến tận nhà dâng cúng, đây là có sự hứa mời; hai là đem tới Già lam, Tinh xá, chùa chiền dâng cúng.

Đoạn trên nói về tại gia. Hàng tại gia Bồ tát thấy có vị Tỳ kheo Bồ tát đến thì phải mời thỉnh, cung cấp tứ sự cúng dường: ăn uống, thuốc men, chỗ ở. Trong đây có nói, cho đến bán thân mình, bán đồ đạc trong nhà để cung cấp. Đó là nói các vị Bồ tát Tỳ kheo.

Sự cúng dường nếu sẵn có thì tốt, nếu không sẵn thì tìm cách gì cho có để cung cấp các vị ấy, vì khách Tăng từ nơi phương xa đến, nếu không có những vị Bồ tát tại gia lo lắng thì sẽ vất vả.

Đoạn dưới nói: nếu có thí chủ đến thỉnh chúng Tăng đi thọ trai. Nói về những vị đã xuất gia Bồ tát ở tại chùa, rồi có những khách Tỳ kheo Bồ tát đến. Theo lệ bây giờ có thí chủ đến dâng sẵn ở nơi chùa, trường hợp đây rất ít. Vào thời xưa, chư Tăng thường phải đi khát thực. Do đó, sự ăn dùng của chư Tăng phải đi khát thực mệt nhọc. Chúng ta bây giờ dùng ở trong chùa, nên thấy khỏe hơn là đi đến nhà thí chủ. Ngày xưa nếu có tín thí mời thì hân hạnh vì nếu không có thí chủ mời thì phải ôm bát đi khát thực. Mà đi khát thực có khi được khi không, có khi phải đi xa, có khi phải ghé nhiều nhà mới đủ ăn. Do đó trong đây quy định là nếu các vị khách Tăng đó mà đến thì theo thứ tự để phái đi thọ trai. Vì chúng Tăng đông nên người ta không mời hết được. Một ngày chỉ mời một vị hay là hai vị. Rồi ngày khác các tín chủ khác mời thì chư Tăng theo thứ tự là vị lớn đi trước, lớn là tính theo tuổi hạ lạc. Rồi ngày sau sẽ theo thứ tự mà đi.

Vị Tri sự là người có phận sự coi về việc đó. Nếu những vị Tăng trong chùa dành đi mà không phải khách Tăng đi, thì vị có bốn phận cắt đặt việc đó phạm tội, vì không bình đẳng, gọi là tội riêng thọ lợi dưỡng.

Do đó Phật trách: **Chẳng những không phải là người xuất gia, là Sa môn, không phải là con của Phật, không khác gì loài súc sanh** bởi vì loài súc sanh tranh ăn với nhau, chớ không biết theo tuần tự để nhường cho nhau.

Điều này bây giờ ta không thực hành, nên nghe như mới, hơi khó. Bởi vì không đi khát thực, ít khi thọ trai luân phiên chỉ dùng sẵn ở chùa. Thí như có tín chủ thỉnh cúng dường, chỉ ba hoặc bốn vị thôi thì phải thứ tự mà phái đi. Trong ngày nếu có khách Tăng đến, khi đến hỏi han biết hạ lạp vào thứ nào trong chùa rồi thì theo thứ tự mà tính. Không nên riêng chur Tăng trong chùa đi, mà không phái khách Tăng đi, như vậy không bình đẳng, vì khách Tăng cũng có phần trong việc tín thí cúng, nếu như vậy thì phạm tội.

Bồ tát xuất gia thì phải bình đẳng để thọ sự cúng dường của đàn tín, không cho các vị Bồ tát, Tỳ kheo đó hưởng chung theo thứ tự bình đẳng thì những vị dành để hưởng đó, phạm tội thứ 26 này.

## 27. GIỚI THỌ BIỆT THỈNH

**Nếu là Phật tử tất cả chẳng được nhận của cúng dường dành riêng về mình. Của cúng dường này thuộc thập phương Tăng, nếu nhận riêng thì là lấy của thập phương Tăng đem về phần mình. Và của vật trong tám phước điền: chur Phật, Thánh nhơn, Sư Tăng, cha mẹ và người bệnh, tự mình riêng nhận dùng. Phật tử này phạm Khinh cầu tội.**

Trong đây quy định tất cả chẳng được nhận của cúng dường dành riêng về mình. Nếu thí chủ đã cúng dường mà lấy

riêng về mình thuộc về tội trộm. Nếu thí chủ dự định cúng dường thập phương cho chư Tăng, hoặc hiện tiền Tăng ở trong một ngôi chùa, mà những người thí chủ là bổn đạo riêng của một vị sư nào đó, mới nói với người thí chủ rằng: “Thập phương Tăng thì có tín thí lo, chư Tăng trong chùa cũng có đàn na tín thí thường dâng cúng, chỉ riêng Thầy bây giờ đang thiếu, cần phải may y, phải thỉnh một tạng kinh v.v... thí chủ cúng cho sư đi”. Vị thí chủ đó nghe vậy bèn cúng cho sư. Vị sư đó phạm điều thứ 27 này. Vị thí chủ đã nói ra lời là dâng cúng cho thập phương Tăng hay hiện tiền Tăng mà vị sư lại tìm cách đem về mình thì phạm tội ăn trộm, tội giạt, tội trọng thứ hai ở trên. Đây là nói thí chủ mới có ý mà thôi, chưa dâng cúng, cho nên vị sư ấy mới tìm cách nói để thí chủ dâng cúng riêng cho mình, do đó phạm tội trọng điều thứ 27 này. Còn nếu thiết cúng rồi mà lại dành riêng về mình, thì phạm tội trọng thứ hai là tội ăn trộm, rồi phạm luôn tội dành riêng.

Thập phương Tăng thì không luận là người nào, nếu là Tỳ kheo Bồ tát thì được thọ dụng hết. Chẳng những thập phương Tăng mà nếu đó là của Phật, Thánh nhơn, sư Tăng. Sư là chỉ cho Hòa thượng, A xà lê, của các vị đó, ai cũng có thọ giới với Hòa thượng, A xà lê, đó thuộc về sư Tăng, của cha mẹ, của người bịnh. Cho đến người ta bịnh hộ trợ cho người bịnh mà đi nói người bịnh đó có người này người kia lo hay là có dư giả. Bây giờ nên đem cái đó để cúng dường cho tôi, đó là dành riêng phạm tội thứ 27 này.

## 28. GIỚI BIỆT THỈNH TĂNG

**Nếu Phật tử có những hàng Bồ tát xuất gia, Bồ tát tại gia và tất cả đàn việt lúc muốn thỉnh Tăng để cúng dường cầu nguyện, nên vào trong Tăng phường thưa với vị Tri sự, vị Tri sự bảo rằng: Theo thứ tự mà thỉnh thì được thập phương Hiền Thánh Tăng. Mà người đời thỉnh riêng 500**

**vị A la hán Bồ tát Tăng vẫn không bằng theo thứ tự thỉnh một phàm phu Tăng. Trong giáo pháp của bảy đức Phật đều không có phép thỉnh Tăng riêng. Nếu thỉnh riêng là phép của ngoại đạo, là không thuận với hiếu đạo. Nếu Phật tử cố thỉnh riêng thì phạm Kinh cấu tội.**

Thỉnh Tăng riêng là nếu có thí chủ trong Già lam chỉ chú ý đến một số Tăng chúng, trọng riêng để cung cấp cúng dường. Nếu cố ý thỉnh riêng để cúng dường thì Phật tử đó phạm tội.

Nếu thỉnh riêng như vậy thì các vị khác bị thiệt thòi, thiếu thốn. Phật muốn hàng đệ tử được thọ hưởng đồng nhau nên cấm không cho cúng dường riêng. Gọi là thỉnh Tăng riêng đây là từ bốn người trở lên (là Tăng). Vậy chẳng những vị khác bị thiệt thòi mà rồi có hại: thỉnh một nhóm riêng, mà đó là một nhóm Tăng. Như vậy sẽ chia ra bè phái nơi nhóm Tăng này có thí chủ riêng. Mà chia bè phái đủ số Tăng rất có hại. Bởi vì đã thành Tăng rồi thì có quyền quyết định nhiều việc quan trọng. Bây giờ đối với giới luật ít có theo. Nếu trong đó chư Tăng là mười người, có bốn năm vị tách riêng, thành một nhóm riêng, có bốn đạo riêng, thì bốn năm vị đó có thể quyết định nhiều công việc quan trọng riêng, trong nhóm đó không cần đồng ý với năm, sáu vị kia. Rồi năm, sáu vị kia cũng là Tăng, rồi cũng quyết định nhiều việc mà không cần phải hội ý với bốn, năm vị này, như vậy Tăng chia rẽ, không còn hòa hợp nhau nữa.

Đức Phật nêu cao sự cúng dường bình đẳng được phước đức lớn. Chẳng những Bồ tát tại gia hay đàn việt có thể cúng dường, Bồ tát xuất gia nhiều khi cũng có một phần nào về lợi dưỡng, lại hồi hướng cúng dường cho chư Tăng. Vị Tri sự nên theo thứ tự mà thỉnh Tăng. Muốn cúng năm vị, đến mười người chẳng hạn, cũng theo thứ tự từ lớn tới nhỏ, không được lựa chọn. Cứ theo thứ tự bình đẳng để thỉnh thì sẽ được thập phương Hiền Thánh Tăng dự việc cúng dường đó.

Cho nên trong đây nói, dù có thỉnh riêng 500 A la hán Bồ tát Tăng vẫn không bằng (phước đức không bằng) theo thứ tự mà thỉnh một phàm phu Tăng.

Bởi vì phước đức do tâm người cúng dường đó, nếu tâm bình đẳng thì phước đức lớn. Nếu tâm không bình đẳng dù có cúng dường cho 500 vị A la hán Bồ tát Tăng, vẫn không bằng tâm bình đẳng cúng dường cho một vị Tăng phàm phu.

Nếu không có tâm bình đẳng, trọng bên này, khinh bên kia dầu có được duyên lớn cúng dường 500 vị A la hán Bồ tát, do tâm không bình đẳng, có trọng có khinh đó thành ra công đức cũng kém đi.

**Trong giáo pháp của bảy đức Phật đều không có pháp thỉnh Tăng riêng.**

Bảy đức Phật từ Tỳ Ba Thi Phật, cho đến Thích Ca Mâu Ni Phật là bảy. Nói bảy, chứ thiệt ra quá khứ vô lượng Phật, vị lai tất cả Phật, đều không đức Phật nào cho phép thỉnh Tăng riêng.

Nếu thỉnh riêng là pháp của ngoại đạo, không thuận với hiếu đạo. Hiếu là giới, tất nhiên không thuận với giới pháp của đức Phật. Trừ những người không biết, nếu đã biết mà cố thỉnh riêng thì phạm tội mà cũng không có phước đức gì.

Trong đây nói thưa với vị Tri sự, Tri sự có bảo như vậy rồi mà người cúng dường lại cố ý thỉnh riêng thì phạm tội.

Xưa có vị Hòa thượng đương bệnh nhiều, trong hàng chư Tăng đệ tử, có vị đã chứng quả Tư đà hàm, vị Hòa thượng biết nên kêu riêng ra nói, xem coi cần phải dùng tư lương gì để sau khi tịch, có lợi lớn. Vị đệ tử thưa với Hòa thượng rằng: Nên đem y Tăng già lê của Hòa thượng cúng cho một vị Tăng thì thêm phước đức, về sau Hòa thượng sẽ được hưởng quả lành khi đã viên tịch. Hòa thượng y theo lời như vậy. Vị đệ tử lại dặn Hòa thượng phải đích thân cầm y để cúng dường. Nên

cúng cho vị Tăng nào nhỏ nhất trong chúng đến thọ và không nên có tâm nghĩ so đo thì mới được. Hòa thượng nghe lời thiết trai đàn lớn, thỉnh tất cả chư Tăng thập phương. Đến khi thỉnh chư Tăng theo thứ tự ngồi thọ trai, thấy ông Sa di nhỏ nhất trong chùa, Hòa thượng suy nghĩ: Ông điều này mới vô chùa mà dự trong trai đàn này, ông Sa di là nhỏ nhất, mà đã là Sa di thì làm sao kham nhận được cái y Tăng già lê là cái y lớn của các vị Hòa thượng? Nhưng Hòa thượng nhớ lại lời người đệ tử chứng quả, cho nên hai tay cung kính bưng mâm y đến trước mặt ông Sa di đó để dâng, Ông Sa di cũng hoan hỷ không nói gì hết, nhận y. Sau khi giải tán trai đàn, Hòa thượng mới kêu ông Sa di nhỏ (Sa di này ở trong chùa) vào liêu hỏi: Ông lãnh y Tăng già lê của Hòa thượng đắp có vừa không? Ông Sa di ngơ ngác một lát rồi thưa với Hòa thượng: Bạch Hòa thượng con bữa nay mắc lo phụ ở phía ngoài sau, dọn dẹp nước nồi, chứ con đâu có lên dự trai đàn. Khi đó Hòa thượng mới biết: đó là vị Thánh Tăng hiện thân để thọ.

Như vậy, nếu theo thứ tự thỉnh thì được thập phương Hiền Thánh Tăng, tâm cúng dường bình đẳng thường các vị Hiền Thánh Tăng hiện thân đến để thọ sự cúng dường cho nên có phước đức lớn, các Hiền Thánh Tăng thường hay ứng cúng. Tâm người dâng cúng bình đẳng nên phước đức thù thắng.

Trong Kinh Duy Ma Cật có nói: Nếu bố thí cúng dường bình đẳng thì công đức bố thí cho người ăn mày hèn hạ nhất cũng ngang bằng cúng dường cho một đức Phật.

## 29. GIỚI TÀ MẠNG NUÔI SỐNG

**Nếu Phật tử dùng ác tâm vì lợi dưỡng buôn bán nam sắc, nữ sắc, tự tay làm đồ ăn, tự xay, tự giã, xem tướng, bùa mộng, đoán sẽ sanh trai, sanh gái, bùa chú pháp thuật, nghề nghiệp, phương pháp nuôi ó và chó săn, hòa hiệp trăm thứ thuốc độc, nghìn thứ thuốc độc, độc rắn, độc**



**sanh kim, sanh ngân, độc sâu cổ, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Nếu cố làm các điều trên, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

Làm người trong đời ai cũng có nghề nghiệp nuôi sống, nhưng phải có nghề nghiệp hợp pháp không hại người, hại vật, thì những nghề nghiệp đó thuộc về chánh mạng. Còn trái lại thì gọi là tà mạng. Đó là nói người Phật tử thọ Bồ tát tại gia. Nếu xuất gia tự làm nghề nghiệp gì đó để nuôi sống, đều gọi là tà mạng. Chỉ thọ của tín thí mà thôi.

Thọ của tín thí có khi tự người ta dâng cúng, có khi cần việc chi đó, cũng có thể đi quyên hoặc đi khất thực.

Buôn bán nam sắc, nữ sắc: buôn bán nô lệ, ngày xưa người ta đem bán người con gái cho người khác mua về làm hầu hay vợ lẽ.

Nghề xem tướng, bần mộng, đoán sanh trai, sanh gái, theo luật Phật chẳng những người xuất gia không được làm, mà người Phật tử tại gia cũng không nên làm, cho đến nghề bùa chú, pháp thuật, phương pháp nuôi ó và chó săn, việc này hại người hại vật không nên làm.

“Hòa hiệp trăm thứ thuốc độc” hòa hiệp lại để đem bán, các thứ độc dược không nên làm. Nếu làm là không thuận với hiếu đạo, không có lòng từ bi. Do đó nếu cố làm, phạm tội.

Còn nếu thuốc độc đã có hại người, hại vật, quy về tội trọng phạm giới sát sanh.

### **30. GIỚI QUẢN LÝ CHO BẠCH Y**

**Nếu Phật tử vì ác tâm, tự mình hủy báng Tam Bảo, giả tuồng kính mến, miệng thì nói không mà hành vi lại ở trong có, làm quản lý cho hàng bạch y, vì hàng bạch y làm mai mối cho nam nữ giao hội dâm sắc, gây thành các nghiệp kiết phược, những ngày lục trai trong mỗi tháng,**

**ba tháng trường trai trong mỗi năm làm việc sát sanh, trộm cướp, phá thai, phạm giới Phật tử này phạm Khinh cầu tội.**

Bạch y là chỉ người tại gia, xưa ở Ấn Độ, người tại gia thường mặc áo trắng (chánh sắc), mà nếu sắc trắng hoại đi làm thành màu khác gọi là hoại sắc.

Phật tử Bồ tát vì ác tâm (tâm không chơn chánh đúng đạo pháp, không đúng với pháp Đại thừa) gọi là ác tâm, không phải chỉ có tâm hại người, vật, gọi là ác tâm. Cho đến hàng Nhị thừa ác nơn (tâm ngoài Đại thừa pháp) đều gọi là ác nơn (ác tâm).

Miệng và lòng không giống nhau, ở ngoài như là kính ngói Tam Bảo, nhưng kỳ thiệt là hủy báng Tam Bảo, miệng thì bao giờ cũng nói theo lý chơn Không của Đại thừa (tất cả pháp Không) ngũ uẩn giai Không. Tâm cảnh đều Không, nhưng kỳ thiệt ra không phải người chứng nơi chơn Không, chỉ nói suông mà thôi. Tất cả hành vi đều ở trong CÓ, nghĩa là có gây nghiệp, có phiền não, có đủ thứ, những người như vậy không thành thiệt. Một hành vi cụ thể như làm quản lý bạch y (gánh vác việc cho bạch y).

Vì hàng bạch y làm mai mối. Gần đây việc hôn lễ dẫn đến chùa, nhờ các vị lớn chứng minh dạy bảo, đó là điều khó hết sức chứ không phải dễ. Nếu đúng theo giới luật thì việc đó không nên làm, dầu sao cũng phạm. Làm như thế cũng là chủ hôn vậy. Trong luật đem thư giùm còn cấm (thư hẹn hò hôn nhân) huống nữa là chủ hôn rất thái quá! Cho nên quy tội về việc không thành thiệt: lời nói và việc làm không giống nhau. Lời nói thì chứng chơn Không mà hành vi hoàn toàn ở trong nghiệp, trong phiền não, cũng thành phạm tội.

Làm quản lý nhiều việc, nhưng đây chỉ kể ra một việc làm mai mối, bởi vì nơn duyên gây thành nghiệp kiết phược, ở

thế gian này, việc nam nữ là nhưn sanh tử luân hồi, gọi là ác nghiệp vô lượng.

Theo trong Bồ tát giới thì mỗi tháng có sáu ngày trai, mỗi năm có ba tháng trường trai. Trai đây là không ăn chiều, gọi là trai pháp đó.

Trong giới Sa di cũng có giới không được ăn chiều rồi. Còn giới Bồ tát tại gia không buộc là ăn hay không ăn chiều, nhưng mỗi tháng có sáu ngày trai, bây giờ nhận lầm là ăn chay.

Trong giới bát quan trai nói rõ. Còn ăn chay là không ăn thịt, đó thuộc giới. Còn lục trai hay ba tháng trường trai là những ngày đó không ăn chiều, gọi là bất phi thời thực.

Ba tháng trường trai là ba tháng đầu của ba mùa. Mùa xuân: tháng Giêng, mùa hạ: tháng Năm, mùa đông: tháng Chín, trong ba tháng đó phải bất phi thời thực, nghĩa là không ăn quá Ngọ, phong tục của ta thì dùng tam ngươn: thượng ngươn, trung ngươn, hạ ngươn, thành ra tháng Giêng, tháng Bảy, tháng Mười, chớ theo luật Phật thì ba tháng đầu là: tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín.

Tại sao lại có ba tháng đầu mùa như vậy?

Bởi vì tháng đầu mùa thọ trai, lần lần mấy tháng sau nhờ ảnh hưởng đó cũng lành. Những ngày hay tháng đó, lại làm những việc sát sanh, trộm cướp, phá trai phạm giới, nghĩa là đáng lẽ giữ gìn nghiêm ngặt hơn, lại đi phá giới đã phạm lại thêm tội thứ 30 này nữa.

Nếu sát sanh thì phạm giới thứ nhất. Sát sanh những ngày khác thì chỉ một tội sát sanh thôi. Nếu sát sanh vào tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín, hoặc vào những ngày lục trai, như vậy ngoài giới sát sanh, còn chồng thêm tội “Khinh Cầu” thứ 30 này.

Người xuất gia cả năm giữ trai luôn, nghĩa là bất phi thời thực (không được ăn quá ngọ). Những vị tại gia Bồ tát, ít nhất phải có những ngày trai trong mỗi tháng, hay trong mỗi năm, có được một vài tháng, như thọ Bát quan trai giới, trong đó có điều gọi là trai pháp: không ăn phi thời (không ăn quá ngọ).

Trong đây nói những ngày lục trai, ba tháng trường trai các vị thọ Bồ tát giới làm cho rằng trai đây là ăn chay, cho nên ăn chay kỳ, ăn chay luôn. Bởi vì giới thứ ba không được ăn thịt. Trong Bồ tát giới không có điều giới cấm ăn chiều. Do đó cho nên quy về việc không được ăn chiều, trong mỗi tháng sáu ngày, trong mỗi năm ba tháng. Như vậy gọi là những ngày trai.

Nếu ăn phi thời thì là phá trai mà phạm điều giới khác trong đó gọi là phạm giới. Danh từ phạm trai, phạm giới là: nếu ăn chiều là phạm trai và ăn thịt thì phạm giới.

Chữ trai đây là bất phi thời thực, nghĩa là không ăn phi thời, nếu ăn phi thời thì là phạm trai. Tội phạm trai là những ngày trai pháp, mà lại phạm giới, trên giới đã phạm, đó chồng thêm tội 30 này vậy.

### 31. GIỚI KHÔNG MUA CHUỘC

**Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt ở trong đời ác thấy hàng ngoại đạo, bọn giặc cướp cùng tất cả người ác đem bán hình tượng Phật, Bồ tát, cha mẹ. Đem bán Kinh Luật, đem bán Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cùng người hành đạo Bồ tát, kẻ phát tâm Bồ đề để làm tay sai cho các quan hay làm tội cho mọi người. Phật tử thấy những sự như thế, nên có lòng từ bi tìm cách cứu vớt. Nếu không đủ sức, Phật tử phải đi quyên tiền các nơi để chuộc hình tượng Phật, Bồ tát và tất cả Kinh Luật; chuộc Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người tu hành Bồ tát kẻ phát tâm Bồ Đề. Nếu không mua chuộc, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

Nếu thấy hàng ngoại đạo, hay giặc cướp đem bán hình tượng Phật, Bồ tát hay hình cha mẹ; đem bán Kinh Luật, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni hay những người hành đạo Bồ tát. Nếu là tượng Phật, Bồ tát hay cha mẹ của mình ở trong tay của họ, họ bán không được họ hủy hoại.

Thời kỳ kháng chiến việc này có nhiều, lính Tây hay lấy các thứ này như vào chùa hay nhà lấy chuỗi huyền... đập cho bể. Nếu thấy phải đem tiền tới chuộc, nếu không thì họ hủy hoại hết. Nếu thấy người hành đạo, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni bị bắt đi, tất nhiên phải chuộc họ sẽ đem đi bán như bán người làm nô lệ. Nếu không đủ sức phải đi quyên tiền. Quyên tiền là kêu các vị khác giúp sức với mình. Không cố chuộc, thấy mà bỏ qua, tức nhiên phạm điều giới 31 này.

## 32. GIỚI TÔN HẠI CHÚNG SANH

**Nếu là Phật tử không được buôn bán dao gậy, cung tên, khí giới sát sanh, không được chứa cân non giả thiếu. Không được nương thế lực quan quyền mà lấy tài vật của người. Không được ác tâm trói buộc người và phá hoại việc thành công của người. Không được nuôi mèo, chồn, heo, chó. Nếu cố làm các điều trên, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

Những việc làm chỉ là duyên tôn hại chúng sanh, nếu thiệt tôn hại thì theo sự tôn hại đó kết giới. Đây chỉ là duyên chưa phải tôn hại. Mà duyên không tránh thì phạm điều thứ 32 này.

Buôn bán những dao gậy, cung tên, khí giới sát sanh là một trong những duyên làm tôn hại chúng sanh. Cho đến cân non giả thiếu cũng không được chứa, nếu chứa cũng phạm điều giới 32 này, chứ không đợi đem ra cân hay đong. Nếu đem ra cân đong thì phạm tội trộm. Còn những khí giới sát sanh cũng vậy, chứa cất thì phạm điều giới thứ 32 này, còn đem ra giết hại chúng sanh là phạm giới trọng thứ nhứt trước.

Không được nương thế lực quan quyền mà lấy tài vật của người. Cho đến không được ác tâm trói buộc người, bắt người ta để trói hay phá hoại những việc thành công của người. Không được nuôi mèo, chồn, heo, chó. Heo thì để ăn thịt, để bán cho người giết thịt, nếu tự giết phạm tội thứ nhất.

Nếu có người bắt heo để làm thịt rồi mua lại nuôi phóng sanh, cái đó không sao. Mèo, chồn hai loại này đều bắt chuột, bắt con này con kia. Nó là loài sát sanh. Nếu nuôi nó thì không nhờ cậy được gì khác hơn là sát sanh. Cho nên nuôi nó phạm tội.

Chó cũng nên cẩn thận, nếu chó săn thì phạm, nuôi chó để giữ nhà thì không phạm, còn nuôi để săn thì phạm.

### 33. GIỚI TÀ NGHIỆP GIÁC QUÁN

**Nếu là Phật tử, không đặng vì ác tâm đi xem tất cả nam nữ v.v... đánh nhau, hay quân trận binh tướng, giặc cướp v.v... đấu chiến nhau. Cũng không được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng v.v... cho đến bói xử. Chẳng đặng làm tay sai cho kẻ trộm cướp. Nếu cố làm các điều trên, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

Tà nghiệp là những việc làm không đúng với chánh pháp. Giác quán là loạn tâm, rộn trí, nó làm mất thì giờ buông lung phóng dật, đều là những việc chướng cho đường đạo hạnh, nên Phật cấm.

Ác tâm là tâm trái với pháp Đại thừa. Tâm không trụ chánh niệm, chánh định, rồi đi đến chỗ nam nữ đánh nhau thì phạm tội.

Không được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng... đó là những việc thuộc về phóng dật, làm cho loạn tâm trí thêm sự ham muốn, mất thì giờ, không lợi cho đường tu hành. Coi bói, coi quẻ cũng không được, “bói xử” tự đi bói xử cũng không được, đi xem quẻ cũng không được.

Chẳng được làm tay sai cho kẻ trộm cướp. Nếu cố làm các điều trên đây, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

### 34. GIỚI TẠM BỎ BỒ ĐỀ TÂM

**Nếu là Phật tử ngày đêm sáu thời, đọc tụng giới Bồ tát này. Nên giữ gìn giới luật trong tất cả khi đi đứng nằm ngồi, vững chắc như kim cang, như đeo trái nỏ qua biển lớn, như các Tỳ kheo bị cột bằng dây cỏ. Thường có tín tâm lành đối với Đại thừa... Tự biết rằng mình là Phật chưa thành, còn chư Phật là Phật đã thành, rồi phát Bồ đề tâm và giữ vững không thoái chuyển. Nếu có một tâm niệm xu hướng theo Nhị thừa hay ngoại đạo, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

Nếu bỏ Bồ đề tâm, người Phật tử không còn là Bồ tát nữa. Đây chưa phải bỏ hẳn, chỉ tạm trong thời gian, thì phạm điều thứ 34 này. Bản phận mình như vậy, luôn luôn phải nhớ. Muốn nhớ phải luôn luôn đọc tụng. Mà nếu thiết nhớ trong tâm thì lúc nào cũng có tụng vậy.

Ngày đêm sáu thời là luôn luôn đêm ngày không rời Bồ tát giới này, chứ không phải phân thời. Như nói ngày ba thời: sáng, trưa, chiều. Đêm thì đầu hôm, giữa hôm, cuối hôm. Ngày ba thời, đêm ba thời cộng lại là sáu thời.

Đức Phật đem thí dụ người bị cột bằng dây cỏ và người đeo trái nỏ qua biển. Muốn vượt qua biển thì trái nỏ đó phải nguyên vẹn, nếu trái nỏ mất phần nào dù rất nhỏ như cây kim đi nữa, thì người đó cũng khó bảo toàn tánh mạng. Trong kinh Đại thừa nói: Như người đeo trái nỏ lội qua biển. Giả sử như có quỷ La sát đến xin trái nỏ đó, người ấy có thể cho được không? Người ấy nhứt định là không cho, bởi vì có trái nỏ mới không chìm, nếu cho trái nỏ nhứt định chìm.

Xin nguyên không cho, xin phân nửa thôi, có thể cho được không? Cũng không thể cho được, bây giờ nó chỉ xin

một phần tư thôi, cũng không cho được, rồi nó xin một phần mười, một phần trăm, một phần ngàn cũng không thể cho được. Bởi vì cho một phần bằng hột cát cũng đủ xì hơi ra, trái nổi vẫn xẹp và xì như thường.

Quý La sát là những nghiệp phiền não ác, xúi dục để phạm điều giới của Phật. Những điều giới cũng như trái nổi vậy. Bởi vì mình phải nương theo giới mới thoát khỏi sanh tử luân hồi cũng như người kia phải nhờ trái nổi để qua khỏi biển.

Những nghiệp phiền não dù cho xúi dục phạm điều rất nhỏ trong giới cấm của Phật cũng quyết tâm giữ gìn không cho phạm. Cũng như người đeo trái nổi kia, con quý La sát dù chỉ xin một phần rất nhỏ bằng hột cát, cũng không thể cho được.

Phải có tín tâm lành đối với Đại thừa. Tự biết rằng mình là Phật chưa thành, còn chư Phật là Phật đã thành, phát Bồ đề tâm và giữ vững không thôi chuyển.

Nếu tự thiết biết như vậy, gọi là đã thấy Phật tánh rồi đó. Thấy Phật tánh là thấy chơn tâm bản tánh.

Nếu chưa thấy Phật tánh, theo văn tự thì gọi rằng biết. Biết có hai: thiết biết Phật tánh (thấy được Phật tánh rồi) nghĩa là chắc chắn sẽ thành Phật. Bởi vì Phật thành Phật cũng do nơi Phật tánh mà thành. Như vậy mình có Phật tánh quyết định mình sẽ thành Phật.

Theo văn tự, nghĩa là chưa thấy được Phật tánh, tin theo lời Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”.

Nếu y theo chánh giới của Phật mà tu thì thành chủng tử Phật tánh. Đã có chủng tử Phật tánh làm nhen, tức nhiên sẽ thành quả Phật. Tin như vậy gọi là biết theo văn tự. Do đó phát Bồ đề tâm là hướng về nơi Phật quả để tu hành và giữ vững tâm không thôi chuyển.

Giờ đây nếu có một niệm xu hướng theo Nhị thừa hay ngoại đạo thì Phật tử này phạm điều giới 34 đây. Có tâm niệm



xu hướng là chỉ tạm thời thôi, nghĩa là nghĩ đến hành Bồ tát đạo, tu hành thành Phật lâu dài khó khăn, rồi phải hiện thân trong lục đạo để tu hành tất cả Bồ tát hạnh, rồi mới có thể thành, cho nên nghĩ: chi bằng tu theo pháp Nhị thừa để mau chứng quả giải thoát, hay là ham mê theo ngoại đạo tà giáo, chỉ một niệm đó thôi, thì đã phạm. Các vị đã thọ giới Bồ tát rồi, khi có tâm niệm đó khởi lên (nhàm chán Đại thừa) muốn học hay là tuân theo Nhị thừa, hay là có niệm tín ngoại đạo, thì phải mau mau sám hối. Sám hối thì tội tiêu, nếu không sám hối mà cứ tiếp tục, thì có thể làm mất Bồ đề tâm. Mà Bồ đề tâm mất thì tự nhiên giới cũng mất.

Vì sao? Vì giới được thành tựu do Bồ đề tâm. Vì vậy khi thọ giới bảo phải nên phát Bồ đề tâm, rồi mới truyền giới. Cho nên khi có quan niệm trái với Bồ đề tâm, Bồ đề tâm là tâm niệm hướng đến quả Phật. Nếu có tâm niệm trái bỏ trong khoảng thời gian ngắn, có thể nhàm chán Bồ đề hạnh, Phật quả, lại thích Nhị thừa ngoại đạo, như vậy phạm giới 34 này. Phải sám hối để nó không tương tục. Nếu tương tục nhiều, có thể làm mất Bồ đề tâm. Mất Bồ đề tâm thì giới hoại.

### 35. GIỚI KHÔNG PHÁT NGUYỆN

**Nếu là Phật tử nên phát những điều nguyện lớn:**

- Nguyện hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, Tam Bảo.
- Nguyện đặng gặp được Thầy tốt, bạn thiện tri thức thường dạy bảo tôi các Kinh Luật Đại thừa... dạy cho tôi về Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa... Cho tôi hiểu rõ để tu hành đúng chánh pháp.
- Nguyện giữ vững giới của Phật, thà chết chớ không chịu phai lòng.
- ...

**Nếu tất cả Phật tử không phát những điều nguyện trên đây thời phạm Kinh cầu tội.**

“**Nguyện hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, Tam Bảo**”. Hiếu thuận với cha mẹ là ở đời. Sư Tăng là Hòa thượng, A xà lê là Giới sư truyền giới cho ta. Hiếu thuận sư Tăng là hiếu thuận xuất thế gian, còn cha mẹ là thế gian.

“**Nguyện đặng gặp được Thầy tốt...**” Có Thầy tốt mới dẫn dắt cho thành tốt được.

“**Bạn thiện tri thức...**” Phải có bạn lành.

**Thường dạy bảo tôi các Kinh Luật Đại thừa... dạy cho tôi về “Thập Phát Thú” – “Thập Trưởng Dưỡng” – “Thập Kim Cương” – “Thập Địa”. Cho tôi hiểu rõ để tu hành đúng chánh pháp.**

Chẳng những nguyện gặp được Thầy bạn, nguyện được Thầy bạn dạy cho những pháp như trên hay là Kinh Luật Đại thừa. Nguyện cho mình hiểu rõ, nguyện phát tâm tu hành đúng chánh pháp.

**Nguyện giữ vững giới của Phật, thà chết chớ không chịu phai lòng. Nếu tất cả Phật tử không phát những điều nguyện trên đây thời phạm Kinh cầu tội.**

### **36. GIỚI KHÔNG PHÁT THỆ**

**Nếu là Phật tử khi đã phát mười điều nguyện lớn trên đây rồi... phải giữ gìn giới cấm của Phật. Thà nhảy vào đồng lửa, hố sâu, núi cao quyết không cùng với tất cả người nữ làm điều bất tịnh để phạm điều cấm trong Kinh Luật của tam thế chư Phật.**

Thà chịu chết chớ không để phạm những điều giới. Vì sao? Nếu có chết, khổ chỉ trong thời gian nào đó thôi. Nhờ việc xả thân mà giữ giới, do đó huệ mạng không mất. Mà huệ mạng không mất thì tương lai sẽ hưởng quả báo lành, sẽ được

thành Phật. Còn nếu không biết mà sợ khổ để phạm giới thì huệ mạng mất. Huệ mạng mất tất nhiên quả báo lành về sau sẽ mất, còn chướng ngại trên đường thành Phật.

Điều tệ thứ nhất: **Thà chết hay chịu khổ, chớ không để phạm điều bất tịnh với người nữ.** Gặp nhờn duyên, trường hợp gì, đến đổi chết đi, thì thà chết.

Lại tệ rằng: **Thà lấy lưới sắt nóng quán thân mình cả nghìn lớp, quyết không để thân này phá giới mà thọ những đồ y phục của tín tâm đàn việt.**

Thà chịu nuốt hòn sắt cháy đỏ và uống nước đồng sôi mãi đến trăm ngàn kiếp, quyết không để miệng này phá giới mà ăn các thứ thực phẩm của tín tâm đàn việt.

Thà nằm trên đồng lửa lớn, trên tấm sắt nóng, quyết không để thân này phá giới mà nhận lấy các thứ giường ghế của tín tâm đàn việt.

Thà trong một hai kiếp chịu cho cả trăm gươm giáo đâm vào mình, quyết không để thân này phá giới mà thọ các thứ thuốc men của tín tâm đàn việt.

Thà nhảy vào vạc dầu sôi trong trăm nghìn kiếp, quyết không để thân này phá giới mà lãnh những phòng nhà ruộng vườn đất đai của tín tâm đàn việt.

Người xuất gia thọ tứ sự cúng dường của tín tâm đàn việt thì phải có giới hạnh thanh tịnh mới thọ. Thà chịu khổ ở địa ngục chớ không để phạm giới, phá giới để thọ sự cúng dường của tín tâm đàn việt.

Người tại gia cũng có thân, phải thọ bốn điều đó mới sống được. Như vậy tại gia hay xuất gia đã thọ Bồ tát giới rồi thì cũng phải giữ giới cho thanh tịnh. Không nên phá giới, rồi cũng ăn mặc, nhà cửa, thuốc men v.v... cho nên trong đây nói: **“Thà đọa trong địa ngục chớ không để phạm giới”**.

**Lại phát thệ rằng: Thà dùng chày sắt đập thân này từ đầu tới chân nát như tro bụi quyết không để thân này phá giới mà thọ sự cung kính lễ bái của tín tâm đàn việt.**

**Lại phát thệ rằng: Thà lấy trăm nghìn lưỡi gươm giáo khoét đôi mắt mình, quyết không đem tâm phá giới này mà nhìn xem sắc đẹp của người.**

**Thà lấy trăm nghìn dùi sắt, đâm thủng lỗ tai mình trái trong một hai kiếp, quyết không đem tâm phá giới này mà nghe tiếng tốt giọng hay.**

**Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt bỏ lỗ mũi mình, quyết không đem tâm phá giới này mà ngửi các mùi thơm.**

**Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt đứt lưỡi mình, quyết không đem tâm phá giới này mà ăn các thứ tịnh thực của người.**

**Thà lấy búa bèn chặt chém thân thể mình, quyết không đem tâm phá giới này mà tham mặc đồ tốt.**

Không đem thân phá giới để hưởng tứ sự cúng dường, đây nói cả tâm nữa. Tâm phá giới không có, tức sự giữ giới được sâu. Chẳng những giữ giới nơi thân mà tâm cũng tương ưng giữ giới.

**Lại phát nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật.**

**Nếu Phật tử không phát những điều thệ này, thì phạm Khinh cấu tội.**

Phát thệ nên nhớ như vậy: trên thì rời hạnh bất tịnh, kẻ đó là phải giữ giới cho trong sạch để thọ sự cung kính của người. Kế đến là tâm phải trong sạch trong khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Và cuối cùng là nguyện cho chúng sanh, tất cả đều được thành Phật.

Những điều thệ trên đây, điều cuối cùng là lúc nào cũng nguyện cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật, nghĩa là chẳng những mình muốn thành Phật mà cũng muốn tất cả chúng sanh đều được thành Phật.

Như vậy là lúc nào cũng đem giáo lý Đại thừa chánh pháp, nếu gặp thuận duyên, thuận cảnh thì bố thí cho tất cả chúng sanh, giáo hóa tùy theo trường hợp không bỏ. Không đủ sức giáo hóa cũng chú nguyện. Nghĩa là trong khi tu hành làm lành, tụng kinh, niệm Phật đem công đức hồi hướng cho tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh đều nhờ hưởng những công đức mình đã làm đó, cho họ tăng trưởng thiện căn, đều đặn thành Phật.

Còn những điều thệ trên, chỉ tóm tắt là luôn luôn giữ giới pháp của Phật mà mình đã thọ hết sức vững vàng. Hết sức thanh tịnh, nghĩa là thà chết chứ không để hủy phạm. Nếu không có tâm niệm kiên quyết phát thệ như vậy là phạm điều giới thứ 36 này. Vì thế nên ai cũng phải phát thệ. Có phát thệ mới giữ gìn, gặp cảnh, gặp duyên không phạm giới, nếu không phát thệ, gặp thuận cảnh thuận duyên có thể phạm.

Nếu giữ giới thanh tịnh, thì một khi có điều gì sai thì người nhìn vào thấy cũng như áo trắng sạch, mà dính một chút bụi bặm đều thấy rõ. Như ngài Mục Kiền Liên dẫn ông Sa di đến ao A Nậu Đạt trên Hy Mã Lạp Sơn để tọa thiền. Khi ngài Mục Liên tọa thiền thì ông Sa di rảnh rang mới đi tới đi lui để chơi, thì thấy có chỗ đó có cát bằng vàng, mới nghĩ rằng cát này nếu mình đem về lót trong chỗ của đức Phật thì tốt quá, nên mới bọc một bọc, tính đem về trải qua chỗ của đức Phật tắm.

Khi ngài Mục Liên xuất định không hay việc này. Ngài bảo ông Sa di đi về, thì ông Sa di không thể bay được. Ngài Mục Kiền Liên ngạc nhiên, coi lại thì ông Sa di đang bị một

vị Thần giữ lại không buông. Ngài Mục Liên biết do có đó, mới bảo ông Sa di xô cát vàng trong bao ra thì vị Thần mới chịu buông.

Vị Thần đó không phải tiếc cát, nhưng thấy ông Sa di làm như vậy cũng phạm không được thanh tịnh, là ham vàng. Dem cát vàng về rải chỗ tắm của Phật để cúng dường, chớ không phải đem về xài phí, nhưng người đó đã trong sạch như áo trắng sạch, dù việc nhỏ như chút ít bụi bám vào áo trắng sạch như vậy cũng lộ vết nhơ.

Muốn giới được thanh tịnh, kiên trì thì phải phát thệ. Nếu không phát thệ thì gặp duyên sẽ phạm.

### **37. GIỚI VÀO CHỖ HIỂM NẠN**

**Nếu là Phật tử mỗi năm hành đầu đà hai kỳ, mùa đông mùa hạ thời ngôi thiên kiết hạ an cư...**

Theo luật của Phật thì có kiết hạ và kiết đông. Miền Bắc thì mùa đông giá tuyết, muốn đi đứng cũng khó. Do đó phải kiết đông ở tại một chỗ, cũng như mùa hạ, trời mưa tầm tã. Cho nên mùa đông, mùa hạ ở yên một chỗ mà tấn tu giới định huệ. Trong thời kỳ đó, có hai lần hành đầu đà. Đây nói hành đầu đà chớ không phải đi đầu đà khổ cực. Không phải đi du phương.

**Thường dùng hành dương, nước tro, ba y, bình bát, tọa cụ, tích trượng, hộp lư hương, dĩa lược nước, khăn tay, con dao, đá lửa, cái nhíp, giường dây, Kinh Luật, tượng Phật, tượng Bồ tát.**

Tất cả có 18 món. Kinh thì mình thích quyển kinh nào thì đem theo như kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Di Đà chẳng hạn. Còn luật là quyển luật mỗi tháng mình Bồ tát đó. Bởi vì hành đầu đà thì không được ở nhà ai, cũng không được vào chùa để nghỉ, nếu thiếu 18 món này thì không tiện nên phải đem theo.

Nhành dương, ngày xưa không có bàn chải đánh răng nên phải dùng nhánh dương để thế cho bàn chải. Nhặt nhánh dương cho nó tưa ra, mềm đi rồi đánh răng, đánh răng rồi thì bỏ đi, qua bữa khác lại nhặt một khúc, trong luật gọi rằng nhặt chùng nào cho nó mềm như bông thì cầm cái đó để đánh răng.

Bây giờ có bàn chải khỏi cần dùng đến nhánh dương nữa. Xưa không có xà bông nên muốn rửa cho sạch phải có nước tro để dùng.

Bát đựng đồ ăn, còn bình thì đựng nước. Nên nhớ cho kỹ, chớ gọi đi trì bình là sai. Bát: tức “Bát đa la” dịch là ứng lượng khí. Bát đựng đồ ăn, còn bình đựng nước đó vậy.

Tọa cụ: đồ lót ngồi. Tích trượng: cây gậy chống đi những chỗ gập ghềnh hay để ngừa chó v.v...

Hộp lư hương: là đến chỗ nào đó đốt hương cúng dường Tam Bảo rồi tụng kinh, ngồi thiền.

Đẩy lược nước: là dụng cụ hộ sanh. Bởi vì đi như vậy nhiều khi gặp khe suối, rạch để múc nước. Nếu không đẩy lược nước thì nước có lãng quăng làm sao dùng được?

Khăn tay: để lau. Con dao: để cắt nhánh dương hay cắt các vật.

Đá lửa: để nhóm lửa hoặc sưởi khi lạnh. Không phải để nấu ăn. Đi hành đầu đà là khát thực.

Cái nhíp: để nhổ lông mũi.

Giường dây: như bây giờ dùng vải thiết mỏng để làm một cái giường, có thể giăng trên cây để nghỉ được.

**“Khi Phật tử hành đầu đà cùng lúc du phương...”**: Hành đầu đà với du phương khác nhau. Đi du phương là đi phỏng đạo hay đi giáo hóa. Nhiều khi phải đi đến xứ đó để giáo hóa có bốn phận, hoặc phải đi học thêm ở nơi vị Pháp sư

nào đó gọi là du phương. Còn hành đầu đà, tất nhiên phải thực hành hạnh đầu đà. Đầu đà này rất khó...

**“Đi lại trăm dặm nghìn dặm, 18 món này luôn mang theo mình. Đây là hai kỳ hành đầu đà trong mỗi năm: Từ Rằm tháng Giêng đến Rằm tháng Ba và từ Rằm tháng Tám cho đến Rằm tháng Mười”.**

Chỉ trong mấy tháng đó hành đầu đà, là đi du phương chớ ở một chỗ tu hành đầu đà thì ngoại lệ, lúc nào cũng được.

**“Trong hai kỳ hành đầu đà, luôn mang theo mình 18 món ấy như chim hai cánh”.**

Đây đức Phật nói, nếu 18 món này mà thiếu thì không thể đi được. Thiếu đồ dùng nơi thân lấy gì hộ trợ thân để hành đạo. Còn đi đến đâu cũng vào nhà hay vào chùa để nhờ thì không phải hành đầu đà rồi. Nên mang theo 18 món này như chim hai cánh, nếu thiếu một phần nào cũng không thể bay được.

Hạnh đầu đà có hạnh khó nhứt, là ngồi luôn không nằm. Hạnh đó khó nhứt. Còn 11 hạnh trên (tất cả 12 hạnh) nếu cố gắng làm đều có thể làm được, nhưng hạnh đầu đà trong luật không buộc phải làm trọn đời, nghĩa là có thể phát tâm phát nguyện thọ hạnh đầu đà trong một thời gian nào đó rồi xả. Khi nào muốn tu nữa thì thọ lại. Bởi vì những khổ hạnh trong Phật pháp để kèm thúc thân tâm khỏi sự buông lung theo vật dục. Do đó để an tâm và để khuyến tu đạo hạnh, nên tùy theo sự phát tâm chớ không bắt buộc. Hành đầu đà là không được ở một chỗ. Chỉ trong hai kỳ trong mỗi năm. Kỳ nhứt từ Rằm tháng Giêng đến Rằm tháng Ba, đó là tháng khô ráo mát mẻ. Rồi từ Rằm tháng Tám cho đến Rằm tháng Mười, tất nhiên sau mùa mưa rồi, trước mùa đông. Mấy tháng đó chưa đến mùa đông lạnh lẽo.

**“Nếu đến ngày Bồ tát hàng tân học Phật tử, mỗi nửa tháng luôn Bồ tát, tụng 10 giới trọng và 48 giới khinh”.**



Đây là nói đến ngày Bồ tát. Hàng Phật tử cứ mỗi nửa tháng đến ngày Bồ tát thì phải tụng 10 giới trọng và 48 giới khinh.

**“Lúc tụng giới nên ở trước tượng Phật và Bồ tát mà tụng. Chỉ có một người Bồ tát, thì một người tụng. Nếu hai người ba người nhần đến trăm ngàn người, cũng một người tụng còn bao nhiêu người lắng nghe”.**

Nếu riêng một mình thì mình tụng, còn nếu hai người thì cử một người tụng, còn người kia ngồi nghe, cho đến trăm người cũng vậy. Một người tụng còn bao nhiêu người khác ngồi lắng nghe.

**“Người tụng ngồi cao, người nghe ngồi thấp”**

Bất luận vị đó lớn nhỏ, nhưng nếu thay thế trong Đại chúng để tụng giới, thì vị đó phải thỉnh lên ngồi ở trên cao.

**“Mỗi người đều đắp y hoại sắc chín điều, bảy điều và năm điều”.**

Đây là nói hàng xuất gia, chớ không phải người tại gia. Có nhiều khi làm việc đó, rồi người tại gia cũng đắp y sai lầm. Nhưng tại gia cũng phải mặc đồ hoại sắc, không phải màu trắng.

Trong luật Phật, xưa người tại gia lấy chánh sắc làm màu trắng. Do đó gọi người tại gia là bạch y. Phá hư màu trắng đó gọi là hoại sắc.

Hoại sắc hoặc xanh vàng, đỏ, tím, đen, tùy ý hoại. Trong những màu đó tùy ý dùng một màu để pha trắng cho hư. Trong lúc kiết hạ an cư cũng phải mỗi việc đúng theo pháp tắc, nghĩa là không phải kiết hạ an cư rồi không tụng giới, không Bồ tát. Kiết hạ an cư thì cũng phải Bồ tát kiết giới vậy.

**Lúc hành đầu đà chớ đi đến chỗ hiểm nạn (có tai nạn) cõi nước hiểm ác nhà vua hung bạo, đất đai gập ghềnh, cỏ cây rậm rạp, chỗ có giống sư tử, cọp, sói, cùng lụt bão, nạn cháy, giặc cướp, đường sá có rắn rít... Tất cả nơi hiểm nạn**

**ấy đều không được đến. Chẳng những hành đầu đà mà lúc kiết hạ, an cư cũng không được vào những chỗ hiểm nạn ấy. Nếu cố vào những nơi ấy, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

Nếu muốn đi đầu đà, thì phải tránh những chỗ hiểm nạn. Lúc kiết hạ, an cư cũng như vậy. Cũng phải kiết hạ an cư yên ổn, chớ không nên vào trong chỗ hiểm nạn. Nếu biết đó là hiểm nạn mà cố vào thì phạm giới thứ 37 này.

Trên đây nói về việc đầu đà, phải đem những đồ cần dùng. Còn đây chỉ kết tội là đi đầu đà mà vào chỗ hiểm nạn. Biết đó là hiểm, mà cố đi vào nơi đó kiết hạ an cư. Như vậy phạm tội.

### **38. GIỚI TRÁI THỨ TỰ TÔN TY**

**Nếu là Phật tử phải theo thứ tự đúng pháp mà ngồi: người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau. Không luận già trẻ, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người sang như quốc vương, hoàng tử, nhân đến kẻ hèn như huỳnh môn, tôi tớ v.v... Tất cả đều nên theo thứ tự mà ngồi: người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau...**

Đó là luận theo nơi thọ giới trước sau để phân ngôi thứ, chớ không luận theo giai cấp ngoài đời.

Nếu tại gia Bồ tát cùng giới với xuất gia Bồ tát, không lẽ bắt xuất gia ngồi dưới tại gia. Vậy đoàn thể nào ngồi theo đoàn thể này. Như vậy, xuất gia phân ngôi thứ theo xuất gia, tại gia phân ngôi thứ theo tại gia. Tại gia nếu có những hàng quyền quý, quan quyền, quốc vương, hoàng tử mà ngồi dưới tên lính cũng khó coi. Như vậy để cho hàng vua chúa ngồi riêng một nhóm thì họ tự phân với nhau.

Trong khi Bồ tát, biết giới thì phân vậy thôi, còn trường hợp không phải theo luật, hoặc nhóm hội theo đời, đó là ngoại lệ không nên đem giới luật ra để phân.

**Không được như hàng ngoại đạo si mê hoặc già, trẻ. Ngồi trước sau lộn xộn, không có thứ tự, không khác cách ngồi của bọn binh nô. Trong Phật pháp của Ta, hễ người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau. Nếu Phật tử không theo thứ tự đúng pháp mà ngồi thì phạm Khinh cấu tội.**

Theo thứ tự đúng pháp, là theo nơi sự thọ giới trước sau mà phân ngôi thứ, đó là đúng pháp. Còn nếu lấy chức tước quyền quý, quan dân để mà phân, hay là lấy tuổi đời mà phân gọi là không đúng pháp.

### **39. GIỚI KHÔNG TU PHƯỚC HUỆ**

**“Nếu là Phật tử thường phải khuyến hóa mọi người kiến tạo Tăng phường, nơi núi rừng, vườn ruộng, xây dựng Phật Tháp, chỗ an cư tọa thiền trong mùa đông, mùa hạ, tất cả những cơ sở hành đạo đều nên kiến tạo...”**

Đức Phật khuyên bốn phạm người Phật tử Bồ tát, phạm khi có duyên bất cứ chỗ nào, nếu có thể xây dựng được cơ sở hành đạo tu hành thì đều nên cố gắng.

**“Người Phật tử phải giảng thuyết Kinh Luật Đại thừa cho tất cả chúng sanh. Lúc tật bệnh, nước có giặc, có nạn, ngày cha mẹ, anh em, Hòa thượng, A xà lê khuất tịch và mỗi tuần thất, nhân đến bảy tuần thất, cũng nên giảng thuyết Kinh Luật Đại thừa. Tất cả những trai hội cầu nguyện, những lúc đi làm ăn, những khi có tai nạn lụt bão, hỏa hoạn, ghe thuyền trôi dạt nơi sông to biển lớn, gặp quỷ la sát v.v... đều cũng đọc tụng Kinh Luật Đại thừa. Nhân đến tất cả tội báo, tam ác, bát nạn, thất nghịch, gông cùm xiềng xích trói buộc tay chân, hoặc người nhiều dâm, nhiều sân, nhiều ngu si, nhiều tật bệnh, đều nên giảng Kinh Luật Đại thừa này”.**

Kinh Luật Đại thừa có thể cứu độ tất cả chúng sanh (người và vật) để khỏi tất cả những nạn khổ, có thể làm cho đầy đủ thiện căn công đức để được giải thoát, để được thành Phật.

Do đó cho nên với tất cả những người còn sống thì tất cả đều đem kinh Đại thừa mà hướng về thì khỏi những khổ, cũng như khỏi những tai nạn, còn người khuất tịch nhờ công đức của Kinh Luật Đại thừa mà giác linh hay hương linh đó được siêu sanh.

Phật tử nên ý thức rằng, rời kinh Đại thừa chúng sanh không thoát khổ được. Cho nên trong mọi trường hợp không được rời kinh Đại thừa, mà phải giảng kinh, thuyết pháp đọc tụng.

**“Nếu hàng tân học Phật tử không thực hành như trên đây thì phạm Khinh cầu tội”.**

Nghĩa là không tinh tấn để đọc tụng, thực hành theo Kinh Luật Đại thừa. Nếu không tinh tấn như vậy, tất nhiên phạm tội. Nếu thực hành đúng giới Bồ tát này, người đó chẳng những có giới hạnh trang nghiêm thanh tịnh mà còn tinh tấn để tu phước huệ. Bởi vì nếu không tu phước huệ dù giữ thanh tịnh cũng vẫn phạm tội.

**“Chín giới như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì”**

Đã tinh tấn phước huệ thì phải liả những duyên phóng dật. Do đó, có những điều giới răn cấm không được coi hát, đá cầu, đá bóng, chơi cờ, đánh bạc... Tất cả việc đó không được làm vì buông lung tâm tánh. Và một điều cần thiết là phải phát nguyện, phát thệ. Có phát thệ nguyện thì nương theo nguyện thệ đó mới gặp Thầy lành, bạn tốt, rồi sự hiểu biết thực hành chẳng những đời này còn nhiều đời sau nữa.

Nếu không phát nguyện thì không thành tựu được nghiệp lành trong đời hiện tại. Và muốn giới hạnh trang nghiêm thanh

tịnh phải có phát thệ. Do phát thệ mà tâm mạnh mẽ. Tự thệ rằng: Thà xả thân mạng mà chết chứ không bao giờ làm sai giới pháp mà ta đã thọ. Nghĩa là trọng giới pháp của Phật hơn thân mạng của mình. Nhờ có phát thệ nên gặp hoàn cảnh bắt buộc phải phạm giới, do có thệ nguyện mà kiên quyết lướt qua, khỏi phải phạm giới.

Có những điều giới phải giữ gìn nơi Bồ đề tâm, dù đó là một thời gian rất ngắn cũng không xao lãng, nghĩa là bao giờ cũng hướng về Đại thừa thành Phật, quyết thực hành Bồ tát hạnh cầu thành Phật.

Nếu không cẩn thận thì có thể chạy theo Nhị thừa, vì người ta cũng tu hành tiến đến Sơ thiên, Phi Phi Tướng định chẳng hạn. Cũng có ngoại đạo tu hành chứng ngũ thông. Huống nữa họ là ngoại đạo tiên tri biết quá khứ, vị lai hay chữa bệnh lành chẳng hạn.

Giả sử có ai bệnh chạy thuốc không lành, rồi có ông thầy nước lạnh, ông chữa cho được lành, đó cũng ham mê theo. Nếu có tâm niệm thích mà xao lãng tâm nguyện cầu thành Phật để độ chúng sanh, người xuất gia nên tránh những nghề nghiệp hại người hại vật.

Việc cúng dường cũng phải nên bình đẳng. Phật tử đối với ngôi Tam Bảo phải có tâm bình đẳng cúng dường.

Nhứt là ngăn các duyên làm tổn hại hữu tình, như chứa hay là buôn bán dao gậy, khí giới, tội nặng nhứt là cân non giả thiếu, đó là hình thức trộm của thiên hạ. Trong phạm vi đây, nếu cất chứa những vật nêu trên, là phạm giới điều thứ 32. Điều cần nên nhớ là đối với giới mình đã thọ, cần phải giữ gìn cho cẩn thận. Phật tha thiết đem một điều dụ với một điều lệ. Điều dụ như trái nỏ để người đó vượt qua biển vậy. Nếu trái nỏ đó chỉ hư một chút thì cũng đủ chết chìm giữa biển. Trái nỏ đó dụ cho giới pháp của Phật, còn người đem trái nỏ đó,

dụ cho người thọ giới pháp của Phật thì phải giữ gìn giới pháp đó cho toàn vẹn, mới có thể vượt qua biển khổ sanh tử luân hồi, mà đến nơi quả vị của Phật.

Vị Tỳ kheo thọ giới rồi không được làm tổn hại những cỏ cây còn tươi sống.

Tỳ kheo khi đi qua một cụm rừng bị bọn cướp giật hết y bát, vì sợ các Tỳ kheo này đi tố cáo, cho nên chúng bàn tính với nhau nên đem giết hết đi. Trong số đó có một người hiểu được giới luật của Tỳ kheo nên can rằng: “Ta đã cướp giật của người xuất gia đã là tội rồi, lại còn toan đem giết nữa lại còn thêm tội lớn nữa”! Vậy tôi có cách. Các người đồng bọn liền hỏi: “Cách như thế nào”? Người kia liền đáp: “Ta dùng dây tươi mà cột mấy vị Tỳ kheo này lại, cứ để nguyên dây còn dính gốc trên cây, vì các vị đó giữ giới cây cỏ còn sống không được bứt, thì sẽ bị kẹt nơi đó mà chịu chết đói hoặc bị hùm rắn tha. Ta không cần phải giết chi cho thêm mang tội”. Liền đó họ kéo dây để cột các Tỳ kheo dính vào gốc cây.

Sau khi bọn cướp tản đi hết rồi, các Tỳ kheo cứ nhắc với nhau hoài: “Mình bây giờ nhứt định phải giữ giới của Phật, thà chết chứ không nên bứt mấy sợi dây này để phạm giới của Phật”.

Cứ chịu trận như vậy, cho đến đói cả mấy ngày. May mắn thay, có mấy người đi săn gặp, người ta mới mở cho được thoát nạn. Rồi mới truyền tụng cho thế gian mà khen ngợi mấy vị Tỳ kheo đó là người không phá giới để được sống, nghĩa là thà chết chứ không bứt những dây cỏ. Mà dây cỏ đó, nếu có bứt đi cũng chỉ phạm giới nhẹ có thể sám hối được, nhưng vì răn nhau giữ giới kỹ, dù một giới nhỏ cũng không phạm, dù cho thân mạng có chết thì thôi, cũng như các vị Tỳ kheo đó vậy.

Điều dụ rõ rệt nhứt, như người đeo trái nổi đi qua biển, dù không phải là mất hết trái nổi đó hay là bẻ đi, nhưng nó chỉ

lũng một lỗ nhỏ chừng bằng hạt cát thôi, cũng đủ xì hơi, xẹp trái nổi, bị chìm.

Đối với Pháp của Phật cũng thế, dù phạm một giới rất nhỏ, thì sự giữ giới không hoàn toàn được, tất nhiên định huệ cũng không do đâu mà sanh ra được và cũng không thể nào giải thoát được. Nên chúng ta phải kiên trì nơi giới luật.

#### 40. GIỚI KHÔNG BÌNH ĐẲNG TRUYỀN GIỚI

Ở trong giới điều này, ý nói các vị Giới sư truyền giới Bồ tát thì phải có tâm bình đẳng để truyền giới cho những vị cầu thọ giới Bồ tát. Không nên lựa chọn những người sang, người thông minh, người quyền quý mà truyền, còn những người hèn, người đàn độn không chịu truyền. Nghĩa là đối với những điều kiện trong giới Bồ tát, mà người cầu thọ có đủ, thì Giới sư phải bình đẳng để truyền.

**“Nếu là Phật tử lúc cho người thọ giới không được lựa chọn. Tất cả hàng Quốc vương, hoàng tử, các quan, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tín nam, tín nữ, dân nam, dân nữ, Phạm Thiên trong 18 cõi Sắc, Thiên tử trong sáu cõi Dục, người thiếu căn, hai căn, huỳnh môn, tôi tớ và tất cả quỷ thần đều được thọ giới”.**

Như trước đây cũng đã có nói, tất cả người, cho đến tất cả cõi trời cũng như tất cả những quỷ thần cho đến súc sanh hay là người biến hóa, hễ ai hiểu được lời truyền giới của Pháp sư, đều được thọ giới Bồ tát này. Tất cả người ở trong nhân gian, cho đến các cõi trời đều được thọ giới.

**“Tất cả y phục ngọ cụ nên bảo phải hòa màu xanh vàng, đỏ, đen, tím nhuộm thành hoại sắc cho hợp với đạo...”.**

Y phục đó tất nhiên đồ mặc ở nơi thân, cho đến những y đắp, ngọ cụ, đồ lót để nằm, để ngồi tất cả phải hoại sắc.

Trên đây nói: hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc đen, hoặc tím đều có thể dùng. Nhuộm hư màu sắc chánh là màu trắng, đều gọi là hoại sắc.

Màu đà cũng là hoại sắc, hoại sắc là hợp với Đạo. Do nơi đâu? Bởi vì người vào trong Đạo thì phải bỏ sự trau dồi xinh đẹp theo thế gian, cho nên mới gọi người cư sĩ tại gia là bạch y. Hễ phá màu trắng là khác với đời, mà khác với đời là hợp với Đạo. Tùy quốc độ, địa phương nào, hễ người đời lấy màu sắc đó để trau dồi thân thể cho xinh đẹp thì người ở trong Đạo, nơi đó phải tránh màu sắc đó, phá hư màu đó đi. Nên đoạn dưới đây nói y phục người trong Đạo phải khác với người thế tục.

**“Trong tất cả quốc độ, theo y phục của người trong nước, mặc y phục của thầy Tỳ kheo đều phải khác với người thế tục”.**

Lại thêm một nghĩa nữa, là sự cắt may về hình thức cũng phải khác người thế tục. Người xuất gia phải giữ hai điều:

1. Phải mặc màu hoại sắc

2. May cắt, hình thức đó, phải khác với kiểu y phục người thế tục. Còn người tại gia mà thọ giới Bồ tát, nếu vào trong tông lâm, hay vào trong những ngày Bồ tát, thuyết giới thì cũng mặc những y phục hoại sắc. Phá hư sắc trau dồi xinh đẹp ở đời. Còn những cái khác, thì cũng tùy theo phong tục, quốc độ mà mặc y phục theo ngoài.

Do đó nên trong đoạn này nói: “Y phục của Tỳ kheo phải khác với người thế tục”

Nhứt định phải khác, không buộc người tại gia Bồ tát giới.

**Khi muốn thọ Bồ tát giới vị sư phải hỏi rằng: “Trong đời này người có phạm tội thất nghịch chăng?”. Bồ tát Pháp sư không được cho người phạm tội thất nghịch thọ giới trong đời này...**



Việc thọ giới Bồ tát, theo trong luật thì hễ người nào phát Bồ đề tâm, đã có lập nguyện Bồ tát và hiểu được lời truyền giới của Pháp sư, đều được thọ giới Bồ tát cả, chỉ trừ một điều kiện là nếu phạm tội thất nghịch thì không được thọ.

**Đây là tội thất nghịch: ác tâm làm thân Phật chảy máu, hại bậc Thánh nhơn, giết cha, giết mẹ, giết Hòa thượng và A xà lê, phá yết ma Tăng, chuyển Pháp luân Tăng.**

Điều thứ bảy sau gọi là phá Tăng.

**Ác tâm làm thân Phật chảy máu**, phải có đức Phật hiện đời, cũng như Đề Bà Đạt Đa lăn đá làm cho các miếng đá văng trúng chân Phật, trầy da chảy máu. Vì sao không nói giết Phật? Vì Phật không ai có thể giết được, tội cùng của ác tâm có thể làm cho trầy da, chảy máu, đó là tội nghịch rồi.

**Hại bậc Thánh Tăng...** là giết hại các bậc đã chứng quả Thánh, chứng A la hán, hay các vị Bồ tát, là giết cha, giết mẹ, giết Hòa thượng, giết A xà lê.

Hòa thượng và A xà lê là những vị độ cho tu hành. “Phá Tăng” Tăng trong đây có thể yết ma Tăng, chuyển Pháp luân Tăng.

Yết Ma Tăng là sao? Nghĩa là từ bốn vị Tỳ kheo trở lên, hiệp lại gọi là Tăng, thì được phép làm yết ma.

Yết ma là quyết định những việc quan trọng ở trong chư Tăng, trong Giáo hội. Có người làm cho chư Tăng hay trong Giáo hội Tỳ kheo chia làm hai phe, phạm tội phá yết ma tăng.

Phá chuyển Pháp luân Tăng là sao? Đây là trường hợp Phật còn tại thế. Chuyển Pháp luân Tăng thì Phật làm giáo chủ chuyển Pháp luân Tăng, dưới vị giáo chủ đó là chư Tăng. Nếu có người quyến rũ một nhóm Tỳ kheo theo mình, rồi cũng xưng là giáo chủ, cũng bày ra một pháp để truyền. Như vậy thành ra hai ông giáo chủ để truyền một đạo Phật. Cố ý làm ra như thế gọi là phá chuyển Pháp luân Tăng.

Trong lịch sử Phật, Đề Bà Đạt Đa quyến rũ 500 vị Tỳ kheo, rồi lập thành một Giáo hội riêng, cũng lập ra những pháp này pháp kia để truyền dạy. Như thế, Đề Bà Đạt Đa đã phạm tội phá chuyển Pháp luân Tăng.

Trong đây chỉ nêu lên điều nghịch thứ nhất và điều nghịch thứ bảy khi nào Phật còn hiện tiền tại thế mới thành tội nghịch. Còn hiện tại là cố ý phá hoại tượng Phật, đập bể tượng Phật hay làm rách đi cũng đồng với tội thứ nhất.

Trong quốc độ nào đó, đang có Giáo hội truyền bá chánh pháp của Phật. Có người giả mạo chánh pháp của Phật để lập thành Giáo hội khác. Kỳ thiết chẳng phải truyền bá chánh pháp của Phật (việc làm đó chỉ có người thâm hiểu được Phật pháp mới biết được mà thôi, chớ người sơ cơ làm sao phân biệt được). Như thế là làm hư chánh pháp của Phật, cũng phạm tội phá chuyển Pháp luân Tăng (lập thành Giáo hội riêng giả mạo truyền bá chánh pháp Phật, chứ một, hai người thì không thể gọi là phá chuyển Pháp luân Tăng).

**Câu: “Nếu phạm tội thất nghịch, thời hiện đời không đắc giới. Ngoài ra tất cả người đều được thọ giới...”**

Phạm tội trọng thì phải sám hối cho đến khi thấy hảo tướng rồi mới thọ giới lại. Còn nếu đã sám hối theo một thời gian bảy ngày, cho đến một năm cũng tha thiết sám hối vậy, nhưng không thấy được hảo tướng, cũng được phép cho thọ lại giới Bồ tát, nhưng không đắc giới được vì tội trước chưa tiêu.

Như vậy tuyệt đối không được thọ giới là chỉ có người nào phạm tội nghịch mà thôi.

**“Theo Pháp của người xuất gia không lạy Quốc vương, cha mẹ, lục thân và quỷ thần...”**

Người xuất gia không lạy người thế tục, dù người đó là cha mẹ, vua chúa hay quỷ thần. Cho nên trước khi đi xuất gia, vị Giới sư phải dạy cho người đó lạy lần cuối, gọi là lạy

tứ ân (Quốc vương, cha mẹ, thí chủ, sư trưởng) rồi từ biệt đi xuất gia.

Quý thân đây gồm chư Thiên, chư Thần. Nếu đi đến chỗ đình miếu nơi thờ chư Thiên, chư Thần thì được tụng kinh cầu an, chớ không được lễ lạy. Không lễ lạy, đó là trọng giới pháp của Phật, chớ không có nghĩa tự cao tự đại. Và lại người xuất gia rồi thì ở vào địa vị Thầy của người thế tục, Thầy của tam giới nên phải cố gắng tu học cho xứng đáng.

**Phàm ai hiểu nhận lời của Pháp sư đều được thọ giới. Có người từ phương xa nghìn dặm đến cầu pháp, nếu Bồ tát Pháp sư vì ác tâm, sân tâm mà không mau mắn truyền giới Bồ tát cho người ấy, thì phạm Kinh cầu tội.**

Ác tâm nghĩa là muốn cho người đó lạc vào thừa nào khác không được tu nơi Đại thừa, không được đi đến quả Phật. Đó gọi là ác tâm. Sân tâm, qua hành động người đó đối xử rồi giận ghét, đó gọi là sân tâm.

Nếu vì hai tâm niệm đó mà không chịu truyền giới Bồ tát, thì vị Giới sư phạm tội thứ 40 này.

#### **41. GIỚI VÌ LỢI MÀ LÀM THẦY**

Làm Thầy cốt là đem giới pháp hay chánh pháp của Phật dạy cho người thấp kém hơn, là mục đích độ người cũng như độ mình vậy. Độ người mà tâm chú trọng về danh lợi, đem giáo pháp của Phật ra dạy không được thanh tịnh, là chính do nơi tâm không chánh.

**“Nếu Phật tử giáo hóa người sanh lòng tin tưởng pháp Đại thừa, Bồ tát làm Pháp sư giáo giới cho người. Lúc thấy có người muốn thọ giới Bồ tát, nên bảo người ấy thỉnh hai đại sư: Hòa thượng và A xà lê... Phải hỏi người ấy có phạm tội thất nghịch không? Nếu người ấy hiện đời có phạm tội thất nghịch, thì Pháp sư không được cho người ấy thọ giới”.**

Hễ những vị Pháp sư mà đủ đức làm Giới sư để truyền giới cho người thì nếu thấy người muốn thọ giới Bồ tát phải bảo người ấy thỉnh hai đại sư: Hòa thượng và A xà lê.

Lúc thọ giới Bồ tát thỉnh đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm Hòa thượng và thỉnh hai vị Bồ tát để làm A xà lê. Đức Văn Thù Sư Lợi làm Yết ma A xà lê, còn đức Di Lặc thì làm Giáo thọ A xà lê.

**“Nếu có phạm trong mười giới trọng, phải bảo người ấy sám hối, đối trước tượng Phật và Bồ tát ngày đêm sáu thời tụng giới Bồ tát tha thiết đánh lễ tam thế chư Phật cho được thấy hảo tướng.**

**Thấy hảo tướng là thấy Phật đến xoa đầu mình, thấy quang minh, thấy hoa báu v.v... các thứ cảnh tượng lạ. Thấy được những hảo tướng ấy là triệu chứng tội đã tiêu diệt. Nếu không được thấy hảo tướng, dầu có sám hối vẫn vô ích. Người này hiện đời tuy không đắc giới nhưng được tăng ích thọ giới”.**

Sự thấy hảo tướng có hai trường hợp:

Một là trong khi sám hối, lúc niệm Phật hay là lúc lễ Phật mà thấy. Nghĩa là lúc tỉnh táo mà thấy.

Hai là lúc ngủ chiêm bao thấy, mà chiêm bao phải rõ ràng. Sau khi thấy rồi thì thấy trong tâm nhẹ nhàng, thơ thới, vắng lặng. Như vậy là thấy cảnh tốt, còn nếu mà thấy mập mờ, những hoa lãng xăng đủ thứ, có người thuật: tôi thấy muốn bảo ông Phật ngồi thì thấy ông Phật đó cũng ngồi xuống, bảo ông Phật kia đứng lên, ông Phật nọ cũng đứng. Cái đó là thời gian qua rồi.

Thấy như thế có tốt không? Đáp: thấy đó là thấy ma chớ không phải thấy Phật. Rồi người đó tinh thần lơ lửng mất hết vẻ tinh anh, say đắm vào cảnh đó ắt bị ma quấy phá. Bao giờ mình thấy Phật mà Phật bảo mình lay hay Phật bảo mình ngồi,

chứ có bao giờ mình thấy Phật mà mình bảo Phật ngồi, bảo Phật đứng như vậy. Tất nhiên là không phải rồi.

Nếu thấy Phật thì phải rõ ràng là một vị Phật hay nhiều Phật, thấy ngự trên tòa sen rõ ràng. Chứ nếu thấy lằng xằng lộn xộn đó là cảnh loạn trong óc, hay là cảnh ma hiện chớ không phải thật. Những cảnh khác cũng thế phải phân minh rõ ràng, sau khi thấy rồi thì tinh thần nhẹ nhàng, trong tâm thanh tịnh. Do đâu vậy? Bởi vì lúc đó tội chướng đã tiêu nên Thánh cảnh, hảo tướng hiện ra, trong tâm nhẹ nhàng, thơ thới, còn nếu thấy mà hồi hộp lo sợ, rối rắm trong tâm, hay là bực bội, khó chịu, đó là không phải thật, hoặc là do bệnh hay do ma phá, hay nghiệp chướng nó biến tướng ra. Trong kinh khác cũng có nói đến. Như thấy cỡi ngựa qua sông, hoặc cỡi trâu qua sông, hay đi thuyền bè mà qua tới bờ bên kia. Thì đó cũng thuộc về hảo tướng. Trong đây chỉ nói thấy Phật với thấy Bồ tát thì cũng vậy, hoặc là thấy khách Tăng.

Có nhiều người thuật: Tôi cũng có tội như vậy đó, nhưng sám hối ít lúc mới xuất gia, thì thấy chư Tăng đến trao cho cái y, biểu đắp vô, như vậy là tội chướng đã tiêu diệt, nó hoàn lại cái bản thể cũ đó rồi. Đó cũng là hảo tướng. Thấy hảo tướng đó là triệu chứng tội đã tiêu diệt.

Trong đây nói: **“Nếu không được thấy hảo tướng thì sám hối không có lợi ích”** là bởi vì sám hối là để cho tội chướng tiêu diệt, mà hảo tướng không hiện, đó là tội chướng chưa tiêu diệt, cho nên gọi là vô ích. Nói không thấy hảo tướng thì sám hối vô ích, là muốn nhắc nhở người sám hối phải tha thiết thực hành. Mà tha thiết thực hành thì tội chướng dầu lớn bao nhiêu cũng tiêu diệt, chỉ sợ không có thành thật tha thiết mà thôi.

Nếu tội chướng tiêu diệt thì thọ giới lại đắc giới, mà chưa thấy hảo tướng thì tội không tiêu. Nhưng nếu vẫn có công sám hối cả năm như vậy thì được thọ giới, cho nên gọi rằng tăng

ích thọ giới, nhưng trong giới điều nói là không đặc giới. Nó chỉ là hình thức thọ giới mà thôi.

**Nếu là người phạm trong 48 điều giới khinh, đối thú sám hối thì tội diệt tiêu diệt, không phải như tội thất nghịch.**

**Phạm ngoài tội thất nghịch ra thì tội nhẹ nên gọi là Khinh cấu tội.**

**Đối thú sám hối:** nghĩa là đối với những vị Đại đức tu hành thanh tịnh, hoặc là đối với trước Tam Bảo, thành tâm phát lồ tội của mình và hứa hẹn sẽ chừa cải trong tương lai, như vậy gọi là đối thú sám hối. Đối là đối với vị Đại đức thanh tịnh hay Tam Bảo, thú là phát lồ tội đã phạm ra để sám hối. **Sám hối:** nghĩa là ăn năn chừa bỏ.

Như vậy tội diệt đối với giới khinh, khác với tội thất nghịch. Tội thất nghịch không có cách gì để sám hối được.

**“Vị Pháp sư giáo giới ở trong những pháp này phải hiểu rõ. Nếu như không hiểu Kinh Luật Đại thừa, những giới khinh, những giới trọng, hành tướng phải, chẳng phải...”.**

Trong giới luật có hai phần: phần về lý tánh, phần về sự tướng. Nơi đây nói giới khinh, giới trọng. Tướng phải, chẳng phải, đó là sự tướng của giới. Phải biết như thế đó thuộc về giới khinh. Như thế đó, nó thuộc về giới trọng. Những điều như vậy đó, nó phải là giới, những điều như vậy, nó không phải là giới. Đối với vị gọi là Pháp sư, Giới sư phải thông hiểu tất cả các môn thiên quán, từng bậc tu hành ở trong địa vị Bồ tát, nên dưới đây có câu: **“Không hiểu Đệ nhứt nghĩa đế, Tập chủng tánh, Trưởng dưỡng tánh, Tánh chủng tánh, Bất khả hoại tánh, Đạo chủng tánh, Chánh pháp tánh. Những quán hạnh đa thiếu, xuất nhập của các pháp đó, cùng mười chi thiên, tất cả Phạm hạnh, mỗi mỗi đều không thông hiểu...”.**

Tất nhiên vị đó không được gọi là Pháp sư.

Đệ nhất nghĩa đế, tức là Phật tánh là bốn nguyên của mỗi người, từ nơi đó tu tập các cấp bậc của Bồ tát, Tập chủng tánh, Trưởng dưỡng tánh, Tánh chủng tánh, Bất khả hoại tánh... Đạo chủng tánh, với Chánh pháp tánh đó là các từng bậc đi lên mà ở trước có đề cập đến, nói là Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa.

Thì ở nơi Phật tánh chủng tử đó mà phát sanh những thiện căn, tu hành các pháp môn. Do nơi Phật tánh chủng đó hiển thành lên Tập chủng tánh, rồi đến Tánh chủng tánh, Bất khả hoại tánh, Đạo chủng tánh, rồi đến Chánh pháp tánh. Từng bậc tu hành mà lên Thập Phát Thú, cho đến Thập Địa rồi thành Phật.

Từ Thập Phát Thú, cho đến Thập Địa là danh từ để gọi quả vị bên ngoài, còn bên trong là từ Phật chủng tánh chuyển thành ra các tánh, nghĩa là chuyển từ Tập chủng tánh cho đến thành Chánh pháp tánh.

**“... những quán hạnh đa, thiếu, xuất, nhập của các pháp đó...”**

Trong các pháp đó (là trong các pháp tu hành làm tới các từng bậc như trên) thời không ngoài ba pháp: quán chơn, quán giả và quán trung.

Còn mười Chi Thiên là:

Sơ Thiên có năm chi: hỷ, lạc, giác, quán và nhứt tâm

Nhị Thiên có bốn chi: hỷ, lạc, nội tịnh và nhứt tâm.

Tam Thiên có năm chi: lạc, huệ, xả, niệm và nhứt tâm.

Tứ Thiên có bốn chi: xả, niệm, bất khổ bất lạc và nhứt tâm.

Cộng lại là 18 chi mà nói mười chi đó là trừ những tên chi trùng nhau nên còn lại mười tên: Hỷ, Lạc, Giác, Quán, Nhứt Tâm, Nội định, Huệ, Xả, Niệm và Bất khổ bất lạc.

Quán chơn: tất nhiên là chơn Không

Quán giả: tức là thế tục đế

Quán trung: là trung đạo đế

Đa thiếu đây hoặc giả là theo từng bậc, quán về chơn Không nhiều, mà quán nơi tục đế ít (quán giả) cho nên gọi là đa hay thiếu. Hoặc trái lại, trong bậc đó thì cần phải quán về tục đế giả nhiều mà quán về Không đế lý thì ít. Hoặc giả là chánh thì quán trung đạo nhiều, mà quán tục với quán chơn ít. Nên trong đây gọi rằng chữ đa, thiếu là vậy.

Như vậy, thấy một vị Pháp sư giáo giới đó khó chớ không phải dễ, phải thông hiểu hết.

“**Xuất, nhập**” là gì? Là quán Không. Được Không rồi xuất Không, để quán giả. Như vậy là xuất Không, nhập giả. Được giả rồi thì lại xuất giả, để nhập Không, như vậy gọi là xuất nhập.

**Phật tử vì tài lợi, vì danh tiếng, cầu quấy, cầu nhiều, tham đệ tử đông nên giả tuồng là mình hiểu biết tất cả Kinh Luật để được cúng dường. Đó là tự dối mình và cũng dối người khác. Nếu cố làm Giới sư truyền giới cho người, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.**

Nếu chưa thông hiểu như vậy, mà có người đến cầu làm Giới sư thì phải từ chối. Sau đó phải cố tâm học hỏi cho được thông hiểu chớ không được để như vậy, cũng có lỗi. Tại sao có lỗi? Như điều trước đã có nói, là phải mang Kinh Luật đến những nơi thuyết kinh, thuyết giới, thuyết luật. Nếu không có tâm học thì phạm điều giới đó.

Lúc còn đi học như vậy có thể từ chối không làm Giới sư. Bởi vì ham danh lợi, đệ tử đông tất nhiên được cúng dường là phạm giới thứ 41 này.



Những điều trên: thỉnh Hòa thượng, A xà lê thọ giới cho đến phạm tội thất nghịch thì không được thọ giới. Cần phải đúng pháp, sám hối rồi mới được thọ giới.

Đây là những điều Phật dạy chứ không phải kết tội. Trong đây là kết lại một điều là chưa thông hiểu Kinh Luật mà vì danh vì lợi làm Giới sư, làm Thầy người thì phạm tội thứ 41 này.

## 42. GIỚI VÌ NGƯỜI ÁC GIẢNG NÓI

**Nếu là Phật tử không được vì tài lợi mà đem đại giới của chư Phật nói với người chưa thọ giới Bồ tát, hoặc với hàng ngoại đạo, những người tà kiến...**

**Trừ Quốc vương, ngoài ra không được nói với tất cả hạng người ấy. Những người chẳng thọ giới của Phật gọi là súc sanh, đời đời sanh ra không gặp Tam Bảo, như cây đá, không có tâm thức gọi là ngoại đạo, bọn tà kiến, nào khác cây cối. Với những hạng người tà ác ấy, nếu Phật tử giảng nói giới pháp của chư Phật thì phạm Khinh cấu tội.**

Đề ý một chút là bất kỳ chỗ nào, cũng không luận là trường hợp nào, khi nói trong chỗ hoạn nạn, lúc đi làm ăn xa, hay bị trôi, bị cháy, cho đến nạn La sát, lúc trai hội, cầu nguyện đều phải đem giới Bồ tát đây giảng thuyết hết, đem công đức đó để tiêu trừ tai chướng, cùng cứu độ tất cả chúng sanh. Điều giới này thì lại cấm không được đem giới này ra nói, hai điều như vậy phải thông hiểu lắm mới được, nếu không thì không biết lúc nào nên nói lúc nào không nên nói. Cần phải học cho kỹ.

Ở điều giới trước mục đích vì cứu độ người nên đem giới Bồ tát ra giảng nói. Còn như giới này thì cấm đem giới Bồ tát ra giảng cho người tà ác nghe, chẳng những họ không tin mà còn hủy báng, thành ra có hại chứ không lợi. Trừ Quốc vương là người có quyền hạn cấm Phật pháp không cho lưu

hành trong quốc độ họ. Do đó mà đối với Quốc vương dù tin kính hay không, hễ mà bảo đem giới Bồ tát ra giảng cho ông nghe thì không được từ chối. Đây là nói Quốc vương ở chế độ phong kiến. Qua chế độ dân chủ thì việc đó không thành vấn đề nữa.

Trong đây chỉ nói những người trong nội bộ. Đức Phật dạy những người không lãnh thọ giới Bồ tát này, tất nhiên người đó thuộc về người tà ác cả. Nếu đem giảng nói cho họ nghe chỉ làm cho họ thêm tội và người Phật tử có hạnh Bồ tát đó cũng sai lầm, cũng có lỗi. Vì Bồ tát có bốn phận làm lợi người, độ người mà vô tình làm cho người bị hại, như là đối với giới Bồ tát này mà hủy báng không tin là mất chủng tử Phật tánh. Hại rất lớn vậy.

Mất chủng tử Phật tánh thì dễ dàng bị sa đọa vào tam đồ khổ não. Do đó nếu thuyết pháp không đúng chỗ thì phạm nơi tội thứ 42 này.

### 43. GIỚI CỐ MÓNG TÂM PHẠM GIỚI

Nơi giới Bồ tát này hễ móng tâm phạm giới thì đã phạm giới 43 này rồi, chứ chưa nói đến phạm giới, vì thế ta thấy giới Bồ tát rất khó giữ. Vậy nên biết nếu có móng tâm muốn làm điều chi sai giới, dù sau đó không làm đều cũng phạm nơi điều giới thứ 43 này, thì cần phải sám hối cho dứt cái tâm đó đi!

**Nếu là Phật tử do đức tin mà xuất gia, thọ chánh giới của Phật, lại cố hủy phạm chánh giới, thời không được lãnh thọ đồ cúng dường của tất cả đàn việt, cũng không được đi trên đất của quốc dân, không được uống nước của quốc dân. Năm ngàn đại quỷ đứng án trước mặt người đó mà gọi là “Gã bọm giặc”.**

**Nếu đi vào trong phòng nhà, thành ấp, các quỷ thường theo chà quét dấu chân của người ấy. Tất cả người đời đều**

**mắng người ấy là kẻ đại bợn trong Phật pháp, hết thầy chúng sanh đều không muốn nhìn ngó người ấy.**

**Người phạm giới khác nào loài súc sanh, cây cỏ. Nếu cố hủy phạm giới pháp của Phật, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

Nếu đã cố móng tâm phá giới của Phật thì theo giới để kết tội lại kết thêm tội cố tâm. Nếu đã cố tâm rồi mà chưa phạm thì cũng bị tội 43 này, thì cần phải sám hối.

Đức Phật đã răn nhắc nhiều lần nếu người vô tâm thì không nói gì, mà cố ý để phạm pháp, tâm người ấy không còn đáng sống nữa, không được lãnh thọ đồ cúng dường của tất cả tín tâm đàn việt, không đáng được đi trên đất của quốc dân. Như vậy là không đáng sống nữa. Tất cả quỷ thần coi người đó là giặc trong Phật pháp. Nói: **“Chà quét dấu chân người ấy”**, nghĩa là coi người ấy như giặc, cho đến dấu chân cũng ghét, không muốn cho còn nữa, đừng nói chi thân của người đó.

Phật nhấn mạnh rằng người cố phạm giới chẳng khác nào loài súc sanh, cây cỏ. Như vậy ta nghĩ sao? Nếu cố phạm giới tức nhiên Phật đã khai trừ mình ra khỏi nhà, khỏi dòng giống của Phật rồi vậy.

#### **44. GIỚI KHÔNG CÚNG DƯỠNG KINH LUẬT**

Quyển kinh, quyển luật, nhờ nơi đó mà ghi giáo pháp của Phật, lợi ích cho mình và người. Nếu không có Kinh Luật thì biết làm sao truyền lại? Do đó phải trọng quyển kinh, quyển luật.

**Nếu là Phật tử phải thường nhứt tâm thọ trì đọc tụng Kinh Luật Đại thừa, dùng giấy, vải, hàng, lụa, thẻ tre, vỏ cây, cho đến lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, để biên chép Kinh Luật,**

**dùng vàng bạc cùng hương hoa vô giá và tất cả châu báu làm hộp rương đựng những quyển Kinh Luật. Nếu không y theo pháp mà cúng dường Kinh Luật, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

Vì Kinh Luật có những lợi ích lớn như trên đã nói, nên phải kính trọng kinh luật mới có phước đức lớn.

Việc khinh trọng Kinh Luật như trong bộ *Pháp Hoa* tôi dịch, tôi có ghi những việc kính trọng kinh Phật đó vì cái linh ứng. Còn đối với Kinh Luật mà có cái khinh mạn thì tội không phải nhỏ.

Do đó hằng ngày phải để Kinh Luật chỗ sạch sẽ, đừng để bụi bám, rách hư thì phải bồi lại, đóng hay bao bì, làm hộp, rương, tủ đựng cho đàng hoàng. Khi cầm kinh, phải cầm với vẻ cung kính, không được buông xuôi xuống, để chỗ thấp hay xếp gập lại. Có người học kinh thuộc lòng, rồi miệng lẩm bẩm, quyển kinh thì xếp lại, chấp tay sau đít, điều đó hại lắm, vì Kinh Luật phải đầu sách vở ngoài đời. Xưa có một vị đi thi. Đến trường thi còn thì giờ rảnh rang, nên lên núi để chơi, nghe trên núi có vị Thiên sư biết hết những việc quá khứ vị lai. Thí sinh đó, là một người được bạn bè nhìn nhận là giỏi nhứt, bèn vào yết kiến vị Thiên sư để hỏi xem kỳ thi này ai đậu ai rớt.

Vị Thiên sư cho biết vị nào đậu cao, người nào đậu thấp trong kỳ thi này, còn phân anh thì rớt. Anh lấy làm ngạc nhiên thưa hỏi duyên cớ vì sao mà đoán anh rớt. Vị Thiên sư nói, là trong thời gian qua vì có lỗi đã khinh mạn Kinh Luật cho nên bị rớt. Anh suy nghiệm mãi, vì anh cũng là Phật tử, cũng thường nghiên cứu kinh luận và bao giờ cũng có lòng kính trọng kinh điển. Những lúc rảnh thường đem kinh ra tụng nhứt là kinh *Lăng Nghiêm*. Không hiểu vì sao Thiên sư lại bảo mình khinh mạn để phải cái tội rớt như vậy?

Kết quả kỳ thi đó anh không có tên trên bảng, nhưng không hiểu mình phạm tội khinh mạn như thế nào? Đến khi anh ta soạn cái tráp đựng sách vở (ngày xưa người học trò đi đâu cũng thường mang theo cái tráp trong đó đựng sách vở, bút viết) thì thấy trong đó có một quyển kinh *Lãng Nghiêm* mà anh đã từng lấy cái tráp có quyển kinh đó để gói đầu. Lúc đó mới tỉnh ngộ là mình lấy kinh gói đầu. Đó là sự vô ý thôi mà còn bị tội như vậy. Huông gì sự cố ý thì tội lỗi rất lớn! Nên phải chú ý. Trái lại nếu kính trọng Kinh Luật thì tất nhiên sẽ được phước đức lớn.

#### 45. GIỚI KHÔNG GIÁO HÓA CHÚNG SANH

**Nếu là Phật tử nên có lòng đại bi, khi vào trong tất cả thành ấp, thấy những loài chúng sanh phải sướng lên rằng: “Các người nên thọ tam quy và thập giới...”. Nếu gặp trâu, bò, chó, ngựa, heo, dê v.v... nên tâm nghĩ miệng nói: “Các người là súc sanh nên phát Bồ đề tâm”. Khi Phật tử đến núi rừng, sông ngòi, cùng tất cả chỗ, đều làm cho hết thấy chúng sanh phát Bồ đề tâm.**

**Nếu Phật tử không phát tâm giáo hóa chúng sanh thời phạm Khinh cấu tội.**

Người mà thọ giới Bồ tát rồi, là phải thực hành hạnh Bồ tát, phải có tâm nguyện giáo hóa chúng sanh khiến cho được tăng trưởng tâm lành, phát Bồ đề tâm và đồng thành Phật. Nếu không có tâm niệm như vậy, tức là phạm nơi điều giới 45 này.

Chẳng những đối với người mà đối với tất cả loài nhỏ như ong, như kiến, như rệp, như muỗi chẳng hạn, đều phải có tâm chú nguyện cho nó được tăng trưởng thiện căn, dần dần gặp Phật pháp tu hành rồi đều thành Phật cả. Phải có cái tâm đó mới gọi là người phát Bồ đề tâm và có cái nguyện Bồ tát độ sanh.

Có nhiều khi mình nghĩ rằng nếu với người thì phải rồi nhưng mà với loài thú hay là những loài khác như kiến, mối hay ong, những bướm cho đến những rệp, muỗi chẳng hạn, thì dầu mình có biểu nó phát Bồ đề tâm hay là nguyện cho nó gặp được chánh pháp để siêu thoát đi chẳng nữa, thì làm gì mà được kết quả?

Phải biết rằng tất cả đều do tâm tạo. Do đó trong đây đức Phật mới có dạy tâm nghĩ miệng nói, chớ nếu miệng nói mà tâm không tha thiết với vấn đề đó thì việc không thành. Nhưng nếu miệng nói mà tâm tha thiết với việc đó thì, dầu nó không hiểu được tiếng nhưng do nơi tâm nghiệp lực có ảnh hưởng lớn cũng có thể chuyển phần nào nghiệp chương của loài đó, làm cho nó được lợi ích theo tâm niệm của mình muốn. Đã có nhiều vị thực hành việc này rồi. Thời kỳ Phật còn tại thế, tại một thành nọ, Phật không thể giáo hóa dân chúng trong thành đó, Phật sai ngài Mục Kiền Liên đến thì dân chúng trong thành đều vui vẻ theo Phật pháp hết.

Các vị đại đệ tử bạch Phật nhơn duyên gì mà Phật độ không được, mà ngài Mục Kiền Liên tới đó không tổn hơi sức gì mà cả thành đều theo Phật pháp? Thì Phật mới nói đời trước, Mục Kiền Liên là một ông tiều đi đốn củi, chặt cây động đến ổ ong bay túa xua ra, nó rượt đánh thì ông tiều đó vừa chạy vừa la: “Về sau này ta tu hành đắc đạo, ta quyết sẽ độ cho các người cũng được giải thoát”.

Do nhơn duyên đó, nên có hiện tại bây giờ dân chúng trong thành đó là những con ong, bầy ong hời xưa đó. Còn Mục Kiền Liên là ông tiều, như thế cho ta thấy ông tiều, là một Phật tử mà việc làm của ông là gặp bất cứ loài nào đều có tâm nguyện muốn độ thoát hết thảy. Nó đã thuần như vậy rồi nên lúc bị ong đuổi đánh cũng không nghĩ đến việc mình đau đớn, chỉ có thuần một tâm niệm độ thoát cho nó mà thôi, như

thế mà ảnh hưởng lớn đến bầy ong và nhờ nơi tâm nghiệp lực của ông tiêu, nên nó trở lại làm người.

Rồi cũng do tâm nghiệp lực đó, nên mới có ra nhơn duyên ngài Mục Kiên Liên độ hết đều thành.

#### **46. GIỚI THUYẾT PHÁP KHÔNG ĐÚNG PHÁP**

**Nếu là Phật tử, thường nên có lòng đại bi phát tâm giáo hóa. Lúc vào nhà đàn việt sang giàu, cùng trong tất cả chúng hội, không được đứng thuyết pháp cho hàng bạch y. Phải ngồi trên tòa cao trước chúng bạch y.**

**Vị Tỳ kheo Pháp sư không được đứng dưới thuyết pháp cho tứ chúng. Khi thuyết pháp, vị Pháp sư ngồi tòa cao, dùng hương hoa cúng dường, còn tứ chúng, hàng thính giả, thời ngồi dưới. Đối với Pháp sư phải như là hiếu thuận cha mẹ, kính thuận Sư trưởng như Bà la môn thờ lửa. Nếu Phật tử thuyết pháp mà không đúng như pháp thời phạm Khinh cấu tội.**

Vì trọng pháp phải cung kính vị thuyết pháp. Theo luật Phật, người thuyết pháp bao giờ cũng ngồi trên tòa cao, người nghe pháp thì ngồi dưới, nếu trái lại thì phạm tội. Vì sao thế? Bởi nếu không có sự kính trọng pháp thì đâu có y giáo thực hành được. Kính trọng pháp tất nhiên phải kính trọng người thuyết pháp. Và người thuyết pháp phải tự trọng lấy mình, trọng mình đó không có nghĩa là tự cao tự đại, chính là vì trọng pháp. Nên khi thuyết pháp phải ngồi trên tòa cao mà thuyết. Do đó trong luật có chỗ phân ra: không được vì người che dù mà thuyết pháp, nếu vì tỏ ra không tôn kính pháp thì không được thuyết pháp. Tỷ như đi ngoài đường có người che dù cũng đồng đi mà muốn nghe pháp thì không nên thuyết. Vì không đúng pháp. Ở giảng đường thì đúng pháp. Nếu người nghe pháp ngồi, mà người thuyết pháp đứng, người nghe pháp đi chỗ cao hơn cũng không được vì người đó mà thuyết pháp,

cho đến người nghe pháp mà nằm, mà mình ngồi cũng không được vì người đó mà thuyết pháp.

Nhưng trong luật có khai, nghĩa là trừ trường hợp bệnh, người bệnh đó không thể ngồi dậy được, phải nằm, hoặc giả chỉ có thể ngồi chớ không đứng được, thì được vì người bệnh đó mà thuyết pháp. Tóm lại để bảo vệ sự tôn trọng chánh pháp thì người nghe pháp và người thuyết pháp phải đúng pháp. Nếu không như vậy, thì phạm nơi giới điều này.

Xưa trong sử có ghi chép nhiều việc lý thú, để chỉ việc đó. Như có một người vào trong vườn của vua để lấy trộm, trong lúc còn trong vườn của vua thì ông vua cùng với một vị thầy đi vào vườn, anh ta sợ quá mới leo lên cây để ẩn. Ông vua đến gốc cây rồi lót chỗ ngồi, còn ông thầy thì đứng, Thầy đó vì ông vua mà thuyết pháp. Giảng pháp được nửa chừng thì người trên cây tuột xuống, anh ta nói: “Bây giờ tất cả người đều có tội hết. Bởi vì bệ hạ nghe pháp không đúng pháp vì ngồi để nghe. Còn ông thầy này thì đứng mà thuyết pháp cho người ngồi nghe, cũng không đúng pháp. Như vậy, thì tất cả người có mặt ở nơi đây đều có tội hết (vì tôi ăn trộm không đúng pháp), thì nhà vua không thể bắt tội tôi được. Nói rồi thản nhiên đi ra. Ông vua nghe phải, đành im lặng để cho ông ta đi. Không bắt tội.

Chuyện trên đây cho ta thấy Phật tử ngày xưa rất trọng chánh pháp, nên vì sơ ý mà vua và ông thầy phạm lỗi, phải bị người ăn trộm chỉ cho. Bởi vì sự lợi ích của pháp là đưa người ra khỏi sanh tử để thành Phật, thì tất nhiên mọi người đều phải kính trọng. Người thuyết pháp cũng phải trọng pháp, người nghe pháp cũng phải trọng pháp, đem pháp đề lên cao. Bây giờ người thuyết pháp đem pháp ra để ban bố tức nhiên cái pháp ở nơi người thuyết pháp, phải đặt người đó trên cao. Cao đây, có nghĩa là trọng. Trong đây có nói: Người nghe pháp đối với vị thuyết pháp phải như là hiếu thuận cha mẹ; kính thuận



Sư trưởng, như Bà la môn thờ lửa. Kính trọng như là kính trọng cha mẹ, như Bà la môn thờ thần lửa. Bởi vì Bà la môn thờ lửa. Sớm tối đốt lửa để lạy và giữ cho lửa cháy luôn, không dám để cho tắt. Thì đây đem sự kính trọng đó ra làm lệ. Nghĩa là phải kính trọng pháp sư như Bà la môn thờ lửa.

#### **47. GIỚI CHẾ HẠN PHI PHÁP**

**Nếu Phật tử, đều đã có lòng tin thọ giới của Phật, hoặc Quốc vương, Hoàng tử, các quan, bốn bộ đệ tử tự ý thế lực cao quý, phá diệt giới luật Phật pháp, lập ra điều luật chế, hạn chế bốn bộ đệ tử của Phật, không cho xuất gia hành đạo, cũng không cho tạo lập hình tượng Phật và Bồ tát, cùng pháp và Kinh Luật. Lại đặt ra chức quan đồng lý hạn chế tứ chúng và lập sổ bộ ghi số Tăng, Tỳ kheo Bồ tát đứng dưới đất, còn bạch y ngồi tòa cao, tìm nhiều việc phi pháp như binh nô thờ chủ.**

**Hàng Bồ tát này chính nên được mọi người cúng dường mà trở lại bắt làm tay sai của các quan chức, thế là phi pháp phi luật.**

**Nếu Quốc vương và các quan có lòng tốt thọ giới của Phật, chớ làm những tội phá Tam Bảo ấy. Nếu cố làm thì phạm Khinh cấu tội.**

Chế hạn nghĩa là chế hạn ở nơi Tam Bảo, chư Tăng cho đến pháp, cho đến chỗ để thờ Phật. Chế hạn là không cho làm rộng lớn ra, cho lan nhiều ra, cũng như là không có cho người xuất gia tu hành được, có một phạm vi, một giới hạn vậy thôi.

Nhưng đây chế hạn là chế hạn phi pháp, vì việc không đáng chế hạn mà lại chế hạn đi. Thì nếu chế hạn như vậy đó, tất nhiên là phạm nơi điều giới thứ 47 này.

Vua chúa với các quan mới có quyền hành chế hạn. Trong đây việc chế hạn trước nhất là chế hạn về người xuất gia hành

đạo. Trong đây có đề: hạn chế bốn bộ đệ tử của Phật, không cho xuất gia hành đạo. Nếu không cho xuất gia hành đạo thì lần lần những người đã xuất gia, rồi già chết đi không có người nối tiếp. Như vậy là làm hư hoại Tam Bảo thế gian. Nếu hạn chế không cho các kinh sách lưu thông sẽ dần dần làm hư hoại chánh pháp của Phật. Đó là thuộc về Pháp bảo. Còn nếu hạn chế không cho tạo lập những chỗ thờ Phật, cũng là hình tượng Phật và Bồ tát, thì tất nhiên làm cho chỗ cơ sở thờ Phật dần dần hư hoại, cái mới thì không làm được. Như vậy là làm hư hoại Phật bảo. Cho nên ở dưới mới kết: “Nếu Quốc vương và các quan có lòng tốt thọ giới của Phật chớ làm những tội phá Tam Bảo như vậy”.

Không nên hạn chế phi pháp như vậy, phải để cho tự do xuất gia tu hành, phải để cho tự do lưu thông những cơ sở, những tháp, những chùa chiền, chỗ thờ Phật xây đắp những hình tượng.

#### **48. GIỚI PHÁ DIỆT PHẬT PHÁP**

**Nếu Phật tử do lòng tốt mà xuất gia, lại vì danh tiếng cùng tài lợi, giảng thuyết giới của Phật cho Quốc vương và các quan, làm những sự gông trói các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người thọ giới Bồ tát như cách của ngục tù và binh nô. Như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, chẳng phải trùng ở ngoài đến ăn. Cũng thế, các Phật tử tự hủy phá Phật pháp, không phải ngoại đạo hay thiên ma phá được...**

Như vậy là thế nào? Người ở trong Phật pháp, các vị xuất gia mà có phạm tội như vậy thì theo giới luật của Phật mà trách hay trị phạm mà thôi, chớ không được đem người xuất gia ra mà giam nhốt, đóng gông cùm trói vậy.

Vì vậy nên mấy nước tôn trọng Phật pháp, thì không bao giờ họ làm việc đó. Nếu những vị xuất gia mà có phạm

những điều tội lớn theo luật pháp thế gian, thì họ cũng đưa về chùa, để cho trong chùa xử trước, y theo luật pháp, Phật mà xử vị đó. Nếu đáng phải hoàn tục ngoài thế gian rồi, thì tất nhiên là phải lột y áo, bắt phải hoàn tục, vì đã phạm tội nặng ở thế gian rồi.

Sau khi lột y áo rồi bắt hoàn tục, thành một người thường rồi, thì chừng đó quan lính mới đem về nơi cơ sở của mình để giam, nhốt hay xử theo luật pháp của thế gian, tất nhiên người ta kính trọng Phật pháp. Do đó chúng ta nên y theo điều giáo giới của Phật mà thực hành.

Trong đây đức Phật đã nói: “Nếu là những vị Phật tử đã vào trong Phật pháp rồi mà còn làm như vậy, là những Phật tử tự hủy phá Phật pháp”.

Phật tử không phá Phật pháp, thì không có ngoại đạo hay thiên ma phá được Phật pháp cả. Trong đây Phật có ví dụ như sư tử, chỉ có trong thịt sư tử tự sanh trùng, rồi tự nó ăn thịt sư tử mà thôi.

Nếu ta để cho những hành vi, hay điều chi làm cho chánh pháp của Phật bị suy tôn, tổn thương đến uy tín, là chính mình ở trong nhà Phật pháp, làm con của Phật mà đi phá pháp của Phật. Người đã thọ giới của Phật nên hộ trì giới luật của Phật như ấp yêu con một, như kính thờ cha mẹ, không được hủy phá...

Điều này hệ trọng lắm, bởi vì đức Phật có nói: Giới luật của Phật còn ở thế gian thì chánh pháp của Phật còn tại thế gian được. Cho nên nói rằng giới luật còn thì chánh pháp còn, vì giới luật là nền tảng của tòa nhà Phật pháp. Nếu nền móng đó còn thì ngôi nhà đó còn. Nền móng sụp thì căn nhà trên cũng sụp. Nên đây Phật mới dạy: Hộ trì giới luật của Phật như ấp yêu con một.

Đã biết rằng giới luật còn thì chánh pháp của Phật còn. Giới luật còn, không phải còn ở trong quyển luật, quyển kinh

mà còn ở là trong con người thọ giới mà biết giữ giới, trì giới. Do đó mà Phật tử lại đi phá giới của Phật, đó là hủy phá chánh pháp của Phật. Đó là điều rất quan trọng cần phải nghi nhớ.

**Người Phật tử khi nghe ngoại đạo, người ác, dùng lời nói hủy báng giới pháp của Phật thì đau đớn không khác nào ba trăm giáo nhọn đâm vào tim mình, hay cả nghìn lưỡi dao, cả vạn cây gậy đánh bổ vào thân mình. Thà tự cam vào ở địa ngục đến trăm kiếp, chớ không muốn nghe lời hủy báng giới pháp của Phật do bọn người ác. Huống là không có lòng hiếu thuận tự mình hủy phá giới pháp của Phật hay làm nhơn duyên bảo người khác hủy phá...**

**Nếu cố phá giới pháp, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.**

Đã là Phật tử rồi mà nếu nghe những người ác ngoài Phật pháp nói xấu, chạm đến giáo pháp của Phật, thì trong lòng đau đớn, mà trong đây đã nói đau đớn còn hơn những cây giáo nhọn đâm thấu trong tim. Cho đến thà rằng chịu đọa trong địa ngục mà chịu khổ, chớ không muốn nghe lời hủy báng giáo pháp của Phật do những người ác nói. Đây là trọng giới pháp của Phật. Chứ đâu có nhân tâm cố ý phá lấy giới pháp của Phật. Nếu là Phật tử rồi, mà đối với pháp của Phật, tự mình thấy không còn ưa thích nữa và thấy tự mình không có khả năng theo đúng như vậy, thì nên chánh thức để xả giới, chớ không nên lạm dụng nơi địa vị hay danh nghĩa rồi lại phá, lại phạm giới pháp.

Phá, phạm giới pháp đó, gọi là hủy phạm. Mà phá giới pháp tất nhiên là phá chánh pháp.

Như thế là sao? Nghĩa là mình thọ giới rồi, cũng như gia bảo của đức Phật mà mình lãnh để gánh vác trên vai, phải yêu mến kính trọng giữ gìn cho tròn vẹn, chớ không nên làm hư. Nếu thấy mình không kham nữa thì giao trả lại tức là xả giới. đừng nên ôm giữ lấy mà làm hư đi. Tội đó rất lớn! Đây là kết về tội cố phá hủy vậy.

Theo sự phá hủy trong giới nào, thì kết tội phạm nơi giới điều đó. Ngoài tội chánh đã phạm, còn thêm tội thứ 48 này và thêm việc cố móng tâm phạm giới điều thứ 43 nữa vậy. Nếu phạm giới trong những ngày lục trai hay là những ngày trường trai thì lại phạm thêm một tội nữa. Do đó đối với giới Bồ tát này mà sơ siển một chút thì không biết bao nhiêu tội. Nó chồng chất trên đầu.

Thí như người dọn cháo chay cho mình ăn, trong đó có nêm hành, khi dọn lên mình biết có mùi hành nồng nặc mà cố ăn, tất nhiên là phạm tội thứ tư là tội ăn ngũ tân; mà nếu vào ngày lục trai trong tháng chẳng hạn (ngày rằm, mười bốn hay mười tám) tức là thêm tội trong ngày lục trai mà cố để phạm giới. Đó là hai tội. Rồi cố tâm để ăn, thành ra phạm tội 43, trong đó có luôn tội 48 này. Một tội như thế, nó dây dưa không biết bao nhiêu tội chồng chất lên. Nếu mình sám hối tội ăn ngũ tân thôi thì mấy tội kia vẫn còn phải đem tùy tội ra mà sám hối, nhưng đây là tội khinh, có thể đem ra đối thú sám hối.

Do đó trước đã có nói vị Giới sư làm Thầy, làm Pháp sư truyền giới cho người, phải thông các hành tướng của giới, nếu không thông hiểu mà đi làm Thầy, tất nhiên phạm tội cố tâm đó. Thông hết thì mới có thể chỉ vẽ cho người khác được, cho nên thọ giới rồi cần phải học. Vì người khác chỉ vẽ không bằng tự mình hiểu biết, phải cần học, nên sau khi thọ giới, quyền giới này cần phải đọc đi đọc lại nhiều lần. Nếu nửa tháng chỉ nghe một lần rất khó nhớ, mà cũng khó thông hiểu. Phải đọc đi đọc lại từng giới, chiêm nghiệm trong đó. Phải nhớ trước nhớ sau. Nếu không nhớ trước nhớ sau thì việc sám hối tội phạm không đúng pháp và tội không tiêu trừ được.

**Chín giới như vậy cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì.**

Từ giới 40 cho đến bốn 48 Phật đã căn dặn như thế.

Đến đoạn thứ VII là tổng kết 10 giới trọng và 48 giới khinh.

## VII. TỔNG KẾT

**Đức Phật dạy: Các Phật tử, đó là 48 điều giới khinh, các người phải thọ trì. Chư Bồ tát đời quá khứ đã tụng, chư Bồ tát đời vị lai sẽ tụng, chư Bồ tát đời hiện tại đương tụng.**

Đó là chỉ cho 48 điều giới khinh này mà tam thế Bồ tát đều đã tụng hết.

**Các Phật tử lắng nghe: 10 giới trọng, 48 giới khinh đây, chư Phật trong ba đời đã tụng, sẽ tụng và hiện đang tụng. Nay Ta cũng tụng như vậy.**

Chẳng những tam thế Bồ tát đã tụng, sẽ tụng và hiện đương tụng mà hiện tại Phật Thích Ca cũng như chư Phật trong tam thế cũng đều tụng như vậy.

## VIII. LƯU THÔNG

**Đức Phật phán tiếp: Tất cả Đại chúng, Quốc vương, Vương tử các quan, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tín nam, tín nữ thấy, những người thọ trì giới Bồ tát, nên phải thọ trì đọc tụng biên chép quyển giới pháp Phật tánh thường trụ để lưu thông mãi mãi...**

Đây nói giới pháp Phật tánh thường trụ tất nhiên là ở nơi giới Bồ tát này.

**Tất cả chúng sanh xoay vần truyền dạy lẫn nhau không dứt. Do đây dặng gặp chư Phật, được chư Phật trao tay. Đời đời khỏi hẳn ba ác đạo và tám chỗ nạn. Thường được thác sanh trong loài người hay cõi trời...**

Nếu đúng theo giới Bồ tát để thọ trì, tức là Phật tánh chủng tử. Mà đã thọ trì giới Bồ tát tất nhiên là thọ trì Phật tánh chủng tử, thì nhứt định sẽ gặp chư Phật. Mà đã gặp chư Phật

rồi, thì được chư Phật thọ ký, được chư Phật tiếp dẫn, nên gọi là chư Phật trao tay, “trao tay” tức là đưa tay. Đưa tay có hai thứ: một là tiếp dẫn, hai là thọ ký. Đòi đòi khỏi hẳn ba ác đạo và tám chỗ nạn, không còn bị sa đọa nữa. Thường được thác sanh trong loài người hay cõi trời, dần dần được thành Phật.

**Nay Ta ở dưới cội Bồ đề này, lược giảng giới pháp của chư Phật. Tất cả Đại chúng phải nhứt tâm học Ba La Đề Mộc Xoa hoan hỷ phụng hành.**

**Như phần “Khuyến học” trong phẩm “Vô Tướng Thiên Vương” đều mỗi mỗi được giảng rõ...**

Đây là đức Phật kết lại: hiện tại đây, đức Phật ở dưới cội Bồ đề, lược giảng giới pháp của chư Phật, đây chỉ là lược giảng thôi. Nói rộng thì còn những phẩm khác, cho nên ở dưới mới giới thiệu phần “Khuyến Học” trong phẩm “Vô Tướng Thiên Vương” mỗi mỗi đều giảng rõ. Ba La Đề Mộc Xoa, tất nhiên là chỉ cho giới luật đây, giới Bồ tát này vậy.

**Lúc đó chư Học sĩ trong cõi Tam thiên ngôi lóng nghe đức Phật tụng giới, hết lòng kính trọng, hoan hỷ thọ trì...**

Chư Học sĩ là chư Bồ tát. Phật là bậc Vô học, Bồ tát là bậc còn phải học, học tới chừng nào thành Phật mới thôi.

Tất cả chư vị Bồ tát trong Tam thiên, Đại thiên thế giới hiện đang có mặt trong pháp hội để nghe đức Phật tụng giới Bồ tát này. Tất cả vị Bồ tát đó đều hết lòng kính trọng hoan hỷ thọ trì.

Do đó nên khi Bồ tát lễ Phật đó, có xướng lên rằng: “Phạm Võng Hội Thượng Tam Thiên học sĩ”.

**Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng xong về mười vô tận pháp giới trong phẩm “Tâm Địa Pháp Môn” của đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng lúc trước: nghìn trăm ức đức Phật Thích Ca cũng đồng giảng như vậy...**

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Diêm Phù Đề này, giảng phẩm “Tâm Địa Pháp Môn” của Đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng thì nghìn trăm ức đức Thích Ca phân thân trong Tam thiên Đại thiên thế giới này cũng đồng giảng như vậy.

**Từ cung Đại Tự Tại Thiên Vương đến dưới cây Bồ đề này thuyết pháp cả mười chỗ, vì tất cả Bồ tát và vô số Đại chúng thọ trì đọc tụng giảng thuyết pháp nghĩa cũng như vậy... Nghìn trăm ức thế giới. Liên Hoa Đài Tạng thế giới..., vì trần thế giới, chư Phật cũng giảng thuyết như vậy...**

Câu này chỉ rõ bất luận chư Phật nào cũng đều giảng thuyết nơi giới Bồ tát như thế cả. Do đó ta thấy giới Bồ tát khác với giới Thanh Văn. Giới Thanh Văn (giới Sa di, Tỳ kheo) tùy theo các trường hợp mà thuyết giới.

Đức Phật ra đời không có kiết giới Tỳ kheo là đức Phật Ca Diếp. Còn chế giới Tỳ kheo là do đức Thích Ca. Đó là tùy nơi trường hợp, trình độ của người xuất gia ở mỗi thời, mỗi chỗ khác nhau giữa giới Thanh văn và Bồ tát, Tỳ kheo có khi có ở cõi này, không có ở cõi khác và có đức Phật ra đời chế giới, có đức Phật ra đời không chế giới.

Giới Bồ tát thì không luận là quá khứ hiện tại vị lai, thập phương chư Phật bất luận cõi nào, không luận Phật nào, đồng như vậy hết.

**Tất cả Phật Tâm tạng, Địa tạng, Giới tạng, Vô lượng hạnh nguyện tạng, Nhơn quả Phật tánh Thường trụ tạng. Tất cả chư Phật giảng thuyết vô lượng Pháp tạng như thế đã xong... (đã có chú thích ở trên rồi)**

Tâm tạng là Thập Phát Thú tâm, Thập Trường Dưỡng tâm, Thập Kim Cang tâm.

Địa tạng chỉ cho Thập địa; Giới tạng chỉ cho 10 giới trọng và 48 giới khinh.



Vô lượng hạnh nguyện tạng là lục độ vạn hạnh của Đại thừa. Nhơn quả Phật tánh thường trụ, Phật tánh tức là thật tướng, là Nhơn của Đại thừa và cũng là quả của Đại thừa.

**Hết thấy chúng sanh trong nghìn trăm ức thế giới đều thọ trì, hoan hỷ phụng hành. Còn về phần giảng rộng như hành tướng của Tâm Địa thời như trong phẩm “Phật Hoa Quang Vương Thất Hạnh” có nói.**

Đây là nhà kiết tập nói: những hành tướng của Tâm Địa được giảng rộng nơi phẩm “Phật Hoa Quang Vương Thất Hạnh” vậy thì phẩm này nói về hành tướng của Tâm Địa (Tướng Tâm Địa là giới luật của Bồ tát) nơi đây chỉ nói lược mà thôi.

## **IX. KỆ KHEN TẶNG PHÁP GIỚI**

**“Người trí nhiều định huệ,**

**Thọ trì được pháp này.**

**Lúc còn chưa thành Phật,**

**Được hưởng năm điều lợi...”**

Nói những người thọ trì ở nơi giới pháp Bồ tát này thì lúc chưa thành Phật, được hưởng năm điều lợi.

**“Một là thập phương Phật.**

**Thương tưởng hộ trì luôn...”**

Được chư Phật hộ niệm. Mà được chư Phật hộ niệm thì nguyện lực của Phật luôn luôn hộ trì, giữ gìn người đó luôn ở trong đường lành, tăng trưởng thiện căn, cho các chướng ác không còn khởi, chúng tử Phật luôn tăng trưởng.

**“Hai là lúc lâm chung,**

**Chánh niệm lòng vui vẻ...!”**

Người thọ trì chánh giới thì lúc lâm chung bao giờ cũng được chánh niệm, thường thường người sắp chết tâm tán loạn. Những tạp niệm nổi lên dữ dội trong tâm làm loạn. Còn người thọ giới Bồ tát thì chánh niệm chỉ có nghĩ đến Phật, chánh pháp chớ không có niệm khác xen vô, gọi đó là chánh niệm. Trong lòng vui vẻ, hân hoan.

Người sắp chết biết khổ nên ăn năn hối tiếc, sợ sệt. Còn người thọ trì giới pháp này thì trong lòng hoan hỷ. Đó là điều lợi ích thứ hai.

**“Ba là sanh nơi nào,  
Cùng Bồ tát làm bạn...”**

Bất luận là sanh nơi nào, chỗ nào, cõi nào thì luôn được các vị Bồ tát làm bạn. Như vậy là bảo đảm để đi đến con đường thành Phật.

**“Bốn là những công đức,  
Giới độ đều thành tựu...  
Năm, đời này, đời sau  
Đủ giới và phước huệ”**

Giới đức đầy đủ, nơi phước đức đầy đủ mà nơi huệ cũng đầy đủ nữa. Như thế dần dần sẽ toàn vẹn nơi quả Phật. Phước huệ viên mãn là phước trí trang nghiêm. Huệ tức là trí mà nếu phước trí viên mãn trang nghiêm, đó là thành tựu quả Phật. Do nơi đâu? Do nơi giới đầy đủ, nếu giới không đầy đủ thì có xen tội vào. Nếu phước được viên mãn mà giới không toàn vẹn thì định không do đâu mà có, định không có thì huệ làm sao viên mãn được? Nên giới phải đầy đủ trước, rồi phước huệ mới đầy đủ sau, vì giới là nền tảng.

**“Đây là hạnh của Phật;  
Người trí khéo nghĩ lường...”**

Nghĩa là phải tư duy nơi giới này.

**“Kẻ trước tướng chấp ngã (phàm phu)**

**Không thể được pháp này...”**

Phàm phu luôn chấp ngã (kẻ trước tướng chấp ngã), chấp thân, chấp cảnh, cho nên đối với pháp này khó được.

**“Người trầm không trệ tịch (Tiểu thừa)**

**Cũng không gieo giống được...”**

Hàng Tiểu thừa không chấp tướng, chấp ngã như phàm phu nhưng lại say mê nơi cảnh giới Niết bàn Không tịch. Sự say mê đó, gọi là **trầm Không trệ tịch**, cũng không thể gieo giống Bồ đề vô thượng này được.

**“Muốn nầy mầm Bồ đề,**

**Trí huệ soi thế gian.**

**Phải nên quan sát kỹ,**

**Thiệt tướng của các pháp.**

**Không sanh cũng không diệt,**

**Không thường lại không đoạn.**

**Chẳng đồng cũng chẳng khác,**

**Chẳng đến cũng chẳng đi...”**

Nói về lý tánh của giới. Lý tánh của giới là thiệt tướng của các pháp. Như vậy người muốn nầy mầm Bồ đề, tức là chủng tử Phật tánh, để có trí huệ Phật soi sáng thế gian, thì cần phải quan sát kỹ thiệt tướng của các pháp, tức là lý tánh của giới.

Về tánh thể thì chỉ có một mà thôi, tâm và pháp cùng một tánh thể đó. Tánh thể không sanh, không diệt, gọi là bất sanh, bất diệt, không thường cũng không đoạn. Đó là bản tánh chơn thiệt không hề thay đổi. Dù không sanh diệt nhưng nó tùy

duyên. Hễ duyên phàm thì hiện phàm, duyên Thánh thì hiện Thánh. Cũng như duyên chúng sanh thì thành chúng sanh, duyên Phật thì thành Phật. Theo duyên mà thành, cho nên không phải thường. Thường là không thay đổi, rồi cũng theo duyên mà thành Phật, như vậy không có sự dứt hẳn, gọi là không đoạn. Chẳng đồng cũng chẳng khác, chẳng khác là sao? Nghĩa là Phật cũng đó, mà chúng sanh cũng đó. Thanh tịnh cũng vậy, nhiễm ô cũng vậy, nên gọi là chẳng khác. Tuy nhiên không phải là không có nhiễm ô và thanh tịnh, không phải không có phàm, Thánh, không phải không có Phật và chúng sanh, nên gọi rằng chẳng đồng.

**“Chẳng đến cũng chẳng đi”**

Nếu có đến có đi, tức là có sanh diệt. Bây giờ không sanh diệt, tất nhiên không có đến, có đi. Cùng khắp tất cả chỗ, không có chỗ nào là không khắp. Nếu có đến thì đến nơi này, không đến đằng kia, đây tất cả đều khắp, nên không có đến có đi.

**“Trong thể nhứt tâm ấy,  
Siêng tu tập trang nghiêm...”**

Thể nhứt tâm ấy là nơi thể, cái thể tánh chơn thiệt của tất cả pháp. Thể tánh không sanh, không diệt, không thường, không đoạn, không đồng, không khác, không đến, không đi, ở nơi thể tánh đó phải siêng tu tập cho trang nghiêm hiển lộ ra, cho tỏ ngộ, cho chứng đắc. Đây phải siêng tu tập lắm mới thành, mới thể hiện được tánh.

**“Công hạnh của Bồ tát,  
Phải tuần tự học tập...”**

Công hạnh của Bồ tát, nghĩa là Bồ tát hạnh, tuần tự học tập là phải học tập và tu từng bậc, từ thấp đến cao.

**“Nơi học, nơi vô học,**

**Chớ móng tưởng phân biệt...”**

Bởi vì nơi thể tánh chơn thiệt, không có sự phân biệt học với vô học. Học là bậc của chư vị Bồ tát. Vô học là Phật. Chúng sanh và Phật còn đồng, hưởng gì Bồ tát và Phật ư?

**“Đây là Đệ nhứt đạo,**

**Cũng gọi là pháp Đại thừa...”**

Như trên mới gọi là Đệ nhứt đạo. Cũng gọi là Đệ nhứt nghĩa, cũng gọi rằng chí đạo, mà chính là pháp Đại thừa đó vậy. Do đó chúng ta hiểu pháp Đại thừa như thế nào? Không phải mình thọ giới Bồ tát hay mình tụng kinh Đại thừa mà gọi là tu Đại thừa. Đó chỉ là hình thức thôi, còn thực chất của Đại thừa là phải làm thế nào để thể hiện được thực chất của Đại thừa, tức là phải làm sao để hiện được thực tánh của các pháp như trên đã nói.

**“Hết thấy lỗi hý luận,**

**Đều từ đây dứt sạch...”**

Nếu thể hiện được thiệt tánh như trên thì không có lỗi gì nữa.

**“Vô thượng trí của Phật.**

**Đều do đây mà thành...”**

Tất nhiên cái quả Phật cũng do nơi đây mà thành.

**“Vì thế nên Phật tử,**

**Phải phát tâm đồng mãnh.**

**Nghiêm trì giới của Phật,**

**Tròn sạch như minh châu..”.**

Phải nghiêm trì cho hoàn toàn, cho thiệt trong cũng như là minh châu Như ý, không có tỳ vết như bợn gì cả.

**“Chư Bồ tát quá khứ,**

**Đã từng học giới này.  
Hàng vị lai sẽ học,  
Người hiện tại đương học.  
Đây là đường Phật đi.  
Là chỗ Phật khen ngợi...”**

Chư Phật cũng đi trên con đường này, bây giờ ta muốn thành Phật cũng phải đi trên con đường này. Mà chỗ Phật khen ngợi thì ta phải trân trọng để thực hành.

Việc mà người đời khen ngợi, những người khác khen ngợi, nó không thiết đáng khen ngợi bằng Phật khen ngợi, bởi vì Phật đã là bậc toàn trí. Mà một khi bậc toàn trí khen ngợi thì không có gì sai.

Có một điều là hàng phàm phu không được pháp này, hàng Nhị thừa cũng không thể gieo giống nơi giới pháp Bồ tát này được. Chúng ta có duyên lành để gặp và thọ giới pháp, dù chưa phải Thánh nhưng cũng đã có thiện căn Đại thừa từ nhiều đời, nên mới khiến cho đủ như duyên ấy. Do đó chúng ta phải trân trọng giữ gìn giới pháp cho thanh tịnh trang nghiêm. Như thế quyết định sẽ được Phật chủng ngày càng tăng trưởng và vững vàng trên con đường thành Phật. Theo trong Kinh *Quán Vô Lượng Thọ* Phật có nói “Cửu Phẩm Vãng Sanh”. Nếu trong một ngày đêm thanh tịnh trì Bát Quan Trai giới, công đức đó cũng được hồi hướng vãng sanh thế giới Cực Lạc, huống gì đối với giới Bồ tát này mà thiết thanh tịnh trì giới thì vãng sanh Cực Lạc thế giới không phải ở nơi phàm dưới.

Trong Đại chúng đều nên tinh tấn, học tập, tụng đi tụng lại cho tinh tường. Bởi vì nhớ mới có thể trì, mà nhớ và trì đó, phải đúng theo phần hiểu biết.

Do đó cho nên quý vị có rảnh thời giờ ra thì nên lật quyển giới pháp ra để xem đi xem lại. Mỗi lần xem một giới, hai

giới, suy gẫm cho tường. Tra trước tìm sau, có điều gì không rõ thì ghi, để rồi hỏi han những vị biết nghĩa thông suốt hơn mình mà cầu hỏi. Như thế, ngay nơi quyền giới Bồ tát này cũng đủ thành Phật.

Ngày xưa có một ông thiện tín, sanh nhằm thời kỳ không có Phật pháp lưu truyền, mà muốn học, tìm lấy một vài pháp môn của Phật, không biết tìm nơi đâu?

Khi nghe chư Thiên nói có một chỗ cách xa phải qua bao nhiêu con đường hiểm trở đến nơi xứ đó, thì có một người đầy tớ gái có nhớ được một vài câu kệ của Phật. Ông ta lặn lội nhiều ngày, chịu biết bao nhiêu gian nguy để đến đó gặp người con gái cầu chỉ dạy cho ông. Người tớ gái đó nói rằng chỉ nhớ được có hai câu mà thôi:

**“Chư ác mạc tác,**

**Chúng thiện phụng hành”.**

(Những điều ác đừng làm, những điều lành thì cố gắng làm). Chỉ có hai câu đó thôi, mà ngài thiện tín đó phải trải qua bao nhiêu thời gian, chịu bao nguy hiểm để hạ mình xuống cầu người tớ gái dạy. Sau khi cầu được rồi, ông liền tìm chỗ yên lặng ở gần đó để tư duy quán xét. Tư duy quán xét tức là tu tịnh, trong thời gian thoạt nhiên tỏ ngộ cái ý nghĩa sâu xa của hai câu đó, rồi phát thần thông. Lúc trở về dùng thần thông đi về, khỏi phải cực nhọc. Thế mới biết chỉ có hai câu đó, mà ông thiện tín đã thành tựu ngũ thông.

Chúng ta bây giờ kinh sách quá nhiều nên coi thường, thiệt ra trong Phật pháp, chỉ cần một bài kệ hay một câu nào thiết yếu, rồi nắm lấy đó mà tư duy quán xét tu trì thì quyết định sẽ thành Phật. Như thế gọi là được một, là được tất cả.

Điều hệ trọng nhứt, là ở nơi người học cần phải có sự tư duy, tu tập cho thiết thực, càng ngày càng sâu vào. Sự đi sâu

vào, nó quan trọng hơn là rộng, mà cạn cợt thì bị tản mát, cái rộng đó không có lợi ích chi cho bằng ít, mà sâu thấu đáo. Hễ khi sâu mà thấu đáo rồi thì được một tức là được tất cả.

Sự học rộng nghe nhiều cũng cần, nhưng nó chỉ là sự trợ giúp thôi. Sự thực hành tu tâm đó mới quan trọng, vì thấu đáo pháp môn để thực hành. Hưởng thọ là do nơi sự sâu và thấu đáo. Tư duy là nơi đó mà suy gẫm. Suy gẫm để trụ tâm nơi đó cho tinh tường.

Thí như một câu “Phát Bồ đề tâm”, bốn tiếng đó mình cứ tư duy phát Bồ đề tâm, nghĩa nó như thế nào? Và lúc phát Bồ đề tâm như thế nào? Ta cứ chiêm nghiệm như thế, cho đến khi nào sự tư duy của mình tập trung vào rồi, đi sâu vào đó rồi thì chẳng những là phát Bồ đề tâm mà thấy cả Bồ đề tâm. Bồ đề tâm là chi? Là MINH TÂM KIẾN TÁNH.

Thể hiện được Bồ đề tâm, vận dụng được, tức là ta đã chứng Bồ đề rồi. Mà chứng được Bồ đề tâm tức là thành Phật vậy.

*(Giảng trong mùa kiết hạ an cư năm Đinh Mùi - 1967 tại chùa Vạn Đức).*

\*





# PHÁP HOA CƯƠNG YẾU

Hòa thượng Thích Trí Tịnh

## LỜI NÓI ĐẦU

Kinh Pháp Hoa là một bộ kinh lớn mà từ xưa đến nay, sau khi đức Phật diệt độ, được lưu thông nhưt và được nhiều người tụng trì nhưt trong các bộ kinh lớn; phải chăng do kinh này hiệp cơ duyên với chúng sanh đời ngũ trược, hay là nhờ oai thần ủng hộ truyền trì của quý ngài Phổ Hiền, Dược Vương cùng vô lượng hằng sa Bồ tát; hay cũng vì tất cả quần sanh đều sẵn đủ tự tâm Phật tri kiến.

Cổ đức đua nhau giải thích kinh này rất nhiều, nào Huyền Nghĩa, Văn Cú, nào Thông Nghĩa, Cú Giải v.v... Bộ thời hiển lý bộ thời giải văn, làm cho kinh *Pháp Hoa* đã chói sáng càng thêm chói sáng, làm cho tiếng Pháp Hoa đã vang dội càng thêm vang dội. Người tụng được lợi, người trì được nghiệm, hoặc hiện tiền thâm nhập tam muội, hay lai thế siêu thăng thánh địa, hoặc tiêu tai, hoặc giải nạn v.v... đó là diệu lực bất tư nghì của kinh, mà cũng là công cổ võ của Cổ đức.

Tụng trì kinh *Pháp Hoa* có hai môn: 1- Sự tụng trì; 2- Lý tụng trì.

Nếu chỉ một mặt về sự tụng trì, nghĩa là chỉ biết đọc tụng kinh văn, hoặc mặt chữ hoặc thuộc lòng, thời dầu phước đức vô lượng, nhưng đối với người kiêm cả sự lý tụng trì, nghĩa là chẳng những chuyên đọc tụng kinh văn mà cũng rõ thấu chỉ thú của kinh, thời nghìn muôn phần không kịp một, bởi vì Phật tri kiến mà được khai thị, được ngộ nhập là ở nơi lý tụng trì vậy, do đây nên người tụng trì muốn công đức viên mãn phải nghiên tâm chỉ thú của kinh.

Trọn bộ kinh *Pháp Hoa* bảy quyển, hai mươi tám phẩm trên sáu vạn lời, nghĩa lý đã sâu, văn tự lại quá rộng. Nghĩa lý đã sâu thời khó hội khó lãnh, văn tự rộng tất khó tóm phăng. Tóm phăng đã không được tất không thể nắm lấy cương lĩnh của toàn kinh. Đã không được cương lĩnh thời có thể nào lãnh hội lý thú, lại thêm trong kinh *Pháp Hoa* này lý thú rất sâu, rất nhiệm. Đọc tụng kinh *Pháp Hoa* mà không lãnh được lý thú, thời huệ giải không do đâu phát sanh, đại thiện công đức không từ đâu thành tựu, chỉ được phần phước lành hữu lậu cùng là viển non Phật chủng mà thôi.

Tôi từ lâu thường trì tụng *Pháp Hoa*, mãi gian lao vì văn rộng nghĩa sâu, đối với kinh văn chưa có chút phần gì đáng gọi là lãnh hội. Tự mình đã vậy, tất lại có nhiều người cũng thế, hoặc hiện tại, hoặc tương lai. Nghĩ mình, lo người, non đó mới sưu đông tâm tây, phóng theo các bản chú sớ của Cổ đức, gắng gổ chép quyển *Cương Yếu* này lược chỉ cương lĩnh của kinh văn, tóm bài yếu chỉ của phẩm mục. Ngõ hầu non đây làm trợ duyên, người trì tụng *Pháp Hoa* tự phát trí huệ lãnh hội lý mầu đạt Phật tri kiến, thành tựu đại thiện công đức.

Trong bộ *Cương Yếu* này về phần phán thuộc phẩm mục cùng lược giải yếu chỉ là nương theo của ngài Hải Ấn Đại Sư,

đem toàn kinh này phân hiệp bốn phần KHAI, THI, NGỘ, NHẬP PHẬT TRI KIẾN.

Như đoạn trên đã nói quyền Cương Yếu này lược chỉ cương lĩnh của kinh văn, tóm bày yếu chỉ của phẩm mục, thời đủ biết nội dung đại thể của quyền này rồi.

Trong kinh nói: “Kinh *Pháp Hoa* này rất sâu xa thâm kín”. Lại nói: “Trí huệ của chư Phật rất sâu, vô lượng môn trí huệ đó khó hiểu khó vào”. Rất sâu thâm kín, đó là yếu chỉ của kinh này rất sâu xa, phần nhiều ở ngoài lời nói, chẳng phải chỉ dùng tai mắt mà có thể rõ biết được. Người tụng trì muốn thâm nhập lý kinh, cần phải lóng thân lặng lòng quan sát kinh văn, rộng thấu thâm ý của đức Phật. Quyền *Cương Yếu* này là một tài liệu giúp vào công việc đây vậy.

Trông mong người đọc, lãnh ý quên lời, nếu có sơ sót nhờ các bậc cao minh bổ đính.

*Viết tại Liên Hải Phật Học Đường*

*Phật lịch 2492 (1948)*

*Ngày an cư Năm Mậu Tý*

**Hân Tịnh Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh**

\*



## CHƯƠNG THỨ NHẤT: TỔNG TỰ

Ba mươi tuổi thành đạo, tám mươi tuổi nhập Niết Bàn, ngót năm mươi năm, đức Phật trải qua hơn ba trăm hội, từ hội thứ nhất nơi Bồ đề đạo tràng, đến hội rốt sau nơi rừng Ta La, thuận theo cơ sai khác của chúng sanh mà nói pháp giáo hóa, tất cả đều chỉ mục đích lợi sanh, một mục đích tối cao thượng. Còn gì cao thượng bằng khẩn khấn một lòng cố làm sao cho tất cả chúng đều được dứt hẳn sanh tử khổ, thành tựu quả vị viên mãn giác hoàn toàn giải thoát an vui như đức Phật đã được.

Trong kinh đức Phật tự nói: “Ta hằng nghĩ thế này: làm sao cho chúng sanh đặng vào huệ vô thượng, mau thành tựu Phật thân”. Đức Phật lại nói: “Ta trước lập thế rằng: muốn cho tất cả chúng đồng như ta không khác”. Lại nói: “Bốn nguyện của các Phật, khắp muốn cho chúng sanh cũng đồng đặng Phật đạo, như của Phật tu hành”.

Cao quý thay! Tôn trọng thay! Nếu không phải một đấng đã cứu cánh lòng đại từ bi, đại bình đẳng, tất không thể có bốn nguyện cao thượng ấy.

Vì bốn nguyện Vô thượng bình đẳng, sau khi chúng quả đại bồ đề, đức Phật liền diễn nói kinh *Hoa Nghiêm* phô bày pháp giới duyên khởi viên dung quả hải, đó là thiết giáo (Phật thừa chơn thật). Trong hội Hoa Nghiêm, vô lượng chúng, hạn căn tánh viên thừa, siêu nhập Phật huệ, ngoài ra hạng người căn tánh chậm lụt hẹp nhỏ, chướng sâu, nghiệp nặng, khó lòng đảm nhận được giáo lý tối thâm tối thượng, đến như các hàng tiểu thánh đại đức Thanh văn, chính thân dự đại hội mà còn như đui như điếc, huống nữa là phạm phu.

Muốn độ hạng người này, đức Phật phải hạ thấp mình chịu theo chúng chỉ dạy lần lần, nào nói pháp tứ đế, nào nói pháp nhơn duyên, hoặc tướng, hoặc tánh, lúc ức, lúc dương,

khi hiển có, lúc hiển không, song hiển v.v... dắt diu chúng từ thấp lần lên cao, từ cạn lần vào sâu đó là quyền giáo (tam thừa phương tiện).

Trong kinh đức Phật nói: “Nếu ta gặp chúng sanh, đều đem Phật đạo dạy, kẻ vô trí rồi lầm, mê tối không lãnh thọ”. Lại nói: “Ta biết các chúng sanh, chưa từng tu cội lành, ham miết theo ngũ dục... Chấp chặt pháp hư vọng, bền giữ không bỏ được, ngã mạn tự khoe cao, đua dối tâm không thiệt... Người như thế khó độ, cho nên, Xá Lợi Phất! Ta bày chúc phương tiện, nói đạo pháp dứt khổ, chỉ cho kia Niết bàn, ta dầu nói Niết bàn, cũng chẳng phải thiệt diệt... Ta có sức phương tiện chỉ bày pháp tam thừa...”

Trong các đoạn kinh văn dẫn trên đây, trước nói duyên do ản thiệt, kế bày căn tánh chúng sanh, cuối sau chỉ dầu mới có quyền thừa. Xem đây thấy rõ quyền giáo không phải chính bản ý của đức Phật, mà là những phương tiện bất đắc dĩ phải tạm dùng để dụ dẫn chúng sanh thôi. Quyền giáo là gì? Là những giáo lý ngoài việc chỉ thẳng đến Phật huệ, ngay về Phật tri kiến, chúng vào cảnh giới cứu cánh Phật quả, mà đức Phật chịu theo căn tánh chúng sanh tạm thời dùng để diu dắt uốn nắn. Diu dắt hạng căn tánh thấp hèn lần lên bậc cao thẳng, uốn nắn cơ quyền thừa trở thành pháp khí viên thiệt. Vì thế nên sau hội Hoa Nghiêm, từ vườn Lộc nói pháp tứ đế độ bọn ông Kiều Trần Như nhẩn lại, trên bốn mươi năm, là thời kỳ uốn nắn dắt diu của đức Phật.

Như trên đã nói bốn nguyện của đức Phật chỉ một mục đích duy nhất là muốn cho tất cả chúng đều được như Phật, đều đồng với Phật. Chúng sanh được đồng với Phật tức là đồng một trí huệ cứu cánh hoàn toàn của Phật. Muốn chúng sanh đủ trí huệ đó thời phải dạy ngay con đường chơn thật cho chúng sanh vào, đức Phật đã sẵn sàng, chỉ còn chờ chúng sanh có đủ tư cách, đủ năng lực đi vào con đường ấy.

Nhờ trải qua một thời gian dài dặt dẹo uốn nắn, một số lớn trong chúng hiện tại, dưới sự dạy dỗ của đức Phật, đã có đủ tư cách cùng năng lực đi vào con đường chơn thật, kham lãnh giáo pháp thẳng đến trí huệ cứu cánh, đức Phật liền nói kinh *Pháp Hoa*.

Trong kinh đức Phật nói: “Các đức Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhơn duyên mà hiện ra trong đời. Xá Lợi Phất! Thế nào gọi là các đức Phật Thế Tôn hiện ra trong đời chỉ vì một đại sự nhơn duyên ư?”

Các đức Phật Thế Tôn vì muốn cho chúng sanh khai hiển Phật tri kiến để được thanh tịnh mà hiện ra trong đời. Vì muốn chỉ thị Phật tri kiến cho chúng sanh mà hiện ra trong đời. Vì muốn làm cho chúng sanh tỏ ngộ Phật tri kiến mà hiện ra trong đời. Vì muốn làm cho chúng sanh chứng nhập Phật tri kiến mà hiện ra trong đời. Xá Lợi Phất! Đó là các đức Phật Thế Tôn vì một đại sự nhơn duyên mà hiện ra trong đời vậy”.

Xem lời đức Phật dạy, thời rõ ràng tất cả các đức Phật Thế Tôn ra đời chỉ vì muốn cho chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật tri kiến. Chúng sanh được khai thị ngộ nhập Phật tri kiến, lòng của đức Phật mới hả, nguyện của đức Phật mới hoàn toàn, đại sự nhơn duyên ra đời của đức Phật mới xong. Lòng hả, nguyện hoàn toàn, duyên xong, chính là hoàn xong khi mãn hội Pháp Hoa vậy. Nhơn đây cũng có thể dự rõ được một vài phần đại ý nội dung của kinh *Pháp Hoa*, tức là không ngoài ý thú:

Khai bày Phật tri kiến.

Chỉ thị Phật tri kiến.

Tỏ ngộ Phật tri kiến.

Chứng nhập Phật tri kiến.

Chỉ có nhứt chơn Phật thừa không hai cũng không ba.





## CHƯƠNG THỨ HAI: ĐỀ KINH

Phàm đầu đề của kinh tức là cương lĩnh của toàn bộ, như giềng lưới, như bầu áo, nắm cương lĩnh mà phăng, thời chi tiết lần lần tuần tự theo về.

Ta quen gọi “Pháp Hoa” đó là gọi tắt của bốn chữ “Diệu Pháp Liên Hoa”. Diệu Pháp thuộc về pháp, Liên Hoa là dụ, dùng “dụ” để hiển “pháp”.

Diệu Pháp là gì? Chính là Phật tri kiến đã nói ở đoạn trên vậy. Phật tri kiến chính là bốn giác diệu tâm. Tâm vi diệu linh giác này là bốn tánh chơn thường bình đẳng của tất cả Thánh, phàm, của cả pháp giới, Phật cùng chúng sanh bốn lai vẫn đồng một tâm thể vẫn không hai tánh. Thể tánh dầu đồng, nhưng mê thể tánh đó là chúng sanh, còn ngộ thể tánh đó là Phật. Ngộ thời thuận tánh, thuận tánh thời hưởng dụng thường lạc, ngã, tịnh bốn đức chơn thường an vui, vì tánh là thể chơn thật viên thường vậy. Mê thời xa tánh theo trần, theo trần thời sanh tử luân hồi đảo điên khổ sở, vì trần lao là cảnh hư vọng vô thường vậy.

Vì lòng đại bi thương xót quần sanh, đức Phật ra đời dùng đủ cách phương tiện để điều luyện ngự phục tâm mê vọng của quần sanh, để đưa chúng sanh đến trí huệ cứu cánh của đức Phật, đó là mục đích duy nhất của đức Phật ra đời.

Trong kinh đức Phật nói: “Ta lập phương tiện đó khiến đặng vào Phật huệ. Sở dĩ Phật ra đời vì nói huệ vậy, nay chính đã phải thời”.

Đức Phật lại nói: “Chưa từng nói các ông sẽ đặng thành Phật đạo, sở dĩ chưa từng nói vì chưa phải lúc nói, nay chính đã phải lúc quyết định nói đại thừa”.

Phải lúc, phải thời, tức là thời kỳ nói kinh *Pháp Hoa*. Đại thừa đây tức là Phật huệ, là Phật tri kiến, là tâm thể của tất cả chúng sanh, là chơn tánh của Pháp giới, cũng gọi là diệu pháp. Vì diệu pháp này là tự tâm sẵn đủ của chúng sanh, nên đức Phật nói kinh này để làm cho chúng sanh được khai thị ngộ nhập tự tâm ấy mà đỗi phàm thành Thánh, như trong kinh đức Phật nói: “Nếu có người nào nghe pháp, không một ai chẳng thành Phật”. Pháp nghĩa là dường ấy há lại không phải “Diệu” ư!

Bực đại căn nghe “Diệu pháp” liền ngộ tự tâm, liễu giải tự tánh Pháp hoa tam muội. Những hàng trung hạ không thể lãnh hội ngay “Diệu pháp” nên mượn “Liên Hoa” để tỉ dụ diệu lý thanh tịnh, hơn dụ mà trực nhận bản tâm diệu pháp, chính cũng là ý tam căn kiêm lợi vậy.

Hoa sen đại khái có hai phần: cánh nhị là hoa thuộc hơn, gương hột là quả. Có cánh nhị là có gương hột, đó là lý hơn cùng quả đồng thời, quả không ngoài hơn, hơn không ngoài quả, quả tức là hơn, hơn tức là quả, nên gọi Liên Hoa. Tự tánh bản tâm cũng thế, trong khi tu hơn vẫn tự viên mãn cụ túc, nên gọi là giác tâm bản cụ. Như thế thời tất cả chúng sanh hiện tiền đã tự đủ tự tánh quả giác như Phật không khác, nhưng ngặt vì mê bỏ không tự nhận, nên không tự thọ dụng được, vì đó mà đức Phật phải ra đời, kinh nói: “Vì muốn cho chúng sanh khai Phật tri kiến để được thanh tịnh nên Phật Thế Tôn hiện ra nơi đời”. Phật tri kiến chính là tự tánh quả giác sẵn có của chúng sanh vậy.

Lại hoa để dụ quyền giáo, quả dùng chỉ chơn thừa có ba nghĩa:

1. Hàng trung hạ căn tánh ám độn không kham lãnh chơn thừa, nên phải quyền lập tam thừa để dụ dẫn. Như trong kinh nói: “Chúng sanh căn tánh độn làm thế nào đặng độ. Ta nay đã đắc đạo nên vì nói 'tam thừa'”. Lập tam thừa chính là phương tiện để đem về nhất thừa, đó là vì chơn thừa mà lập

quyền giáo vậy. Trong kinh nói: “Dầu nói trăm ngàn ức vô số các pháp môn, kỳ thật vì nhất thừa”. Như hoa sen, vì gương hột mà sanh hoa vậy.

2. Dụ dẫn đã lâu, căn tánh đã thuần, liền chỉ ngay quyền giáo phương tiện trước kia đều là nhứt thừa chơn thật. Trong kinh nói: “Hạnh của quý ngài tu là đạo của Bồ tát, đều sẽ đặng thành Phật”. Đó là điểm thị hạnh tu quyền giáo chính là thành Phật chơn thừa. Kinh lại nói: “Các ngài nên biết, đây là con ta”. Gả cùng tử làm thuê chính thật đích tử của Phật. Đó là khai bày quyền giáo hiển lộ thật thừa. Như hoa sen, hoa nở đặng thấy gương hột.

3. Chúng đã thành đại căn, Phật liền phé bỏ danh tự quyền giáo giả nói trước, chỉ nói thẳng giáo lý Nhứt thừa chơn thật vô thượng đạo, để chúng được tự trụ. Như kinh nói: “Chính lúc bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng, khắp mười phương cõi Phật, chỉ có một Phật thừa, không hai cũng không ba”. Đó là phé quyền tồn thật. Như hoa sen, cánh nhụy rụng sạch chỉ còn gương hột.

Ba nghĩa trên là ước về căn cơ của chúng mà thi thiết quyền và thật, nếu ước nơi giáo chủ là Phật mà luận, thời hoa dùng lệ đức Phật, thị hiện tích môn còn quả lệ bản môn của đức Phật, tích và bản đây cũng có ba nghĩa:

1. Vì bản thật mà thi thiết quyền tích. Kinh nói: “Ta lúc nhỏ xuất gia chúng đặng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Như hoa sen, vì gương hột mà có hoa sen.

2. Khai bày quyền tích hiển lộ bản thật. Kinh nói: “Thiệt từ khi ta thành Phật đến nay, thọ mạng vô lượng vô số kiếp”. Như hoa nở lộ bày gương hột.

3. Bỏ tích tồn bản. Kinh nói: “Vì độ chúng sanh vậy, hiện có diệt độ không diệt độ, thiệt thời chẳng diệt độ, thường ở tại đây nói pháp”. Như hoa rụng chỉ còn gương hột.

Đủ các nghĩa như trên, cả pháp lẫn dụ, nên gọi là “Diệu Pháp Liên Hoa”. Bực lợi căn nghe đề kinh bốn chữ ấy, liền chứng ngộ diệu lý Pháp hoa tam muội, không cần giải dụ. Hàng độn tánh không thể nghe danh ngộ lý, cần phải suy dụ để hiểu pháp, từ hoa sen thường mà thể ngộ diệu lý Pháp hoa, nên gọi là tam căn kiêm lợi vậy.

\*

## CHƯƠNG THỨ BA:

## TỔNG PHÁN PHẨM MỤC

Như ở trong chương Tổng tự đã lược chỉ nội dung của toàn kinh Pháp Hoa không ngoài lý thú “khai bày, chỉ thị, tỏ ngộ, chứng nhập Phật tri kiến”. Toàn kinh là 28 phẩm, như thế 28 phẩm liệt bày để cùng hiển lộ lý thú “khai, thị, ngộ, nhập” vậy.

Ngài Hải Ấn đại sư y theo ý này mà phán thuộc các phẩm, phẩm “Tự” là tổng hiển sự tướng của pháp giới; *Phương tiện, Thí dụ, Tín giải, Dược thảo, Thọ ký, Hóa thành, Ngũ bá đệ tử, Học vô học nhơn, Pháp sư*, cả bảy chín phẩm là khai Phật tri kiến. Phẩm *Đề Bà Đạt Đa, Trì phẩm, An lạc hạnh, Dũng xuất, Thọ lượng*, năm phẩm là ngộ Phật tri kiến, cùng sáu phẩm kế *Phân biệt, Tùy hỉ, Pháp sư công đức, Thường Bất Khinh, Thần lực, Chúc luy*, là diệu ngộ cùng cực, hiệp chung lại thời về phần ngộ Phật tri kiến có 11 phẩm. Kế đến sáu phẩm *Dược Vương, Diệu Âm, Quán Âm, Đà la ni, Diệu Trang Nghiêm, Phổ Hiền*, là nhập Phật tri kiến. Cuối phẩm *Phổ Hiền* từ câu: “Phật thuyết thị kinh thời” đến câu “tác lễ nhi khứ” là phần lưu thông.

Đã tổng phán toàn kinh trước sau tuần thứ xâu suốt bốn môn “khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến”, người thọ trì kinh nhơn đây dư rõ bốn ý của đức Phật vì một đại sự nhơn duyên mà hiện ra nơi đời, nhơn đây mà khi trì kinh cảnh giới nhưt chơn pháp giới hiện bày trước mặt, nếu người trì kinh chuyên chú tư duy để quán.

\*



## CHƯƠNG THỨ TƯ: ĐẠI Ý MỖI PHẨM

### A. PHẦN TỔNG HIỂN

#### 1. TỰ PHẨM

Trong phẩm này tổng hiển nhứt chơn bình đẳng pháp giới, nhứt chơn pháp giới chính là bốn giác diệu tâm bình đẳng của Thánh phẩm, của tất cả. Tổng hiển nhứt chơn pháp giới để chỉ rõ đức Phật hiện ra nơi đời từ trước đến sau vẫn không ngoài Phổ quang minh trí sát na tế tam muội. Trước chính là hội Hoa Nghiêm nơi Bồ đề đạo tràng, sau là hội Pháp Hoa nơi Linh Thứu sơn này. Trước sau đức Phật vẫn trụ tam muội đó mà chuyển pháp độ sanh. Phổ quang minh trí tức là Phật tri kiến vậy. Chẳng những đức Phật tự trụ mà cũng muốn cho chúng sanh liễu ngộ chơn cảnh thật tướng này, nên trong kinh nói: “Vì muốn cho chúng sanh khi thị ngộ nhập Phật tri kiến mà đức Phật hiện ra trong đời”, liễu ngộ chơn cảnh thật tướng này để làm chánh nhơn chơn thật thành tựu Phật quả.

Trước khi chỉ bày Phật tri kiến, đức Phật nói kinh *Vô Lượng Nghĩa*, rồi tự nhập Vô lượng nghĩa xứ tam muội đó là ý gì? Chính để chỉ rõ rằng tất cả những sự đi đứng nói nín v.v... của đức Phật không phải cảnh giới tâm thức tư lương của phàm tình. Không thể dùng tâm thức tư lương mà suy bàn đến được.

Đức Phật tự trụ trong tam muội mà trời rưới bốn thứ hoa, đất lay sáu diệu. Đó là chỉ rõ sức vô tác diệu lực của đức Phật chân động hang sâu vô minh mê tối của chúng sanh, suốt trừ tất cả sự chướng ngại của bốn đại sáu căn vậy. Tướng lông trắng phóng hào quang chiếu thấu một vạn tám nghìn thế giới ở phương đông đó, chính chỉ rằng: căn, trần, thức động loạn của chúng sanh không rời Phổ quang minh trí. Phương đông là

nguồn động hóa, 18 nghìn thế giới là lệ 6 căn, 6 trần, 6 thức: 18 giới đây không ngoài Phổ quang minh trí, cũng như 18 nghìn thế giới lộ ra trong bạch hào tướng quang của đức Phật. Trong quang minh hiện ra sự tướng của pháp giới, dưới thấu địa ngục A tỳ, trên suốt cõi trời Hữu Đảnh; nào Phật ra đời, thuyết pháp, Niết bàn, nào Bồ tát tu tập đạo hạnh; y báo chánh báo đồng hiện, cả Thánh lẫn phàm chung bày, đó là gì? Là Phật cùng chúng sanh, tất cả đồng một tánh thể không hai không khác. Chỉ khác là đức Phật chứng ngộ nơi đó, an trụ nơi đó, tự tại giải thoát, thuyết pháp độ sanh, còn chúng sanh, mê nơi đó, dầu rằng không bao giờ rời được đó, nhưng không tự nhận mà phải lưu chuyển. Dầu lưu chuyển nhưng vẫn không một phút xa rời nên chính cảnh giới thường ngày trước mắt chúng sanh là thật tướng chân cảnh, nếu có thể phản tỉnh xoay về, liễu ngộ tánh thể thật tướng này thời đó là chánh nhơn thành Phật mà Phật quả không xa vậy. Đức Như Lai hiện ra đời chính là vì việc này đó là đại sự nhơn duyên, đó là nhứt thừa chơn thật. Trên 40 năm thuyết pháp vẫn nói không hết những việc nhứt thời hiện ra trong bạch hào quang minh. Trên 40 năm qua, đức Phật chưa từng hiển phát cảnh giới này là vì căn cơ của chúng sanh chưa thuần thực còn phải đợi thời tiết, đến nay đã phải lúc nên đức Phật hiển phát.

Ngài Di Lặc Bồ tát sanh lòng nghi không quyết, phải hỏi Ngài Văn Thù Bồ tát, đó là ý chỉ rằng cảnh giới thật tướng này không phải tâm thức có thể biết thấu đáo được, phải dùng chơn trí mới tương ưng. Đại trí Văn Thù dẫn việc sau trước của Cổ Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh, chứng thối tướng hôm nay cũng thế, để rõ rằng Phật Phật đạo đồng, xưa cùng nay vẫn một lý thôi.

Do những nghĩa trên nên phẩm Tự này là tổng hiển cảnh tượng một đại sự nhơn duyên vì đó mà đức Phật hiện ra trong đời vậy.



## B. PHẦN KHAI PHẬT TRI KIẾN

### 2. PHƯƠNG TIỆN PHẨM

Vừa rồi, đức Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ tam muội, phóng bạch hào quang minh hiện chơn cảnh diệu minh, ý muốn chúng hội dương cơ hiện tiền mục kích, khế ngộ biểu tượng chơn thuyên, khởi cần phải nói phô bày vẽ.

Nhưng ngặt vì cơ liệt, mắt chậm, trí mờ, không thấu được đạo tịch diệt ly ngôn, chẳng đạt được thể tánh chơn vô niệm, nên đức Phật từ tam muội dậy, lại phải dùng lời nói phô bày, tự tán tự dương, trước khích động sau chỉ bày, mở mối tri kiến, gọi là phương tiện, vì phạm hễ xen vào vòng nói năng tức là phương tiện vậy.

Cứ theo trong lời sơ kinh *Hoa Nghiêm* về phương tiện có hai:

1. Viễn phương tiện.
2. Cận phương tiện.

Suy cùng về trước, các kinh của đức Phật tuyên nói trong hơn 40 năm, đều là phương tiện của kinh *Pháp Hoa*. Kinh nói: “Dầu là chỉ bày các đạo hạnh, nhưng chính thật vì một Phật thừa”, đó là viễn phương tiện. Còn luận về hiện tại, thời tất cả các việc, như nhập định, phóng quang, động địa, khai phát v.v... đều là phương tiện của đương hội. Kinh nói: “Nay đức Phật phóng quang minh để trợ phát nghĩa thật tướng”, đó là cận phương tiện.

Bởi từ trước, vì căn cơ của chúng sanh chưa thuần, nên mục đích hiện ra nơi đời, đức Phật chưa từng thổ lộ.

Hiện nay khí tánh của chúng đã thuần thực, đã phải lúc phải thời, đức Phật cùng tận phô bày chủ ý ra đời, phế ba thừa quyền giáo để hiển nhứt thừa chơn thật. Do đó mà sau khi xuất định, đức Phật cùng cực khen ngợi trí huệ rộng sâu của

Phật, ngoài Phật cùng Phật ra, không một ai có thể suy lường thấu đáo được, để làm cho chúng hội sanh lòng hâm mộ. Kinh nói: “Trí huệ của Phật rất sâu vô lượng, môn trí huệ đó khó hiểu khó vào”. Lại nói: “Tri kiến của Như Lai rất rộng lớn sâu xa, vô lượng cũng vô ngại, thập lực, tứ vô úy, thiền định, giải thoát, tam muội đều sâu xa không ngần mé, trọn nên tất cả pháp vị tăng hữu”. Lại nói: “Pháp ít có thứ nhứt khó hiểu của đức Phật trọn thành. Chỉ có Phật cùng Phật mới có thể rõ thấu cùng tận thiệt tướng của các pháp”.

Sau khi tán thán công đức trí huệ của Phật, đức Phật còn chưa vội chỉ thị thật bày, vì e rằng trong chúng bồng nhiên nghe pháp chơn thừa cao sâu, khó nổi sanh lòng kính hãi. Đức Phật đợi ngài Xá Lợi Phất thay mặt chúng hội ba phen thưa thỉnh, lòng cầu khẩn đã thiết, ý khí đã thuận tòng, rồi sau mới nói. Đức Phật nói những gì? Đức Phật thật trọng dạy rằng: “Mọi người rồi sẽ thành Phật cả”. Kinh nói: “Nếu có loài chúng sanh, gặp các Phật quá khứ, hoặc nghe pháp, bố thí, hoặc trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền trí thấy, tu các món phước huệ, tất cả hạng người đó đều đã thành Phật đạo. Những người xây tháp Phật, người đắp tượng, dựng chùa, cho đến đồng tử chơi vun cát làm tháp Phật, các hạng người như thế đều đã thành Phật đạo... Hoặc người lòng vui mừng ca ngâm khen đức Phật... cho đến đem một bông cúng dường nơi tượng vẽ... Hoặc có người lễ bái, hoặc lại chỉ chấp tay, dơ tay cùng cúi đầu, để cúng dường tượng Phật, lần thấy vô lượng Phật tự thành đạo vô thượng... Nếu có người nghe pháp, không một ai chẳng thành Phật...”

Đức Phật thuật lại ngày trước, khi đức Phật mới thành đạo, trong 21 ngày suy nghĩ phương thế độ đời, độ mọi loài trong đời đều thành Phật như Phật. Dầu bốn nguyện của đức Phật muốn khắp cả chúng sanh thẳng vào Phật huệ, song vì căn trí chúng sanh ám độn, nên đức Phật phải chiêu theo, dùng

phương tiện quyền xảo dẫn dắt dụ dỗ lần lần. Kinh nói: “Lúc ta ngồi đạo tràng, xem cây cùng kinh hành, trong khoảng hăm mốt (21) ngày suy nghĩ việc như vậy: Trí huệ của ta đặng, vì diệu tốt thứ nhứt, chúng sanh các căn độn, bị tham si làm mù, các hạng người thế này, làm sao độ đặng đó... ngày nay ta đặng đạo, cũng nên nói ba thừa. Mười phương chư Phật cũng nói:... Chúng ta cũng đều đặng pháp thứ nhứt rất mau, vì các hạng chúng sanh phân biệt nói ba thừa. Trí hèn ưa pháp nhỏ, chẳng tin mình làm Phật, nên Phật dùng phương tiện, phân biệt nói các quả, dầu lại nói ba thừa chỉ để dạy Bồ tát”. Kinh lại nói: “Ta lại nghĩ như vậy: Ta hiện ra nơi đời ác trược, cũng nên tùy thuận làm theo như lời của các đức Phật ở mười phương vừa nói”.

Như thế ba thừa là quyền giả, gốc từ nhứt thừa mà ra, như kinh nói: “Chư Phật dùng sức phương tiện nơi một Phật thừa, phân biệt nói thành ba”.

Mặc dầu là phương tiện dẫn dụ, nhưng kỳ thật là đưa đến con đường chơn thật đạo, con đường thẳng đến quả vô thượng. Trong kinh nói: “Sở dĩ Phật ra đời vì để nói Phật huệ, nay chính đã đến giờ... Nay ta vui mừng không lo sợ, ở nơi trong chúng hội Bồ tát, bỏ phương tiện trước, chánh trực tuyên bày, chỉ nói đạo giáo nhứt thừa vô thượng... nghìn hai trăm La hán, cũng đều sẽ làm Phật, sanh lòng rất vui mừng tự biết sẽ làm Phật”.

Bắt đầu từ phẩm Phương tiện thứ 2 này đến phẩm Pháp sư thứ 10, chính là khai hiển chơn tri kiến của Như Lai, nên thuộc về phân khai Phật tri kiến.

### 3. THÍ DỤ PHẨM

Nhơn vì trong phẩm phương tiện trước, đức Thế Tôn thẳng một mực thô lộ chơn thừa, mục đích duy nhứt của đức Phật hiện ra nơi đời, ngài Xá Lợi Phất, bực trí huệ thượng thủ

trong chúng hội Thinh văn, nghe pháp chơn thừa liền lãnh hội tỏ ngộ trước nhưt, nghĩ nhớ lại từ trước mê lầm không tự nhận, nên tự trách tự hờn, đến nay mới tin chắc rằng sẽ đặng làm Phật không còn nghi ngờ. Kinh nói: “Nhưng vì chúng con không hiểu rằng Phật phương tiện tùy cơ nghi nói pháp, vừa nghe Phật nói pháp liền tin nhận nghĩ suy chứng quả”.

Thế Tôn! Con từ trước đến nay trọn ngày lẫn đêm thường tự trách mình... Ngày nay mới biết mình thật là Phật tử, từ miệng Phật nói mà sanh ra, từ pháp hóa sanh, đặng phần Phật pháp... Lòng con rất vui mừng, nghi hối đã trừ hẳn, an trụ trong Phật trí. Con quyết sẽ làm Phật, được trời người cung kính, chuyên pháp luân vô thượng, giáo hóa các Bồ tát”. Vì ngài Xá Lợi Phất đã tự tin nhận làm Phật, đã lãnh hội chơn thừa, nên liền đặng đức Thế Tôn thọ ký, sẽ thành Phật hiệu Hoa Quang ở cõi nước Ly cấu rộng độ vô lượng chúng. Hàng Thinh văn từ lâu trầm trệ nơi quyền thừa, nay một phen nghe thật giáo sanh tín tâm liền đặng thọ ký, đó chính làm rõ tất cả pháp tức tâm tự tánh, thành tựu huệ thân, tỏ ngộ chẳng phải do người khác. Dầu vậy, song còn phải trải qua nhiều kiếp số tu hành mới đặng thành, vì vô minh chưa hết hẳn, mới thiệt chứng Phật quả. Thọ ký, ý nghĩa đại khái như thế.

Trong chúng hội tiểu thừa, từ trước tình chấp sâu nặng nghi ngờ không tin, mỗi người đều tự cho rằng: mình quyết không đặng dự phần làm Phật, cũng không có chí mong cầu. Nay chính tai nghe, tận mắt thấy ngài Xá Lợi Phất được đức Thế Tôn thọ ký sẽ làm Phật. Ngài Xá Lợi Phất đã vậy, chắc mình cũng thế, nên cả thấy đều sanh lòng rất vui mừng, đều cõi y tung lên cúng dường đức Thế Tôn, để tiêu biểu ý hướng thượng muốn giải thoát. Kinh nói: “Thế Tôn nói pháp đó, chúng con đều tùy hỉ, đại trí Xá Lợi Phất, nay đặng Phật thọ ký, chúng con như thế, quyết sẽ đặng làm Phật, trong tất cả thế gian, rất tôn quý vô thượng”. Dầu tự mình đã quyết định tin

chắc nhưng còn lo trong chúng hội chỗ tin nhận chưa hoàn toàn thấu đáo, nên ngài Xá Lợi Phất, lại ân cần cầu thỉnh đức Thế Tôn vì tứ chúng mà nói rõ: sở nhơn vì sao thuở trước Phật lại nói quyền nay lại bỏ quyền nói thật, để dứt hẳn lòng nghi của toàn chúng hội.

Đức Thế Tôn nói nhà lửa để tỷ dụ.

Tả cảnh nhà cửa hư sụp nguy hiểm, đầy những ác quỷ, trùng độc, thú dữ, lại thêm lửa dậy tư bề, để lệ vòng sanh tử khốn khổ trong tam giới.

Các con ngu dại, tự thân ở trong chỗ hiểm nguy, họa diệt vong ập đến, mà vẫn mê say vui đùa không hay không biết, để lệ sự mê lầm tham chấp của chúng sanh.

Trưởng giả vì cứu con mà phải tự mình vào nhà lửa, đôi ba phen kiệt tâm tư tìm phương dụ dẫn để đem các con ra khỏi nạn chết: trước nói thật trạng hiểm nguy, mà các con không hiểu, không nghe theo, sau cực chẳng đã phải quyền nói hứa cho ba thứ xe để ngoài cửa. Trúng tâm bịnh, các con ham xe mà ra khỏi nhà lửa. Để lệ đức Thế Tôn lòng từ tha thiết vì độ quần sanh mà phải vào trong đời ác trược khốn nguy, phải kiệt tâm tư suy tầm phương thế cứu vớt, nói thật không hiểu, không tin, bắt đắc dĩ phải nói quyền giáo ba thừa để dụ dẫn.

Trước hứa ba xe, mà lúc sau, khi các con đã ra khỏi chốn khổ nguy, đồng ban cho một thứ xe trân báu cao rộng đẹp nhất trong đời. Chính chỉ rõ ý nghĩa ngày nay Đức Phật thật giáo phé quyền thừa, mọi người sẽ đặng cứu cánh Phật quả.

Kinh nói: “Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả đó, ban đầu dùng ba thứ xe để dụ dẫn các con, nhưng về sau chỉ cho đồng một thứ xe lớn vật báu trang nghiêm an ôn hạng nhất, mà ông Trưởng giả đó không có lỗi hư vọng. Đức Như Lai cũng lại như thế, không có hư vọng, ban đầu nói ba thừa dẫn dắt chúng sanh, về sau chỉ dùng đại thừa mà độ thoát đó. Bởi vì sao? Vì

Đức Như Lai có vô lượng trí huệ, thập lực, tứ vô sở úy, tạng các pháp mầu, có thể ban cho tất cả chúng sanh pháp đại thừa, chỉ vì chúng sanh không thể lãnh thọ được hết. Xá Lợi Phất! Do vì nhơn duyên đó, nên phải biết rằng các đức Phật, dùng sức phương tiện nơi một Phật thừa phân biệt nói ba”.

#### 4. TÍN GIẢI PHẨM

Ngài Ma Ha Ca Diếp v.v.. bốn vị đại đệ tử, nhơn thấy ngài Xá Lợi Phất đã lãnh hội tỏ ngộ, được thọ ký thành Phật, lại nhơn nghe lời thí dụ vừa rồi của đức Thế Tôn: “Phương tiện nói ba thừa hội qui về một Phật thừa”, cho nên sanh lòng vui mừng vô lượng, hiểu rõ quả vị của mình đã chứng trước kia là quyền, tin chắc Phật thừa được nghe hôm nay là chơn; hối hận ngày xưa si mê, vừa được tiểu quả Thanh Văn thoát ly tam giới đã tự lấy làm đủ, không lập chí hướng thượng, không mong cầu đại quả, như kinh nói: “Chúng con ở đầu hàng chúng tăng, tuổi đều già suy tự cho rằng đã đặng Niết bàn không còn kham nhiệm tu pháp đại thừa, nên chẳng tấn cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Hôm nay nghe đức Phật thọ ký cho Thanh Văn thành Phật, từ lâu tưởng rằng: đối với Phật thừa mình đã tuyệt phần, nay bỗng nhiên lại đặng, mừng này còn mừng nào hơn, như Kinh nói: “Nay chúng con ở trước Phật nghe thọ ký đạo vô thượng cho Thanh Văn, lòng chúng con rất vui mừng đặng điều từ hồi nào chưa từng có, chẳng ngờ hôm nay bỗng nhiên đặng nghe pháp mầu hi hữu, mừng rỡ chẳng xiết, đặng lợi lành lớn, vô lượng trân bửu chẳng cầu mà đặng”.

Rồi bốn ngài ở trước Đức Phật tự nói dụ: nào cùng tử bỏ cha trốn đi, nào gặp cha không nhận mà trở lại sợ, nào chỉ ham hốt rửa phân nhơ để được tiền công từng ngày, cho đến trên mấy mươi năm sau, một ngày kia bỗng nhiên được hưởng cả gia tài to lớn của cha. Bốn ngài mượn việc của cùng tử để lệ cảnh huống của mình, mà cũng là của mọi người, thơ ngây

xa Phật lưu lạc trong luân hồi, nổi trôi trong sanh tử; đến ngày gặp đấng Phật lại không biết là chính cha lành mà trở lại sợ, nhờ Phật phương tiện cho ở quả vị tiểu thừa, tự an phần nơi đó, không tin mình chính là con của Phật, có phần ở Phật đạo, sợ hãi pháp chơn thừa, mãi đến ngày nay mới tự hiểu tự tin. Kinh nói: “Thế Tôn! Chúng con vì ba món khổ ở trong sanh tử bị các nhiệt não, mê lầm không biết, ham ưa pháp nhỏ, ngày nay Thế Tôn bảo chúng con suy nghĩ dứt trừ phân như hí luận của các pháp. Chúng con ở trong pháp đó siêng năng tinh tấn, đặng đến Niết bàn, đã đặng đó rồi lòng rất vui mừng tự cho đó đã đủ.

Chúng con từ xưa nhận lại chính thật là Phật tử, mà chỉ ưa pháp tiểu thừa, nếu chúng con có lòng ưa mến pháp đại thừa thời đức Phật vì chúng con nói pháp đại thừa, ở nơi hội nói kinh *Pháp Hoa* này, đức Phật chỉ nói pháp nhưt thừa... Cho nên chúng con nói từ trước không lòng mong cầu, hôm nay Pháp Vương đại bảo tự nhiên mà đến...”

Hiểu trước quyền, tin nay thật nên gọi phẩm này là TÍN GIẢI.

## 5. DƯỢC THẢO DỤ PHẨM

Nhơn vì vừa rồi bốn vị đại đệ tử đã tín giải, lập dụ để tự trần đã hiểu nơi quyền tin nơi thật của mình, đức Thế Tôn liền ấn chứng cho. Song, do vì còn chưa có thể biết thấu sức tri kiến bình đẳng thâm diệu của Đức Như Lai, hoặc giả những hàng chấp tướng lại cho rằng: Đức Như Lai thiết có tác ý tùy cơ, do Đức Như Lai tác ý tùy cơ nói ba thừa sai khác, và thiết có quả vị nói ba thừa nên chứng và đáng được. Nếu chấp cho như thế thời thành có thiết Niết bàn cùng thiết pháp. Niệm Niết bàn cùng chấp pháp không tiêu thời có thể nào triệt suốt nguồn đáy của các pháp, đáy nguồn của các pháp không triệt thời tất là Phật tri kiến khó khai hiển được. Dầu Đức Như Lai

nói pháp ba thừa, nói quả vị, nói Niết bàn, nhưng kỳ thật Đức Như Lai bao giờ cũng vẫn vô tâm hành bình đẳng thuyết pháp, viên âm nhưt vị vang khắp, chỉ vì chúng sanh chủng tánh không đồng, nên theo căn, tùy theo tánh, tùy theo loại mà tự thành lãnh thọ sai khác thôi.

Vì muốn giải quyết nghĩa bình đẳng thuyết pháp để ngừa sự nhận lầm, nên đức Như Lai nói dụ dục thảo: mây đầy khắp trời che trùm muôn vật, đồng một loạt mưa xuống chỉ rưới một thứ nước, cũng không chỗ ít nhiều. Mặc dầu một trận mưa không mảy mún riêng tư, nhưng ba thứ cỏ cùng hai loại cây tùy phận được đượm nhuận mỗi mỗi riêng khác. Cứ xem nơi cỏ cây thời thấy sự hấp thụ không đồng, nhưng không đồng là tự nơi cỏ cây giống loại sai khác, chớ nước mưa chỉ một vị thôi.

Đức Như Lai thuyết pháp cũng thế, lòng từ rộng lớn bao bọc cả quần sanh, dùng viên âm ban cho phép nhưt vị bình đẳng. Pháp của Như Lai vốn không sai khác, mà có sai khác là tự ở nơi cơ của chúng không đồng. Do đây mà thấy rõ ý thú “chỉ có một Phật thừa, không hai cũng không ba”. Làm cho người nghe xong dụ “Dục thảo”, liền trừ chấp kiến, có thể sâu vào pháp huệ bình đẳng của Như Lai, chính là khai triển Phật tri kiến vậy.

Kinh nói: “Đức Như Lai làm vua trong các pháp, nơi tất cả pháp dùng trí phương tiện mà diễn nói ra đó thấy đều đến bực nhưt thiết trí”.

Kinh lại nói: “Mây kia tuông ra nước thuần một vị, cỏ cây lùm rừng tùy phận thọ nhuận. Tất có các cây hạng lớn, vừa, nhỏ, xứng theo lớn nhỏ đều đặn sanh trưởng, gốc, thân, nhánh, lá, bông, trái tươi sáng, một trận mưa rưới đến đều đặn tốt tươi. Xứng như thể tướng của cỏ cây kia, tánh loại chia ra lớn nhỏ, mưa nhuận vẫn một vị mà mỗi thứ đều sum sê. Đức Phật cũng thế, hiện ra nơi đời ví như mây lớn khắp



che cả. Ta là đáng tôn trọng nhất trong đời không ai có thể sánh bằng, vì muốn làm cho chúng sanh được an ổn mà hiện ra đời, vì hàng đại chúng nói pháp cam lồ thanh tịnh, pháp đó thuần một vị giải thoát Niết bàn. Dùng một thứ diệu âm diễn thông nghĩa đó, thường vì đại thừa mà làm nhơn duyên. Ta đều bình đẳng khắp xem chúng sanh không có lòng bỉ thử ưa ghét, ta không tham chấp, cũng không hạn cuộc trệ ngại, hằng vì tất cả chúng sanh mà bình đẳng nói pháp... Tất cả chúng sanh nghe ta nói pháp, tùy theo sức mình mà lãnh thọ an trụ nơi các địa vị hoặc ở nơi nhơn, thiên, vua Chuyển Luân Thánh Vương, Đế Thích, Phạm Vương, như giống cỏ thuốc nhỏ. Hoặc đặng Niết bàn, chứng quả Duyên giác như cỏ thuốc bực trung. Hoặc hạng cầu quả Phật, ta sẽ làm Phật, là cỏ thuốc lớn. Lại có các Phật tử chuyên lòng cầu Phật đạo, thường hành đạo từ bi tự biết mình làm Phật quyết định không nghi, đó gọi là hạng cây nhỏ. Bậc an trụ thân thông chuyên pháp luân bất thối, độ vô lượng ức trăm nghìn chúng sanh, Bồ tát như thế gọi là đại thọ. Đức Phật bình đẳng nói pháp như mưa một vị, tùy nơi tánh chúng sanh mà tự bảm thọ không đồng... Đạo hạnh của các ông tu chính là đạo đại thừa Bồ tát, lần lần tu học đều sẽ thành Phật”.

## 6. THỌ KÝ PHẨM

Do ngài Ma Ha Ca Diếp v.v... bốn vị đệ tử trong phẩm trước lãnh ngộ ý chỉ bình đẳng nhưt vị, đã hiểu ba thừa vốn không thiệt. Phật tri kiến bốn hữu khai hiển, thời chánh nhơn chơn thật thành Phật đã đủ, nên Đức Thế Tôn tuần tự thọ ký cho bốn ngài.

## 7. HÓA THÀNH DỤ PHẨM

Nghe “pháp thuyết” khai quyền hiểu thật, ngài Xá Lợi Phất đã sớm lãnh ngộ chơn thừa. “Dụ thuyết” vừa tuyên bày, bốn vị đại đệ tử tin sâu hiểu chắc mà đều được thọ ký.

Trong pháp hội còn có một loại Thanh Văn căn chậm lụt, từ lâu cho rằng quả vị đại giác của Phật, không phải trí phần của mình, không thể đến, không thể chứng. Đến nay thói quen kém hèn vẫn chưa dứt, hoặc giả toan cho rằng: Năm ngài là bậc đệ tử của Phật, là bậc đạo thủ trong chúng, nên đáng đặng thọ ký, còn chúng ta chắc khó đặng dự phần. Nhơn thế nên vẫn còn ôm lòng tuyệt phận.

Đức Thế Tôn dự biết lòng chúng, bèn dẫn việc mười sáu vị Vương tử giáo hóa vô lượng chúng, trong thời kỳ Phật Đại Thông Trí Thắng, trải qua vi trần số kiếp về trước, để cho chúng hội biết rằng: Đức Phật với đại chúng đã cùng kết thiện duyên với nhau từ lâu xa. Vi trần số kiếp trước, Đức Phật, vị Vương tử thứ mười sáu, đã từng gieo duyên chủng Pháp Hoa nhứt thừa vào tâm điền của đại chúng rồi. Từ đó về sau, đời đời vẫn không rời Phật, đều được Đức Phật tiếp tục giáo hóa. Nay cơ duyên đã thuận thực chính đã đến lúc ân hứa làm Phật để phá nghi tính chấp trước của đại chúng, làm cho chúng phát khởi lòng hâm mộ đại thừa, quyết định Phật tri kiến. Đức Phật nhắc việc Đại Thông Trí Thắng thuở xưa, dẫn việc mười sáu vị Vương Tử giảng *Pháp Hoa* kinh ngày trước, để hiển rõ duyên nhơn Phật tánh. Phật tri kiến đã sẵn, duyên nhơn Phật tánh lại đã đủ, thời liễu nhơn tự thành.

Bổn ý của Đức Phật bao giờ cũng muốn đưa toàn chúng thẳng một đường đến quả vị giác mãn của Phật, ngặt vì chúng sức kém, chí chúng lụt, tánh chúng chậm, nguyện chúng yếu, ngó quả cao xa sanh lòng chán nản sợ sệt, bất đắc dĩ đức Phật phải quyền lập tam thừa Niết bàn để cho chúng tạm thời an nghỉ, để cho lòng chúng hết sợ hết nhàm. Lòng sợ nhàm đã hết, đức Phật liền dắt chúng thẳng bước đến mục đích chánh của Phật đã định.

Muốn hiểu rõ nghĩa tam thừa Niết bàn rốt ráo là quyền, tạm lập ra chỉ để trừ lòng chán nản sợ sệt của chúng mà thôi,

nên Đức Phật nói dụ “Hóa thành”. Đức Phật là vị Đạo Sư tài trí, dẫn đường, đưa chúng vượt qua con đường hiểm trở dài xa vô minh hoặc chướng, để đến bảo sở chơn thường. Nửa đường chúng mệt, chúng sợ, chúng muốn trở lại. Đạo Sư phải dùng thần lực hóa ra thành trì để cho chúng có chỗ tạm nghỉ khỏi phải trở lui. Thành trì do thần lực biến hóa ra chớ nào phải thật. Chúng hết mệt hết sợ. Đạo Sư liền thân thần lực diệt hóa thành, lại đưa chúng tiến lên con đường thẳng đến bảo sở, trước sau cũng chỉ là một con đường phải noi theo để đến bảo sở thôi.

Tam thừa Niết bàn nào khác hóa thành, tạm thời trụ nơi đó rồi lại phải rời ra mà thẳng đến trước, vì nào phải là cơ sở chơn thật mà ở mãi được, thì chung rồi cũng chỉ một Phật thừa là chơn thật, một con đường duy nhất đến quả Vô thượng chánh giác.

Kinh nói: “Các vị sa di đó.... mỗi vị ngồi pháp tòa nói kinh đại thừa này... mỗi vị sa di đó độ các hàng chúng sanh có sáu trăm muôn ức hằng sa các chúng... Chúng được nghe pháp do nơi trong các cõi Phật thường cùng thầy sanh chung... Ta trong số mười sáu, cùng từng vì các ông nói kinh *Pháp Hoa* cho nên dùng phương tiện dẫn các ông đến Phật huệ, do nhơn duyên trước đó nên nay lại nói kinh *Pháp Hoa* đưa các ông vào Phật đạo, cẩn thận chớ sanh lòng kinh sợ...”

Mọi người đều mỏi mệt mà thưa cùng Đạo Sư rằng: Nay chúng tôi mỏi mệt, nơi đây muốn trở lại mà đành mất trần bảo lớn. Liên nghĩ chước phương tiện, nên dùng sức thần thông hóa làm thành quách lớn, các nhà cửa trang nghiêm... Hóa xong rồi bảo chúng: chớ sợ, các người vào thành này đềuặng tùy ý ưa muốn... Vị Đạo Sư biết chúng nghỉ ngơi xong bèn nhóm chúng mà bảo rằng: đây là thành quách biến hóa thôi, các người nên đi đến trước, đồng nhau đến bảo sở.

Ta cũng lại như thế, là Đạo Sư của tất cả, thấy những người cầu đạo giữa đường mà trễ bỏ, chẳng có thể vượt qua các đường hiểm sanh tử phiền não, ta dùng sức phương tiện nói Niết bàn để chúng nghỉ ngơi: Biết đã đến Niết bàn đều đặn A la hán, bèn nhóm chúng lại vì đó nói pháp chơn thật. Các đức Phật có sức phương tiện phân biệt nói ba thừa, vì để nghỉ nên nói hai, kỳ thật chỉ có một Phật thừa...”

### 8. NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ PHẨM

Năm trăm vị đệ tử trước kia nghe năm trăm vị thượng thủ được thọ ký, vừa rồi lại được nghe việc nhơn duyên đời trước, đốn ngộ tích nhơn, mới biết rằng Đức Phật dùng vô lượng thần thông phương tiện dẫn dắt chúng sanh, tự tin chắc mình quyết định thành Phật. Lòng nghi ngờ đã dứt, mỗi lo lắng đã tan cho nên nói rằng: 'tâm tịnh', chí hâm mộ được đức Phật thọ ký nên nói rằng: “dũng dục” (hơn hở), tự biết đã kham đảm đương gia nghiệp Phật thừa, cho nên nói rằng: “Chỉ có Đức Phật Thế Tôn biết rõ được thâm tâm bốn nguyện chúng ta”. Phật huệ đã hiển, tri kiến đã khai, nên Đức Thế Tôn tuân tự thọ ký cho cả.

Được thọ ký xong, năm trăm vị nói dụ “hệ châu”, để tỏ chỗ mê lầm của mình ngày trước, bày ý ngộ tức nhơn ngày nay, từ lâu không hề rời Phật thừa nửa bước mà trước không tự nhận, đến nay mới tin chắc.

### 9. THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ PHẨM

Do vì từ trước, đức Thế Tôn nhiều lần khai thị nào “pháp”, nào “dụ”, nào “nhơn duyên” ba phen nói bày đã cùng, đã khắp, mọi người trong pháp hội đều tin ở nơi lời Phật dạy, chẳng còn nghi ngờ đều đã nhận thiết, cho nên các vị đại đệ tử từ bậc thượng thủ, năm trăm đệ tử nhĩn đến cả một nghìn hai trăm A la hán đều được thọ ký. Như thế là đã an ủi lòng đại

chúng rồi. Nhưng còn hàng tân học Thanh Văn, như các ngài A Nan, La Hầu La v.v... đều muốn được thọ ký để toại lòng trông mong của chúng mà cũng là chủ ý để thấy rằng Phật pháp không hề thừa sót. Nhơn đó mà đức Phật đều thọ ký cho.

Luận về Phật tánh, có ba thứ nhơn, tức là: chánh nhơn, duyên nhơn và liễu nhơn. Ba nhơn nếu đầy đủ thời quyết định thành Phật không nghi vậy. Tự tánh Phật mọi người đều sẵn đủ đó là chánh nhơn Phật tánh. Cần phải nhờ giáo pháp của Phật, các thiện tri thức v.v... trợ giúp cho khai phát, đó là duyên nhơn Phật tánh. Còn tự tin liễu ngộ đó là liễu nhơn Phật tánh, các ngài Xá Lợi Phất v.v... mau tỏ ngộ đó chính vì chánh nhơn Phật tánh thâm hậu vậy.

Với năm trăm vị A la hán, đức Phật rộng dẫn duyên xưa để thấy rằng các vị đã được Đức Phật giáo hóa từ lâu xa, đó là duyên nhơn Phật tánh đặng thuần thực vậy. Trong duyên nhơn lại có hai phần, tức là thân duyên cùng sơ duyên. Các bậc học, vô học gần kề bên Đức Phật, dự pháp hội của Phật đó là thân duyên, vả lại A Nan là em, La Hầu La là con, thời lại là tối thân trong thân duyên, có lý nào không đặng độ, nên đều được thọ ký cả. Mới thấy rõ rằng lòng từ bi của Đức Phật thật là rất ráo bình đẳng vậy.

## 10. PHÁP SỰ PHẨM

Do vì về trước Đức Thế Tôn cùng cực rộng khen pháp nhứt thừa nhiệm mầu rất sâu, người nào có thể tin được liền đặng thành Phật, các đại đệ tử đã tin, đã nhận, nên đều đã đặng thọ ký làm Phật ở tương lai.

Pháp nhứt thừa này chính là chánh nhơn Phật tánh bản lai sẵn đủ của tất cả chúng sanh. Nay nhờ Đức Như Lai lòng từ bình đẳng khai thị phương tiện, nói Diệu Pháp Liên Hoa này để làm duyên nhơn trợ giúp cho chánh nhơn hiển phát. Đức Phật là duyên thân nhứt, Diệu Pháp là duyên thắng nhứt, được

gặp duyên nhơn thân thẳng, không một ai là không liễu ngộ trọn thành liễu nhơn Phật tánh, ba nhơn đã đủ bèn có thể kham đảm đương sự nghiệp nhà Phật.

Xem kết quả của chúng hội hiện nay, chứng rõ việc gieo mầm trong vi trần số kiếp trước, dầu lâu xa, thay đổi nhiều thân, trải qua nhiều đời, nhưng chỉ càng tăng trưởng nẩy nở, vẫn không một mảy bớt hao.

Đã biết rõ bản nhơn của Đức Phật thuở Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, trong tâm điền một phen đã huân nạp thẳng pháp, thời rớt ráo thuận tục ở pháp hội ngày nay.

Suy quá khứ, chứng hiện tại. Xưa đã thế thời nay cũng thế. Một hội pháp duyên hiện nay lại là một chủng tử thẳng diệu vô tận mãi mãi, để rồi sẽ rớt ráo thuận tục ở tương lai đó chính là “nếu có người nào nghe pháp không một ai chẳng thành Phật”: nhấn đến “chỉ một niệm vui theo thời cũng nên Phật quả”, vì thế nên dùng hai chữ 'Pháp sư' nêu tên phẩm này. Đây là chú ý rằng, chánh nhơn Pháp Hoa ngày nay, cần nhờ các vị Pháp sư để khai hiển, để truyền đăng làm thẳng duyên vô tận cùng kiếp vị lai. Dầu rằng tất cả chúng sanh, đều có chánh nhơn Phật tánh, nhưng nếu không có diệu pháp để làm thẳng duyên giúp cho phát lộ, thời tất khó mong chứng thành giác quả. Vì có nhơn mà không có duyên thời tất cả không sanh liễu, liễu nhơn đã không, làm thế nào đặng cứu cánh. Do các nghĩa như thế, nên chủng tử Phật tánh cần phải nhờ duyên huân khởi. Duyên huân có hai phần: tân huân và cựu huân. Thuở Phật Đại Thông Trí Thắng, mười sáu vị Vương Tử khai hóa đó là cựu huân. Hiện pháp hội hôm nay là tân huân vậy.

Pháp sư có 5 hạng:

1. Tùy hỷ Pháp sư
2. Đọc tụng Pháp sư

3. Thọ trì Pháp sư
4. Thơ tả Pháp sư
5. Giảng thuyết Pháp sư.

Trong năm hạng trên đây, nếu có thể hoàn toàn một tức là vị Pháp Hoa Pháp Sư.

Kinh *Pháp Hoa* này là toàn thân của Như Lai, gánh vác kinh này chính là gánh vác đức Như Lai, vì thế nên phải kính trọng pháp sư xem như đức Phật, để hiểu rõ pháp mâu thuẫn, cần phải nhờ nơi người hoằng truyền, có hoằng truyền thời giống Phật không dứt mất, đó là “Pháp thâm diệu như thế, nếu không người tuyên nói, dầu có tri cũng không hiểu biết”. Kính trọng thời phước đức vô lượng, còn nếu hủy báng mắc tội báo rất nặng, vì kính trọng là nối giống Phật, còn hủy báng là dứt giống Phật vậy.

Đến đây thấy rằng bốn tâm hiện ra nơi đời của đức Phật cũng có thể gọi rằng là đã vừa khắp đủ.

Kinh nói: “Đức Phật bảo ngài Dược Vương Bồ tát: Tất cả đại chúng trong pháp hội này, từ hàng tứ chúng đến thiên, long, bát bộ v.v... đều ở trước đức Phật nghe kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*, một bài kệ một câu, nhẫn đến một niệm tùy hỉ đó, ta đều thọ ký cho những người ấy sẽ đặng đạo Vô thượng bồ đề... Sau khi ta diệt độ cũng thế, nếu có người nghe kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*, nhẫn đến một câu, một niệm tùy hỉ đó, ta cũng thọ ký đạo Vô thượng bồ đề cho những người ấy... Nếu lại có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*, nhẫn đến một bài kệ, đối kinh quyển này kính xem như Phật, các thứ cúng dường... Phải biết những hạng người như trên đó đã từng cúng dường mười muôn ức đức Phật, nơi các đức Phật đã thành tựu nguyện lớn, vì thương chúng sanh mà sanh trong nhơn gian. Dược Vương! Nếu có người hỏi, chúng sanh nào sẽ làm Phật ở tương lai! Thời nên

chỉ những hạng người trên đó, ở đời vị lai chắc đặng làm Phật... Nếu có trai lành gái tín nào, sau khi ta diệt độ có thể riêng vì một người giảng nói kinh *Pháp Hoa* này hẳn đến một câu, phải biết người đó là sứ thần của đức Như Lai, đức Như Lai sai làm việc Phật, hướng lại là người ở trong đại chúng rộng vì người mà nói.

Dược Vương! nếu có người ác dùng tâm chẳng lành nơi trong một kiếp, hiện ở trước Phật thường mắng nhiếc Phật, tội đó còn nhẹ. Nếu có người dùng một lời ác chê mắng người tại gia hay xuất gia đọc tụng kinh *Pháp Hoa* này, tội đây rất nặng...

Dược Vương nên biết! Sau khi Như Lai diệt độ, người mà có thể biên chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường kinh này vì người khác diễn nói, thời là đức Như Lai lấy y trùm người đó, lại được các đức Phật hiện tại ở mười phương hộ niệm... Thời được đức Như Lai tay xoa nơi đầu... Nếu sau khi ta diệt độ người có thể giảng thuyết kinh này, ta liền sai hóa tứ chúng cúng dường vị pháp sư đó, dẫn dắt các chúng sanh nhóm lại nơi đó (khiến) nghe pháp...”

Từ phẩm *Pháp Sư* này trở về trước phần thuộc về phần Khai Phật tri kiến.

Khai có hai nghĩa 1. Ở nơi đức Phật, thời đức Phật vì (chúng) khai thị, khai hiển, khai phát, cốt yếu làm cho người nghe (được) tự hiểu tự tin Phật tri kiến. 2. Ở nơi người nghe pháp thời (tự khai) ngộ Phật tri kiến, bởi chúng từ lâu mê làm không tin nay (được) đức Phật giảng nói thời bỗng nhiên liễu ngộ. Chính là liễu (ngộ tự) tâm, ví như hoa sen nở.

\*



## C. PHẦN THỊ PHẬT TRI KIẾN

### 11. HIỆN BỬU THÁP PHẨM

Trong phẩm này hiện thị pháp thân thường trú của Như Lai, cùng cảnh tịnh tịch thật tướng chơn thật muốn làm cho chúng sanh biết và thấy. Pháp thân cùng chơn cảnh đồng hiện bày trước mắt đại chúng đó là nghĩa “Thị” vậy.

Trong pháp hội Pháp Hoa đây trước như đức Phật phóng quang soi thấu phương đông, hiện đủ sự tướng trong pháp giới, chúng sanh, cùng Phật v.v... trước sau đều khắp, đó chính là chung hiện thị tâm cảnh Phật tri kiến thâm diệu của chúng sanh. Do vì chúng hội đương cơ chưa ngộ được diệu tâm lại dùng tình thức suy nghĩ so lường; phạm hễ tình thức sanh thời trí huệ bị cách ngại, chính trước mắt mà không tự đạt được, lại cho là không phải trí phân của mình. Sau đó đức Như Lai dùng đủ cách khai thị, nào tuyên pháp thuyết, nào dẫn dụ thuyết, nào thuật nhưn duyên nhờ thế mà chúng hội đương cơ đã tin lời đức Phật, tự nhận mình sẽ làm Phật nên đều được đức Phật thọ ký.

Mặc dầu đã được thọ ký, nhưng đó chỉ mới tin tự tâm thôi, còn chưa nhận rõ pháp thân chơn cảnh. Đây thời là niệm chấp chặt nghĩa sanh diệt chưa trừ, lòng cho có tịnh uế chưa dứt. Vì thế nên đức Như Lai toan hiện pháp thân thường trú mà tháp đẹp bảy báu từ dưới đất vọt lên, đức Đa Bửu Như Lai đã diệt độ từ lâu toàn thân hiện còn nguyên vẹn, để làm tiêu tan niệm chấp sanh diệt của chúng. Rồi chính cõi Ta bà uế độ này, ba phen biến thành Tịnh Độ cực kỳ trang nghiêm, để dứt trừ lòng làm cho thật uế thật tịnh của đương hội.

Vả lại vô lượng chư Phật ở mười phương đồng câu hội nơi thế giới này, để chỉ bày trong pháp giới, không luận một trần hay (một cõi) phạm chạm mắt đến đều là chơn cảnh thật tướng cả, đây chính là tri kiến chơn thật của Phật vậy.

Tháp cao năm trăm do tuần, trong tháp toàn thân của đức Đa Bửu Như Lai y nhiên chẳng rã, để chỉ cho chúng sanh biết rằng, chính thân ngũ uẩn sanh diệt của mọi người là nhà ở của pháp thân thường trú. Đến như cõi Ta bà ba lần biến thành Tịnh độ, để chỉ rõ rằng: Hoa Tạng chơn cảnh thật báo trang nghiêm chẳng rời ngoài nghiệp dụng ngũ trược vậy.

Nơi đây đức Thế Tôn chỉ bày pháp thân thường trú y chánh trang nghiêm, là chủ ý muốn cho chúng hội đương cơ biết nghĩa vi diệu của tự tâm cảnh, ngộ hậu liền nơi trước mặt mà hiện chứng, chẳng sanh lòng lo sợ rằng Phật đạo dài xa, như bọn người đến bửu sở sợ đường hiểm trở, nhằm mỗi nẻo dài xa trong phạm trước.

Thâm ý dẫn quyền thừa của Phật rõ thấy nơi phạm này. Do đâu mà rõ thấy ư?

Như trong kinh thường nói: “khai môn phương tiện hiện thị tướng chơn thật”, chơn thật tướng là gì: Chính là pháp thân chơn thật mà đức Tỳ Lô Giá Na do nhiều kiếp tu nhơn chứng đặng, cùng cõi Thường tịch quang chơn độ của Phật trụ. Rồi từ pháp thân hiện báo thân Lô Xá Na ở nơi Tịnh Độ Thật Báo trang nghiêm; những thân cùng độ trên đây đều chơn thật, cho nên là chơn thật tướng.

Còn đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn là từ báo thân mà hiện ứng thân, vì tùy cơ duyên nên cõi của đức Phật ở cũng đồng với chúng sanh, tức là cõi uế độ Ta bà ngũ trược này, thân cùng độ này đều là giả, vì giả nên phạm giáo pháp của đức ứng thân Phật thi thiết ra đều thuộc về quyền, bởi tùy theo quyền cơ của uế chúng, quyền là danh từ khác của phương tiện vậy.

Nhơn vì đức Tỳ Lô Giá Na khi thành chánh giác, hiện thân Lô Xá Na ngôi tòa kim cương nơi Bồ đề đạo tràng cùng vi trần pháp tánh Đại sĩ nói kinh *Hoa Nghiêm*, đây là cả thân

cùng độ đều chơn mà giáo pháp cũng thật. Ngặt vì trong hội Hoa Nghiêm chỉ lợi cho bậc viên căn đại thừa thôi, còn hàng căn khí tiểu thừa cùng bậc tích hạnh Bồ tát tuyệt phần, nên có câu: “Hàng nhị thừa đích thân ngồi tại tòa trong hội mà như đui như điếc”.

Vì thế nên đương lúc đức Lô Xá Na thuyết *Hoa Nghiêm*, chẳng ngại gì hiện thân ứng hóa Thích Ca Mâu Ni tám tướng thành đạo, bắt đầu từ pháp hội nơi vườn Lộc, đem đạo nhất thừa mà phân biệt nói thành ba thừa, để tiếp dẫn cơ hạng trung và tiểu. Dùng sức phương tiện nói pháp tứ chơn đế, pháp thập nhị nhân duyên, sự lực độ v.v... đồng hóa độ ba căn. Mặc dầu cũng có nói pháp giáo hóa Bồ tát nhưng đều thuộc về quyền giáo. Như ông trưởng giả trong phẩm thí dụ hứa ba thứ xe để quyền cứu các con, chẳng phải là có thật. Ngày nào trong toàn chúng hội, hàng đệ tử của Phật, còn chưa chứng thấy pháp thân chơn cảnh, thời là ngày đức Thế Tôn, đấng đại bi bình đẳng chưa toại lòng. Như nói: “Ta vốn lập thế nguyện rằng: muốn làm cho tất cả chúng sanh đồng như ta không khác”. Ý của đức Thế Tôn vẫn muốn cho chúng sanh, mau chứng chơn cảnh pháp thân của Như Lai để thẳng đến thiệt quả Hoa Tạng trang nghiêm. Ngặt vì chúng hội hạ liệt một mực chấp quyền là thật mà chẳng chịu thẳng đến trước, vả lại đối với chơn thuyên của đức Thế Tôn đúng thật tuyên bày lại nghi ngờ không tin không nhận. Làm cho đức Thế Tôn phải hao sức nhọc lòng, hơn bốn mươi năm dùng đủ phương tiện uốn nắn đào thải.

Đến nay căn tánh của chúng hội đã thuần thực, mà cơ duyên giáo hóa của Thế Tôn cũng sắp xong, cho nên trong hội Pháp Hoa này, đức Thế Tôn thổ lộ bốn hoài khai trừ cả ba quyền giáo ngày trước, để hiển nhứt thừa chơn thật, Trưởng giả gia nghiệp giàu lớn, chính là dụ cho pháp nhứt thừa viên diệu của hội Hoa Nghiêm. Hàng Thanh văn chỉ nhận ứng thân

Thích Ca Mâu Ni Phật là chơn, mà chẳng biết chính còn có chơn Phật. Chỉ thấy cõi uế độ Ta bà đáng nhàm mà không thể đạt được chơn cảnh thật tướng. Vì thiên nhận thiên kiến như thế nên khư khư một mực nắm chặt chỗ chấp sanh diệt, cùng niệm cho tịnh uế không chịu rời bỏ, bởi do không đạt lý “duy tâm sở hiện” nên đến đời thế đó.

Sắp sửa nói kinh này, đức Thế Tôn trước phóng quang minh soi suốt mười tám nghìn thế giới phương đông, chỉ toàn chơn cảnh của pháp giới chính là trong hàng ngày của chúng sanh chớ không đâu khác. Cảnh trí này không phải dùng tâm tư mà có thể đến được, nên liền sau đó, đức Thế Tôn từ tam muội dậy, lại dùng ngôn thuyết phương tiện, nhiều cách chỉ bày. Trong đại chúng đều tin tự bản tâm, đức Thế Tôn liền thọ ký làm Phật cho cả. Đúng như trong kinh *Hoa Nghiêm* nói: “Lúc mới phát tâm biết tất cả pháp chính là tâm tự tánh, thành tựu huệ thân, tỏ ngộ chẳng do người khác”. Đây chỉ mới rõ tự tâm chơn, còn chưa đạt được tự cảnh thật. Tâm cùng cảnh chưa dung thông thời chưa phải chơn như thành Phật, còn thuộc về tri kiến của chúng sanh chớ chưa phải là tri kiến của Phật. Các phẩm trước đức Phật thọ ký cho chúng hội, đã khai hiển tâm chơn, nên nói phẩm này để chỉ cảnh thật, để thị Phật tri kiến.

Trong phẩm này ý nghĩa rất sâu xa, nếu không chính chắn tham cứu thời rất khó lãnh hội diệu chỉ. Dem dung hội với *Hoa Nghiêm* lại càng rõ quy thú trong phẩm này thật là thâm huyền vậy.

\*

## D. PHẦN NGỘ PHẬT TRI KIẾN

### 12. ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA PHẨM

Trong phẩm này chỉ bày ngộ Phật tri kiến có khó có dễ, khó để chúng hội sanh lòng trân trọng hi hữu, dễ để chúng khỏi sợ sệt dài xa, nhắc tức nhờn của đức Phật cùng Đạt Đa, nhờn đây mà đặt tên phẩm.

Do vì trước kia các hàng Thanh văn từ xưa ôm lòng sợ sệt Phật đạo dài xa cho nên không lòng ưa muốn. Đến nay dầu đã nhờ đức Phật thọ ký, nhưng còn phải trải qua nhiều kiếp, mới đặng Phật quả, sợ rằng trong thời gian đó tức tập phát khởi, nửa chừng ngưng trệ không khứng siêng cầu, nếu rời diệu pháp nhứt thừa này thời Phật đạo không do đâu thành tựu.

Đức Thế Tôn tự dẫn việc đời trước của mình, dẫn việc một đời để lệ vô lượng đời khác, cần cầu kinh *Diệu Pháp Nhứt Thừa*, không màng giàu sang, không sợ nhọc nhằn, không tiếc thân mạng, dầu làm vua mà cũng phải bỏ, xả thân để cầu Tiên Nhơn, tiền thân của Đề Bà Đạt Đa, truyền cho diệu Pháp, nhờ đó mà nay mới đặng viên thành quả vị Bồ đề, lại đem diệu Pháp đó tuyên dạy cho chúng hội hiện tại. Đức Phật lãnh thọ *Pháp Hoa*, Đề Bà Đạt Đa tuyên truyền *Pháp Hoa*, một hiện thành Phật, một sẽ thành Phật, để hiển rõ thành Phật chung quy không ngoài *Diệu Pháp Liên Hoa*. Như thế há lại không nên cố gắng cần cầu tu tập ư! Há lại không nên phát tâm kính trọng hi hữu ư!

Đức Phật từ lâu khổ nhọc cầu diệu pháp mới đặng thành Phật, đó là hiểu nghĩa “Ngộ Phật tri kiến” rất khó vậy. Và lại, sợ rằng hàng đệ tử hạ liệt vì thấy khó mà không gắng tẩn, cho nên kể đó hiển bày việc giáo hóa của ngài Văn Thù Sư Lợi ở long cung, chưa bao lâu mà đã có vô lượng chúng thành Bồ tát vị, cũng có người trước kia là Thanh Văn mà nay tu tập hạnh Bồ tát. Lại thêm Long nữ mới tám tuổi đầu mà trong khoảng

hiển bửu châu, bỗng nhiên biến thành nam tử, qua thế giới Vô Cấu ở phương nam thành bực Đẳng Chánh giác giáo hóa chúng sanh. Tất cả những kết quả vĩ đại mau chóng như trên đều nhờ sức của *Diệu Pháp Liên Hoa*.

Vả lại, biển là chốn sanh tử trầm nịch, rồng là đứng đầu trong tam độc, người nữ là căn khí âm nhu cầu trực, Long Nữ đủ cả ba điều ty tệ này mà trong một thời gian ngắn, liền có thể hiện chứng Bồ đề. Sao lại quá dễ như thế! Nhon vì gần gũi bực đại trí để làm chỗ y quy vậy. Cũng là chủ ý bảo chúng hội đương cơ sau khi Phật diệt độ nên gần gũi bậc tối thắng tri thức, có thể chắc chắn được rốt ráo diệu ngộ, trọn không còn phải lui vào hàng nhị thừa nữa.

Kinh nói: “Lúc bấy giờ đức Phật bảo các vị Bồ tát cùng thiên, nhơn, tứ chúng rằng: Ta ở trong vô lượng kiếp về quá khứ cầu kinh *Pháp Hoa* không có trễ nải mỗi mạt, ở trong nhiều kiếp thường làm Quốc vương phát nguyện cầu đạo Vô thượng Bồ đề tâm không lui sụt, vì muốn trọn đủ sáu pháp ba la mật nên siêng năng thật hành hạnh bố thí trong lòng không chút lần tiếc, từ của cải vợ con cho đến đầu mắt tay chân không tiếc thân mạng...

Khấp vì chúng sanh, cần cầu pháp đại thừa, cũng chẳng vì thân mình... Do đó bèn đặng thành Phật, nên nay vì các ông mà diễn nói...”

Ngài Trí Tích Bồ tát hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát rằng: “Kinh *Pháp Hoa* này rất sâu vi diệu, là báu nhứt trong các kinh, trong đời rất ít có, và có chúng sanh nào siêng năng tinh tấn tu hành kinh này mau đặng thành Phật chăng?”

Ngài Văn Thù Sư Lợi đáp: “Có con gái của Ta Kiệt La Long Vương mới tám tuổi mà lợi căn trí huệ, hay biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sanh, đặng đà la ni..., trong khoảng sát na phát tâm Bồ đề đặng trụ bậc bất thối chuyển,

biện tài vô ngại, thương nhớ chúng sanh dường như con đò, công đức đầy đủ... có thể đến bực Bồ đề”... Đương lúc đó cả chúng hội đều thấy Long nữ bỗng nhiên biến thành nam tử, đủ đạo hạnh Bồ tát, liền qua thế giới Vô Cấu phương nam, ngồi tòa sen báu thành bực Đẳng Chánh giác đủ 32 tướng đẹp, 80 hình tốt, khắp vì mười phương tất cả chúng sanh diễn nói Pháp Hoa”.

### 13. TRÌ PHẨM

Do về trước chúng hội đương cơ đã khai ngộ, dầu được thọ ký, nhưng còn phải trải qua nhiều kiếp mới thành Phật, đức Thế Tôn sợ rằng tập quán hẹp hòi hèn yếu, sợ khó, ngại xa, hoặc giả giữa đường lại sanh lòng lo sợ Phật đạo dài xa, nên đức Thế Tôn tự thuật tiền thân cầu pháp dầu khó nhọc đủ điều nhưng vẫn không một niệm nhằm mỗi, để làm gương cho chúng hội phấn khởi, để cho tập quán yếu hèn tiêu tan. Rồi lại việc Long Nữ thành Phật trong khoảnh khắc, để thấy lực dụng thù thắng của Pháp Hoa, làm chúng dứt kiến chấp xa gần mau chậm. Lòng phấn khởi không yếu hèn, quên bật gần xa, thời có thể an trụ nơi Phật đạo.

Chúng hội đương cơ đã được đủ như đũa duyên như thế, còn chúng sanh sau khi đức Phật diệt độ thời thế nào mà được trụ như thừa, do vấn đề sau đây nên có phẩm Trì này.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này là huệ mạng của chư Phật, là chánh như Phật tánh của chúng sanh. Trong thời kỳ sau khi đức Phật diệt độ, người nhiều tệ ác, tội nặng, phước mỏng, chướng sâu, huệ kém, khó có thể phụng trì được. Nếu không người phụng trì thời giống Phật phải dứt mất, đây là chỗ của đức Phật Thế Tôn thâm lo vậy. Các vị Bồ tát cũng thâm hiểu ý của Thế Tôn, mới cung kính an ủi xin Thế Tôn chớ lo, các ngài đều nguyện phụng trì kinh này ở đời vị lai, rộng bày diễn nói chẳng quản khổ nhọc, chẳng tiếc thân mạng.

Năm trăm vị đệ tử cùng hàng học vô học, tất cả chúng hội vừa được thọ ký, cũng lãnh hội ý đức Thế Tôn, nên đều nguyện rộng tuyên diễn ở tương lai, song lại nguyện truyền pháp ở các thế giới phương khác, vì người cõi nước Ta bà này phần nhiều tệ ác thượng mạn, các ngài tự lượng sức mình chẳng kham hóa độ được.

Các vị đại Tỳ kheo ni như Đại Ái Đạo, Liên Hoa Sắc v.v... từ giờ vẫn tự cho thân phụ nữ nhiều cầu chướng không dám vọng cầu Phật quả, hơn vừa rồi tận mắt thấy Long Nữ thành Phật, cũng nên tự tin rằng mình cũng có phần được làm Phật, mới khao khát trông mong đức Thế Tôn thọ ký, sau khi đã được thọ ký, liền phát nguyện tuyên truyền kinh *Pháp Hoa* ở tha phương thế giới, để tự tỏ bày tâm chí, không lui sụt trễ nải.

Bấy giờ đức Thế Tôn bèn nói tám mươi ức na do tha chúng Bồ tát mà vẫn chẳng thốt lời. Chính ý đức Thế Tôn sợ rằng: chúng Thanh văn dẫu nguyện trì kinh mà chưa quen những công hạnh thiệp tục lợi sanh, pháp lực không đủ, e lại bị chướng nạn mà làm cho pháp duyên khó rộng, nên muốn nhờ các vị Bồ tát hộ trợ, các vị Bồ tát hội ý của đức Thế Tôn đồng phát nguyện trong thời kỳ Phật đã diệt độ, các ngài sẽ qua lại cùng khắp mười phương thế giới, dùng sức nhẫn nại giúp cho chúng sanh thọ trì kinh này, song không dám tự phụ sức mình, nên nói hộ trì được đó là nhờ thần lực của Như Lai.

Kinh nói: “Bấy giờ Dược Vương Bồ tát và Đại Nhạo Thuyết Bồ tát cùng hai vạn Bồ tát đều ở trước đức Phật thế rằng: Cúi xin đức Thế Tôn chớ lấy thế làm lo, sau khi đức Phật diệt độ, chúng con sẽ phụng trì đọc tụng diễn nói kinh này. Chúng sanh trong đời ác sau này căn lành càng ít, nhiều tăng thượng mạn, tham lợi cúng dường, thêm căn chẳng lành, xa lìa giải thoát, dẫu khó giáo hóa được, chúng con sẽ khởi sức đại nhẫn đọc tụng kinh này, phụng trì, biên chép, các thứ cúng dường chẳng tiếc thân mạng...”



Lại có hàng học vô học tám nghìn người được thọ ký cũng phát thệ rằng: Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ ở cõi nước khác rộng diễn thuyết kinh này. Vì trong quốc độ Ta bà này người nhiều tánh tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, sân trước dua dối, tâm không thiết vậy...

Na do tha chúng Bồ tát bạch Phật... Chúng con chẳng mến thân mạng, chỉ tiếc đạo vô thượng. Chúng con nơi đời sau hộ trì diệu Pháp của đức Phật phó chúc. Trong các tụ lạc, thành ấp, có người cầu đại pháp, chúng con là sứ thần của đức Phật, ở trong chúng con sợ sệt. Chúng con sẽ khéo nói pháp, mong đức Phật an lòng”.

#### 14. AN LẠC HẠNH PHẨM

Nhơn vì vừa rồi hàng Thanh văn cùng chúng Bồ tát phát nguyện trì kinh, Thanh văn thời nguyện ở tha phương, Bồ tát thời nói dùng sức nhẫn nại để đương lại với những điều hoạn nạn khó khăn ở thời mạt thế, ý của ngài Văn Thù cho rằng: “Dầu dùng nhẫn lực để trì kinh cũng đã hay, song không bằng làm thế nào để cho khỏi có xảy ra những điều hoạn nạn khó khăn thời ôn hòa hơn, nên ngài bèn thưa thỉnh cùng đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn liền nói bốn hạnh an lạc, các vị pháp sư trì kinh *Pháp Hoa* ở đời ác sau, nếu có đủ bốn hạnh này thời có thể vì chúng sanh nói kinh *Pháp Hoa* khỏi các chướng nạn, thường thường được an vui.

Bốn hạnh an lạc là:

1. Hành xú và thân cận xú. Chỗ sở hành và chỗ thân cận của Bồ tát phải thường tương ưng với tánh giới, bề trong thời an trụ nơi đệ nhất nghĩa thật tướng, bề ngoài thời xa những mầm nạn những ác hạnh, tránh tất cả những điều cơ hiểm.

Tương ưng tánh giới; an trụ thật tướng thời tâm an, xa tránh ác hạnh, cơ hiểm, mầm nạn thời thân an, thân và tâm an thời vì chúng sanh nói kinh *Pháp Hoa* tất khỏi bị chướng ngại.

Cũng có vị Cổ đức cho rằng, hành xử cùng thân cận xử là thân nghiệp an lạc hạnh. Lấy ý mà suy thời cùng với nghĩa trên vẫn cũng tương đồng.

2. Ngừa lỗi nơi khẩu nghiệp và khéo nói pháp, làm cho mọi người đều hoan hỉ thời khỏi chướng nạn mà được an vui, chính là khẩu nghiệp an lạc hạnh vậy.

3. Dứt trừ những tánh đê hèn, như dua dối, ghét ganh v.v... tức là nơi tâm xa rời tất cả phiền não cấu trược, kính trọng người trên, không khinh kẻ dưới, được như thế thời không làm bức xúc tâm mọi người, khỏi những điều oán hận mà tự mình được an vui. Đây thuộc về ý nghiệp an lạc hạnh.

4. Bồ tát ở đời sau phải sanh lòng từ bi thế độ tất cả, như thế thời không xa bỏ chúng sanh thường nguyện giáo hóa, không sanh niệm mỗi một nhằm chán. Đây tức là thế nguyện an lạc hạnh vậy.

Đủ bốn hạnh trên đây thời là đủ sức thủ hộ giảng thuyết kinh *Pháp Hoa* ở đời ác trược vị lai, khỏi chướng nạn, được an ổn vui vẻ.

Bốn hạnh này là phép tắc của đức Thế Tôn truyền dạy để giữ gìn gia nghiệp vĩ đại của đáng cứu thế, tất cả luật hạnh oai nghi đều gồm nhiếp trong 4 hạnh này, người xuất gia trong đời mạt pháp, nếu có thể giữ hạnh này hoàn toàn, thời có thể gọi là chẳng phụ ân sâu của Đức Thế Tôn vậy.

## 15. TÙNG ĐỊA DỮNG XUẤT

Trong phẩm này đại ý là để hiểu rõ tự tâm khi phát ngộ, thời hằng sa tánh đức hiện tiền, mới cùng tột đến chỗ cực diệu trì kinh *Pháp Hoa* vậy.

Dầu rằng đã có rất nhiều Thanh Văn cùng Bồ tát phát nguyện trì kinh, nhưng Thanh Văn tự lượng sức không đủ,

chẳng kham ở Ta bà mà nguyện truyền diệu pháp ở tha phương, các vị Bồ tát dầu đông nhưng vẫn hữu hạn. Thế giới vô biên, chúng sanh vô tận, kinh *Pháp Hoa* lại khó trì thứ nhất, như trong phẩm *Hiện Bửu Tháp* nói: “Nếu có người để cõi đại địa trên móng chơn mà bay lên cõi Phạm Thiên cũng chưa lấy làm khó, đây là rất khó... nếu có người trì tám muôn bốn nghìn pháp tạng, mười hai bộ kinh vì người điên nói, làm cho những người nghe pháp đều đặn sáu món thần thông nhận đến chứng A la hán cũng chưa lấy làm khó. Sau khi Phật diệt độ, nếu có người phụng trì kinh điên như thế này thời rất khó...”.

Xứ rộng vô biên, người đông vô lượng, pháp lại khó trì thứ nhất, mà người hoằng pháp có số hạn thời thật là khó nổi hoàn toàn, tất phải có một số đại Bồ tát vô lượng vô hạn, công việc trì kinh mới được trọn vẹn, mà đức Thế Tôn mới thật an lòng. Vì cố này nên các vị Bồ tát ở hạ phương đúng thời dũng xuất để ứng tâm của đức Thế Tôn.

Đức Phật trước khước từ lời nguyện hộ trì kinh nơi cõi Ta bà của tám hằng hà sa Bồ tát ở tha phương, chính để hiển rõ ý từ ngoài đến không quý bằng tự nhà có sẵn. Cho nên đức Phật nói: “Cõi Ta bà của ta tự có sáu vạn hằng hà sa chúng đại Bồ tát, mỗi vị Bồ tát đó đều có sáu vạn hằng hà sa quyền thuộc, những người đó có thể lúc sau khi ta diệt độ, kham hộ trì đọc tụng giảng nói kinh này...” Ứng theo lời Đức Phật đại địa rung nức, vô lượng nghìn muôn ức Bồ tát từ dưới đất vọt lên, đến tháp báu lễ Phật...”.

Đến đây thời kiến chấp sanh diệt dứt, lâu mau đồng thời, cho nên năm mươi tiểu kiếp mà cho như trong khoảng bữa ăn. Do vì xứng tánh đức mà thành hạnh, nên bốn vị thượng thủ trong vô lượng Bồ tát đều dùng chữ “Hạnh” đặt tên, chính là ý dùng tánh đức thành hạnh này trì kinh, mới đúng với bốn hoài của Phật.

Tánh đức hiện tiền trọn chẳng phải là tâm thức có thể lường biết được, cho nên ngài Di Lạc Bồ tát cùng tám hằng hà sa Bồ tát đều sanh lòng nghi. Nhẫn đến không biết đặng một người; các vị Thị Giả của mười phương chư Phật cũng đồng thưa hỏi.

Đây không phải là duyên sự nhỏ, không phải là dễ tin cho nên đức Phật trân trọng răn gắng, bảo trước khi nghe lời đức Phật tuyên bày, phải mặc giáp tinh tấn, phát ý kiên cố, mới khỏi sanh lòng nghi sợ.

Đức Như Lai nói: “Nay đức Như Lai muốn hiển phát tuyên thị trí huệ của chư Phật, sức thần thông tự tại của chư Phật, sức sư tử phẫn tấn của chư Phật, sức oai mãnh đại thế của chư Phật”. Tất cả công đức quảng đại thâm diệu của chư Phật đều gồm đủ trong những lời sẽ nói của đức Như Lai há lại là việc nhỏ thay! Xét đây thì thấy rằng ý chỉ trong đoạn văn của đức Phật sắp tuyên bày rất sâu, không thể dùng tri kiến thông thường mà đến được, mà đúng thật như thế, nên lúc đức Phật nói các đại chúng Bồ tát từ đất vọt lên đó, đều là từ khi đức Như Lai thành đạo giáo hóa khiến cho đó phát tâm, thời ngài Di Lạc và chúng hội đều sanh lòng nghi. Bởi vì chính mắt các ngài thấy đức Như Lai từ khi thành đạo đến nay mới trải qua hơn 40 năm. Những người được đức Phật giáo hóa đều đủ mặt tại hội Linh Sơn.

Còn đại chúng Bồ tát đó, chúng hội không biết mặt được một người, huống nữa là đại chúng Bồ tát đó đều đã nhiều đời nhiều kiếp vun trồng cội đức căn lành mới đặng đầy đủ thần thông đạo hạnh như thế, đức Như Lai mới thành đạo đây, sau lại nói các vị đó ban đầu do đức Phật giáo hóa mà phát tâm. Vì vậy nên các ngài nói dụ “cha trẻ con già” thuật lòng nghi ngờ của mình, để cầu đức Như Lai giải quyết, chẳng những để quyết nghi cho chúng sanh ở đời vị lai. Phàm kể đức Như Lai tự nói thọ lượng để quyết nghi vậy.

## 16. NHƯ LAI THỌ LƯỢNG PHẨM

Do vì vừa rồi ngài Di Lặc cùng chúng hội nghi việc đức Thế Tôn mới thành Phật trong thời gian ngắn, mà thế nào giáo hóa thành tựu được vô lượng đại Bồ tát từ nhiều kiếp huân tu công đức, cho nên đức Thế Tôn tự nói thọ lượng của Phật. Vì vậy cơ duyên giáo hóa, đức Như Lai dùng sức bí mật thần thông hiện thân ra nơi đời, tất cả chúng sanh đều cho rằng: “Nay đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh nơi cung vua dòng họ Thích, ngồi nơi đạo tràng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Đây là chúng sanh chỉ biết một phần tích môn quyền hiện của đức Thế Tôn. Nhưng kỳ thật về bốn môn chơn thật, thời từ khi đức Thế Tôn thành Phật đến nay trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp.

Đức Thế Tôn hiển bày tự bốn và tích để phá kiến chấp sanh diệt của hàng nhị thừa, để hiển pháp thân thường trú, tùy cơ duyên khắp ứng để giáo hóa, hoặc ẩn hoặc hiện đều vô ngại. Đủ thấy trí huệ của Như Lai phương tiện độ sanh rất sâu vô lượng, khó hiểu, khó vào.

Người ngộ đạo tu hành, nếu chẳng đạt pháp thân thời trọn chẳng phải chơn ngộ, đều còn thuộc về tri kiến chúng sanh, chớ chưa phải Phật tri kiến.

Phẩm Hiện Bửu Tháp ở trước, mượn đức Đa Bửu Như Lai để hiển bày pháp thân chơn cảnh, mà trong chúng hội chỉ tin Đa Bửu mà chưa tin Thích Ca đồng là một thân một sức trí huệ; mặc dầu từ khi tháp báu hiện ra đến đây, hai đức Như Lai đồng ngồi chung một tòa sư tử trong tháp. Bởi hàng Thanh Văn cố chấp sanh diệt pháp, tập quán quá sâu, chỉ nhận đức Phật nói pháp bắt đầu từ vườn Lộc nơi thành Ba La Nại đó là chơn thật Thích Ca Mâu Ni Như Lai thôi, chẳng còn lại biết chơn Phật bốn thật. Lại nghe đức Như Lai nói sắp sẽ diệt độ,

thời càng tăng trưởng kiến giải sanh diệt. Dầu đã được thọ ký, nhưng chỉ mới tin lời của đức Như Lai chớ chưa thấy được tâm của đức Như Lai, chưa thấy Phật tâm thời thật khó thành tựu Phật quả vậy, vì còn chưa phải chơn ngộ thời chỗ tu hành cũng chẳng phải chơn tu, ngộ cùng tu không phải chơn làm thế nào kết chơn quả được. Cứ đây mà suy, thời thấy rằng từ trước, những phương pháp khai thị của đức Thế Tôn thi thiết đó đều thuộc về tùy cơ phương tiện, dầu cũng có lúc ám chỉ chơn thường cùng thác sự hiển thật tướng, song chưa lộ bày rõ rệt, đến phẩm Thọ Lượng này thời thật là đức Thế Tôn trải hết bốn tâm bày hết thần lực, chỉ rõ toàn thể pháp thân mà nói thọ lượng vô lượng.

Pháp thân chơn thường là chỗ mà tất cả chúng sanh khó hiểu khó vào, mặc dù Phật có hết cách trải bày, nên trước khi tuyên nói, đức Như Lai ba phen đĩnh ninh dặn bảo đại chúng nên gắng tin lời nói chắc thật của đức Như Lai, rồi lại chờ chúng hội ba phen cần cầu thưa thỉnh, lòng khát ngưỡng đã thiết, rồi sau đức Như Lai mới nói. Vì nếu trong lòng chưa quyết chắc lời Phật thời tình thức phân biệt dễ sanh, mà tình thức phân biệt là bức trường thành ngăn cách Pháp thân, là con đường đi ngược hướng của thật tướng. Và cũng vì Pháp thân của Như Lai thường trú, hiện diệt độ mà không thiết diệt độ khó hiểu khó vào, nên tiếp đó đức Như Lai nói dụ: “Thầy thuốc” vì chữa bệnh cho các con mà phương tiện nói chết, kỳ thật thời vẫn còn.

Ngộ được Pháp thân chơn thường này thời mới là chơn ngộ, chơn ngộ mà tu thời tu là chơn tu là chơn nhơn, dùng chơn nhơn mới kết thành chơn quả được.

Đến phẩm đây thời đức Như Lai hiển lý đã viên mãn, mà cũng là đã tỏ lộ hết cả bốn loài vậy.

Kinh nói: “Tất cả người, trời, a tu la trong đời đều nói đức Thích Ca Mâu Ni Phật, sanh trong cung vua dòng họ Thích,

ngồi nơi đạo tràng cách thành Già Da không bao xa mà chứng thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nhưng thiết thời từ Ta thành Phật đến nay, đã vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức na do tha kiếp... Ta tùy theo chúng sanh, nên dùng pháp gì để được độ, nơi nơi nói danh tự không đồng, niên kỷ lớn nhỏ, cũng lại hiện nói sẽ vào Niết bàn... Vì muốn cho chúng sanh sanh các căn lành nên dùng ngàn ấy như duyên thí dụ ngôn từ nhiều cách nói pháp, chỗ làm Phật sự chưa từng tạm bỏ. Ta thành Phật đến nay rất là lâu xa như thế, thọ mạng vô lượng vô số kiếp thường trú bất diệt... Nhưng nay chẳng phải thiết diệt độ mà bèn xưng rằng sẽ diệt độ, đức Như Lai dùng phương tiện đó để giáo hóa chúng sanh... Vì nếu đức Phật ở lâu trong đời, những chúng sanh hạ tiện thấy đức Như Lai thường còn không diệt bèn sanh lòng kiêu tứ biếng trễ... Nay nghe đức Phật nhập diệt, tất sẽ sanh ý tưởng khó gặp gỡ, ôm lòng luyến mộ khát ngưỡng nơi Phật bèn vun trồng căn lành, cho nên Đức Như Lai dầu thiết chẳng diệt độ mà nói diệt độ... Như thầy thuốc chước khéo vì đề trị cuồng tử, thiết còn mà nói chết... Ta thường tự nghĩ rằng: lấy vì cho chúng sanh đặng vào đạo Vô thượng mau thành tựu thân Phật”.

## 17. PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC PHÂM

Do nghe đức Phật nói thọ mạng dài xa, đã ngộ pháp thân thường trú, cùng trước thấy ba phen biến cảnh tịnh độ, đã rõ ba cõi duy tâm sở hiện, đây bèn là dùng chơn tín giải để làm chơn như, có thể khế hiệp chơn quả thường trú của Như Lai, dùng đây trì kinh mới đặng diệu lợi. Bởi pháp thân vẫn thường trú ở thế gian, cảnh tịnh độ không rời cõi trước nên đức Thế Tôn khuyên gắng trong chúng hội: nếu có người quán được như thế, phải biết đó là tướng thâm tín giải. Thâm tín giải là tin và hiểu pháp thân thường trú duy tâm chơn cảnh. Thân và

cảnh đây rất sâu rất diệu, tin hiểu được thời công đức vô lượng vô biên nên sau khi đức Phật nói thọ lượng rồi, tuyên nói đó đến vi trần số Bồ tát đắc pháp lợi, để chứng thành công đức diệu ngộ Pháp thân thường trú. Diệu ngộ đã cùng tột, thời mới thật là chơn trì kinh.

Do đây nên biết rằng: chơn trì kinh chính tại diệu ngộ, chẳng phải chỉ một mặt thế gian văn tự, cho nên đức Như Lai phân biệt công đức trì kinh bất khả tư nghì siêu việt tất cả hữu vi công đức vậy.

## 18. TÙY HỈ CÔNG ĐỨC PHẨM

Dầu rằng vừa rồi đức Thế Tôn phân biệt công đức của người trì kinh đã là thù thắng vô lượng, nhưng còn muốn cho rõ thêm công đức lợi ích bất khả tư nghì, nên trong phẩm này lấy công đức một niệm tùy hỉ của người lần lượt nghe pháp thứ năm mươi, còn gấp bội hơn phước đức của nhà đại thí chủ trải tám mươi năm đem thất bảo và đồ tư sanh, bố thí cho tất cả bốn loài chúng sanh trong bốn trăm muôn ức vô số thế giới, cùng giáo hóa cho cả thầy đều chứng tứ thánh quả. Huống là công đức của người ban đầu nghe pháp mà sanh tâm tùy hỉ, có thể nào nghĩ hay bàn đến đặng.

Đại khái trong phẩm đây cùng cùng tột hiển bày sự lợi ích rộng lớn thù thắng của kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* này, chú ý để làm cho tâm nguyện của hàng nhị thừa và sơ tâm Bồ tát được bền vững chắc chắn vậy.

## 19. PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC PHẨM

Trước đã rộng khen công đức trì kinh, nay trong phẩm này nói vị pháp sư trì kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* liền đặng sáu căn thanh tịnh, để chỉ rõ sự lợi ích thù thắng của *Pháp Hoa tam muội*, chính đương hiện tiền lên bực bất thối, để phát khởi lòng tinh tấn không nhằm mỗi cho đương hội và vị lai.



Về phẩm *Pháp Sư* trước trong phần khai Phật tri kiến, chỉ nói nhiệm vụ của năm cách trì kinh *Pháp Hoa*. Đến phẩm này mới chánh chỉ rõ công đức trì kinh của pháp sư được điều đức thù thắng tại hiện tiền. Bởi chúng tử Phật tánh cần phải nhờ duyên huân mới sanh trưởng phát hiện, Phật tánh sanh phát thời huệ mạng chẳng dứt. Huân trưởng nhờ nơi pháp sư nên công đức rất là thù thắng vô lượng.

Nhưng kinh nói: “Nếu có người thiện nam thiện nữ thọ trì kinh *Pháp Hoa* này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, người đó sẽ đặng tám trăm nghìn công đức, một nghìn hai trăm nghìn công đức, tám trăm tỉ công đức, một nghìn hai trăm triệu công đức, tám trăm thân công đức và một nghìn hai trăm ý công đức.

Mắt thường của người đó thanh tịnh thấy suốt cả vật sắc trong tam thiên đại thiên thế giới; lưỡi thường của người đó thanh tịnh nói thông vô lượng pháp; thân thường của người đó thanh tịnh ảnh hiện cả vạn vật trong đại thiên thế giới; tâm ý của người ấy thanh tịnh rõ biết vô lượng pháp, thông đạt vô lượng nghĩa, biết tất cả tâm niệm của mọi loài, kham lãnh thọ tất cả pháp của tất cả Đức Phật....”.

## 20. THƯỜNG BÁT KHINH BỒ TÁT PHẨM

Từ trước, trong nhiều phẩm nói công đức trì kinh rất thù thắng, đến đây Đức Phật chỉ rõ công hạnh trì kinh bền vững như thế nào, kết quả như thế nào, nên Đức Phật tự thuật tiền thân của Đức Phật để chứng thật.

Đức Phật tự nói thưở quá khứ lâu xa vô lượng kiếp về trước, trong thời tượng pháp của Phật Oai Âm Vương, Đức Phật là một vị Bồ tát tên Thường Bát Khinh, trì kinh *Pháp Hoa* này chỉ chuyên đem Phật huệ bình đẳng giáo hóa chúng sanh. Nhẫn đến nhiều phen bị hủy nhục, nào bị mắng nhiếc, nào bị đánh đập v.v... mà vẫn tuyệt nhiên không hề móng

một niệm chán nản, cũng không chút giận hờn cũng không biết mỗi nhọc.

Do đức nhẫn nại trì kinh kiên cố như thế mà hiện thân trong đời đó được sáu căn thanh tịnh, biện tài vô ngại, thần thông quảng đại, tuổi thọ thêm dài, vì mọi người mà nói kinh *Pháp Hoa*, những người trước kia khinh hủy Bồ tát, lúc thấy Bồ tát được đạo lực thần thông như thế đều trở lại kính tin. Nhờ công hạnh trì kinh *Pháp Hoa* thưở xưa như thế nên hiện ngày nay mới đặng thành Phật.

Công hạnh trì kinh *Pháp Hoa* kết thành diệu quả rộng lớn hiện thật của Đức Phật, đủ để khuyên tấn hàng nhị thừa cùng sơ tâm Bồ tát nếu tuân theo qui phạm đó mà trì kinh *Pháp Hoa* trong thời mạt thế sau này, thời dẫu có gặp muôn nghìn nghịch duyên chướng ngại, cũng có thể không nhàm không nản, mà tâm chí không bị thoái đạo.

Kinh nói: “...Bất Khinh Bồ Tát qua đến chỗ của tứ chúng cố chấp nơi pháp kia mà bảo đó rằng: “Ta chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài hành đạo đều sẽ đặng thành Phật”. Những người đó nghe Bồ tát nói thế, bèn khinh hủy mắng nhiếc. Bất Khinh Bồ tát hay nhẫn thọ. Khi tội Bồ tát hết rồi, đến lúc mạng chung đặng nghe kinh này, sáu căn thanh tịnh, do sức thần thông thêm dài thọ mạng, lại vì mọi người mà rộng nói kinh này... Vì diễn nói kinh này đặng vô lượng phước, lần lần đủ công đức mau thành Phật đạo. Bất Khinh Bồ tát thưở đó thời chính thân ta...”.

Ức ức muôn kiếp đến bất khả nghị lâu mới đặng nghe kinh *Pháp Hoa* này. Ức ức muôn kiếp đến bất khả nghị, các Phật Thế Tôn mới nói kinh này, đời đời gặp Phật, mau thành Phật đạo.

Từ phẩm *Đề Bà Đạt Đa* đến đây đều lo những việc về sự tỏ ngộ trì kinh, nay tuân theo công hạnh của đức Phật vậy sau mới là trì kinh được tinh thuần vậy.

## 21. NHƯ LAI THẦN LỰC PHẨM

Từ trước đức Thế Tôn rộng nói công đức trì kinh lại thuật công hạnh trì kinh của Phật, đây thời đương cơ pháp hội chỗ viên ngộ đã cùng tốt, bốn nguyện xuất thế của đức Thế Tôn đã thỏa mãn. Kế lại vô lượng chúng Bồ tát từ đất vọt lên phát thệ trì kinh. Chúng hội hiện tiền đã viên ngộ, quần sanh ở vị lai, cũng sẽ được bảo vệ vững vàng, cho nên đức Như Lai vui lòng bèn tận hiện thần lực mà ẩn chứng, và cũng chỉ pháp giới bình đẳng cho đương cơ, làm cho chúng hội, hiện tiền thấy Phật cảnh, đương hạ nhận Tịnh độ, để hiển bày sự lợi ích của diệu pháp đã trọn vẹn, Đức Thế Tôn sắp sẽ đem gia nghiệp của Pháp vương mà phó chúc vậy.

Chúng Bồ tát từ đất vọt lên phát thệ làm duyên khai phát đó, chính để chỉ rằng, tánh đức nơi tự tâm đầy đủ mới thật là toàn thể của Pháp Hoa.

Đức Như Lai liền hiện sức thần thông khắp thân tất cả chân lông đều phóng ánh sáng soi khắp mười phương thế giới, lưỡi rộng dài đến trời Phạm Thế, tiếng vang khắp mười phương, cõi đất sáu diệu vang động. Đó là toàn thân thổ lộ, triệt để khích dương vậy. Đương hội chư Phật, tất cả cũng đều phóng ánh sáng hiện tướng lưỡi rộng dài, tiếng vang khắp mười phương đó là hiểu rõ nghĩa “Phật Phật đạo đồng” vậy.

Thập phương chúng sanh đều ở tại cõi mình mà đồng thấy cõi Ta bà, thấy bảo tháp, thấy các đức Như Lai, thấy chúng hội v.v..., đó chỉ rằng: hễ tình mê cố chấp thời tri kiến chỉ hạn cuộc trong gang tấc, nay nhờ thần lực của Đức Phật tình chấp tạm thông nên chỗ thấy triệt thấu.

Thập phương xướng truyền đức Phật, cùng kinh *Pháp Hoa*, chúng sanh mười phương cũng đồng quy kính, đó là hiểu nghĩa: Phật, tâm và chúng sanh cùng tương ưng, tất cả mọi loài đồng đủ tự tánh Phật tri kiến vậy.

Mười phương thế giới thông đạt không ngại như một cõi Phật, chính là soi rỗng pháp thân chơn cảnh để tiêu tâm hẹp hòi hữu hạn của sơ tâm cùng nhị thừa vậy.

Thần lực của đức Phật quảng đại tự tại như thế, mà đức Như Lai còn nói rằng: “Dầu ta có dùng thần lực trải qua vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức vô số kiếp cũng không hề nói hết công đức của kinh Pháp Hoa này, đó chính bởi vì kinh này gồm nhiếp tất cả pháp của Như Lai, tất cả thần lực của Như Lai, tất cả tạng bí yếu của Như Lai cùng tất cả sự vụ của Như Lai”.

Cũng vì thế nên ý nghĩa của kinh này rất rộng sâu vi diệu, vì rộng sâu vi diệu nên khó tin hiểu, vì khó tin khó hiểu nên từ lâu đức Như Lai vẫn không tuyên nói, đến nay thời cơ đã phải lúc nên đức Như Lai mới hiển bày.

Vì ý nghĩa của kinh rộng sâu vô hạn, nên người tin hiểu tỏ ngộ phụng trì diệu pháp này thời công đức cũng rộng sâu vô hạn chẳng thể nghĩ bàn được.

Kinh nói: “Chư Phật trụ nơi đại thần thông, vì để vui đẹp lòng chúng mà hiện vô lượng thần lực; tướng lưỡi đến Phạm thiên, thân phóng vô số quang minh... Tiếng tăng hắng cùng tiếng khảy móng tay của Phật vang khắp cả mười phương, cõi đất sáu diệu vang động. Bởi sau khi đức Phật diệt độ, các Bồ tát trì được kinh này, nên các đức Phật đều vui mừng hiện vô lượng thần lực...”

Sau khi đức Như Lai diệt độ, phàm chỗ nào có người thọ trì đọc tụng, giải nói, biên chép kinh này, đều nên dựng tháp cúng dường. Phải biết chỗ đó chính là đạo tràng, các đức Phật ở nơi đây chuyển pháp luân, các đức Phật ở nơi đây nhập Niết bàn”.

## 22. CHÚC LUY PHẨM

Đức Phật từ trước đã nhiều phen khai thị hiển lý đã viên mãn, chúng hội ngộ tự bản tâm đã thấu đáo, lòng tin giải đã

chơn, như thế thời chơn hơn thành Phật đã đầy đủ. Vô lượng đại Bồ tát thế quyết dốc lòng trì kinh ở vị lai, đức Như Lai đã hiện đại thần thông ẩn chứng để cho tâm chí kia vững chắc. Đến đây, đức Như Lai đem kinh này hai ba phen đình ninh thận trọng phó thác dặn dò các đại Bồ tát gắng gổ hộ trì ở tương lai để cho Phật chủng khỏi tổn dứt. Nếu có thể hộ pháp lợi sanh thời là báo ơn các đức Phật.

Kinh nói: “Bấy giờ đức Phật từ pháp tòa đứng dậy hiện đại thần lực, lấy tay hữu xoa đánh của vô lượng đại Bồ tát mà bảo rằng: Ta trải qua vô lượng trăm nghìn muôn ức vô số kiếp, tu tập pháp vô thượng khó đặng này nay đem phó chúc cho các ông, các ông phải dốc lòng thọ trì, đọc tụng, tuyên nói rộng truyền pháp này làm cho tất cả chúng sanh đều đặng nghe biết...”

Các ông nếu đặng như vậy thời là đã báo ơn các đức Phật...”

Từ phẩm Chúc lụy này về trước gồm có 11 phẩm thuộc về phần “ngộ Phật tri kiến”. Sau khi nhờ đức Như Lai chỉ thị Pháp thân chơn cảnh trong phần “thị Phật tri kiến” mà đặng tỏ ngộ, lần đến phẩm Dũng Xuất, “Thọ Lượng” chỗ tỏ ngộ mới chơn, đến phẩm “Thần Lực” chỗ tỏ ngộ được viên cực, mà phẩm “Chúc Lụy” là ngộ trì hoàn mãn vậy. Ngộ Phật tri kiến tức là ngộ tự pháp thân, tự pháp thân chính là thể tánh bình đẳng, chúng sanh và Phật vẫn đồng, mình người không khác.

Mình người đã đồng không khác, thời người tức là mình, do đây mà có sự trì kinh ở vị lai. Trì từ nơi ngộ mà khởi, nên toàn trong phần “ngộ Phật tri kiến” này phần nhiều nói về việc trì kinh. Tự ngộ chính là tự trì, ngộ tha tức là tha trì. Trì từ ngộ khởi thời trì mới tinh, ngộ có trì ngộ mới diệu. Như thế thời tự độ độ tha, độ tha chính là tự độ, đó là chơn thật Bồ tát hạnh vậy.

Gồm cả ba phần: Khai, thị, ngộ, 22 phẩm thuộc về phần “tín, giải” trong “tín, giải, hạnh, chứng” đều là hiển lý nên thuộc về “nhơn” trong “nhơn quả”.

\*

## E. PHẦN NHẬP PHẬT TRI KIẾN

### 23. DƯỢC VƯƠNG BỔN SỰ PHẨM

Từ trước hiền lý đã viên, nay sẽ hiện hạnh để chỉ rõ “chứng nhập Phật tri kiến” vậy.

Trong phẩm đây nói bổn sự của ngài Dược Vương để hiển hạnh, chính là chủ ý rằng dầu đã ngộ viên lý, nhưng vào tục lợi (sinh), ắt cần nhờ (thuốc hay) chỉ quán, phương (pháp) điều trị để trị sạch vô minh phiền não phá ngã chấp và pháp chấp, thành diệu hạnh, mới có thể thật chứng nhập vậy.

Tú Vương Hoa trước đem việc khổ hạnh của ngài Dược Vương hỏi đức Phật, để chỉ rõ rằng: chánh hạnh của Bồ tát phải trừ phiền não vô minh, mà muốn trừ phiền não vô minh phải dứt ngã chấp và pháp chấp, muốn trừ hai món chấp ấy phải nhờ định huệ, muốn có định huệ phải gắng công nơi chỉ quán. Chỉ quán viên thành, định huệ viên phát không gì thù thắng bằng nương kinh *Pháp Hoa*.

Ngài Hỷ Kiến Bồ tát, tiền thân của Dược Vương như nghe kinh *Pháp Hoa*, cần khổ tinh hành mà đặng Hiện nhất thiết sắc thân tam muội, phá ngã và pháp hai món chấp, do đâu mà biết hai chấp phá, vì dùng thần lực cúng dường đức Phật vậy. Do phá pháp chấp nên đối với pháp được tự tại mà có thể hiện ra các thứ đồ cúng dường thù thắng. Ngã tùy pháp sanh, pháp chấp phá thời ngã chấp cũng tùy phá. Thiêu thân cúng Phật là biểu tượng phá pháp chấp. Hai môn chấp đặng phá đó là nhờ diệu lực của kinh *Pháp Hoa*, để chỉ rõ sự lợi ích của kinh rất thù thắng. Phạm người nào chuyên tinh tu hành theo, không một ai chẳng đặng thắng quả vậy.

Ngã và pháp đều có phân biệt chấp cùng câu sanh chấp. Ban đầu phá hai món phân biệt chấp thời lên Sơ địa, rốt sau phá hai món câu sanh chấp cứu cánh thời lên Phật địa.

Phá xong hai món chấp phân biệt bèn là diệu hạnh bước lên thánh địa Bồ tát, đến phẩm Dược Vương này mới rõ ràng nghĩa đó. Thập địa Bồ tát là bực phân phá hai món chấp câu sanh, phân thân chứng Pháp thân, vì thế nên phán định từ phẩm này về sau thuộc về “nhập Phật tri kiến” vậy.

Trong *Lăng Già* kinh nói: Bồ tát dùng sức chỉ quán tấn phá hai món chướng, thiết chứng chơn lý. Bắt đầu từ Sơ địa đến đệ Thất địa liền bỏ tàng thức vào đệ Bát địa nhẫn đi chứng đặng ba môn ý sanh thân:

1. Tam muội nhạo ý sanh thân.
2. Giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân.
3. Chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân.

Trong phẩm này nói rõ ngài Hi Kiến Bồ tát mới bắt đầu đặng Hiện nhứt thiết sắc thân tam muội, thời chính là đệ Bát địa Bồ tát đặng món Tam muội nhạo ý sanh thân. Bởi môn ý sanh thân này là lúc nhập định thời có, lúc xuất định thời không nên gọi là Tam muội nhạo.

Hai phẩm kế là *Diệu Âm* cùng *Quan Âm* theo thứ tự phối thuộc hai món ý sanh thân thứ hai và thứ ba.

Được ba món ý sanh thân này thời là chứng nghiệm thật chứng vậy.

## 24. DIỆU ÂM BỒ TÁT PHẨM

Trong phẩm này, đại ý chỉ rõ do diệu lực của Pháp Hoa tam muội mà thiết lên đệ Bát địa, đệ Bát địa đã chứng Bình đẳng chơn như, tấn lên đệ Cửu địa phát Chơn như dụng, sắc tâm tự tại đặng Như huyễn tam muội, trụ Pháp sư vị, nhẫn đến Đẳng giác, phân thân thuyết pháp khắp mười phương để độ sanh, nên gọi Diệu Âm.

Từ nhục kế cùng bạch hào của đức Như Lai đồng phóng quang minh, nhục kế là đánh tướng biểu quả giác, bạch hào



biểu trưng đạo nhơn tâm, hai tướng đồng ánh sáng để biểu lộ nhơn cùng quả khế hội.

Cõi nước tên Tịnh Quang là biểu thức tạng thanh tịnh, còn Phật hiệu Tịnh Hoa Tú Vương Trí là biểu trí hải thanh tịnh khế hội thanh tịnh khế hội quả giác.

Diệu Âm Bồ tát diệu khế Phật tâm cho nên nhơn cúng dường Phật mà đặng vô lượng môn tam muội.

Đem quả hội nhơn, nên quang minh của đức Thích Ca Mâu Ni Phật suốt chiếu thân Bồ tát. Từ thể khởi dụng nên nguyện qua Ta bà, đem nhơn hội quả nên Bồ tát muốn qua ra mắt Phật.

Thật hành Phật sự, chính là dùng vô tác diệu lực nên chẳng rời những hoa sen báu hiện ra trước núi Kỳ Xà Quật.

Diệu Âm cùng tám muôn bốn nghìn Bồ tát đồng qua Ta bà, đó chính là Bồ tát trụ trong địa vị này, trí thanh tịnh đã diệu viên, chuyển tám muôn bốn nghìn trần lao làm thành tám muôn bốn nghìn diệu hạnh.

Đem nhơn hiệp quả nên đánh lễ hỏi han đức Thế Tôn, diệu khế pháp thân nên cùng Phật Đa Bảo ra mắt nhau.

Toàn kinh *Pháp Hoa* này dùng chánh trí để lập thể, nên trong *Tự phẩm*, tổng tướng pháp giới vừa hiện, thời Ngài Văn Thù phát biểu, đó là lấy quả giác làm bốn nhơn tâm; nay đã chứng chơn thì giác nhơn hiệp nơi bốn giác quả, cho nên Diệu Âm cũng ra mắt Văn Thù. Diệu nhơn diệu quả khế hiệp liền có thể hiện thân trong mười phương để nói pháp. Tùy loại hiện thân ấy chính là môn Giác Pháp tự tánh tánh ý sanh thân vậy.

Tùy loại hiện thân trong đây cùng với ứng thân của đức Quán Thế Âm khác hẳn nhau, vì đây còn là tác ý xuất nhập tam muội cho nên có qua có lại, còn về Quán Âm thời là phổ môn thị hiện không khứ lai, không xuất nhập vậy.

## 25. QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM

Do Pháp Hoa tam muội mà thí giác như viên, diệu khế bốn giác quả hải, hiện thập giới thân, không tư niệm, không tác ý mà không chỗ nào không ứng, đây là Thánh chủng loại thân đồng thời đều hiện, là biểu tượng của Chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân vậy.

Bởi diệt căn bốn vô minh, đại viên cảnh trí bình đẳng hiển hiện cho nên nói rằng: Phổ môn thị hiện.

Do ngài Quán Âm Đại sĩ khi ban sơ dùng như huyền văn huân, văn tu kim cang tam muội, nên sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền, bỗng nhiên siêu việt thế xuất thế gian, liền đứng trên cùng mười phương chư Phật đồng một sức từ dưới cùng lục đạo chúng sanh đồng một bi ngưỡng. Dùng một thân khắp ứng tất cả, hiện ba mươi hai tướng, mười bốn vô úy, mười chín loại thuyết pháp, tám món nạn, hai điều cầu thấy đều cảm ứng. Đây là diệu hạnh viên mãn. Sự thành công của Pháp Hoa tam muội diệu cực nơi đây, dùng ba món ý sanh thân chứng hạnh thành đức vậy.

Dẫu rằng đến đây, diệu hạnh đã viên, mà còn lo chướng tập của người tu hành đời vị lai khó điều khó phục, nên kế tiếp sau đây nói ba môn gia trì bền chắc chắn khắc thành diệu quả, cho nên đến ba phẩm kế thời chung kết pháp hội vậy.

## 26. ĐÀ LA NI PHẨM

Dầu trước đã hiển diệu hạnh, y diệu hạnh, sẽ thành diệu quả, ngặt vì tạng thức kín sâu, nhiễm huân đã nhiều kiếp, tập khí tiềm phục nhiều đời, nếu không nhờ sức gia trì để gia hộ chỉ quán, chống vững định huệ, thời khó trừ tận tuyệt, vì thế nên phẩm này cùng hai phẩm kế để hiển biểu tượng của ba môn gia trì.

Ba môn gia trì là:

1. Thân lực gia trì
2. Pháp lực gia trì
3. Hiện thân diện ngôn thuyết gia trì

Thân lực gia trì chính là phẩm này:

Bởi vì thức tạng là hang vực của hai loại sanh tử rất sâu rất kín. Tập khí tiềm phục trong đó, sức chỉ cùng quán khó có thể vào đến, vào còn không đến được thời thể nào dứt trừ được, dứt trừ không được thời bị nó làm tổn. Do đó nên cần phải nhờ sức tổng trì thân chú để công phạt tập khí, vì tổng trì là tâm ấn bí mật của chư Phật vậy.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nếu người tu hành tập khí chưa trừ, nên phải chuyên lòng tụng thân chú của ta”.

Kinh Lăng Già nói: “Nếu không dùng thân lực kiến lập đó thời đọa vào vọng tưởng ác tri kiến ngoại đạo...”

Cho nên từ đệ Thất địa trở lại mà không gia trì thời lạc ngoại đạo; đệ Bát địa không gia trì thời trụ nhị thừa; đệ Cửu địa đến Đẳng giác không gia trì thời không thể nhập Diệu giác. Cho nên cần phải gia trì vậy.

## 27. DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỒN SỰ PHẨM

Phẩm này đại ý hiển bày biểu tượng chuyển thức thành trí để chỉ rõ môn pháp lực gia trì vậy.

Diệu Trang Nghiêm Vương là biểu tượng Như Lai Tạng tại triều, mà toàn thể thành đệ bát thức tâm vương.

Tịnh Tạng cùng Tịnh Nhãn là biểu tượng đệ lục và đệ thất hai thức có công lực chuyển nhiễm làm cho tịnh.

Tịnh Đức phu nhơn nhu thuận nội trợ, làm biểu tượng chỉ quán nội huân, trí sạch vô minh nên gọi Tịnh Đức.

Hai người con xin xuất gia trước, đó là đệ lục cùng đệ thất hai thức trong khi tu nhơn đã trước chuyển thành trí.

Hai người con chuyển tâm tà của Phụ vương, làm cho Phụ vương rời cũng đồng xuất gia, chính là hiện biểu tượng bốn giác xuất trần vậy.

Sức chỉ cùng quán trong đây, là Pháp thân Bồ tát đặng vô phân biệt tâm, tương ưng với trí dụng của chư Phật, nương pháp lực tự nhiên tu hành, chơn như nội huân diệt vô minh cho nên gọi là pháp lực gia trì vậy.

## 28. PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT PHẨM

Trong phẩm này đại khái chỉ rõ “hạnh” thành “đức”, chính là môn Hiện thân diện ngôn thuyết gia trì vậy.

Kinh Pháp Hoa này dùng chánh trí lập thể, cho nên đầu tiên ngài Văn Thù phát thí, để chỉ nghĩa khai thị Phật tri kiến. Mà kinh này lại dùng “hạnh” thành “đức” cho nên ngài Phổ Hiền thành chung, để rõ nghĩa nhập Phật tri kiến.

Phổ Hiền có hai:

1. Đạo tiền Phổ Hiền, thuộc nhơn hạnh,
2. Đạo hậu Phổ Hiền, thuộc quả đức.

Hạnh khắp pháp giới là Phổ, ngôi kẻ Đại Thánh là Hiền, đây là ngôi hạnh của bậc Đẳng giác Bồ tát thuộc nhơn.

Xứng chơn pháp giới là Phổ, cứu vớt muôn loài là Hiền, đây là Diệu giác thuộc 'quả'.

Bởi Phổ Hiền đây là toàn thể pháp giới, là nguyện thân trong mười thân của đức Tỳ Lô Giá Na. Cho nên Bồ tát nương toàn thể pháp giới tu hành rồi chứng pháp thân chơn thể, cho nên có câu “Không có gì chẳng từ pháp giới lưu ra, không có gì chẳng trở về pháp giới”.

Bồ tát nhơn hạnh đã viên, đến bậc Đẳng giác mà còn phải gia trì, đó là vì sao, bởi đến bậc này tất phải nhờ quả giác tiếp hộ mới đặng nhập Diệu giác.

Cho nên Phổ Hiền Bồ tát là chung kết chứng nhập vậy.

Người tu hành nếu được nguyện lực của ngài Phổ Hiền thủ hộ ắt thọ trì đặng kinh này. Vì thế nên ngài hỏi đức Thế Tôn như thế nào mà có thể đặng kinh này. Đức Thế Tôn nói thành tựu bốn pháp thời đặng kinh *Pháp Hoa* này.

Bốn pháp là:

1. Các đức Phật hộ niệm.
2. Vun trồng cội công đức.
3. Vào vị chánh định.
4. Phát tâm cứu độ tất cả chúng sanh.

Bốn pháp này cùng ba món “Tín thành tựu” trong luận *Khởi Tín* rất đồng. Luận nói:

1. Trục tâm, vì chánh niệm chơn như pháp vậy. Trong kinh đây nói: “Chư Phật hộ niệm”.

2. Thâm tâm, vì ưa chứa nhóm tất cả cả công đức lành vậy. Trong kinh đây nói: “Vun trồng cội công đức”.

3. Đại từ bi tâm, vì muốn cứu khổ cho tất cả chúng sanh vậy. Trong kinh đây nói: “Phát tâm cứu độ tất cả chúng sanh”.

Trong luận lại nói: “Tín tâm thành tựu đặng phát tâm như thế, đó thời vào chánh định tụ vậy”.

Trong phẩm Khuyến Phát này là hiển nghĩa chứng nhập, mà lại nói tín thành tựu đó, là vì ban sơ do ngài Văn Thù phát tín, nương tín sanh giải, nương giải phát hạnh, hạnh khởi giải tuyệt thành chứng nhập, chính là viên mãn thành tựu tín tâm vậy. Nên có câu “Phát tâm cùng cứu cánh, hai mà không khác, hai tâm như thế tâm trước khó”. Do những nghĩa trên đây, nên cần phải nhờ Phổ Hiền khuyến phát đặng bốn pháp thời tất đặng kinh này.

Trong Khởi Tín luận y nơi tối sơ phát tâm mà nói ba tâm. Còn kinh này ước nghĩa thành tựu mà nói bốn pháp, cho nên luận là ở ban đầu mà kinh là ở rốt sau vậy.

Phàm có người đúng pháp thọ trì kinh này, ngài Phổ Hiền Bồ tát liền tự hiện thân, đó là Hiện thân diện ngôn thuyết gia trì, có gia trì thời chắc chắn chứng quả, cho nên phần này cũng thuộc về phần 'nhập Phật tri kiến'.

Một đại sự nhân duyên của đức Phật hiện ra nơi đời là muốn làm cho chúng sanh: khai phát, chỉ thị, ngộ tri, chứng nhập Phật tri kiến. Trong 6 phẩm trên đây, 3 phẩm trước như nơi hạnh khắc quả, thành tựu ba môn ý sanh thân, ba phẩm sau dùng ba môn gia trì thủ hộ thời quả địa chắc chắn chứng thành, như thế thời phần “nhập Phật tri kiến” đã hoàn mãn, đại sự ra đời của đức Phật cũng cáo thành, nên vào lưu thông để chung kết Diệu Pháp Liên Hoa đại hội.

\*